L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG
VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÀN VỀ CÔNG-NGHỆ THƯƠNG-NGHIỆP TRONG THẾ-KỶ THỨ MƯỜI-CHÍN

Cái đặc-sắc rõ nhất của lịch-sử về thế-kỷ thứ 19 là sự biến-cách và sự phát-đạt to lớn trong công-nghệ cùng thương-nghiệp, làm cho cuộc sinh-hoạt của người ta về đường vật-chất đổi khác hẳn xưa. Sự biến-cách ấy bắt đầu vào khoảng năm 1815, đến năm 1840 trở đi thì cứ mỗi ngày một mau hơn lên, là duyên-do tự các khoa-học phát-đạt [illegible] khoa vật-lý [illegible] học [illegible] ứng-dụng ra thực-nghiệp. [illegible] cách ấy không phải là riêng [illegible] một xứ nào, thực là công-nghiệp chung của vạn-quốc, của cả các nhà bác-học, nhà chế-tạo trong khắp thế-giới vậy. Hai cái nguyên-tố (1) của sự biến-cách ấy là *hơi nước* và *điện khí*. Nhờ hơi nước chuyển-vận các máy-móc mà cách chế-tạo trong công-xưởng thay đổi cả; nhờ hơi nước làm ra xe-lửa tàu-bể mà cách giao-dịch vận-tải cũng biến-cải khác xưa. Đến như điện-khí [illegible] làm ra điện-báo giây-nói khiến cho những tin-tức cùng mệnh-lệnh của các nhà buôn truyền đi được rất mau, làm cho mất cả đường xa cách-trở, và họp cả các nơi buôn-bán trong thế-giới làm một chốn thị-trường to.

Cách-thức cũ của công-nghệ

Sự biến-cách trong công-nghệ thương-nghiệp về thế-kỷ thứ mười chín vừa sâu và vừa mau đến nỗi đem thế-kỷ ấy sánh với thế-kỷ trước là đời vua Lộ-dịch thập-bát (Louis XVIII) cách xa nhau nhiều hơn là đem sánh đời vua Lộ-dịch thập-bát với những đời vua Lam-sách (Ramsès) nước Ai-cập, tự mười-bốn mười-lăm thế-kỷ trước Gia-tô giáng-sinh. Muốn cho rõ sự biến-cách ấy lớn-lao là dường nào, thì phải biết cách-thức của công-nghệ thương-nghiệp về thế-kỷ thứ mười-tám và cho đến hết ba-mươi năm đầu thế-kỷ thứ mười-chín thế nào.

Cho đến nửa sau thế-kỷ thứ mười-tám, trong công-nghệ tịnh không có dùng gì làm « động-lực » (*force motrice*) cả. Những sức mạnh thiên-nhiên, như gió, như thác nước, chỉ biết lợi-dụng vào cối-xay mà thôi. Còn việc gì cũng làm bằng tay người cả: như lông chiên, gai, bông, thời kéo bằng cái cuốn sợi (*fuseau*) quay trên tay, hoặc bằng cái bàn quay (*rouet*) đạp bằng chân. Thợ làm nghề chỉ có đồ dụng-cụ, không có máy-móc gì. Duy có một thứ máy thường dùng, là cái máy dệt, thì kiểu-cách cũng chẳng khác gì cái máy dệt của người nước Ai-cập tự đời thượng-cổ. Ngoài thứ máy đó, vào khoảng năm 1764-1770, ở nước Anh mới bắt đầu chế ra một thứ máy mới để quay sợi bông; đó là sự chế-tạo

(1) *Nguyên-tố* 元素 = phần gốc, phần cốt-yếu bởi đó mà làm thành ra các sự khác. — ELÉMENTS PRIMORD[illegible]

thứ nhất, nhờ đấy mà công-nghệ sắp đến hồi hoán-cải. Các sở chế-tạo lớn không có máy: ở nước Pháp, tự đời ông Thượng-thư Colbert (1), có được mấy sở làm nỉ lớn, một sở làm đồ sứ ở Sèvres, hai sở Gobelins và Beauvais làm nệm thảm. Còn những nghề khác thời làm trong các xưởng, mỗi xưởng được ít nhiều thợ, chính người chủ cũng ra tay làm. Trong nước tuy cũng có một đôi nơi trung-tâm chuyên riêng về một nghề gì đã có tiếng, như ở nước Pháp có thành Lyon chuyên về nghề tơ-lụa, nhưng thời bấy giờ chưa có cái lối « tập-hợp công-nghệ » (*concentration d'industrie*) như ngày nay; đại-đề thời mỗi xứ, mỗi tỉnh-thành, chế lấy những đồ-hàng cần-dùng cho người dân. Cách chế đồ hàng vừa chậm, vừa ít, cần đến bao nhiêu thời chế bấy nhiêu mà thôi, và những đồ làm ra bán mắc lắm.

Cách-thức cũ của thương-nghiệp

Như cách-thức thế thời thương-nghiệp cũng không có thể hoạt-động cho lắm được. Thời bấy giờ chỉ có buôn-bán riêng từng địa-phương, không có buôn-bán chung trong cả nước. Vì hàng giao-dịch đã ít, cách vận-tải cũng ít và chậm, sự giao-thông rất khó-khăn. Việc kiều-lương đạo-lộ còn mở-mang được ít lắm. Nước Pháp là nước đường-xá mở-mang nhiều hơn nhất, mà vào khoảng năm 1815 mới có 46.000 cây-lô-mét đường-cái, sánh với số đường bây giờ là già nửa phần, nhưng tính cả các đường-lộ giao-thông lớn trong nước thì chia tư chưa được một phần. Lại những đường đời bấy giờ vận-tải mau không được: phần nhiều là đường có lát gạch cả, như ở miền chung-quanh thành Paris bây giờ, và những đường cũ nhất thì chạy thẳng qua trong nước, thường chỗ cao chỗ giốc, đi khó nhọc lắm. Qua sông lớn thường không có cầu, phải đi bằng đò ngang, nên lại thêm chậm-trễ nữa. Ở nước Pháp trong khoảng năm 1815-1848, [illegible] sửa-sang các đường giao-thông cho tiện-lợi hơn phải xây thêm hoặc sửa lại [illegible] năm trăm cái cầu. Đồ hàng thời có những người chưng xe (*entrepreneurs de roulage*) chở bằng xe hai bánh, buộc mấy con ngựa kéo dài, đi mỗi ngày được 35,40 cây-lô-mét: một kiện đồ tơ-lụa chở tự Lyon lên Paris phải mười-hai mười-ba ngày, một thùng rượu từ Marseille lên Paris phải một tháng.

Hành-khách thời đi mau hơn được một ít. Ở nước Pháp tự năm 1765, có thứ xe gọi là « tốc-hành-xa » (*diligences*) của hai công-ti lĩnh-chưng để chở khách. Xe to và nặng, [illegible] bốn năm con ngựa, chở đ[illegible] người khách. Tự 1815 thì [illegible] cây-lô-mét lại đặt một nhà [illegible] (*maison de poste*) để xe thay ngựa. Nhưng có nơi thay ngựa như thế, xe chạy mỗi ngày cũng được 80, 90 cây-lô-mét, không bằng những xe-lửa mau chạy trong một giờ ngày nay. Chiều đến thời nghỉ ở hàng cơm hay nhà trọ. Đi như thế tự Paris xuống Lyon phải năm ngày và phí mất 100 quan, theo tiền bấy giờ bằng 250 quan bây giờ. Mà lại không phải lúc nào đi cũng được đâu: như năm 1830, ở đường Pari[illegible] là đường có xe tốt hơn cả, mỗi tuần-lễ chỉ có năm chuyến đi, và lại phải giữ chỗ mấy ngày trước, có khi đến mấy tuần lễ trước.

Thơ-từ thời mang bằng « bưu-xa » (*malle-poste*), là một thứ xe nhẹ, đi cả ngày cả đêm, buộc năm sáu ngựa, có thể chạy mỗi giờ được 14 cây-lô-mét,

(1) Colbert = Quan đại-thần về đời vua Louis XIV, có công mở-mang [illegible] nghiệp ở nước Pháp (1619-1683).

là sức chạy mau nhất không thể hơn được nữa : chạy như thế thời trong hai ngày đem được thơ tự Paris tới Lyon. Người nhận thơ phải trả tiền bưu-phí, tùy giấy nặng hay nhẹ và đường xa hay [illegible] nhưng đại-đề thời giá đắt hơn ngày nay ít ra cũng tới gấp mười lần.

Sau nữa, tự năm 1793, ở nước Pháp có một thứ giây-thép gọi là « giây-thép gió » (*télégraphe aérien*) của hai anh em họ CHAPPE chế ra, dùng một thứ hiệu riêng yết lên trên đầu một cái cột cao, rồi cứ truyền sở nọ sang sở kia (mỗi sở cách nhau ước 10 cây-lô-mét), tự Paris truyền ra, trong mấy phút có thể tới được các tỉnh-thành lớn. Nhưng mà lối giây-thép ấy chỉ có Chánh-phủ được dùng mà thôi, và những khi trời mưa hay là có sương-mù thời lại không dùng được.

Ấy sự giao-thông trong một nước đã khó-khăn [illegible] thế, đến sự giao-thông nước nọ với [illegible] kia lại khó-khăn hơn [illegible] Âu-châu giao-thông với các nước ngoại-dương không có đường tàu chạy đều, như vào khoảng năm 1820 tự Anh sang Mĩ chỉ có tàu buồm, hạng chạy thật mau khứ-hồi phải sáu-mươi-ba ngày.

Hơi nước

Tự khi chế ra máy hơi nước thời cách-thức trong công-nghệ thương-nghiệp biến-cải hẳn. Kể từ cuối thế-kỷ mười [illegible] người Pháp tên là PAPIN đã phát-minh ra cách lợi-dụng hơi nước làm động-lực, và năm 1707 đã có chế ra một thứ tàu chạy bằng hơi nước, cách chế còn thô-lược lắm. Đến người Anh tên là WATT (1769-1779) thì mới thật là làm thành cái máy dùng cho công-nghệ được. Máy ấy liền đem ứng-dụng vào máy quay sợi cũng vừa mới chế ra hồi bấy giờ, rồi lại đem ứng-dụng vào máy dệt. Cùng một năm ấy có người Pháp [illegible] là CAGNOT cũng thử đem dùng vào xe chạy, và chế ra một thứ xe chạy bằng hơi nước dùng ở Versailles để chở những súng lớn : đó tức là cái xe hơi thứ nhất, nhưng đi mỗi giờ chỉ được bốn cây-lô-mét, không bằng một người đi chân thường. Ít lâu lại có một người Pháp nữa, tên là JOUFFROY hầu-tước, chế một cái tàu vận-động bằng máy hơi nước, trước thả trên sông Doubs, sau thả trên sông Seine, đều chạy được cả (1776-1783).

Hỏa-xa

Tự cuối thế-kỷ thứ mười-bảy, ở các mỏ than bên nước Anh, cho được tiện việc chở than, người ta thường xẻ những đường rãnh bằng gỗ dát sắt ở ngoài, — tức là khởi-thủy lối đặt đường xe điện (*tramway*) bây giờ, — hoặc đặt những gióng sắt lồi lên trên mặt đất, gọi là đường sắt (*rails*), để đặt xe than vào đấy mà đẩy đi. Năm 1802, trong một sở mỏ ở đất Galles (bên Anh), người ta chế một thứ xe chạy bằng máy hơi nước như kiểu xe của ông CAGNOT nói trên kia, để cho chạy trên đường sắt ; thế là xe-lửa bắt đầu phát-minh từ đấy. Lúc mới đầu thì chỉ dùng để chở đồ hàng mà thôi, vì cái máy chạy ấy (*machine locomotive*) vừa không chạy được mau, vừa không chạy được lâu, bởi không đủ sức hơi nước. Nồi nước thời là một cái thùng bằng sắt, đằng đầu có một cái lò đun, đun vừa lâu và vừa không được nóng mấy. Năm 1829, ở tỉnh Saint-Ftienne (bên Pháp) hồi bấy giờ đã có một đường xe lửa nối với tỉnh Lyon, là đường thứ nhất ở nước Pháp làm tự mấy năm trước, có một nhà kỹ-sư tên là SÉGUIN nghĩ chế ra những ống đặt qua trong lòng nồi nước, để cho lửa trong lò truyền thông đi khắp được. Trong cái nồi có ống (*chaudière tubulaire*) như thế thì cái mặt nóng được nhiều, nên sức nóng và hơi nước mau thành và dễ trở lên mạnh lắm. Đồng-thời ở

nước Anh cũng có ông STEPHENSON nghĩ ra một cách làm cho cái lò lửa hấp khí được mau và đốt được mạnh hơn. Cái máy chạy đã sửa-sang chỉnh-đốn như thế, đến năm 1830 xe lửa mới bắt đầu chở khách, ở đường tự Liverpool đến Manchester (bên Anh); chạy được 24 cây-lô-mét một giờ.

Cách vận-tải mới ấy, không được thiên-hạ hoan-nghênh lắm. Nhất là ở nước Pháp, người ta cho cách ấy là không tiện, sau này không có cơ phát-đạt được; ông Thượng-thư THIERS thường nói đùa rằng: « Xe lửa chẳng qua là một thứ đồ chơi cho dân Paris mà thôi. » Tuy vậy, tự năm 1840, các tỉnh-thành lớn ở nước Pháp đều có xe-lửa nối về Paris cả, và khắp các nước văn-minh nước nào cũng đặt đường sắt hết. Nghề chế kim-loại mỗi ngày một phát-đạt, cách dùng máy-móc mỗi ngày một cải-lương, mỗi ngày một thêm sức-mạnh, lại những tay kỹ-sư mỗi ngày một thạo-giỏi, khiến cho những công-trình khó-khăn đến thế nào cũng làm nổi. Sông rộng, lũng sâu, eo bể dài đến thế nào cũng đặt cầu được, lắm cái cầu rất vĩ-đại, như cầu trên eo-bể Forth ở nước Anh, hai cái « cầu cạn » [1] (*viaducs*) ở Garabit và Viaur ở nước Pháp. Núi cao đến thế nào cũng đục đường-ngầm (*tunnels*) xuyên qua được, lắm cái dài lắm, như đường ngầm núi Cenis. dài 13 cây-lô-mét, đào năm 1870, là cái đường thứ nhất xuyên qua dãy núi Alpes, đường ngầm Simplon đào năm 1905 dài 20 cây-lô-mét. Đồng-thời những máy chạy cũng sửa-sang lại cho thật mạnh thật mau. Ngày nay những hạng « tốc-hành hỏa-xa » (*rapides*) — có cái chạy tới 102 cây-lô-mét một giờ — trong năm phút đồng-hồ chạy được nhiều đường đất hơn là những xe ngựa « tốc-hành-xa » chạy trong một giờ sáu mươi năm về trước. Ngày nay đi tự Paris xuống Lyon có bảy giờ, phí không đầy 40 quan. Mỗi một ngày hai tỉnh ấy chạy tới hai-mươi-hai chuyến, mỗi chuyến chở được tự hai trăm đến năm trăm người, chớ không phải là hai-mươi người một như xe ngựa đời xưa. Lại ở những ga lớn, mỗi một chuyến xe lửa tới, đỡ hàng dỡ xuống có đầy được đến ba bốn trăm chiếc xe chở hàng.

Những đường xe lửa lớn chạy qua các đại-lục

Hiện nay ở trên mặt địa-cầu có tới hơn một triệu cây-lô-mét đường sắt, chạy ngang chạy dọc khắp mọi nơi, và trừ ở Phi-châu, còn các đại-lục (*continents*) đều có xe lửa chạy tự bên bể này sang bể kia cả. Đường « đại-lục thiết-lộ » (*lignes transcontinentales*) đặt trước nhất là đường « Trung Thái-bình dương » (*Central Pacific*), của nước Hoa-kỳ dựng ở [illegible] Mĩ-châu để nối Nữu-ước (New-York) với [illegible]-sơn (San Francisco), khánh-thành năm 1869. Tự đó lại có bốn đường mới nữa, ba đường ở Hoa-kỳ, một đường ở Gia-nã-đại (Canada), chạy suốt từ bên bờ Đại-Tây-dương (Atlantique) sang bên bờ Thái-bình-dương (Pacifique), làm cho hai bể cách nhau có bốn ngày trời. Ở Nam-Mĩ thời có đường « An-đích-sơn thiết-lộ » (*Transandin*) (qua dãy núi An-đích (Andes) là dặng núi cao chạy dọc suốt châu Nam-[illegible] từ Buenos Aires (kinh-đô nước Argentine) trên Đại Tây-dương tới Valparaiso (cửa bể lớn của nước Chili trên Thái-bình-dương). Ở Âu-châu thời nối những đường xe lửa của các nước lại thành mấy đường đại-lục lớn: như đường « Vãng-Đông tốc-hành thiết-lộ » (*Orient-Express*) tự Paris sang Constantinople

(1) « Cầu-cạn », là cầu cuốn bắc trên đất, qua một cái lũng, cái vực, hhiệp à con đường, để cho xe lửa đi.

(đô nước Thổ-nhĩ-kỳ), qua Vienne (đô nước Áo) có ba ngày ; đường « Vãng-Bắc tốc-hành thiết-lộ » (*Nord Express*) tự Paris đi thẳng tới Moscou (là tỉnh trung-tâm nước Nga), qua nước Đức và thành Berlin là kinh-đô nước ấy. Ở Trung-bộ Á-châu thời người Nga có đặt đường « Cát-biên-hải thiết-lộ » (*Transcaspien*) (ở phía đông bể Caspienne), muốn nối với các đường xe-lửa của Anh ở Ấn-độ mà chạy thông từ Nga đến vịnh Bengale. Ở Bắc-bộ Á-châu cũng người Nga, tự năm 1896 đến 1902, đặt đường « Tây-bá-lợi-á » (*Transsibérien*), nối thêm đường « Mãn-châu » (*Transmandchourien*) cho đến bể Trung-hoa. Thành ra ngày nay muốn đi từ Paris tới Bắc-kinh chỉ mất mười lăm ngày, và từ Gibraltar trên Đại-Tây-dương cho đến Vladivostock ở trên bể Nhật-bản, nghĩa là tự tây-cực Âu-châu cho đến đông-cực Á-châu, đều có một giải sắt dài nối liền hai đại-lục vậy. Ở Tiểu-Á-tế-á (Asie Mineure) [illegible] Đức có dựng một đường xe lửa từ Constantinople đến Bagdad, hiện đã gần xong ; đường ấy mà thành thì là đường đi thẳng sang Ấn-độ vừa mau và vừa tiện lắm ; đi như thế thì tự Londres sang Bombay, qua Bagdad, không đầy mười ngày, còn như đi đường sông đào Suez thì thường thường là phải mất 14 ngày. Ở Phi-châu, người Anh đã làm được non nửa đường tự Caire (đô Ai-cập) xuống Cap (đô Nam Phi-[illegible] miền Đại-trung-hải với vùng cực-nam châu Phi.

Hỏa-thuyền

Ngoài các đường thiết-lộ lớn, lại còn các đường hằng-hải (*lignes de navigation*) nữa, khiến cho sự giao-thông trên bể cũng được tiện-lợi như trên đất vậy. Được tiện-lợi như thế là nhờ cái máy hơi nước làm động-cơ cho tàu chạy được [illegible] ồn.

Sở vận-tải bằng hỏa-thuyền (*bateaux à vapeur*) đặt ra trước nhất là tự ông Fulton người nước Mĩ đặt ở New-york năm 1869, ông nguyên đã qua Paris hồi trước và từng mục-kích ông hầu-tước Jouffroy thí-nghiệm. Hỏa-thuyền mà đi qua Đại-Tây-dương lần thứ nhất là tự năm 1819, đi tự Hoa-kỳ sang Anh. Hỏa-thuyền bấy giờ là chạy bằng hai bánh xe có đóng ván (*roues à palettes ou aubes*), giống như bánh cối xay, đặt ở hai bên sườn tàu, gần ngang giữa. Vào khoảng năm 1838, một nhà kỹ-sư Pháp tên là Sauvage thí-nghiệm, rồi nghĩ thay bánh xe bằng chân vịt (*hélice*) đặt ở đằng sau tàu. Cũng vào khoảng bấy giờ người Anh nghĩ chế tàu bằng sắt, rồi tự năm 1877 thì chế bằng thép, chất nó mị và mềm hơn sắt. Ngay tự năm 1838, người Anh đã đặt một đường tàu chạy qua Đại-Tây-dương (*transatlantique*) sang Hoa-kỳ. Hai năm sau (1840), đến nước Pháp đặt một đường thứ nhất tự Le-Havre sang New-York. Những tàu chạy ấy, người đương-thời đã lấy làm thán-phục lắm, mỗi chiếc phí tới một triệu rưỡi quan, bề trường là 70 thước, dung-tích 1800 tấn, máy mạnh 500 mã-lực (*chevaux*), tốc-độ 13 cây-lô-mét một giờ, đi qua Đại-Tây-dương trong 17 ngày, chở được 70 hành-khách. Tự đó nghề hỏa-thuyền cũng tiến-bộ mau bằng nghề hỏa-xa. Ngày nay những tàu chạy Mĩ-châu của người Anh chế giá-trị tới tự 32 đến 45 triệu ; bề trường 300 thước — chia ba non một phần cây-lô-mét — trọng-tải 50.000 tấn, tốc-độ 48 cây-lô-mét một giờ. Máy mạnh tới 70.000 mã-lực, qua Đại-Tây-dương chỉ trong bốn ngày rưỡi, chở được 3500 hành-khách, bằng dân-số một châu-thành nhỏ.

Ngoài những tàu lớn chở khách ấy, mỗi năm đem tự Âu-châu sang New-York 40, 50 vạn người hành-khách, còn có những tàu chở hàng (*cargo-boats*), mỗi chuyến mang được bằng

một nghìn tới nghìn hai toa xe lửa đồ hàng.

Những công-ti cùng đường hằng-hải lớn

Muốn chế-tạo những tàu bể to lớn như vậy, kinh-lý những đường hằng-hải như vậy, phải có những công-ti thật lớn, quản-trị từng hạm-đội to : có công-ti ở nước Đức chạy ba-mươi đường, số tàu là 115 chiếc, sức trọng-tải ngang bằng cả đội thương-thuyền của nước Pháp. Những công-ti hằng-hải lớn là lập ra trước nhất ở nước Anh : như « Đông Bán-đảo Công-ti » (*Péninsulaire-Orientale*) lập năm 1837, « Cunặc Công-ti » (*Compagnie Cunard*) lập năm 1840. Các công-ti lớn của nước Pháp thì lập về đời vua Nã-phá-luân đệ-tam, như « Hải-bưu Công-ti » (*Messageries maritimes*) lập năm 1851, « Đại-Tây-dương Công-ti » (*Compagnie Transatlantique*) lập năm 1862. Đồng-thời nước Đức cũng lập mấy công-ti lớn, như « Ham-bô-Mĩ-châu Công-ti » (*Hambourg Amerika*), lập năm 1847, « Bắc-Đức Công-ti (*Nord-Deutscher-Lloyd*) lập năm 1857. Các đường hằng-hải lớn nhất và nhiều nhất là ở Đại-Tây-dương cả, và khởi-hành tự mấy cửa bể to như Brême, Hambourg (Đức), Anvers (Tỉ), Le Havre, Bordeaux (Pháp), Londres, Liverpool (Anh), đi sang New-York, Ăng-ti quần-đảo (*les Antilles*) và các cửa bể Nam-Mĩ-châu. Ở Thái-bình-dương thì có mấy đường đi tự San Francisco (Cựu Kim-sơn) xuống Úc-châu (Australie), sang Nhật-bản và Tàu. Năm-mươi năm trước, những tàu tự Âu-châu sang Ấn-độ, Tàu và Nhật phải đi vòng quanh Phi-châu. Ngày nay, tự khi đào sông Su-ê (Suez) (tức trong tân-thư Tàu dịch là « Tô-tư-yên vận-hà »), thời những cửa bể như Marseille (Pháp), Gênes, Brindisi (Ý) trực-thông với Á-đông được, cho nên những cửa bể ấy đã có tên gọi là « Cửa Đông-phương » (*Portes de l'Orient*), và Địa-trung-hải (*Méditerranée*) thời thành con đường giao-thông lớn của Âu-châu với Á-châu.

Sông đào Su-ê

Việc đào sông Su-ê (*Canal de Suez*) là sự-nghiệp của nước Pháp. Người chủ-trương việc ấy là ông FERDINAND DE LESSEPS (Lôi-sáp), hồi bấy giờ làm lãnh-sự Pháp ở Ai-cập (Egypte). Việc làm mất hai trăm triệu, tiền ấy ông gọi vốn ở nước Pháp cả. Nhờ có vua Nã-phá-luân đệ-tam hết sức tán-trợ, ông mới được nước Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) cho phép làm (vì phần đất ấy thuộc nước Thổ), và mới thắng được những sự âm-mưu của nước Anh hết sức ngăn-trở, sợ rằng con đường ấy thành thời tự Âu-châu sang Ấn-độ chỉ có mấy ngày, e thuộc-địa mình chống-chải quá, và bấy giờ những nơi trọng-yếu ở gần con đường ấy chưa thuộc quyền mình quản-trị (ngày nay thì cả Ai-cập là thuộc quyền bảo-hộ của Anh). Công-trình rất là khó-khăn, vì đó là giữa đất sa-mạc. Khởi-công tự năm 1859, làm luôn trong mười năm mới thành, ngày 17 Novembre 1869 làm lễ khánh-thành. Sông dài là 157 cây-lô-mét. Nhờ có đường tắt ấy mà đi Âu-châu sang Á-châu rút được nửa đường. Ngày nay tự Marseille sang Ấn-độ có mười-lăm ngày, sang Tàu một tháng, sang Nhật-bản không đầy bốn mươi ngày. Mỗi một năm những tàu đi qua sông Su-ê tới mấy nghìn chiếc.

Năm 1881 ông DE LESSEPS lại khởi-công đào eo đất Panama ở giữa Bắc-Mĩ với Nam-Mĩ để thông Đại-Tây-dương với Thái-bình-dương, nhưng không làm được xong, mãi đến năm 1914 Chính-phủ Hoa-kỳ mới hoàn-thành, bây giờ đi tự Marseille thẳng sang San-Francisco và sang bờ phía tây châu Bắc-Mĩ cũng dễ và [illegible] lắm.

Điện-khí

Điện-khí cùng với hơi nước cũng là một cái nguyên-động-lực biến-cải công-nghệ thương-nghiệp đời nay. Tự cuối thế-kỷ thứ mười-chín, điện dùng trong công-nghệ để làm ra ánh sáng, làm ra hơi nóng, làm ra sức vận-động, không những là giúp mạnh cho hơi nước mà cơ-hồ lại muốn tranh-đoạt cả quyền hơi nước nữa. Ngày nay thời điện đương ngập-ngập muốn hoán-cải cả công-nghệ: như nghề chế kim-loại đã có cái lò điện (*four électrique*) ; các nghề máy-móc và nghề vận-tải đã có cái động-cơ điện (*dynamos*) khiến cho xe chạy được tới 200 cây-lô-mét một giờ, hoặc chuyển được cái sức mạnh của thác nước tới mấy trăm cây-lô-mét xa. Nhưng thứ nhất là điện đã cung-cấp cho người ta một cách mới để truyền tin-tức, và nhờ có giây-thép giây-nói khiến cho cái tư-tưởng người ta trong giây-phút chuyển đi xa đến đâu cũng được.

Năm 1833, nhà bác-học đức GAUSS nhân những sự phát-minh về điện-học của hai nhà bác-học Pháp AMPÈRE và ARAGO, bèn chế ra cái giây-thép điện (*télégraphe électrique*). Hai năm sau (1835) mới có người Mĩ làm nghề họa tên là MORSE nghĩ ra cái máy giây-thép, hiện nay cái máy ấy cùng chữ hiệu ông đặt ra suốt trong thế-giới đều thông-dụng cả. Máy nói thời là một người Pháp tên là BOURSEUL, làm công ở sở giây-thép chế ra năm 1855; nhưng mãi đến ngày nay, năm 1877 nhờ có người Mĩ tên là GRAHAM BELL sửa-sang lại mới đem ra dùng được.

Các đường giây-thép qua bể

Tự năm 1836, nước Anh và nước Mĩ đã đặt đường giây-thép trong nước cả. Nước Pháp thời đến năm 1845 mới bắt đầu đặt một đường thứ nhất tự Paris ra Rouen, và giây-thép gió mãi đến năm 1852 mới bỏ hẳn.

Hồi bấy giờ thời nước Pháp và nước Anh đã có đường giây-thép qua bể (*câbles*) đặt ngầm dưới vũng bể Pas-de-Calais (năm 1851). Cách mấy năm thì bắt đầu đặt những đường lớn chạy qua các đại-dương, trước nhất đặt đường tự Anh sang Hoa-kỳ, tức là nối Âu-châu với Mĩ-châu (1857). Làm ba lần hỏng cả, mãi đến năm 1866 mới đặt được một đường giây-thép dài là 4000 cây-lô-mét, sâu tới 3000 thước ở dưới bể. Kế đấy thời Phi-châu, Ấn-độ, Tàu, Úc-châu, Nam-Mĩ đều có đặt giây-thép ngầm nối với Âu-châu, qua Đại-Tây-dương, Địa-trung-hải, Ấn-độ-dương, rồi đến Bắc-Mĩ nối sang Á-châu và Úc-châu, qua Thái-bình-dương. Ngày nay thống-kê cả các đường giây-thép chạy ngầm dưới bể không kém 450.000 cây-lô-mét, trong số ấy một mình nước Anh có tới 280.000 cây-lô-mét. Nhờ có nhiều đường giây-thép như thế mà nước Anh đã trở nên phú-cường. Các tin-tức được biết trước cả các nước, tự tay mình truyền báo đi mọi nơi, thành ra người Anh nghiễm-nhiên đã có cái thế-lực vô-hình trong những việc nội-chính ngoại-giao của các nước.

Việc bưu-chính

Nhờ có giây-thép, việc điện-báo ở các nước văn-minh đã kinh-doanh được rất hoàn-toàn, đến những làng xóm nhỏ cũng đều có cả ; trong khi ấy thì việc bưu-chính nhờ có xe-lửa vận-tải dễ, cũng mỗi ngày một phát-đạt và chỉnh-đốn hơn lên. Năm 1837, có người Anh bàn nên đánh thuế những thơ từ gửi đi, tùy giấy nặng nhẹ, không cứ đường xa gần. Thuế ấy đánh bằng một con « tem » (*timbre*), do Nhà-nước bán, người gửi thơ phải mua. Đến năm 1840 đem ra thi-hành: trong năm ấy số thơ gửi đi tăng gấp hai năm trước. Tự đấy các nước trong thế-giới đều theo cách của nước Anh cả.

Từ năm 1894, các chánh-phủ hiệp nhau định một cái giá-ngạch chung cho những thơ từ của các nước gửi lẫn cho nhau. Nhân đó mới lập ra hội « Vạn-quốc bưu-chính công-hội » (*Union postale universelle*), gồm hết cả các nước trong thế-giới. Năm 1830 gửi một cái thơ tự Pháp sang Nga, bưu-phí ít ra cũng là 1fr60. Ngày nay chỉ phí mất 0 fr 10, là một cái « phiến ngỏ » (*carte postale*) đi được suốt hoàn-cầu. Năm 1899 (là năm cuối cùng thế-kỷ thứ 19) số những thơ, « phiến » (*cartes*), nhật-báo cùng gói giấy do các bưu-sở của « Vạn-quốc công-hội » phát đi tới *hai mươi ba ngàn hai trăm triệu* (23.200.000.000).

Công-nghệ phát-đạt

Sự giao-thông phát-đạt như thế vừa là nguyên-nhân mà vừa là kết-quả của sự phát-đạt lạ-lùng trong công-nghệ về thế-kỷ mới rồi. Các công-nghệ như nghề dệt, nghề chế kim-loại, nghề in, vân vân, đều biến-cải và mở-mang rộng ra nhiều ; nghề dệt là nhờ dùng hơi nước vào các máy quay máy dệt ; — nghề chế kim-loại là nhờ than gỗ thay vào củi, sau lại dùng than đá (*coke*) thay vào than gỗ (*charbon*) để chế quặng sắt ; lại nhờ có cái phép của người Anh tên là Bessemer năm 1853 nghĩ ra chế thép được nhiều hơn và rẻ hơn trước, vì trước kia thép làm đắt lắm ; sau nữa lại nhờ có người kỹ-sư Pháp tên là Bourdon năm 1841 nghĩ chế ra ở nhà máy Creusot một cái búa lớn gọi là « búa máy » (*marteau-pilon*) rèn được những miếng sắt cực to ; — nghề in thời nhờ có cách làm giấy mới và nhờ có cái máy in quay (*presse rotative*), của người Pháp tên là Marinoni chế ra năm 1867, máy ấy in trong một giờ đồng-hồ được nhiều bản hơn là cách in cũ trong một trăm ngày.

Ngoài những công-nghệ cũ ấy, còn xuất-hiện ra nhiều các công-nghệ mới nữa, phần nhiều là nhờ hóa-học phát-minh ra. Như các công-nghệ thuộc về than-đá : nghề đèn khí (*gaz d'éclairage*) của người Pháp tên là Lebon phát-minh ra tự năm 1800 ; nghề chế các sắc « a-ni-lin » (*couleur d'aniline*), biến-cải hẳn nghề nhuộm cũ ; nghề chế các vị thuốc (*produits pharmaceutiques*), chế các dầu thơm (*essences de parfumerie*), v. v. Lại như nghề chế phì-liệu theo hóa-học, gọi là « phân hóa-học » (*engrais chimiques*), biến-cải cả nông-nghiệp cũ ; nghề chế đường bằng củ-cải tây (*sucre de betterave*), lập ra ở nước Pháp từ năm 1810, làm cho đường trước là một thứ đồ ăn quí nay cũng thường-dùng như bánh, như nước vậy. — Đó là lược kể một vài nghề để thí-dụ, vì muốn kể cho hết những sự phát-minh trong công-nghệ về thế-kỷ thứ 19 thì phải mấy tờ giấy cũng chưa xiết được ; lại có nhiều cái đồ dùng rất thiết-yếu cho ta và ta dùng đã quen đi rồi, vẫn tưởng là phát-minh tự bao giờ đến giờ, như diêm, cũng là mới bắt đầu chế ra tự thế-kỷ trước mà thôi.

Đại-công-nghệ

Công-nghệ bây giờ gọi là « đại-công-nghệ » (*la grande industrie*), xét ra có mấy cái đặc-sắc như sau này. Công-nghệ có mật-thiết quan-hệ với khoa-học : nhờ các nhà bác-học nghiên-cứu mà các nhà công-nghệ mới thực-hành được ; nhà công-xưởng thật là khởi-điểm tự phòng thí-nghiệm mà ra (*l'usine sort du laboratoire*). Trước mọi việc làm bằng tay cả, ngày nay mọi việc đều làm bằng máy : máy thật đã thế sức cho người ta. Nhờ đó mà các đồ vật vừa chế được nhiều, vừa được hạ giá. Cứ xét một cái số-mục như sau này thời đủ biết : những máy dùng trong các công-xưởng ở nước Pháp bây giờ sức làm bằng *bốn mươi triệu người* cộng lại. Song máy đắt tiền và phải nhà rộng lắm mới chứa được :

ho nên bây giờ ở đâu cũng đặt nhà máy hay vào các xưởng thợ cũ (*l'usine remplace l'atelier*). Sau nữa, sự giao-thông đã phát-đạt, các đồ chế-tạo ra có thể vận-tải mau đến tận nơi tiêu-dùng được, cho nên các nhà máy bây giờ thường họp-tập cả ở chung quanh những miền có sản-xuất hoặc dễ thâu-nhập các nguyên-liệu cần dùng, như gần các nơi có mỏ cùng gần những chỗ cửa bể. Nhân đó mà dựng-thành ra những tỉnh-thành mới mau lắm, như thành Saint-Etienne, thành Tourcoing ở nước Pháp tức là những nơi đô-hội họp các nhà máy mà thôi, lại như Creusot ở nước Pháp, Essen ở nước Đức tuy to như một tỉnh thành mà tức chỉ là một cái nhà máy lớn mà thôi. Thế gọi là sự « tập-hợp các công-nghệ » (*concentration des industries*).

Đại-thương-nghiệp

Nhân có đại-công-nghệ và nhân sự giao-thông phát-đạt mà thành ra có đại-thương-nghiệp (*le grand commerce*). Các nhà chế-tạo không có bán những đồ-vật mình chế ra ở trong một bản-xứ mình mà thôi, lại chủ tìm những nơi tiêu-thụ (*débouchés*) ở các nước khác trong thế-giới. Việc buôn-bán với ngoại-quốc ấy nay đã thành một cái yếu-tố cho sự phú-cường của các nước, có nhiều nước chỉ sinh-hoạt vì đó mà thôi, như nước Đức nước Anh chỉ nhờ bán các đồ chế-tạo ra ngoài mới có đủ tiền [illegible]-tiêu trong nước.

Một đằng thời cùng một thứ đồ hàng cái giá bán ở khắp các nước ngày nay như muốn theo cả về một giá-ngạch chung, là nhờ có những nhà gọi là « giao-dịch-sở » (*bourses de commerce*) định giá sẵn, những nhà ấy hằng ngày tiếp được điện ở các nơi về báo cho biết về sự sản-xuất, sự cần-dùng đồ hàng ở các nơi thế nào, cùng là những chỗ nào có đồ hàng đem cung cấp, chỗ nào đến phải cầu mua. Như thế thời cả thế-giới tức là một cái chợ lớn, là một cái Quốc-gia buôn-bán lớn, mà các Quốc-gia khác tức là những hàng-tỉnh trong cái Quốc-gia lớn ấy vậy.

Kết-quả những sự biến-cách về đường kinh-tế

Sự phát-đạt trong công-nghệ thương-nghiệp đã sinh ra nhiều cái kết-quả to lớn lắm. Nay nói đại-khái thời cái giá các đồ hàng đã giảm đi nhiều lắm ; nhiều cái sản-vật trước kia chỉ có người giàu có mới mua dùng được, như « sô-cô-la » (*chocolat*), cà-phê, chè, nay người thường có thể dùng được cả. Sự sinh-hoạt bây giờ được dễ-dàng sướng-tiện hơn xưa, và có nhiều hạng thợ ngày nay sung-sướng hơn những bậc trung-lưu xã-hội vào khoảng năm 1830 nhiều. Của-cải trong các nước đã tăng lên nhiều lắm, lại nhờ sự trữ-súc mỗi ngày một thêm lên nữa, khiến cho càng ngày càng có tư-bản mới để làm những sự-nghiệp mới. Phần nhiều của cải ấy tản-mát ra từng phần nhỏ, vào tay những nhà tư-bản nhỏ. Các nơi kẻ-chợ mở-mang ra mau lắm, mà dân nhà quê thì bỏ làng để ra tỉnh, ham vào làm các nhà máy được tiền công cao, kịp đến khi không được mãn-nguyện, phải chịu bần-tiện, cắm-tức mới sinh ra cái « phong-trào xã-hội » (*mouvement socialiste*). Lại nhờ nghề in mỗi ngày một phát-đạt, nhật-báo in ra bán chỉ một su một tờ, bọn bình-dân ham đọc, dần dần ưa can-thiệp vào việc chính-trị, rồi đến đem cái thế-lực mình mà ảnh-hưởng vào nơi chính-giới. Sau nữa các nước đối với nhau xưa còn cạnh-tranh về đường chánh-trị, ngày nay cạnh-tranh về đường buôn-bán, nước nào hay phòng xa thời đi chiếm-cứ lấy những thuộc-địa lớn để làm nơi tiêu-thụ cho hàng-hóa mình về sau này. — Đó là mấy cái kết-quả lớn của sự biến-cách trong công-nghệ thương-

nghiệp về thế-kỷ thứ mười-chín vậy. Sang thế-kỷ hai-mươi này cuộc kinh-tế trong thiên-hạ lại biến-cách nhiều hơn nữa, và sự kết-quả tức là việc chiến-tranh kinh-thiên động-địa vừa rồi.

THƯỢNG-CHI *dịch-thuật*

TRUYỆN KIỀU

I

Đau đớn thay phận đàn-bà !
Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung.
Phũ-phàng chi mấy hóa-công ?
Ngày xanh mòn-mỏi mà hồng phôi-pha !

(Kim-Vân-Kiều)

II

由來名士佳人。夙世有華嚴之劫。休怪
青山黃土。千秋同淪落之悲。僕本多情。
感深同調。未晤空花於色界。偏憐幻夢
於春場。金屋阿嬌。漫著半空之想。美人
芳草。懸招隔代之魂。...

(進士朱孟楨青心才人詩集序)

III

Des pêcheurs un matin virent un corps de femme
Que la vague nocturne au bord avait roulé.
Même à travers la mort sa beauté touchait l'âme... (1)

LAMARTINE

* * *

Người nước ta, ai là người không biết truyện Kiều ? ai là người không thuộc ít nhiều câu trong truyện Kiều ? ai là người không rõ sự-tích nàng Kiều mà thương thân-thế cô Kiều, hồng-nhan bạc-phận, đủ bề tài-sắc mà gặp cảnh đoạn-trường, mười-lăm năm gian-khổ ở đời, tựa như Trời đầy-đọa để làm cái gương soi chung cho kẻ thế-nhân nông-nỗi ? Mà lạ thay, suốt các hạng người trong nước, từ kẻ văn-học tri-thức cho đến người làm-lụng tầm-thường, từ bậc khuê-môn đài-các cho đến kẻ làm ruộng hái dâu, không ai là không thích truyện Kiều, không ai đọc truyện Kiều mà không thấy cảm-động, như thân lịch cái khốn-cảnh ấy, chịu sự khổ-thống ấy, từng nhữ[illegible] nạn ấy, trải những bước đường ấy. [illegible] lẽ không văn-chương nào có quyền truyện bộ thơ mà phổ-cập bằng truyện Kiều ở nước Nam ta. Văn-chương Pháp có tập thơ *Ngụ-ngôn* của ông LA FONTAINE, nhưng là thuộc về thể « ngụ-ngôn » mượn giống vật để răn người đời, không phải là thể « tiểu-thuyết

(1) *Ngư-ông văng lưới vớt người. ...*
Tuy giầm hơi nước chưa lòa bóng gương. . . (Kim-Vân-Kiều)

kể riêng về thân-thế một người. Văn-chương Tàu có bộ văn *Liêu-trai* của ông Bồ Tùng-Linh, nhưng toàn là những truyện yêu-tinh quái-đản, lại thể truyện vụn-vặt, lời văn cao-kỳ, chỉ những người có học mới thưởng-giám được mà thôi. Không đâu có quyển sách nào vừa cao-thượng đủ cảm được người học-thức, vừa giản-dị đủ cảm được kẻ bình-thường, như truyện Kiều vậy.

Thành ra văn-chương nôm ta vốn rất nghèo-nàn mà tình-cờ lại sản-xuất được một bộ sách rất đáng qui giá, có thể sánh với những sách thật hay trong văn-chương các nước khác.

Nói rằng « tình-cờ » là vì trước truyện Kiều không có sách gì hay bằng truyện Kiều, mà sau truyện Kiều cũng không có sách gì hay hơn truyện Kiều nữa, thời truyện Kiều không phải là cái « sản-vật » chung của văn-học nước ta, mà là sự sáng-nghĩ riêng của một bậc thiên-tài vậy. Như thế thời không thể lấy cái tỉ-lệ thường của văn-chương nôm mà xét được. Phải dùng phép phê-bình khảo-cứu của văn-học Thái-Tây mới mong phát-huy được cái đặc-sắc, bày-tỏ được cái giá-trị của một nền tuyệt-tác trong quốc-văn An-nam ta. Vậy sau đây xin chia ra bốn mục mà thử xét về cỗi-rễ truyện Kiều, lịch-sử tác-giả, tâm-lý cô Kiều và văn-chương truyện Kiều ; gọi là theo đòi phép nghiên-cứu của Thái-Tây, không dám phẩm-bình gì văn-chương của tiền-bối.

1. — Cỗi-rễ truyện Kiều

Tích truyện Kiều ai cũng đã biết. Nay kể lược như sau này cho rõ các tình-tiết.

Ở bên Tàu, về đời Gia-tĩnh triều Minh,

Có nhà viên-ngoại họ Vương,
Gia-tư nghĩ cũng thường-thường bậc trung.

Ông bà song-toàn, sinh được ba người con : hai cô con gái đầu lòng Thúy-Kiều và Thúy-Vân và một cậu con trai rốt lòng tên là Vương-Quan. Kiều, Vân hai người cùng nhan-sắc như nhau, nhưng cô Kiều xem ra có phần sắc-sảo mặn-mà hơn, ca-ngâm thi-họa đủ mùi, lại có tài riêng về nghề hồ-cầm, tự tay lựa ra một khúc đặt là « Bạc-mạnh-thiên », gẩy lên ai nghe cũng phải não lòng. Tuổi còn trẻ thơ,

Xuân-xanh xấp-xỉ tới tuần cập-kê (1),

mà trong lòng đã ngụ những tư-tưởng bi-thu như vậy, đủ rõ là một người sầu-nhân, không có tính nhẹ-nhàng vui-vẻ như các cô con gái khác. Thủa nhỏ xem tướng, thầy tướng đã đoán ngay cho cô rằng :

Anh-hoa phát-tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc-mệnh một đời tài-hoa.

Mà quả-nhiên một đời cô thật là ứng như lời thầy tướng. Tài-hoa thật đã đáng bậc tài-hoa, mà bạc-mệnh cũng đã đến điều bạc-mệnh !

Nhân tiết Thanh-minh, ba chị em đi chơi hội Đạp-thanh. Tình-cờ xảy ra hai việc, sau này thành như cái then-chốt cho một cuộc đời cô Kiều : một là việc viếng mả Đạm-Tiên, hai là việc gặp chàng Kim-Trọng. Trong tiết thanh-minh, mồ-mả ngoài đồng đâu cũng có người thăm viếng, duy có một nấm mộ bên đường thấy hương khói vắng tanh. Kiều-nương vốn người đa-cảm, trông thấy thế mà sẵn mối thương-tâm, bèn đem hương-hoa vào lễ khấn trước mồ. Lạ thay ! lễ xong Đạm-Tiên liền thấy ứng-hiện : gió thổi hương đưa, rành rành dấu dầy in trên đất ! Nàng lại càng mê-mẩn bồi-hồi, dùng-dằng chửa muốn dứt ra về. Bấy giờ thấy một người văn-nhân cỡi ngựa tự đàng

(1) *Cập-kê* 及笄 = tới tuần vấn tóc. Con gái đến 15 tuổi thì phải vấn tóc, không bỏ sõa như thủa nhỏ. Tự đó, mẹ có thể nhận hỏi, hai mươi tuổi thì gả chồng được (Theo cổ-lễ)

xa đi lại. Nhác trông thấy đoàn du-xuân, thướt-tha yểu-điệu, có vẻ thu-cúc xuân-lan,

Khách đà xuống ngựa tới nơi tự-tình.

Đến gần mới biết văn-nhân là

Họ Kim tên Trọng, vốn nhà trâm-anh.

Nguyên là bạn học với Vương-Quan, nên đối với hai Kiều tuy chưa biết mặt mà biết tiếng đã lâu rồi. Về phần hai Kiều chắc cũng vậy. Nên hai bên trong lúc ráp mặt có lẽ ngay tự phút đầu đã có cảm-tình rồi. Cái cảm-tình ấy, ai cảm sâu hơn, không phải nói ai cũng biết là Thúy-Kiều vậy.

Đêm hôm đó về nhà, Kiều-nương một mình trằn-trọc, hồi-tưởng đến hai việc gặp-gỡ ban ngày, mà nghĩ xa rồi lại nghĩ gần, phần thì thương người mệnh bạc, nắm di-hài không kẻ đoái người hoài, phần thời tưởng khách phương xa, mới gặp-gỡ đã nên lòng vướng-vít. Thiu-thiu ngủ, vụt thấy Đạm-Tiên ứng mộng, báo cho biết đã có tên trong sổ đoạn-trường và đưa cho mười bài thơ của hội-chủ mới ra, xin họa lại. Tỉnh dậy, nghĩ đến mộng-triệu mà ghê, biết rằng phận mình mai sau thôi có ra gì, cảm thương mà khóc lên nức-nở. Vương-bà hỏi duyên-cớ sao, cố khuyên-giải mới nguôi dần.

Về phần Kim-Trọng thời từ khi gặp-gỡ, về nhà thành tương-tư cô Kiều, quên cả việc học-hành, chỉ nghĩ đường tình-ái. Sau bỏ nhà, cố đi tìm Kiều cho được : bèn đến thuê hiên Lầm-thúy ngay bên cạnh nhà Kiều, giả-danh du-học ở đấy. Ngày ngày vẫn có ý chờ đợi xem có gặp Kiều để tự-tình. Một hôm nhác thấy bóng hồng qua lại trong hoa-viên : vội chạy ra thời người đã đi mất rồi. Nhận kỹ thấy ở trên cây đào có một cành kim-thoa, bụng bảo dạ rằng chẳng duyên chưa dễ để đây, bèn mừng thầm mà cất lấy đem về. Quả-nhiên, ngày mai

Tan sương đã thấy bóng người,
Quanh tường ra ý tìm tòi ngẩn-ngơ...

Nhân đó mà hai người lại được gặp nhau lần thứ nhì, cùng nhau trao của tin, gắn bó cuộc trăm năm từ đấy.

Bẵng đi mấy tháng, một hôm nhân ngày sinh-nhật bên ngoại-gia, cả nhà đi vắng, chỉ có một mình Kiều ở nhà. Thừa-cơ, bấy giờ mới lẻn sang láng giềng : hai người lại được gặp nhau lần nữa, lần này mới thật là tỏ hết tâm-sự, thề-nguyện đá vàng.

Nhưng cuộc vui xưa nay vẫn không được lâu bao giờ. Hai người đương chuyện trò thời Kim-Trọng tiếp được thư của cha ở nhà báo tin cho biết chú mới mất và gọi kíp về hộ-tang. Trọng từ-biệt Kiều ra đi, không ngờ rằng mới đi khỏi thì ở nhà Kiều bỗng-dưng xảy ra một sự tai-vạ tầy-đình, làm cho tan-nát cuộc nhân-duyên mới gắn-bó. Vì một tên bán tơ vu-cáo, quan sai đến bắt Vương viên-ngoại và con trai là Vương-Quan tống-ngục.

Một ngày lạ thói sai-nhà,
Làm cho khốc-hại chẳng qua vì tiền.

Trong nhà chỉ còn mấy người đàn-bà, biết nghĩ sao bây giờ ? Lấy tiền đâu mà chạy mà chuộc cho hai người thoát-nạn ? Kiều sót tình máu-mủ, muốn cho cốt-nhục vẹn tuyền, bèn quyết chí đem bán mình để chuộc cha. Nhờ có kẻ lại già họ Chung luồn-lót chạy-chọt cho, tính ra phải có ba trăm lạng việc mới xuôi, cho hay quan-lại đời nào cũng vẫn có thói ăn tiền ; ăn tiền mà đến tan-nát cửa nhà người ta, ăn tiền mà đến phá-hoại nhân-duyên người ta, ăn tiền mà làm cho cha lìa con, chị lìa em, tình-nhân lìa nhau, gây ra cái bi-kịch để giận muôn đời, ăn tiền như thế, còn tội gì bằng ! Quan-lại ta, những kẻ giữ cái « hà-bao chủ-nghĩa », có bao giờ nghĩ đến những nông-nỗi bể sầu oan-khổ ấy không ? Vì còn bí[illegible] nghĩ, vì còn

giữ được chút lương-tâm, tất phải ăn-năn hối-hận mà đau xót trong lòng rằng trong đời mình làm quan có lẽ một tay đã trôn sống mất mấy mạng Kiều-nhi rồi đó ! ...

Sự lòng ngỏ với băng-nhân,
Tin sương đồn đại xa gần xôn-xao.
Gần miền có một mụ nào,
Đưa người viễn-khách tìm vào vấn-danh.
Hỏi tên, rằng : Mã Giám-sinh,
Hỏi quê, rằng : Huyện Lâm-thanh cũng gần....
Có-kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm...

Thế là Kiều-nương bán cho họ Mã lấy bốn trăm lạng, ba trăm để lời quan, một trăm tiền phí-tổn ngoài. Nhờ Chung-công khất-từ mới tạm lĩnh được Vương-ông về nhà. Cha con trông thấy nhau, xiết nỗi đau lòng ! Kiều mà quyết-chí như vậy cũng đã khổ-tâm lắm, vì trong lòng còn mang nặng lời nguyền với ai ! Nhưng mà

Chữ tình chữ hiếu bên nào nặng hơn ?
Trót lời thệ-hải

Để lời thệ-hải minh-sơn,
Làm con trước phải đền ơn sinh-thành.

Vả cái gương những bậc liệt-nữ đời xưa còn lồng-lộng trong lịch-sử, nàng là người học-thức, gặp phải cái cảnh-ngộ như cổ-nhân, há lại không biết xử-sự bằng cổ-nhân hay sao ?

Dặng thơ đã thẹn nàng Oanh,
Lại thua ả Lý bán mình hay sao ?

Song càng nghĩ thân-phận lại càng tủi-ngán cho mình, mà ngậm-ngùi cho [illegible]. Thôi, đời mình thì đã đành là đời bỏ đi rồi, nhưng còn cái mối tơ duyên kia vì mình mà đoạn-tuyệt, phải nghĩ chắp nối thế nào cho bước chân đi được đành lòng. Bèn bàn với em là Thúy-Vân, cậy em có xót tình máu-mủ, vì chị thay lời nước non. Nói với em, rồi lại rặn lại cha, tuy cực lòng mà hai người cũng phải nhận cho an-ủi kẻ sinh-li.

Nàng cũng đã liệu trước mà biết rồi : bán mình cho kẻ bơ-vơ như thế này, không khỏi đưa thân vào chốn hiểm nghèo. Vả xem cái thái-độ họ Mã không phải là người lương-thiện mà rõ ra cách con buôn... Nhưng mà thôi, đã liều thời phải liều vậy, chớ sao bây giờ ? Nên khi bước chân ra đi nàng đã giấu sẵn con dao vào chéo khăn, để

Phòng khi nước đã đến chân,
Dao này thì liệu với thân sau này...

Một đêm
Giận duyên tủi phận bời-bời,
Cầm-dao nàng đã toan bài quyên-sinh.

Nhưng nghĩ lại sau này chuy-nguyên chắc không khỏi lụy đến song-thân, nên phải đành lòng chịu đắng nuốt cay cho đến cùng...

Đi vừa một tháng tròn tới Lâm-tri, rước vào một cái nhà, nhận ra thì quả là một nhà thanh-lâu. Mẹ dầu là một mụ Tú-Bà, mà chàng Mã kia tức là em mụ, mụ sai đi dạo lấy người, « đem về rước khách kiếm lời mà ăn ». Nhưng mà Mã ta là gã bất-nhân, « buồn mình trước đã tần-mần thử chơi » rồi... Mụ bèn nổi tam-bành lên, diếc-móc chàng, đánh đập nàng ; cực chẳng đã nàng giở dao trong áo ra, « mụ còn trông mặt nàng đà quá tay ». Trong khi thiêm-thiếp ngất đi, thấy Đạm-tiên hiện ra chiêm-bao, báo cho biết rằng số đoạn-trường còn dài chưa mong thoát được đâu, và hẹn sau này sẽ gặp nhau ở sông Tiền-đường. Dần-dần tỉnh ra, đã thấy Tú-bà ngồi bên cạnh, « lựa lời khuyên-giải mơn-man gỡ dần », rằng :

Lỡ chân trót đã vào đây,
Khóa phòng xuân để đợi ngày đào non.
Người còn thời của hãy còn,
Tìm nơi xứng-đáng làm con cái nhà.

Mụ không bắt nàng ra tiếp khách nữa, mà cho ở một mình ở lầu Ngưng-

bích. Nhưng mụ đã lập cái mưu sâu : khiến một chàng tay chơi tên là Sở-Khanh lân-la đến dụ nàng đi trốn. Sở-Khanh đưa cho nàng cái thơ để hai chữ *Tích-Việt* 昔越, để hẹn đến ngày 21 giờ tuất cùng chạy trốn. Nàng mắc lừa, đi được một thôi thời

Tú-bà tốc thẳng đến nơi,
Hằm-hằm áp-điệu một hơi lại nhà.

Bấy giờ mụ mới thẳng thế, đánh, đánh tàn, đánh cho đến nỗi nàng phải chịu đoan rằng : « Chút lòng trinh-bạch từ sau xin chừa ! » mới thôi... Thế là từ đấy nàng không được biệt-dãi nữa, mà cũng phải theo phép thường của nhà thanh-lâu như chị em !

Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Đến phong-trần cũng phong-trần như ai !
Dẫn sao binh đã vỡ rồi,
Lấy thân mà trả nợ đời cho xong ! . .

Bấy giờ mụ mới truyền cho các khóe nghề chơi, nào là « nỗi đêm khép mở », nào là « nỗi ngày riêng chung », « đều là nghệ-nghiệp trong nhà » cả !

Những nghe nói đã thẹn-thùng,
Nước đời lắm nỗi lạ-lùng khất-khe.
Xót mình cửa các buồng khuê.
Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay !

Song cũng phải cố ngậm đắng nuốt cay, bỏ sầu làm vui vậy, chớ biết làm thế nào ? Nhưng

Vui là vui gượng kẻo mà,
Ai tri-âm đó mặn-mà với ai?

Một hôm có khách đến chơi, tên là Ki-làm họ Thúc, tức là chàng Thúc-sinh.

Sớm đào tối mận lân-la,
Trước còn trăng gió, sau ra đá vàng.

Thúc-sinh nhân bố về quê vắng, muốn gắn-bó lấy nàng làm vợ lẽ, trước còn « mượn điều trúc-viện thừa-lương, rước về hẵng tạm giấu nàng một nơi », sau bắn tin với Tú-bà trao tiền lại xin cho nàng hoàn-lương. Hai người ở với nhau được nửa năm, thì ông bố ở nhà quê ra, nhất-định không cho chàng lấy ả thanh-lâu, quyết « dạy cho má phấn lại về lầu xanh ». Chàng không chịu, ông sốt gan bèn đem lên cáo cửa công. Quan truyền « một là phép gia-hình, một là lại cứ lầu-xanh phó về ». Nàng đành chịu đòn, [illegible] thân dẹn không muốn vương tơ [illegible] nữa. Quan truyền cho đánh, nhưng nghe lời Thúc-sinh kể-lể biết nàng người có tài, ra cho bài thơ làm, [illegible] làm hay quá, quan cũng thường [illegible] bèn xử hòa.

Thương vì hạnh, trọng vì tài,
Thúc-công thôi cũng dẹp lời phong-ba

Giá vào người khác thời trên đã quan công-nhận, dưới đã được chồng phép, tha-hồ mà vui-vầy đằm-thắm còn phải lo-nghĩ xa-xôi gì nữa. Nhưng Kiều là người biết suy trước tính sau, đêm vắng-vẻ thường khuyên Thúc-sinh nên về thăm nhà để dò tình vợ cả, thu-xếp mọi sự cho êm, kẻo

Đêm ngày giữ mực giấu quanh
Rầy lần mai lữa như tình chưa tan

Nguyên vợ cả Thúc-sinh tên là Hoạn-thư, là con quan Lại-bộ, người [illegible] về danh-thép lắm. Ở nhà phen [illegible] đã biết rằng chồng mình lấy vợ [illegible] nhưng không để cho ai dả-động chuyện ấy, sợ tiếng thị-phi, trong [illegible] rắp một cái mưu rất hiểm-độc, [illegible] « cho người thăm vẩn bắn thuyền tay ». Kịp đến lúc chồng về, cũng [illegible] hề ra mặt nghi-ngờ gì cả, cứ tươi như không. Chàng thì cũng [illegible] về thú thật cho xong chuyện [illegible]

Mấy phen cười nói tỉnh say,
Tóc tơ bất động mảy may sự tình.
Nghĩ đà bưng kín miệng bình
Nào ai có khảo mà mình lại xưng ?

Hoạn-thư không những không [illegible] mặt ghen tuông gì, mà thấy chồng [illegible] nhà đã lâu, lại giục nên trở về Lâm-[illegible] thăm bố. Chàng vừa đi thời nàng ở nhà bàn với mẹ lập mưu sai mấy [illegible] nhân tin-cẩn đi đường [illegible] thủy [illegible] ghẹ

lới [illegible] trước Thúc-sinh để bắt sống lấy Kiều đem về. Mưu sao làm vậy. Bọn Khuyển Ưng vượt thuyền tới nơi, giả làm giặc vào đốt phá nhà Kiều ở, rồi đánh thuốc mê vực Kiều xuống thuyền, sẵn cái thây người chết trôi đem bỏ vào đống nhà cháy để đánh lận sòng. Thúc-sinh về nhà cũng tin rằng nàng đã bị chết cháy rồi, than khóc, rồi nguôi dần đi. Cách một năm lại về nhà vợ, thì té ra thấy Kiều làm con ở hầu vợ mình, đặt tên là Hoa-nô. Hoạn-thư thiềm chơi cứ ngày ngày bắt Hoa-nô [illegible] hầu đàn và hầu rượu chồng, hai [illegible] rồi biết nhau mà không dám nhận. Sau Hoạn-thư cho Kiều ra ở cái am bên cạnh, một hôm chàng lẻn sang thăm-hỏi với nàng, bị Hoạn-thư bắt được, tuy không nói-năng gì, mà nàng [illegible] là thâm-độc, rắp thừa cơ trốn đi cho xa. Bèn giắt lấy mấy cái đồ kim-ngân ở trong am để độ-thân rồi đêm khuya chèo tường trốn đi. Sáng [illegible] tới một cái chùa tên là Chiêu-ẩn-[illegible] nàng giả-danh là tiểu ở Bắc-kinh [illegible] pháp-bảo đến hầu sư-trưởng [illegible] là bà Giác-duyên. Giác-duyên [illegible] nàng là người thông-tuệ cũng có [illegible] yêu, cho ở chùa để sớm tối [illegible] hoa kinh-kệ. Chợt một hôm có [illegible] đến lễ chùa, trông thấy bọn [illegible] Kim-ngân nhận là đồ của nhà Hoạn-Thư. Giác-duyên có ý lo-sợ hỏi nàng thì nàng thú thật. Sư-trưởng sợ việc lộ ra thời quan-gia, mới thu xếp cho nàng sang ở tạm bên một nhà họ Bạc gần đó. Nàng cũng đành lòng như vậy,

Những mừng được chốn an thân,
Vội-vàng nào kịp tính gần tính xa ;
Nào ngờ cũng tổ bợm già,
Bạc-bà học với Tú-bà đồng-môn !

« Thấy nàng mặn phấn tươi son », mụ cố ép nàng lấy cháu là tên Bạc-Hạnh, rồi cưỡng đem về châu Thai. Nhưng Bạc-Hạnh cũng lại là một tuồng Mã-giám-sinh, « cũng phường bán thịt cũng tay buôn người » cả. Tới nơi thời [illegible] ám,

Đưa nàng vào lạy gia-đường,
Cũng thằn mày trắng cũng phường lầu xanh.

Thế là Kiều lại mắc vào lầu xanh một lần thứ hai nữa.

Tiếc thay nước đã đánh phèn,
Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần !...

Ở lầu-xanh bỗng có khách biên-đình tên là Từ-Hải nghe tiếng Kiều vào chơi.

Hai bên ý hợp tâm đầu,
Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân.

Từ-Hải xuất tiền ra chuộc lấy nàng đem về làm vợ. Ở với nhau được nửa năm, « trượng-phu thoắt đã động lòng bốn phương », bèn để Kiều ở nhà mà đi, quyết bao giờ làm nên công to mới về đón. Quả-nhiên đi được ít lâu thời kéo binh về rước nàng làm phu-nhân. Bấy giờ thật là

Vinh-hoa bõ lúc phong-trần,
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày...

Lúc thong-dong nàng kể cho Từ nghe những nỗi long-đong khổ-sở trong bấy lâu, và ước được trả ân trả oán cho thỏa lòng. Từ cũng chiều lòng cho đòi hết những người đã can-thiệp với nàng từ trước đến nay, chia ra hai hạng, một hạng báo-ân, một hạng báo-oán : báo-ân thời là chàng Thúc-Sinh, sư Giác-Duyên và mụ quản-gia nhà Hoạn-Thư hồi làm Hoa-nô đã có bụng ân-cần với nàng, bấy nhiêu người đều tặng vàng bạc gấm vóc cả ; báo-oán thời trước nhất là Hoạn-Thư, rồi đến những bọn Bạc-Hạnh, Bạc-Bà, Khuyển, Ưng, Sở-Khanh, Tú-Bà, Mã-giám-Sinh ; trừ có Hoạn-Thư nói-năng khôn-ngoan biết nhắc đến cái hồi lấy đồ kim-ngân đi mà không đuổi bắt, nàng nghe cũng động lòng, bèn tha cho,

Tha ra thời cũng may đời,
Làm ra thời cũng ra người nhỏ nhen...

Còn thời những lũ kia chém giết hết... Giác-Duyên trước khi từ-tạ ra

về, có hứa với nàng rằng cứ như lời bà tiên-tri Tam-hợp thời chỉ trong năm năm nữa lại được gặp nhau, sau này quả như vậy.

Tự bấy giờ cái thế-lực của Từ-Hải mỗi ngày một mạnh.

Nghênh-ngang một cõi biên-thùy,
Thiếu gì cô-quả, thiếu gì bá-vương!
Trước cờ ai dám tranh cường,
Năm năm hùng-cứ một phương hải-tần.

Triều-đình bấy giờ phải đặc-sai quan Tổng-đốc Hồ Tôn-Hiến ra đồng-nhung. Quan Tổng-đốc định dùng mưu để dụ hàng. Biết nàng cũng dự việc bàn-bạc trong quân, nên lại cho đem đồ lễ riêng dâng nàng, cậy nàng khuyên-nhủ Từ ra hàng. Từ còn phân-vân, nhưng nàng thì thật dạ tin ngay, cố khuyên cho Từ phải siêu lòng. Không ngờ rằng quan đánh lừa, đến khi cởi giáp ra hàng thời cho tập-binh vào bắn chết. Lạ thay khi thiêng người anh-hùng dẫu chết mà chưa tan, Từ tuy bị đạn mà « nhơn-nhơn cứ đứng chôn chân giữa vòng, trơ như đá vững như đồng... » Kịp đến khi nàng ra nằm khóc bên cạnh thời thấy mới ngã ra... Nghĩ tình-cảnh nàng bấy giờ thật đáng thương thay.

Ngỡ là phu quí phụ vinh,
Ai ngờ một phút tan-tành thịt xương!

Trong lúc mở tiệc hạ công, Hồ-công chén đã quá say, biết nàng là người tài-tình, muốn gạn-gùng lấy làm hầu. Nhưng đến sáng ngày tỉnh ra,

Nghĩ mình phương-diện quốc-gia,
Quan trên nhắm xuống người ta trông vào,

không biết nghĩ thế nào, bèn « ép tình mới gạn cho người thổ-quan »...

Thổ-quan đem xuống thuyền chở đi, ra đến giữa sông, « hỏi ra mới biết là sông Tiền-đường ». Bấy giờ mới nhớ đến lời Đạm-Tiên ứng mộng khi xưa, quyết đâm đầu xuống sông [illegible], nghĩ rằng :

Giết chồng mà lại lấy chồng,
Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời.
Thôi thì một thác cho rồi,
Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông.

Sư Giác-Duyên từ khi từ-biệt nàng lại gặp bà tiên-tri Tam-Hợp lần nữa nhân hỏi về chuyện nàng thì bà [illegible] rằng nàng đã tự-vẫn xuống sông Tiền-đường rồi, và khuyên sư nên tìm phương cứu vớt lấy nàng. Giác-Duyên theo lời bà Tam-hợp thuê người thả lưới xuống sông Tiền-đường, quả nhiên được nàng thật. Sư đem nàng về chùa. Cứ lời bà Tam-Hợp và cứ mộng ứng Đạm-Tiên thì từ đoạn này trở đi là hết nạn. Mà quả truyện đến đây hết khúc gian-truân mà đến hồi tái-hợp.

Nay kể lại từ lúc Kim-Trọng ở Liêu-dương về thì Kiều đã bán mình đi từ bao giờ rồi. Than khóc mãi rồi cũng nguôi dần, sau cứ lời Kiều dặn, Thúy-Vân làm vợ, đem ông bà Vương về nuôi. Gặp chế-khoa, vừa gặp Hồ-Quan vừa Kim-Trọng đều đỗ, hai chàng được bổ đi làm quan. Kim-Trọng được bổ ra tri-huyện Lâm-tri. Một tối nhân Thúy-Vân nằm chiêm-bao thấy chị, nói chuyện lại cho chàng nghe. Chàng bèn cho dò hỏi mọi nơi. Ở trong nha có kẻ lại già họ Đỗ kể tường sự nàng cho đến đoạn trả thù oán; lại cho mời Thúc-Sinh đến hỏi thì Thúc-Sinh cũng không rõ sau Từ-Hải ra làm sao. Đương khi ấy thì Kim có lệnh cải-nhậm ra tri-huyện [illegible] bình, và Vương thì ra Thư-dương. « hai nhà cũng thuận một đường [illegible] quan ». Bấy giờ mới nghe rằng giặc Từ-Hải đã tan, và miền Tích-giang Phúc-kiến đã bình-yên cả. Kim bèn nhủ Vương tiện đường đi tìm nàng. Đến Hằng-châu mới được đích tin rằng Từ-Hải chết trận mà Kiều đã tự-vẫn dưới sông Tiền-đường rồi. Cả nhà xiết nỗi thương xót, [illegible] đặt đàn tràng

bên sông, làm lễ giải oan và thiết bài-vị chiêu-hồn.

Cơ-duyên đâu bỗng lạ sao?
Giác-duyên đâu bỗng tìm vào tận nơi.

Trông lên linh-vị chữ bài, nhà sư thất-kinh mà nói rằng: «Người còn sao bỗng làm ma khóc người?» Nghe tin ai nấy rụng-rời, bèn sùm quanh lại kể-lể hỏi-tra. Sư thuật lại đầu đuôi, rồi giắt cả đoàn về am. Tới nơi gọi nàng ra, cả nhà nhận mặt:

Tưởng bây giờ là bao giờ,
Rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm-bao!...

Vương-ông truyền cho đem kiệu rước về nhà, nàng trước còn không muốn về, định ở lại tu ở chùa, sau phải chiều lòng nhà về vậy.

Về đến quan-nha mở tiệc ăn mừng; đương giữa tiệc thời Vân đứng lên giãi bày một hai, rằng:

Còn duyên may lại còn người,
Còn vầng trăng bạc còn lời nguyền xưa.
Quả mai ba bảy đương vừa,
Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì...

Dứt lời nàng vội gạt ngay đi, nói rằng: «Việc muôn năm cũ kể chi bây giờ?...» Nhưng cả nhà mỗi người tán-thành vào, lại chàng Kim trân-trọng nhắc lại lời nguyền xưa, nói rằng bây giờ muốn chắp-nối tơ duyên cũ là để cho trọn chút nghĩa xưa, chớ

Bấy lâu đáy bể mò kim,
[illegible]ều vàng đá phải tìm trăng hoa?
Ai ngờ lại họp một nhà,
Lọ là chăn gối mới ra sắt cầm?...

«Hết lời khôn lẽ chối lời», sau nàng cũng phải thuận vậy. Bởi đó mà trong nhà nhân tiệc mừng thành lễ cưới, cả nhà vui vẻ, dễ chỉ duy có nàng là trong lòng sầu-tủi không sao nguôi được, nhưng cũng phải gượng làm vui vậy.

Những từ sen ngó đào tơ,
Mười lăm năm mới bây giờ là đây...

Nhưng người mà trong mười lăm năm trời đã kinh-lịch nhiều khốn-cảnh như thế, còn bao giờ quên được nữa, còn bao giờ vui được nữa.

Vui là vui gượng kẻo mà...

Thế là kết-cục truyện Kiều: Kiều-nương đã hết giang-hồ mà về khuê-các thì truyện Kiều cũng hết.

* * *

Ấy đại-khái các tình-tiết trong truyện Kiều nôm tóm-lược lại như thế. Đọc qua trên kia cũng đủ biết rằng truyện kết-cấu khéo, đủ cho nhà văn-sĩ điểm-xuyết mà thành một áng văn-chương hay được. Mà thiệt Cụ Tiên-điền đã khéo điểm-xuyết thay, khiến cho tập Kim-Vân-Kiều thành một nền kiệt-tác trong văn nôm ta. Nhưng ai cũng biết rằng gốc truyện Kiều là tự Tàu, cũng như gốc bài tuồng *Le Cid* của nhà danh-kịch nước Pháp Corneille là tự Tây-ban-nha; Cụ Tiên-điền ta cũng như nhà danh-kịch Pháp, là nhân một tích cũ mà kết-cấu lại, tô-điểm vào, cả cái tài là ở sự kết-cấu, sự tô-điểm ấy, còn vốn truyện thì tự ở ngoài thâu vào vậy. Nhưng từ trước đến nay, chưa được biết rõ nguyên tích truyện Kiều thế nào. Thường nghe tương-truyền rằng có bản Kiều chữ thuật chuyện đến hồi Kiều trầm mình xuống sông Tiền-đường thì thôi, nhưng không thấy bản ấy lưu-hành, mà chỉ thấy những bản dịch lại truyện Kiều nôm ra chữ mà thôi: có lẽ nhiều người lại nhận lầm bản chữ dịch ấy với bản chữ nguyên chăng? Gần đây ký-giả có đọc một tập thuyết-bộ đề là *Ngu-sơ tân-chí* 虞初新志, thấy trong có truyện «Vương Thúy-Kiều» của Dư Hoài 余懷, tự Đạm-Tâm 澹心, kể tường về lịch-sử nàng Kiều, phảng-phất như truyện Kiều nôm ta, mà việc thời thuộc về niên-hiệu Gia-tĩnh đời Minh; ngờ rằng đó có lẽ chính là nguyên-bản chữ mà cụ Tiên-điền ta nhân đấy đặt thành truyện nôm chăng

Sau đây xin dịch truyện « Vương Thúy-Kiều » để cung các nhà khảo-cứu.

« Ta đọc sách *Ngô-Việt xuân-thu* 吳越春秋 thấy nàng Tây-Thi sau khi nước Ngô bị phá mà lại theo Phạm-Lại về Hồ, vẫn thường than rằng người đàn-bà đã được lòng tin của người ta, lấy nhan-sắc làm mất nước người, mà không biết tuẫn-tử, thời tuy không phụ lòng cũng là phụ ơn vậy. Đến như Vương Thúy-Kiều đối với Từ-Hải, thời công tư đều kiêm được cả, thật cũng khác với Tây-Thi vậy thay ! Ôi ! Thúy-Kiều vốn là con hát, người hèn nghề tiện, mà không chịu để bận lòng như thế, trong bọn râu mày thật nhiều người nên xấu-hổ không bằng vậy. Ta thương cái chí của nàng, nên ta cóp-nhặt chép lấy hành-sự làm một bài truyện như sau này.

« Vương Thúy-Kiều là người Lâm-tri, thủa nhỏ bán cho bọn con hát, lấy họ là Mã, mụ giả-mẫu gọi tên cho là Kiều-nhi. Nàng phong-tư đẹp mà tính thông-tuệ. Đem về Giang-nam, dạy cho hát lối *Ngô-du* 吳 音 thời hát lối *Ngô-du* giỏi, dậy cho gẩy đàn tì-bà Hồ thời gẩy đàn Tì-bà Hồ hay ; thổi sáo thành khúc, tiếng trong mà cao, đánh phách cất giọng lên hát thời bao nhiêu người ngồi nghe phải nghiêng mặt mà chau mày. Trong xóm Bình-khang, Kiều-nhi đã đứng đầu danh-tịch. Nhưng Kiều-nhi vốn nhã-đạm, tính tự-nhiên, không khéo phấn-sức, cũng không sành cái thuật đón khách. Gặp anh buôn-bán to bụng, hay bác ngu-ngốc nhiều tiền, thời có ý kiêu-ngạo, không thèm liếc nhìn, không thèm nói ngọt. Mụ giả-mẫu lấy thế làm giận, thường chửi đánh. May có chàng thiếu-niên cho riêng Kiều-nhi tiền, để thoát khỏi mụ giả-mẫu mà dọn ra ở Gia-hưng, đổi tên là Vương Thúy-Kiều. Đương bấy giờ có người ở huyện Hấp 歙 tên là Lạ Long-Vân 羅龍文 giàu có nhiều tiền, có tính hào-hiệp, hay giao-du với bè-bạn nhiều, cùng với Thúy-Kiều giao-hoan lâu lắm, lại nuôi cả đứa con hát nhỏ tên là Lục-Châu 綠珠. Lúc ấy người đất Việt tên là Tạ Hữu là tay gian-hùng trộm cướp, vừa bắt được bác-đồ nó quẫn, lẻn vào chốn khuê Thúy-Kiều, ẩn-núp ban ngày không dám nhìn mặt ai. Long-Vân biết là tay tráng-sĩ, nghiêng mình kết bạn với, sánh vai nhau uống rượu, lại sai nàng Lục-Châu cho làm con hầu rượu cũng không từ. Đương lúc rượu nồng tai nóng, Hải sắn tay áo cầm chén ghé vào tai Long-Vân mà sẽ nói rằng : « Miếng đất cỏn-con này, không phải là trường đắc-ý của bọn ta. Nay trượng-phu há cứ uất-uất mà chịu dưới người ta mãi ru ? Ông nên gắng sức. Tôi cũng từ đây đi đây. Thanh-sơn có được phú-quí thời đừng quên nhau ». Nhân buồn-bực hát-hỏng, ở vài ngày rồi biệt đi.

« Từ Hải ấy, tức là sư chùa Hổ-bào 虎跑 ở Hằng-châu ; người ta thường gọi « Minh-sơn hòa-thượng » 明山和尚 chính là hắn vậy. Ở không bao lâu rồi Hải vào đất « Nụy-nô » 倭奴 (là người lùn, tức trong sách cũ chỉ nước Nhật-bản) làm chủ bọn thuyền-chài, sau đem hùng-binh qua bể, mấy lần sang xâm đất Giang-nam. Năm Gia-tĩnh thứ 35, vây tuần-phủ Nguyễn Ngạn 阮鸞 ở Đồng-hương 桐鄉, Thúy-Kiều, Lục-Châu đều bị bắt. Hải trông thấy hai người kinh-ngạc và lấy làm mến. Bảo Thúy-Kiều đánh đàn Hồ-tì-bà để nhắm rượu, mỗi ngày lại càng thêm sủng ái, cho gọi là phu-nhân, bắt các nàng hầu khác phải lạy. Thúy-Kiều đã được kiêu-ái không ai bằng, phàm quân-cơ mật-hoạch, duy có Thúy-Kiều là được dự nghe dự bàn. Song Thúy-Kiều ngoài là người thân yêu, mà trong thật là gây cho Từ Hải thất-bại sau này. Chỉ một lòng mong về nước, bao giờ nước mắt cũng chan-chứa trên mặt. Giữa lúc bấy giờ

có quan Tổng-đốc Hồ Tôn-Hiến 胡 尊 憲 khai-phủ ở Triết-giang 浙 江, khéo dụng binh, nhiều kế sách, muốn chiêu bàng Từ Hải. Sau khi giết được lũ Ma Diệp 麻 葉, Trần Đông 陳 東 và phá-tan được đảng Vương Trực 王 直, bèn sai Hoa-lão-nhân 華 老 人 đem hịch lại chiêu hàng. Hải giận lắm, bắt trói Hoa-lão-nhân định đem chém. Thúy-Kiều bảo Hải rằng: « Việc ngày nay sinh sát là ở ông. Hàng hay chẳng hàng, có việc gì đến người lai-sứ. » Hải bèn sai cởi trói, tiễn bạc cho về. Lão-nhân về cáo với Tôn-Hiến rằng: « Khí giặc đương mạnh, chưa thể toan được. Nhưng tôi ngó Vương-phu-nhân là người yêu của Từ Hải, tả-hữu xem có ngoại-tâm, hoặc có thể mượn mà giết giặc được chăng? » La Long-Văn nghe thấy thế, tự mừng rằng lại được đi lại với Thúy-Kiều như trước, bèn nhờ thượng-khách trong mạc-phủ là Sơn Âm 山 陰 và Từ Vị 徐 渭, đưa lên tiếp mặt Tôn-Hiến. Tôn-Hiến lấy nghĩa là người cùng làng, mừng thêm vái đón, nói rằng: « Ông có ý công-danh phú-quí chăng? Tôi nay muốn dùng ông đây. » Xong rồi nói việc lớn cho nghe. Bèn nhận chỉ tới dinh Từ Hải, ăn mặc áo mũ hào-hiệp như xưa. Tới nơi Hải ân-cần mời vào, cho ngồi thượng-tọa, đặt rượu mời, rồi nắm lấy tay Long-Văn mà nói rằng: « Túc-hạ xa-xôi tới đây, có phải là làm thuyết-khách cho Hồ-công chăng? » Long-Văn cười mà nói rằng: « Không làm thuyết-khách cho Hồ-công, chỉ nguyện làm trung-thần với cố-nhân mà thôi. Vương-Trực nay đã sai con nạp khoản, cố-nhân không thừa lúc bây giờ mà giải giáp thôi binh, tha-nhật tất đến bị bắt. » Hải ngạc-nhiên, nói rằng: « Thôi hãy tạm để chuyện đó đấy, ta cùng cố-nhân uống rượu đã. Đàn ngọt hát hay, chơi cho cực sung-sướng, tưởng người đại-trượng-phu lúc đắc-chí nên như thế. » Uống rượu được nửa cuộc, cho gọi Vương-phu-nhân cùng Lục-châu ra chào Long-Văn. Long-Văn cải-dung lấy lễ đáp; vui-vẻ lắm, không nói đến việc riêng. Thúy-Kiều vốn biết Long-Văn là người hào-hiệp, bèn khuyên Hải sai người tới đốc-phủ để thâu-khoản, giải vây Đồng-hương. Tôn-Hiến mừng lắm, theo kế Long-Văn, càng lấy vàng-bạc châu-báu cho đem mật lót cho Thúy-Kiều. Thúy-Kiều lại càng siêu lòng, ngày đêm khuyên Hải nên hàng. Hải tin lời, bèn định kế trói Ma Diệp, Trần Đông, ước hàng cho Tôn-Hiến. Đến thành Đồng-hương, mặc giáp-trụ vào. Lúc bấy giờ Triệu Văn-Hoa 趙 文 華, Nguyễn-Ngạc cùng với Hồ Tôn-Hiến đương ngồi dưỡng-hoàng. Hải khấu-đầu tạ tội, lại tạ Tôn-Hiến, Tôn-Hiến xuống thềm, soa vào trán mà nói rằng: « Triều-đình nay đã sá cho ngươi, ngươi không nên làm phản nữa », an-ủi mấy lời rồi cho ra. Hải ra thấy quan-binh tập đông lắm, đã tự nghi. Tôn-Hiến thời còn thương Hải, không muốn giết kẻ hàng. Nhưng Văn-Hoa thúc mãi, Tôn-Hiến bèn hạ-lệnh sai tổng-binh là Du Đại-Dư 俞 大 猷 chỉnh-sư tiến lên. Gặp gió lớn, lửa cháy mạnh, chư-quân đánh trống reo hò xông vào, giặc tan chết cả. Hải hoảng-hốt đâm đầu xuống sông, vớt lên, chém lấy đầu. Còn Thúy-Kiều thì bắt sống đem về quân-môn. Tôn-Hiến mở tiệc khao binh, bắt Thúy-Kiều hát lối *Ngô-dn* và mời rượu khắp mọi người. Các tham-tá kẻ thì quì lên chiếu, kẻ thì đứng giậy múa, dâng chén rượu chúc thọ cho Tôn-Hiến. Tôn-Hiến bị rượu say quá, mắt hoa lên, cũng [illegible] tay áo ngồi giậy cùng với Kiều-nhi [illegible] chơi đùa; trong đám tiệc lộn-xộn cả. Hôm sau Tôn-Hiến lấy làm xấu-hổ lúc say đã quá chơi, bèn đem Thúy-Kiều cho tên tù-trưởng Vĩnh-thuận mới [illegible] được. Thúy-Kiều đã theo tù-trưởng Vĩnh-thuận, đi đến giữa sông Tiền [illegible] ông, nức-nở than-khóc rằng: « Mi[illegible] sơn dãi ta hậu, ta vì việc

nước dụ hàng mà đến nỗi chết, nay giết kẻ tù-trưởng kia lại lấy kẻ tù-trưởng này, còn mặt mũi nào mà sống nữa ! » Bèn ngoảnh ra mặt sông, kêu khóc to lên, rồi đâm đầu xuống nước chết. »

« Nhà ngoại-sử nói rằng : — Ôi ! Thúy-Kiều chết để báo Từ Hải. La Long-Vân đời xưng là « Tiểu-hoa đạo-nhân » 小華道人, có tiếng là người về giỏi, trước lấy du-thuyết mà ngầm lót Thúy-Kiều, dụ cho đến Từ-Hải phải thôi binh, cũng khả-vị là người trí-sĩ. Nhưng đến sau y-phụ quyền-thế, cùng với Nghiêm Thế-Phồn 嚴世蕃 bị chém ở Tây-thị, thời cái chết ấy sánh với cái chết của Thúy-Kiều, như lông hồng sánh với núi Thái-sơn vậy. Người ta nên tự-trọng cái chết của mình, kẻ con hát kia còn biết, huống người sĩ-đại-phu ru ? Kẻ con hát kia còn biết mà người sĩ-đại-phu lại không biết là sao vậy ? Thương thay !

« Trương Sơn-Lai 張山來 có lời bàn thêm rằng : — Hồ-công xử việc Thúy-Kiều, không cho Tiểu-Hoa (tức là La Long-Vân) mà lại cho tù-trưởng, thời là cái ý thế nào ? Xem Thúy-Kiều sau khi bị bắt sống về, không chết ngay, chịu ngồi hầu rượu trước các tham-tá, thời đủ biết rằng trong bụng đã có ý vậy. Sau đâm đầu xuống sông chết có lẽ không phải là để báo Minh-sơn vậy. »

Ấy truyện Thúy-Kiều theo trong thuyết-bộ Tàu như thế. Cứ so-sánh truyện ta với truyện tàu thời đủ biết truyện ta là theo cái đại-ý của truyện tàu mà điểm-xuyết thêm ra, nhưng điểm-xuyết ra nhiều quá mới thành như một truyện mới vậy. Trong các nhân-vật của truyện nôm, chỉ có ba người là mượn ở truyện tàu : Thúy-Kiều, Từ Hải và Hồ Tôn-Hiến, còn các người khác là tự ta [illegible] tạo-thành ra cả. Và trong ba người ấy cũng chỉ có Từ Hải và Hồ Tôn-Hiến là cái tính cách giống như trong tiểu-thuyết tàu, còn Thúy-Kiều là người chủ-động thời tuy có hơi phảng-phất với cái kiều tàu ít nhiều, nhưng tính-tình nhân-cách thiệt là khác hẳn. Nói tóm lại thời cụ Tiên-điền ta chắc là đọc truyện Vương Thúy-Kiều trên kia, xúc-cảm mà sinh-tình, thương cái thân-thế người con hát tàu, nhân nghĩ ra một truyện hơi phảng-phất như thế để ngụ cái ý-tứ cao-thượng của mình và tả ra một bức tranh nhân-tình thế-thái, thật là tự mình kết-cấu lấy cả, không phải là dịch truyện cũ của Tàu, cũng không phải mượn gì ở truyện tàu. Đại-để các nhà văn-sĩ thường nhân một câu đọc trong sách, hoặc nhân một tích xưa, mà sinh ra cái tư-tưởng vô-hạn, có khi kết-cấu thành một bộ tiểu-thuyết ; như thế thì câu văn cũ, cái tích xưa ấy chẳng qua là cái mào để gợi ra những tư-tưởng đã ngụ sẵn trong tính-tình vậy. Đọc truyện Vương Thúy-Kiều, ai là người không có lòng thương người con gái tính-tình cao-thượng mà gặp phải số [illegible] long-dong ; nhưng cảm xúc vào một nhà thi-nhân có tài thời cái truyện người con hát tầm-thường ấy nghiễm-nhiên biến thành một tấm gương thiên-cổ để phản-chiếu cái tâm-sự của kẻ thấy những kẻ đoan-trường ở đời này. — Có lẽ lịch-sử truyện *Kim Vân Kiều* của ta đại-ước cũng như thế vậy.

2. — Lịch-sử tác-giả

Đã xét về cỗi-rễ truyện Kiều, nay nói đến lịch-sử tác-giả. Chắc [illegible] biết rằng người đặt truyện Kiều là cụ Tiên-điền Nguyễn-Du 阮攸, làm Lễ-tham-tri về đời Gia-long Minh-mạnh. Hành-trạng cụ thời trong quốc-sử có nói lược qua, nhưng ngoại-giả không được biết rõ cả lịch-sử thế nào. Mong rằng con cháu cụ ngày nay còn biết được tường về sự-trạng cụ, nên đem công-bố cho quốc-dân hay, vì một người đã có công với quốc-văn như cụ, thật đáng lưu-danh thiên-cổ, và đáng cho

sùng-phụng muôn đời như một ông thánh trong nước vậy. Các nước Âu-Mĩ trọng những nhà văn-sĩ hơn các bậc đế-vương, vì cái công-nghiệp về tinh-thần còn có giá-trị quí-báu hơn và ảnh-hưởng sâu-xa hơn là những sự-nghiệp nhất-thời về đường chánh-trị. Tên vua Louis XIV, vua Napoléon I có ngày mai-một đi được, mà tên những nhà danh-sĩ như Pascal, Corneille, Racine thời trong thiên-hạ còn có người học chữ Pháp, còn có người nói tiếng Pháp, còn có người biết tư-tưởng sâu-xa, thì còn không bao giờ quên được. Theo lý-tưởng cũ thời ở đời có ba cái « bất-hủ » : một là lập-đức, hai là lập-công, thứ ba là lập-ngôn ; nhưng cứ lịch-sử đời xưa đời nay mà chứng, thời có lẽ cái trật-tự ấy đảo-ngược lên mới là phải hơn, và ở đời này có lẽ lập-ngôn là cái kế bất-hủ hơn cả. Lập-ngôn là gì, là đem cái lý-tưởng rất cao của mình, cái cảm-tình rất thiết của mình, đem cả tâm-hồn tinh-tinh mình mà chung-đúc vào cái tiếng nói của trong nước mình, tiếng nói ấy đã kinh-qua bao nhiêu đời mới thành, tất cũng sẽ di-truyền bao nhiêu đời không mất, vậy thời tiếng còn là cái hồn mình còn, mà hồn mình còn là tiếng không mất được, như thế thời lập-ngôn chẳng là cái kế trường-sinh bất-diệt ở đời nay rư ? Lập-ngôn chẳng là đem cái cuộc sinh-tồn hữu-hạn của một đời người mà đồ-lộn vào cái cuộc sinh-tồn vô-hạn của một nòi-giống khiến cho mình nhờ nòi-giống mà lưu-danh mãi-mãi, nòi-giống cũng nhờ mình mà sống được vô-cùng rư ? Bao giờ ở trên bán-đảo Đông-dương này còn có người An-nam ở, người An-nam còn biết nói tiếng An-nam, thì truyện *Kiều* còn có người đọc, truyện *Kiều* còn có người đọc thời cái hồn cụ Tiên-điền còn phảng-phất mãi trong sông núi đất Việt-Nam không bao giờ mất được ! Ôi ! linh-hồn bất-diệt, linh-hồn bất-diệt là nghĩa thế nào ? Lấy lẽ tôn-giáo mà chứng thời huyền-viễn quá, người thường không thể hiểu được. Nhưng thiết-nghĩ đối với một nhà văn-sĩ thời linh-hồn bất-diệt tức là ở cái công trước-tác của mình, nếu công ấy đáng giá thời linh-hồn mình tất cùng với núi sông, cùng với nòi-giống lưu-truyền mãi-mãi, tưởng cũng có thể gọi là bất-diệt được, vì người ta ai cũng là « sản-nhi » của một giống, giống mình còn mình cũng còn, mình với giống mình cùng là một, còn có kế trường-sinh nào hơn nữa ?..

Bởi các lẽ đó mà những nhà đã có công với quốc-văn như cụ Tiên-điền, sự-trạng nên công-bố cho quốc-dân biết, một là có biết truyện người làm sách thời mới hiểu rõ cái văn-chương của người ta, hai là muốn sùng-phụng tiền-nhân cho xứng-đáng phải biết cái tâm-thuật của tiền-nhân thế nào.

Nay không thể khảo-cứu được rất tường-tận về lịch-sử cụ Tiên-điền, hãy xin dịch ra đây bài truyện-ký vắn-tắt của cụ ở trong *Đại-Nam Liệt-truyện* (chính-biên), là tập truyện những bậc danh-nhân Bản-Triều, do tòa sử-quán ở Kinh-đô soạn.

« Nguyễn-Du 阮攸, người huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh, là con quan Xuân quận-công nhà Lê Nguyễn-Nghiễm 阮儼, và là em quan tham-tụng Nguyễn-Khản 阮侃. Con nhà quyền-quí, lại thêm người có văn-tài, có khi-tiết, không chịu giúp nhà Tây-sơn. Năm đầu Gia-long, được bổ tri-phủ Thường-tín, sau mắc bệnh từ. Năm thứ 5 được thăng Đông-các-học-sĩ, năm thứ 8 bổ ra làm cai-bạ Quảng-bình, dân có chánh-tích. Năm 12 thăng hàn-lâm-viện chánh-điện học-sĩ, sung chức chánh-sứ sang tuế-cống bên Tàu. Khi về, lại thăng Lễ-bộ Hữu-tham-tri. Năm Minh-mạng nguyên-niên, lại có mệnh sang Tàu nữa, nhưng chưa kịp đi thì chết. Đức Thánh-tổ Nhân

Hoàng-đế (đức Minh-mạnh) thương tiếc lắm, ban cho vàng bạc hai mươi lạng, gấm vóc hai cây ; táng về rồi lại cho thêm ba trăm quan tiền nữa. — Du làm người tính khảng-khái tự-phụ, mà bề ngoài thời coi ra thuần-cẩn. Mỗi lần lên bệ-kiến, như sợ-hãi không nói ra lời ; Hoàng-đế thường dụ rằng : « Quốc-gia dụng người, duy chọn lấy người hiền-minh mà thôi, có phân-biệt chi kẻ Nam người Bắc. Như nhà ngươi đã được ta tri-ngộ, quan tới á-khanh, phải nên nói năng để cho xứng chức, há cứ rụt-rè sợ-hãi mà chỉ biết dạ-dạ vâng-vâng hay sao ? » — Làm thơ hay, lại tài về quốc-âm, khi đi sứ Thanh về có tập *Bắc-hành thi-tập* và tập *Thúy-Kiều truyện* hành-thế. Du lúc đầu lấy nhà mình là đời-đời làm quan với tiền Lê, gặp Tây-sơn nổi loạn không ra làm việc gì nữa, chỉ đi ngao-du săn-bắn, chín mươi chín ngọn núi Hồng-sơn, túc-tích đi gần khắp. Sau bị Nhà-nước gọi, không thể từ được mới phải ra. Làm quan thường bị chuyết với kẻ thượng-ti, uất-uất không đắc-chí. Kịp đến khi bệnh nặng không chịu uống thuốc, người nhà mó đến chân tay thời lạnh rồi ; khi chết cũng không rối-răng điều gì về sau cả.

« Có hai người em : một người tên là THẢNG 儻, một người tên là Sóc 朔, hai người đều có tài-nghệ nổi danh. THẢNG có tài vẽ và viết chữ tốt lắm, trước sung Hàn-lâm-viện, sau lên Công-bộ-thị-lang. Sóc thời [illegible] có tài khéo, vào giữa đời Gi[illegible] lon, làm tới quan Công-bộ-kiểm-sự, rồi làm Giám-đốc Vũ-khố. » (*Đại-N[illegible]n Chính-biên Liệt-truyện*, sơ-tập [illegible]yển 20, trang 9).

Lời sử tuy nghiêm-trả[illegible]-tắt, nhưng đọc qua bài tiểu-t[illegible] trên kia, tưởng cũng đủ đoá[illegible]ợc cái tâm-sự của Cụ Tiên-điền [illegible]. Xem đó thời rõ biết Cụ có [illegible] trầm-uất, làm quan thường không [illegible] đắc-chí, và trong sự kinh-lịch có [illegible] bất-bình.

Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn [illegible]

Bởi lòng đau đớn nên cầm bút [illegible] thường thổ-lộ ra những giọng thi[illegible] ai-oán, đầy khắp một quyển t[illegible] Kiều. Có lắm câu trong-vắt nh[illegible] lụy rơi, não-nùng như tiếng [illegible] gọi, khiến người đọc đến phái [illegible] ngùi mà gạt lệ, đủ biết tác-giả cũng [illegible] một khách đoạn-trường và cùng [illegible] Kiều-nhi cũng là người một thuy[illegible] một hội vậy. Trong sử lại nói Cụ [illegible] rụt-rè và ít hay nói : xưa nay [illegible] người không hay biểu-lộ cái tình [illegible] ra ngoài thường uất-súc vào [illegible] lại càng thêm kịch-liệt. Cụ đã [illegible] thiên-bẩm như thế, lại gặp phải [illegible] loạn : vốn giòng bầy-tôi cũ triều [illegible] lại ở vào giữa buổi Lê-triều mạt-[illegible] Tây-sơn dấy lên, nước nhà điên [illegible] đã hôi-tâm thối-chí, không còn [illegible] ra thi-thố gì với đời nữa. Kịp đế[illegible] Nguyễn-triều lên kế-thống, thời [illegible] tôi triều trước thờ chúa triều sau, [illegible] ngộ cũng có điều khó xử, mà lòng không khỏi mối ăn-năn, nên [illegible] bị vua quở-trách, dưới bị bọn thương ti khuất-nhục Những tình-tiết, những nông-nỗi ấy, vào một người đa-thị đa-cảm, ủy-súc uất-phẫn như Cụ, thời tiện-thị là những nông-nỗi, những tình-tiết đoạn-trường cả, nên [illegible] chi cái công-trình tâm-huyết của [illegible] là tập truyện Kiều kia, từ đầu [illegible] lại chẳng là một khúc « đoạn-trường thanh » ! Nhưng cái đau-đớn của khách tài-tình không phải là cái đau-đớn [illegible] ích : nhờ cái đau-đớn của Cụ Nguyễn-Du mà trong kho « hương-hỏa » của tổ-tiên ta để lại, thêm được một bạt chân-châu vô-giá, đủ bổ-cứu cho sự nghèo-nàn của giống ta, hạt chân-châu ấy là cái áng phong-tình kiêm tiết-nghĩa của nàng Kiều vậy.

8. — Văn-chương truyện Kiều

Truyện Kiều kết-cấu thế nào, trên kia đã lược kể rồi. Nhưng xếp-đặt các tình-tiết, điều-hòa các cảnh-ngộ, châm-chước biến-hóa, khác nào như người làm nhà mới vẽ xong cái kiểu, kiểu đã xong phải dựng cho thành thân cái nhà mới là công hoàn-thành, mà phần đó lại là phần khó nhất. Ở đâu cũng là khó mà ở nước ta lại là khó hơn nữa, vì tài-liệu ta ít-ỏi, thường thiếu-thốn không đủ dùng. Thế mà Cụ Tiên-điền ta cũng dựng nên cái nhà vàng cho nàng Kiều ở, thì đủ biết Cụ là một tay thợ tài, và tài-liệu của ta nếu khéo biết dùng cũng không phải là không sung-túc vậy. Mà thật văn-chương truyện Kiều quả là một nền văn-chương tuyệt-bút, có lẽ văn tàu cũng không được mấy chỗ hay bằng. Nay muốn phát-minh cho hết những đoạn văn hay trong truyện Kiều, thời không thể sao khắp được, vì suốt truyện không một câu nào là đặt non đặt ẩu, câu nào cũng là lời chải-chuốt, ý sâu-xa cả. Vậy sau đây gọi là lược-cử răm-ba câu, một vài đoạn ký-giả lấy làm hay nhất, có ý-tứ nhất, và thử giải cái sở-dĩ.

Phàm văn-chương hay là thứ nhất ở lời văn điêu-luyện, thứ nhì ở ý-tứ thâm-trầm. Có ý-tứ hay mà lời văn không đạt, thời ý-tứ cũng không biểu-lộ ra được; có lời văn đẹp mà không có ý-tứ gì thời khác nào có vỏ mà không có ruột, có xác mà không có hồn. Xét trong truyện Kiều thật là kiêm được cả hai, lời văn rất luyện mà ý-tứ rất sâu, lời văn luyện cho đến nỗi tưởng không ai có tài nào đặt hơn được nữa, và trong một câu không thể nào dịch đi một chữ, đổi lại một tiếng, giọng hồn-nhiên như trong ống thiên-lại mà ra; ý-tứ sâu cho đến nỗi càng đọc càng cảm, càng nghĩ càng thấm, lời lời trầm-trọng như mang nặng một gánh tình, thi ết-tha như kêu oan nỗi sầu-khổ, có cái cảm-khái vô-cùng.

Văn-chương hay ở lời ở ý, mà ý với lời lại còn phải cho xứng-hợp với cái cảnh cái người định mô-tả, thời mới gọi là hoàn-toàn được; cảnh vui mà giọng buồn không hợp, cảnh buồn mà giọng vui cũng không hợp; chỗ cảm-động phải ra lời cảm-động, chỗ chua-cay phải có giọng chua-cay; người điên-đảo phải nói câu điên-đảo; người thuần-hậu phải ra vẻ thuần-hậu, mà khách giang-hồ phải ra thói giang-hồ. Văn truyện Kiều thật được trúng như thế không sai. Chỗ nào lời văn cũng là in với nghĩa truyện, ý-tứ hợp với cảnh người, lời nào ý nào cũng thích với nhân-tình thế-cố, khiến cho nhiều câu trong truyện Kiều đã thành những lời cách-ngôn thiên-cổ, dẫu người thường cũng biết dùng trong khi nói chuyện như dùng tục-ngữ phương-ngôn vậy.

Đó là mấy cái tính-cách chung của văn-chương truyện Kiều, suốt trong truyện từ đầu chí cuối đều đủ bấy nhiêu tính-cách cả. Văn-chương nào đã trúng-cách như thế là văn-chương có giá-trị cả, dẫu ngoài không có cái tinh-thần gì khác nữa cũng là đủ lưu-truyền vậy. Nhưng truyện Kiều sở-dĩ hơn các văn-chương khác chính là ở cái tinh-thần riêng ở ngoài lề-lối ấy. Cái tinh-thần ấy cao-thâm mà uyên-áo, sán-lạn mà rực-rỡ, điều-hòa mà êm-ái, mãnh-liệt mà hùng-hồn, tuy trạng-thái có khác nhau mà cũng đều là một mảnh hồn thơm của giai-nhân người danh-sĩ cách-đại [illegible] nhau, cái hương thừa còn phảng-phất trong toàn-truyện. Cái tinh-thần ấy không thể gồm một câu mà tóm [illegible] ược, nhưng đại-để là một cái [illegible] thần xót-xa đau-đớn, cảm-hận bi-tráng, dẫu trong lúc vui-vầy cũng có [illegible] cay-đắng, dẫu trong cuộc chuy-hoa [illegible] ng có vẻ u-sầu.

Trên kia đã nói truyện Kiều là một khúc « đoạn-trường-thanh ». Mà thật truyện [illegible] tức là một bài đàn chia

ra làm mấy khúc, mà người gẩy là một kẻ sầu-nhân. Thủa nhỏ mới học đàn đã gẩy khúc « bạc-mệnh », rồi sau trong mười mấy năm trời đổi xoang đổi điệu biết bao nhiêu lần, mà lần nào cất tiếng lên cũng là có cái giọng « bạc-mệnh » ở trong ấy cả ; thành ra một tiếng đàn ấy là cái tia-mạch ngầm quán-xuyến cả cuộc đời cô Kiều, cả toàn-thiên truyện Kiều vậy. Các nhà đại-trước-tác xưa nay phàm kết-cấu những trường-thiên đại-đoạn thường hay dùng một cái ngụ-ý để làm cái giây vô-hình liên-lạc các bộ-phận trong bài văn, các chương-tiết trong quyển sách. Cái ngụ-ý trong truyện Kiều ấy tức là tiếng đàn của cô Kiều, tiếng não-nùng ai-oán, suốt cả trong truyện không đâu là không như văng-vẳng nghe thấy bên tai...

Giữa buổi đêm khuya kia, đương lúc tình-ý nồng-nàn, ngỏ gẩy cho kẻ tri-âm nghe. Tưởng suốt đời cô Kiều không có thời-khắc nào vui sướng bằng cái phần đêm hôm ấy, nên cả nghề tài phô-bày ra hết, mà tiếng đàn gẩy lên

Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vời ;
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa. (1)

« Hay thì thật là hay », mà « nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào, » khiến cho « người ngồi đấy » cũng phải ngơ-ngẩn sầu » !

« Lựa chi những khúc [illegible]u-tao,
« Thiệt lòng mình cũng n[illegible]-nao lòng
[illegible]ời ? »

— Rằng : « Quen mất [illegible]rồi,
« Tẻ vui thôi cũng tính trò[illegible] sao ?..»

Lại buổi đêm kia nữa, khi đã kinh-qua những sự nguy-hiểm tầy trời, mới vào lĩnh chức Hoa-nô ở nhà Á Hoạn,

Phải đêm êm-ả chiều trời,
Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày ;
Lĩnh lời nàng mới lựa giây,
Nỉ-non thánh-thót dễ say lòng người.
Tiểu-thư xem cũng thương tài....

Rồi đến lúc bắt ra hầu rượu Thúc-lang, trông mặt cố-nhân lòng càng đau-đớn, mà tiểu-thư ác-nghiệp thay lại bắt giở đến nghề chơi mọi ngày,

Rằng : « Hoa-nô đủ mọi tài,
« Bản đàn thử giạo một bài chàng nghe »
Nàng đà choáng-váng tê-mê,
Vâng lời ra trước bình the vặn đàn.
Bốn giây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng!
Cùng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm.
Giọt châu lã-chã khôn cầm,
Cúi đầu chàng những gạt thầm giọt Tương
Tiểu-thư lại thét lấy nàng :
« Cuộc vui gẩy khúc đoạn-trường [illegible]
[illegible]chi ?...»

Lại đến lúc Từ-Hải đã bị lừa mà chết, Hồ Tổng-đốc mở tiệc trong dinh,

Bắt nàng thị-yến dưới màn,
Giở say lại ép cung đàn nhật-tâu.
Một cung gió thảm mưa sầu,
Bốn giây rỏ máu năm đầu ngón tay.
Ve kêu vượn hót não tầy,
Lọt tai Hồ cũng nhăn mày rơi châu !
Hỏi rằng : « Này khúc ở đâu ?
« Nghe ra muôn thảm nghìn sầu lắm [illegible]
[illegible]thay !»
Thưa rằng : « Bạc-mệnh khúc này.
« Phổ vào đàn ấy những ngày còn thơ.
« Cung đàn lựa những ngày xưa,
« Mà gương bạc-mệnh bây giờ là đây! »

(1) Nên so-sánh khúc này [illegible]húc trong thiên « Cầm-tâm » ở *Tây-xương* : « ... 其聲壯似鐵騎刀[illegible]冗。其聲幽似落花流水溶溶。其聲高似風清月朗[illegible]唳空。其聲低似兒女語小窗中[illegible]喁...知音者芳心[illegible]同。感懷者斷腸悲痛。...»

[illegible]ng đắm ngắm càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngày vì tình ! . . .

Cho đến hồi tái-hợp, mười lăm năm nói lại ngồi cùng ai như đêm nào :

Tình xưa lai-láng khôn hàn,
Thong-dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
Nàng rằng : « Vì mấy đường tơ,
« Lầm người cho đến bây giờ mới thôi !
« Ăn-năn thì sự đã rồi,
« Nề lòng người cũ vâng lời một phen. »
Phím đàn dìu-dặt tay tiên,
Khói trầm cao-thấp tiếng huyền gần xa.
Khúc đâu đầm-ấm dương-hòa,
Ấy là hồ-điệp hay là Trang-sinh ?
Khúc đâu êm-ái xuân-tình,
Ấy hồn Thục-đế hay mình đỗ-quyên ?
Trong sao châu rỏ duềnh quyên,
Ấm sao hạt ngọc Lam-điền mới đông ?
Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng não-nùng xót-xa ?
Chàng rằng : « Phổ ấy tay nào ?
« Xưa sao sầu thảm nay sao vui vầy ?
« Tẻ vui bởi tại lòng người,
« Hay là khổ tận đến ngày cam lai ? »
Nàng rằng : « Vì chút nghề chơi,
« Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy [lâu !
« Một phen tri-kỷ cùng nhau,
« Cuốn giây từ đấy về sau cũng chừa. »

Cầm đến đàn là gẩy nên tiếng bạc-mệnh, cũng như bước chân ra là gặp phải cảnh đoạn-trường, đó là cái ngụ-ý của tác-giả muốn mượn tiếng đàn mà biểu-hiệu cái thân-thế cô Kiều. Khúc khúc rặt những giọng tiêu-tao, kịp cho đến lúc sau cùng kết-cục vì người cũ mà phải giở đến ngón đàn xưa, thời tuy có gẩy nên những giọng đầm-ấm xuân-tình nhưng rõ là gẩy gượng mà thôi, giọng vui ấy lại thảm hơn mấy mươi lần những giọng thảm trên kia, cũng như cuộc vui cuối mùa ấy cũng là vui gượng cho khỏi phụ lòng ai, chớ thân-thế ấy còn vui sao được nữa ! Bi thay ! Nhà thi-nhân biết đặt cái ngụ-ý sâu-xa như thế thật là tuyệt-xảo vậy.

Kể cái khéo trong văn-chương truyện Kiều thời còn nhiều lắm không sao nói cho hết được, nhưng cái khéo ấy không phải là cái tiểu-xảo ở sự xếp câu hiệp vận, đưa đẩy đệm lót, mà phần nhiều ở cái ý-tứ thâm-trầm, cảm-tình vô-hạn.

Như tả hình-dung hai chị em Vân Kiều, lời đều trang-nhã, mà rõ biệt ra hai bức tranh người khác nhau, rất là có ý-vị.

Một bên thời

Vân xem trang-trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy-đặn nét ngài nở-nang.
Hoa cười ngọc thuyết đoan-trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường mầu [da.

Một bên thời

Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn.
Làn thu-thủy nét xuân-sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Trang-trọng, đầy đặn, nở nang, hoa cười, ngọc thuyết, đoan trang, nước tóc, mầu da, kể đẹp cũng đã đẹp thật, nhưng rõ ra cái đẹp về hình-thức nhiều hơn là cái đẹp về tinh-thần, đẹp đài-các mà không phải đẹp tài-tình, đẹp « vô-hồn » như bức tranh người mĩ-nhân vậy. — *Sắc-sảo, mặn mà, tài, sắc, thu-thủy, xuân-sơn, hoa thắm, liễu xanh,* cũng là đẹp mà là đẹp đậm-đà, đẹp có tinh-thần, có khí-sắc, có sinh-hoạt, có tài-tình. Chỉ đọc tám câu thơ ấy cũng đủ biết đủ cả tính-tình hai người con gái, một người đài-các, một người tài-tình, người đời các thời cái thân-thế sau này chắc cũng bình-thường như các cô con gái thường, cũng có gì là lạ ; mà người tài-tình lại càng tài-tình lại càng phải đem thân ra nếm trải những mùi chua cay ở đời để tăng thêm cho cái kho kinh-nghiệm của nhân-loại về đường luyện-tình xưa nay : đó vẫn là cái số-phận xưa nay những người có tài mà lại có tình vậy.

Về người đến thế đã là khéo lắm, nhưng đó là cái lối vẽ chính-thức, còn lối vẽ phá-bút, chỉ một vài câu răm ba chữ mà hình-dung được cả nhân-cách một người, như đánh dấu đến thiên-cổ không bao giờ sai được.

Quá niên trạc ngoại tứ-tuần,
Mày râu nhẵn-nhụi áo quần bảnh bao.
Ghế trên ngồi tót sỗ-sàng...
Cỏ kè bớt một thêm hai...,

rõ ra chú Mã Giám-sinh, anh lái buôn người làm ra mặt văn-nhân đi kén vợ.

Tú-bà vắt nóc lên giường ngồi ngay...
Bấy giờ mới nỗi tam bành mụ lên...

thật là mụ mẹ giầu đào-để tai-ác.

Nghĩ rằng cùng mạch thư-hương,
Hỏi ra mới biết là chàng Sở-khanh...,

là thằng sỏ-lá làm mặt hào-hiệp.

Thúc-sinh là anh dại-gái mà sợ vợ, người tầm-thường nhu-nhược, nói với gái thời nói khoác :

« Đường xa chớ ngại Ngô Lào,
« Trăm điều hãy cứ trông vào một ta...
« Đá vàng cũng quyết phong-ba cũng liều... »,

mà về đến nhà thấy vợ làm tội nhân-tình, không dám hở răng can-gián, không dám tỏ rõ sự-tình, cái hiệp-khí lúc trước đi đâu mất cả, đành chịu làm « người bó tay »...

Hai câu sau này rõ ra cô Hoạn-thư, con gái quan đài-các mà [illegible]nh-thẹp :

Ở ăn thì nết cũng hay,
Nói điều giàng buộc thì tai [illegible]ũng giả...

Văn tả-cảnh thời lắm bức [illegible]-bút :

Tà-tà *bóng ngả về tây...*
Nhìn xem phong-cảnh có bề [illegible]n-thanh.
Nao-nao *dòng nước uốn [illegible]anh,*
Dịp cầu nho-nhỏ *cuối ghềnh [illegible]ước sang.*
Sè-sè *nấm đất bên đ[illegible]*
Rầu-rầu *ngọn cỏ nửa vàn[illegible]ửa xanh...*

Mấy chữ rắp-đôi đó thật là [illegible] lắm và tả được hết cái vẻ buồn-rầu trong phong-cảnh chiều hôm.

Lại như bức cảnh sau này nữa, thật là cái cảnh nặng tình :

Kiều từ trở gót trường hoa,
Mặt trời gác núi chiêng đà thu không.
Gương Nga chênh-chếch dòm song,
Vàng gieo ngấn nước cây lồng [illegible]
Hải-đường lả ngọn đông-lân,
Giọt sương gieo nặng cành xuân la-đà.
Một mình lặng ngắm bóng Nga,
Dộn đường gần với nỗi xa bời-bời...

Tả cảnh theo phép phong-lưu cả, có đủ : phong, hoa, tuyết, nguyệt, thi, họa, cầm, kỳ, trang-nghiêm mà điêu-[illegible], thời tám câu như sau này thật là tuyệt-phẩm :

Dòi phen gió tựa hoa kề,
Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu.
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.
Dòi phen nét vẽ câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt nước cờ [illegible]
Vui là vui gượng kẻo mà,
Ai tri-âm đó mặn-mà với ai ?

Lại cái cảnh kẻ đi người ở, thương nhớ bùi-ngùi, thật là ý nhã và lời xinh :

Người về chiếc bóng năm canh.
Kẻ đi muôn dặm một mình xa-xôi.
Vầng trăng ai sẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường...

đọc tưởng như trông thấy bức tranh mĩ-nhân đứng cửa sổ dưới bóng trăng mà con mắt đăm-đăm nhìn xa như tư[illegible] vọng ai...

Đại-để cảnh nào trong truyện Kiều cũng là cảnh đeo tình, mà tình là tình, sầu-tình cả.

Văn tự-sự thời như đoạn Vương Quan thuật lại truyện Đạm-Tiên cho hai chị nghe, đoạn Đô-lại thuật truyện Kiều cho Kim-Trọng nghe, lời gẫy-gọn, phân-minh, rạch-ròi, đáng.

[illegible] chỉ một câu thơ mà gợi ra cái tình-ý vô-cùng, bày ra những nông-nỗi bát-ngát. Như câu

Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh...,

người ta ai cũng có lúc nghĩ xa man-mác mà thấy ghê-sợ rùng mình như vậy.

Trong văn-chương Pháp thường truyền có câu thơ của ông RACINE:

C'était pendant l'horreur d'une profonde nuit... (1),

cho là hay lắm, chỉ có mấy chữ mà gợi ra được cái cảm-giác sợ-hãi lúc đêm khuya. Nhưng thiết-tưởng câu trong truyện Kiều :

Canh khuya thân gái dặm trường...,

cũng chẳng kém gì, có lẽ lại uẩn-súc bao-hàm hơn. Đêm đã khuya, thân là con gái, mà đường đi thì dài, chỉ có sáu chữ mà diễn ra được cái cảm-giác hãi-hùng ghê-sợ biết bao nhiêu !

Những câu lời vắn-tắt mà ý-tứ nhiều như vậy, trong truyện Kiều thật nhiều lắm, không kể sao cho xiết được. Như câu :

Tinh trong như đã mặt ngoài còn e...,

có rõ ra cái thái-độ cô con gái thẹn-thùng, mới nói chuyện với nhân-tình lần thứ nhất không ?

Văn-chương ta vẫn có tiếng là không biết tả-thực, hay chuộng những cảnh hư-đường huyền-diệu. Văn-chương truyện Kiều thời không thế ; chỗ nào nên tả-thực rõ ra nét bút tả-thực, mà vẫn có cái vẻ trang-nghiêm thanh-nhã. Như mấy đoạn tả về lầu xanh :

Bên thì mấy ả mày ngài,
Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.
Giữa thì hương-án hẳn-hoi,
Trên treo một tượng trắng đôi lông mày.
Lầu xanh quen lối xưa nay,
Nghề này thì lấy ông này tiên-sư.
Hương hôm hoa sớm phụng thờ,
Cô nào xấu vía có thưa mối hàng.
Cỗi xiêm cất áo sổ-sàng,
Trước thần sẽ nguyện mảnh hương làm rầm.
Đổi hoa lót xuống chiếu nằm,
Bướm ong bay lại ầm-ầm tứ-vi.....
.....
Mụ rằng : « Ai cũng như ai,
« Người ta ai mất tiền hoài đến đây ?
« Ở trong còn lắm điều hay,
« Nỗi đêm khép mở nỗi ngày riêng chung.
« Này con thuộc lấy làm lòng,
« Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề.
« Chơi cho liễu chán hoa chê,
« Cho lăn-lóc đá cho mê-mẩn đời... »

Lại như đoạn Kiều tắm, cũng là tả-thực, mà thanh-nhã biết bao nhiêu :

Buồng the phải buổi thong-dong.
Thang lan rủ bức trướng hồng tầm hoa.
Rõ-ràng trong ngọc trắng ngà,
Đầy đầy sẵn đúc một tòa thiên-nhiên !
Sinh càng tỏ nét càng khen,
Ngụ-tình tay thảo một thiên luật Đường...

Nói tóm lại thời trong truyện Kiều thật là đủ các lối văn-chương, mà lối nào cũng tới cực-điểm, mỗi lối một vẻ, mà lối nào cũng là « mười phân vẹn mười » vậy. Lạ thay, tiếng An-nam ta nhiều người chê là nghèo-nàn non-nớt, thế mà truyện Kiều thời rõ ra một áng văn-chương lão-luyện, tưởng có thể sánh với những hạng kiệt-tác trong văn-chương khác mà không thẹn vậy. Thế biết rằng tiếng ta cũng đủ phong-phú, điều khéo luyện-tập cũng làm nên văn-chương hay, chẳng kém gì tiếng nước khác, chớ không phải

(1) Nghĩa là : Đương lúc ghê-thảm đêm khuya.

như nhiều người tưởng lầm là một thứ tiếng bán-khai, đành lòng bỏ đi để đem công mà học văn-chương nước khác. Lại lạ nữa là trước truyện Kiều không có văn nôm gì hay bằng văn Kiều — trừ có khúc *Cung-oán* và truyện *Hoa-tiên*, tương-truyền là làm từ trước truyện Kiều, tuy cũng là bậc văn nôm có giá-trị, nhưng kể còn kém văn Kiều nhiều — mà sau truyện Kiều cũng không có văn nào bằng văn Kiều ; đủ biết người nước ta xưa nay vẫn khinh-thường văn quốc-âm không chịu tập, bỏ phí mất cái lợi-khí thiên-nhiên của Tạo-vật đã phú-dữ cho người mình để mở-mang cho giống-nòi được tiến-hóa. Người trước đã xao-nhãng, người sau nên chăm-chút, cho hồn cụ Tiên-điền ta dưới chín suối không đến nỗi ngậm-ngùi than rằng đời sau không có kẻ kế-nghiệp vậy.

4. — Tâm-lý Cô Kiều

Theo phép phê-bình của văn-học Thái-Tây thời muốn biết một nhà văn-sĩ có tài hay không, nên xét xem những nhân-vật kết-cấu ra có cái vẻ linh-hoạt như người sống hiển-nhiên không, hay là chẳng qua là những người mơ-hồ như trong giấc mộng, những hình bù-nhìn chuyển-động như cái máy mà thôi. Vì truyện có đằm-thắm trong cái chân-cảnh người ta, có thiết đến những nỗi vui-buồn sướng-khổ ở đời, có trúng với nhân-tình thế-thái, nói tóm lại là có hoạt-động, hiển-nhiên như sự thực, khiến cho người đọc đến quên hẳn mình, tưởng như chính thân lịch những cảnh-huống ấy, chính mình cảm những nỗi ấy, mình tức là người trong truyện, người trong truyện tức là mình vậy, như thế thời truyện mới cảm người được. Khi đọc những bộ tiểu-thuyết có tiếng của Thái-Tây thường có cái cảm-giác như thế, như người trong truyện là người sống thật, đương hành-động ở trước mặt mình. Cho nên [illegible] gọi những nhà văn-sĩ có tài là những bậc sáng-tạo ra nhân-vật (*des créateurs de vie*), các nhân-vật ấy có khi sinh-tồn mãi-mãi trong tinh-thần tưởng-tượng của người đời, không bao giờ mai-một được nữa. Cụ Tiên-điền ta đặt ra truyện Thúy-Kiều thật cũng đáng là một tay sáng-tạo tuyệt-luân, vì có Kiều đã thành một nhân-vật não-nùng ở trong tình-giới người nước ta, thành một người bạn bi-thu thê-thảm của biết bao nhiêu kẻ bạc-mệnh tài-tình tự hơn một trăm năm tới giờ và cho đến muôn đời về sau nữa. Nhờ tay cụ tác-thành mà người con hát vô-danh ở miền Triết-giang Phúc-kiến bên Tàu tự ba bốn trăm năm về trước kia, đã thành một cái gương phong-tình tiết-nghĩa cho người cả một nước soi chung.

Phong-tình mà tiết-nghĩa, cả cái tâm lý cô Kiều là gồm trong bốn chữ ấy. Lịch-sử không thiếu gì những gương đàn-bà tiết-liệt, nhưng các bậc ấy thì nghiêm quá, chỉ khiến cho người ta kính sợ, không khiến cho người ta mến yêu. Ở đời không thiếu gì những kẻ trăng-hoa, nhưng các hạng ấy thì tiện quá, chỉ khiến cho người ta khinh nhờn, không khiến cho người ta quí-chuộng. Có cái đức nghiêm của bậc liệt-nữ, mà lại có cái vẻ tình của khách phong-lưu, đức-hạnh đủ khiến kính, tài-tình đủ khiến yêu, giá-trị đủ khiến qui, thân-thế đủ khiến thương, vì cảnh-ngộ mà phải nặng kiếp đào-hoa, trong tình-ý vẫn ra người nghĩa, ở nơi ô-trọc mà vẫn giữ được tiết thanh-cao, gặp cảnh gian-nan không hề đến nỗi đắm-đuối, Kiều-nương thật là gồm được cả bấy nhiêu tính-cách, nên ai đọc truyện cũng phải kính, phải thương, phải yêu, phải trọng.

Kiều là một kẻ sầu-nhân : xem như thủa nhỏ mới học đàn đã gẩy khúc bạc-mệnh, khi đi thăm mộ lại sẵn mối thương-tâm, « trông người nằm đó

[illegible] nào », nghe lời thầy tướng đoán mà tin ngay ở số đoạn-trường, toàn là những khóe một người không biết sự sung-sướng ở đời là gì. Sướng gì bằng lúc ngồi nói chuyện với kẻ tình-nhân, thế mà cũng nghĩ xa nghĩ gần, nói những lời sái, gầy những khúc buồn, khiến cho người ngồi đấy cũng phải ngơ-ngẩn trong lòng mà thê-lương trong dạ. Lại như lúc vui-vầy với Thúc-sinh, như người ta ra thời thân đã đến thế, được vui-sướng ngày nào hay ngày ấy, còn mưu-tính xa-xôi làm gì, cho uổng mất cái thời-giờ qui-báu ấy, thế mà cứ một mực khuyên chàng Thúc về tính việc nhà, kết-cục đến xảy ra sự tai-nạn bất-kỳ. Lại như khi ăn-ở với Từ Hải, tưởng sướng đến thế đã là cực, như người ta ra thời cứ yên lòng mà tận hưởng cái sướng ấy, phận đàn-bà biết đâu những việc quân-cơ mà bàn hơn tính thiệt, nỗi địch nỗi hàng, cho đến gây ra cuộc thất-bại, phụ lòng người tri-kỷ mà lại đem thân đi chìm nổi một lần nữa. Nhưng đã bẩm tính ra người hay nghĩ hay buồn thời gặp cảnh-ngộ nào cũng là khiến cho phải buồn phải nghĩ, mà không biết hưởng cái sung-sướng nông-nổi của người đời. Vì ở đời phải có tính nhẹ-nhàng nông-nổi mới sướng được, người thâm-trầm là người đau-đớn, cổ-lai nay bao giờ cũng thế : Kiều-nương là người đa-tư đa-cảm, lại là thân-phận đàn-bà, mà là đàn-bà có tài-tình, nên cái khổ lại bội-phần hơn người thường.

Kiều là người hay nghĩ hay buồn, lại là người khôn-ngoan biết điều quá, nghe những lời nói-năng, coi những cách cư-xử, thật là phải-chăng đến điều. Phải-chăng quá thành ra tỉnh-ngộ quá, không biết ham-mê cái gì nữa. Trong các tiểu-thuyết tây, người đàn-bà chủ-động trong truyện thường là người có ham-mê sự gì hoặc ham-mê người nào, mà vì sự trắc-trở ở ngoài không được mãn-ý, hết sức chống-cưỡng lại thành ra mọi nỗi khổ-sở long-đong. Kiều đây tuy có tình với chàng Kim Trọng, tình ấy tuy đậm tuy sâu, mà vẫn giữ lấy thích-trung, đến khi phải đem tình với hiếu ra cân nhau, thời nhất-quyết vị hiếu bỏ tình, không có chút phàn-nàn lưỡng-lự gì cả. Là vì Kiều tin rằng muôn sự tại Trời, mệnh Trời còn cưỡng sao được, dẫu việc gì xảy ra cũng đành chịu vậy.

Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
Mà xem con Tạo xoay-vần đến đâu.

Đã thế thời không có lòng ham-muốn gì nữa, vì biết rằng mình ham-muốn mà Trời không cho, số không được, thời cũng không được ; đã không ham-muốn gì thời số-phận xoay-vần thế nào cũng mặc dần, dẫu phải cực-khổ đau-đớn cũng chịu vậy chớ biết sao. Thành ra người là cái hi-sinh của vận-mệnh, vận-mệnh khiến sao phải chịu vậy ; bởi vậy nên các tình-tiết trong truyện không phải là vì người ta đề-kháng với vận-mệnh mà thành ra như trong các truyện tây, mà là tự đâu đâu xảy đến cả, trước khi xảy đến không dự biết, khi xảy đến rồi cam lòng chịu vậy. Như thế thời người « chủ-động » trong truyện tức là người « thụ-động » của cái vận-mệnh mà thôi, chỉ khác là bị cái vận-mệnh nó làm khổ hơn người thường vậy. Nhưng có khi nó làm khổ quá, không biết giải duyên-cớ ra làm sao thời lấy cái lý-thuyết của đạo Phật mà chứng, cho là bởi ăn-oan nghiệp-trướng gì :

Kiếp xưa đã vụng đường tu,
Kiếp này [illegible] kéo đền bù mới xuôi...
Lấy [illegible] trả nợ đời cho xong...

Nói tóm lại thời Kiều là một người đa-tình, [illegible]ng không đắm-đuối vì tình, biết [illegible] nghĩ mà chế tình, thế là trúng với [illegible] lý-tưởng của đạo Nho. Lại là người [illegible]t khôn-ngoan, « biết đường khi [illegible] trọng biết lời phải

chăng », đáng lẽ thời ở đời phải êm-thấm trót-lọt lắm mới là phải, thế mà chỉ gặp những sự hoạn-nạn khổ-sở, không biết bởi đâu mà ra, bèn tin rằng bởi cái số-phận đã định như thế, cái tiền-duyên đã khiến như vậy, không sao mà cưỡng được, đành đem mình làm hi-sinh cho vận-mệnh, thế là có ý khuynh-hướng về Phật. Tính-cách là tính-cách Nho mà tinh-thần là tinh-thần Phật, đó cũng lại là một cái đặc-sắc trong tâm-lý cô Kiều. Bởi tính-cách Nho nên trong cách cư-xử có cái chủ-nghĩa «trung-dung», dẫu vào cảnh-ngộ nào cũng rõ ra người biết điều phải-chăng, nền-nếp khôn-ngoan ; bởi tinh-thần Phật nên về đường quan-niệm có cái chủ-nghĩa «định-mệnh», tin rằng số-phận mình là đã định sẵn từ bao giờ, dẫu thế nào cũng đành phải chịu vậy, không dám nói sao. Có cái tinh-thần ấy lại có cái tính-cách ấy, người ở đời khôn-ngoan như thế mà gặp phải cảnh đau-đớn như vậy, mới thành ra một nhân-vật rất não-nùng ai-oán, khiến cho người đọc truyện muôn đời cũng phải khóc thương.

Tiên-điền tiên-sinh tả cái [illegible] Kiều như trên kia một cách rất tin tường, rất biển-hiện, đủ biết ngài thuộc nhân-tình thế-thái lắm và hiểu rõ cả cái cơ-quan trong tâm-g người ta. Nhưng trong nét bút c ngài đều có ngụ một cái ý chán-đời và cứ xét lịch-sử ngài như trên thời có lẽ Kiều-nương tức là cái biểu tượng của tấm lòng xót-xa đau-đ của ngài vậy. Những nhà văn-sĩ có xưa nay kết-cấu ra một truyện gì cũ là tự-diễn cái tâm-sự của mình thôi, nhưng cái tâm-sự ấy thanh-c thâm-thiết, diễn ra được tức là đi được cái nỗi lòng u-âm sầu-khổ c cả mọi người biết thương biết ng ở đời này. Cho nên người ta còn cảm-tình, có tư-tưởng, thời đ truyện Kiều còn cảm-động mãi ; tiếng An-nam còn có người nói ngư học thời những lời ăn tiếng nói c cô Kiều còn phảng-phất bên tai ngư mình mãi-mãi vậy.

THƯỢNG-CHI

BỆNH TRUYỀN-NHIỄM VÀ GIỐNG VI-TRÙN

I

Truyền-nhiễm là lan-rộc mà lây khắp ra cho nhiều người [illegible]ại sao mà truyền-nhiễm ra ? bởi đâu mà truyền-nhiễm được ? Ta cần [illegible]ải rõ cái nguyên-nhân nó, ngõ-hầu [illegible]i biết cách mà dự-bị cho khỏi truyền [illegible]m.

Từ khi nhà khoa-h[illegible]ứ-danh nước Pháp là PASTEUR tiên[illegible]h thuyết-minh ra được cái « *nhi[illegible]ụ của vi-trùng* » thì việc học thuậ[illegible] phép trị-bệnh tấn-tới không bi[illegible]ần nào mà kể. Vài ba mươi năm [illegible]ác bậc đại-tài trong y-giới có nhiều nhà khuy hướng về cái lý-thuyết của ông P[illegible]TEUR, đem cái lý-thuyết ấy làm t chuẩn mà tìm-tòi kinh-nghiệm, dần dần đồng-thanh mà đề-xướ rằng :

« Phần nhiều bệnh của loài người bởi vi-trùng mà sinh ra. »

Vi-trùng tiếng Pháp gọi là *microbe*, bởi nhà y-sĩ Pháp SÉDILLOT đặt trước nhất mà gọi những giống sinh-vật rất nhỏ, mắt thường ta không trông

thấy được phải xem bằng một thứ kính hiển-vi riêng (*microscope*) mới rõ. Có giống chỉ dài độ 2, 3 *muy* (1) là cùng. Vi-trùng ở khắp mọi nơi: trên không, trong nước, dưới đất; đi-chí đến các đồ nhật-dụng của ta và bì-phu ta đều có vi-trùng vậy.

Không tất-nhiên rằng bao nhiêu vi-trùng đều độc cả, có lắm giống vô-hại mà cũng có nhiều giống được việc cho ta: như men rượu, mốc tương, như dưa-chua, nước mắm, đều là nhờ sức vi-trùng cả. Lại đến như việc « *cải-hoá đạm-chất* » ở dưới đất là việc rất ích-lợi cho nghề nông-phố cũng không qua khỏi công việc vi-trùng. Nhưng xét cái tỉ-lệ của sự bổ-ích với phần thiệt-hại vẫn khác xa nhau. Này như trùng-lị, trùng-tả, trùng-hạch, trùng-lao, trùng thương-hàn, trùng dương-mai và biết bao nhiêu là trùng khác nữa đã làm cho loài người ta bị hao-tổn vô-cùng.

Vốn trùng không hại, nhưng khi đã chiếm được cơ-thể ta rồi thì tha-hồ mà tự-do tung-hoành, sinh-sản ra trùng-trùng điệp-điệp, bài-tiết ra một chất độc riêng (*toxine*).

Chất độc ấy ở vào bộ-phận nào trong cơ-thể ta thì khiến cho bộ-phận ấy phải suy-nhược đi dần-dần, thế là ta thụ-bệnh. Ấy trong cơ-thể ta có căn-bệnh từ đó.

Trong cơ-thể đã có căn-bệnh rồi mà ngoài thì thêm khí-độc trời-đất: nào nắng mưa, nào nóng lạnh; lại thêm sự ẩm-thực thái-quá của ta: như rượu-chè, như dâm-dục; biết bao nhiêu mối yểm-nhiễm ảnh-hưởng thêm khiến vào, trợ-lực thêm vào cho vi-trùng, cho bệnh càng ngày càng tăng-trọng hơn lên.

Ôi! trong phá ra, ngoài đánh vào, lạ gì mà thành không siêu đổ!

Nay ta đã có một cái ý-kiến đại-khái về sự hành-vi của vi-trùng rồi thì nên tổng-kết rằng: *Vi-trùng ấy thực là cái căn bệnh mầm bệnh, nguyên-nhân của bệnh; bệnh truyền-nhiễm được cũng là phần nhiều bởi mầm ấy căn ấy, nguyên-nhân ấy mà ra vậy.*

Còn mầm ấy, giống sinh ra bệnh này, giống phát ra tật kia; vậy ta muốn khỏi bệnh thì phải tìm cách tiêu-diệt căn mầm ấy đi, mà ta muốn tránh trước để khỏi mắc bệnh thì phải biết dự-bị không cho căn mầm ấy chiếm được thân-thể ta.

Ôi! một giống sinh-vật nhỏ-nhen như thế mà đã bao phen làm cho nhân-loại phải khốn-quẫn đảo-điên. Nào dịch-hạch, dịch-tả, nào thương-hàn, đậu-mùa; lại mới đây dịch « ghíp » (*grippe*) đã đi khắp toàn-cầu làm tổn biết bao nhiêu nhân-mệnh.

Vấn-đề « vi-trùng-học » ngày nay đã rất nên thịnh-hành bên Âu-Mĩ. Nên chi các nhà khoa-học cũng vì cái tấm lòng thương nhân-loại nó lai-láng ra nhiều mà phải tổn bao nhiêu tâm-trí, đêm ngày lo-lắng tìm-tòi, học-hành kinh-nghiệm. Bạc đầu còn học, răng long còn tìm, không biết chán mỏi là gì. Chỉ cốt làm sao giảm bớt được cái đau-đớn cho loài người ấy, là mục-đích tối-cao-thượng của các ngài vậy.

Các nhà học-giả nước ta ngày nay có đủ noi đó làm gương chăng?

*
* *

Ta đã biết vi-trùng là một tối-trọng nguyên-nhân sinh ra bệnh truyền-nhiễm, nay ta thử xét xem sự hành-vi của nó đối với thể với loài người những thế nào.

Phân loại và tính-chất. — Vi-trùng phân ra hai loại chính: một loại thuộc về « động vật », (*Microzoaires*): như

(1) *Muy* = Một lí tây (m/m) chia ra làm một nghìn phần, mỗi phần gọi là một *muy*.

trùng lị [1], trùng lâm-ngược [2] ta thường gọi là sốt rét ngã-nước, trùng bệnh-ngủ [3], v. v.

Một loại nữa thuộc về « thực-vật » (*microphytes*); loài này có hai hạng khác nhau, một hạng gọi là *champignons* (như trùng sinh men, mốc, tưa, hắc-lào, v.v.) và một hạng gọi là *bactéries* (như trùng tả, hạch, than và uốn ván, v. v.)

Trùng hạng *bactéries* có nhiều hơn hạng trên và hình-thể khác nhau lắm. Có hình tròn như từng hột, có hình dài như từng dẫn.

Hột, hoặc đứng riêng một mình, hoặc hợp lại như chùm nho, hoặc nối nhau như giây súc-sích. Có khi tiếp với nhau như hình ngọn nến (trùng bệnh tụ-huyết trong phổi) [4], có khi giáp nhau như hai mảnh cà-phê (trùng bệnh sưng màng bọc tủy và não) [5].

Dẫn, khi ngắn mà mập (trùng hạch) [6], khi thì eo-thắt ở giữa mà hai đầu phồng to như quả tạ tập thể-thao (trùng hầu-phong) [7], khi thì một đầu nhọn mà một đầu phình ra như cái đanh ghim (trùng uốn-ván) [8], khi thì ngoắt lại như một nét phẩy (trùng tả) [9].

Phép nuôi trùng. — Có nhiều thứ vi-trùng người ta có thể nuôi được ở trong các phòng thí-nghiệm để gây lấy giống. Các ngài mới nghe hẳn phải ngạc-nhiên mà rằng : vi-trùng khác gì tầm-gửi ; phần bổ-ích cho ta có ít mà làm hại thì nhiều, đã chẳng tìm cách tiêu-diệt đi thì chớ, sao lại còn nuôi nó để thêm gây vạ về sau ?

Thưa rằng : phép trị-bệnh ngày nay phải cần đến nó hoặc cần đến cái chất độc nó bài-tiết ra để mà thí-nghiệm nghiên-cứu cho ra căn bệnh ; hoặc là dùng nó đem chế-hóa ra thành thuốc mà chữa bệnh (*sérothérapie*) [10], nghĩa là lại lấy nó mà trị nó. Tức như khoa thuốc Nam ta dùng lối « dĩ-độc công-độc » ; nhưng khác một điều là ta dùng độc này mà chế độc kia, còn như vi-trùng loài này không hay trị được loài khác.

Nói rộng ra nữa thì cũng chẳng khác gì như nhà quân dùng phép « dĩ-địch công-địch » trong việc hành-binh vậy.

Dùng chất gì mà nuôi lấy được vi-trùng ? Có giống ưa ở chất lỏng như nước thịt bò, như máu các vật ; có giống ưa ở chất đặc như hồ keo, như khoai củ. Có giống ưa chất này mới nuôi bằng chất khác hỏng ; cho nên người ta phải biết lựa tính nó mà gia giảm thêm-bớt chất nọ vào chất kia thì được giống tốt và cái độc-chất nó bài-tiết ra mới đủ sức mạnh. Hễ kỵ chất lỏng hay đặc phải cốt đem bỏ lên đã rồi mới nuôi được ; lấy giống được tinh-khiết thì không lẫn giống.

Kể hai loại trùng thực-vật và động-vật nói trên này thì có loại thực-vật dễ gây hơn. Nhưng cũng *có loại* khó thể gây được ; lại có loại vì nhỏ dẫu xem bằng kính hiển-vi cũng không thấy lắm (*microbes invisibles ou filtrants*), như trùng « sốt rét vàng »

(*Còn nữa*)

ĐỖ VẠN-KHOÁ

---

(1) Trùng lị = *amibe de la dysenterie.*
(2) Trùng lâm-ngược = *hématozoaire du paludisme.*
(3) Trùng bệnh ngủ = *trypanosome de la maladie du sommeil.*
(4) Trùng bệnh tụ-huyết [illegible] = *pneumocoque ou microbe de la pneumonie.*
(5) Trùng bệnh sưng màng [illegible] và não = *méningocoque ou microbe de la méningite cérébro-spinale.*
(6) Trùng hạch = *bacille de la peste.*
(7) Trùng hầu-phong = *bacille de la diphtérie.*
(8) Trùng uốn-ván = *bacille tétanos.*
(9) Trùng tả = *bacille virgule ou vibrion cholérique.*
(10) *Sérothérapie* = phép dùng nguyên huyết (người hay vật) có vi-trùng hoặc độc-chất mà trị bệnh.
(11) Trùng « sốt rét vàng [illegible] = *microbe de la fièvre jaune*, nói là nọc thì hơn vì chưa thấy trùng.

CHÍ-PHÚ CẨM-NANG (1)

(PHÉP LÀM GIÀU)

II

9. — Bảy điều phải tập cho quen

Những người thanh-niên có lòng cầu-phú, trước hết phải tập lấy bảy thói quen này; cũng như người học toán trước hết phải tập bốn phép cộng, trừ, nhân, chia. Bốn phép tính gốc, dù là giản-dị, tập chưa thành-thục, thì phép toán nào mà học được.

1o Là việc đã định phải làm ngay.

Thường-tình người ta hay nấn-ná cho qua, tưởng là không hại; khi đã thành ra thói quen, chính nó như ma-quỉ giun-giủi người ta vào đường thất-bại. Giả-như mình nhớ đến người bạn, muốn viết thơ hỏi thăm, thì phải cầm bút viết ngay. Nếu sáng để đến trưa, trưa để đến tối, dì-dì duyên-duyên, thành ra không viết. Những người cẩm-thường hay có thói ấy, nhân thói ấy mà sinh ra thiệt-hại cũng nhiều, như nhỡ cơ-hội, mất thì-giờ, việc đã qua hối không kịp nữa. Có người [illegible]ốn đi thăm một người bạn đau, mà những nấn-ná nay lần mai lữa; một hôm vừa sắp ra đi thì đã được tin cáo-phó! « Ái cha! » một tiếng, hối-hận vô-cùng!

2o Việc chồng-chất phải làm cho hết.

Công việc nhiều ít là cứ theo tài-năng địa-vị từng người: tài càng lớn việc càng nhiều, vị càng cao việc càng lớn. Ngày nay có việc ngày nay, ngày mai có việc ngày mai, việc hay chồng-chứa như tuyết mùa đông, đầy rồi lại quét, quét rồi lại đầy, không biết bao giờ cho liễu-cục; mà thực đã gây nên tư-cách làm giàu, vì kẻ làm giàu mong có việc chớ không sợ việc.

3o Việc khó phải làm trước, việc dễ để lại sau.

Đồng-thời có hai việc, phải cân-nhắc việc khó làm trước, việc dễ làm sau. Những người hồ-đồ không suy-xét, thấy việc dễ hăm-hở làm trước, đến việc khó sinh ra ngại-ngùng, ấy là cái bệnh-nguyên của những người sợ việc. Có ba phương-phép đối-chứng để chữa những bệnh ấy: Một là phải nhận biết những việc về phận-sự mình, trước sau sao cũng phải làm; hai là phải biết tinh-lực người ta có hạn, làm việc lâu thì phải chán phải nhọc; ba là phải biết gặp việc phiền khó, như ngày ẩm-thấp đau sương đau mình, vận-động cũng đau không vận-động cũng đau, chẳng thà cứ vận-động còn thấy khoan-khoái.

4o Việc này chưa xong không làm việc khác.

Trong một ngày thường có nhiều việc, có việc khoảnh-khắc làm xong, có việc phải nhiều ngày mới xong; làm việc nào phải cho hết việc ấy, việc lớn cũng phải chia ra từng chặng mà làm cho xong, rồi mới làm sang việc khác, chớ làm việc làm bỏ dở, lúc bắt đầu lại làm lại cũng như không làm, đã phí-công lại phí của. Ấy là cái thói xấu có nhiều nhà thất-bại.

5o Vật-dụng trong nhà phải có mỗi chỗ để nhất định. Nhà buôn cũng như nhà ở, có nhiều đồ dùng, từ nhà bếp

(1) *Nam-Phong*, số 29, trang 407-412.

cho chí thư-phòng, dù vật nhỏ-mọn bên mình, vật nào cũng phải có một chỗ để nhất-định. Khi lấy một vật gì đi làm chỗ khác, làm rồi lại phải để vào chỗ nó; trật-tự phân-minh, không được sai-suyễn, để cho đêm tối lấy dùng cũng tiện như ban ngày, không mất thì-giờ không mất trật-tự, ấy là cái thói tốt của những nhà làm nên.

6º Việc không cần, không được mua chịu, không được đi vay.

Tiền bạc như giống có chân có cánh, nếu mình giữ không khéo, thì nó hay chạy hay bay, không còn thấy tung-tích nữa. Cho nên tiếc tiền, thì phải phòng những lối nó đi: một là mua chịu, hai là vay nợ. Người ta ai cũng biết tiếc tiền, mà ai thấy vật vừa ý cũng muốn mua. Hoặc mua chịu hoặc vay tiền kẻ khác mà mua. Lúc mua được lấy làm thích-ý, không biết cái thích về thị-dục chính là những ác-ma đưa giắt người ta lên trái-đài. Cho nên cái thói quen hay mua chịu hay mượn tiền kẻ khác mà mua là những thói thất-bại.

7º Trừ những vật thiết-yếu ngay còn có thể hoãn được chớ nên vội mua.

Cũng là vật cần-dùng, phải phân khinh-trọng hoãn-cấp, vật trọng và cấp mua trước, vật khinh và hoãn mua sau. Nếu hỗ-đồ hai chữ cần dùng, không có lẽ hết mọi vật một lúc đều mua cả. Cách cân nhắc nặng nhẹ: một là những vật còn có thể hoãn được, không mua; hai là khi muốn mua một vật gì, phải nghĩ vật này có thể hoãn lại được chăng.

Bảy điều kể như trên này dã làm một lần, hai lần, ba [illegible] lần, thành ra thói quen, không [illegible] miễn-cưỡng. Nhà tâm-lý-học [illegible] rằng: « Việc làm khó cứ khó [illegible] khi chưa thành thói quen thì [illegible] làm khó; khi đã thành thói, chỉ thấy [illegible] vui. » Như người hút thuốc uống [illegible], chơi gái, đánh bạc, đều tự một lần thứ nhất giắt dần vào thói quen, đến nỗi chìm-đắm một ngày một sâu, không gỡ mình ra cho khỏi. Lại như người tập thể-thao, trước còn đau xương rức thịt; ngày nay đã tập, ngày mai lại tập, ngày kia tập nữa; lâu lâu lại thấy cứng thịt rắn xương, thân-thể tráng-kiện lại lấy làm vui, không lấy làm khổ, như thế gọi là thói quen.

10. — Tư-cách những người làm giàu

Những người làm nên công cao nghiệp lớn, tất là những người có tài lanh sức mạnh, chiếm được địa-vị, bắt được thời-cơ. Những người ấy quan-sát đã minh, khảo-cứu cũng tinh, cho nên thấy thời-cơ đã đến thì nhảy ra mà làm ngay, không một chút nào trù-trừ, mới có thể làm nên sự-nghiệp được.

Người ta thấy những người đại-phú đại-quí, thì tấm-tắc mà khen là có phúc có phận, gặp hội gặp thời; không biết phú-quí không phải là sự cầu may, thực đã có bao nhiêu tinh-thần tâm-lực mới làm nên được. Người ta làm một việc còn khó, huống-chi trăm việc đều được thỏa-đáng, chiếm được địa-vị, nắm được thời-cơ; không phải những kẻ tầm-thường biết được.

Hãy xem một cái máy xay lúa: một đầu đổ lúa, một đầu ra gạo, một đầu ra trấu, một đầu ra cám, không bề lộn, há phải là sự ngẫu-nhiên, kinh qua những tay chế-tạo bố-trí an-bài mới có cái cơ-quan tinh-xảo như thế. Việc làm giàu cũng vậy.

Người có tài-lực cũng phải có quyền tự-chủ tự-do mới làm nên được. Kiến đã định bố-trí đã yên, cứ tuần-tự mà làm, không phải hỏi ý ai, không phải tùy-ý ai, chỉ phải xem-xét cẩn-thận mười phần. Như một ông tướng, chước lược đã định, lập-tức tiến-quân; còn có điều ngần-trở, có ý hồ-nghi thì không làm tướng được.

Có người nói rằng xưa nay những người làm tướng vì quả-quyết không hay nghe ai, đến nỗi thất-bại cũng nhiều, vậy quả-quyết cũng là một cái tệ. — Nói rằng vô-tài mà quả quyết thì hay thua, có tài mà quảq-uyết thì hay được ; cho nên Triệu-Thuẫn không nghe người nói mà thua, Tôn-Tẫn không nghe ai nói mà được. Người danh-tướng trước phải có tài liệu-địch : Tôn-Tẫn phục quân dưới núi để chờ Bàng-Quyên, Gia-Cát phục binh Hoa-dung để chờ Tào-Tháo, chưa hề có mưu với ai, chưa hề có nhờ kế ai. Danh-tướng như thế, phú-hào cũng thế.

Tóm lại thì những người làm nên giàu-có lớn hay nhỏ, là theo cái sức tự-tín tự-quyết hậu hay bạc, chiếm được thời-cơ địa-vị sớm hay muộn. Sức quyết-đoán càng hậu thì sự ngăn-trở càng ít ; chiếm được địa-vị càng cao thì thế-lực càng mạnh. Một là sức tự-tín, hai là lòng quyết-đoán, ba là chiếm thời-cơ, bốn là chiếm địa-vị, là những tư-cách cần phải có cùng người làm giàu. Còn những người thất-bại tất là người nay hồ-đồ, hay giụt-giẻ, hay bàn với người khác, bỏ mất thì-giờ, mất thế-lực. Như người hôm nay nói ra đi, ngày mai còn thấy ở nhà, không làm gì được.

11. — Những thuật ở đời cần phải biết

Cách ở đời khéo hay vụng, thực có quan-hệ đến việc làm giàu. Có người mười phân thật-thà, cả đời cần-khổ mà không làm nên ; có người hoạt-bát linh-lợi, quả-quyết kiên-nhẫn cũng không làm nên. Xét nguyên-nhân là tại vụng cách ở đời. Không nên đổ cho thời-vận. Những người ở trong thực-nghiệp. phải có tư-cách như đã nói bên trước, lại phải có cái thuật ở đời. Gọi là thuật ở đời chính là cái thủ-đoạn làm giàu, phải có công tập-luyện mới nên được.

Có mình phải có người, có người phải có việc, ở đời là những sự mình đối với người. Mình với người đã cùng ở một đời, việc này việc khác có quan-hệ với nhau, vậy phải có ý, phải ủy-khúc cho thỏa-đáng, mới gọi là biết cách ở đời. Hoặc lấy thành-thực ở đời, lấy tín-nghĩa ở đời, hoặc lấy hòa-khí ở đời, như thế gọi là đạo ở đời, chưa phải là thuật. Nay hãy kể ba thuật như sau này để cho người thanh-niên giảng-cứu :

1º Là hình-dáng phải sửa-sang.

(*a*) Đầu không năng chải, mặt không năng rửa, móng tay đầy những ghét, có người thanh-niên nào như thế, dù là người trung-tín thành-thực đến đâu cũng không có ai kính-trọng, không có ai muốn đến gần. Như thế chẳng những mất cái tư-cách là người trong thực-nghiệp ; mà lại làm cho người ngoài trông thấy sinh ra yếm-ố, thật là ngại lối giao-thông, lấp cửa cơ-hội.

(*b*) Áo lót mình không năng rặt, áo mặc ngoài không năng chải ; khăn đầy những bụi, dầy đầy những bùn. Có kẻ thanh niên nào như thế, dù có bản-lĩnh thế nào người ta cũng cho là quân vô-lại. Xưa có người tử-tế, vì mặc một cái áo rách, để người ta nghi là đứa ăn mày, liền lấy đồng tiền mà cho. Những người tử-tế, chỉ vì không biết thuật ở đời, ăn mặc dơ-dáy mà phải thiệt-hại cũng nhiều. Những người nghèo quá không đủ ăn đủ mặc, đã đành. Còn kẻ có thể đủ manh [illegible] tấm áo phải cho diêm-dúa sạch [illegible] ; đành dầy chải áo không tốn một đồng tiền, mà ra con người phố [illegible] người nói : « Người có tài có [illegible] lo là phải phấn sức bên ngoài [illegible] là chưa biết cái thuật ở đời. Phải biết rằng ở đời này đã có mấy người xem người không ở quần áo. Ngay [illegible] vào một nhà hàng nào, thấy [illegible] người đầu bù tóc dối, ăn mặc [illegible], chính mình cũng

muốn chạy ra ngay. Chính mình mà đầu bù tóc dối, quần áo dơ dáy, thì người nhà hàng cũng không muốn tiếp chuyện với mình nữa.

(*c*) Thấy ai cứ trợn mắt mà nhìn, hay lấm-lét mà nhìn, như hồ-nghi cho ai có chứng gì tật gì, hay u-ẩn sự gì. Có kẻ thanh-niên nào có con mắt quái như thế, người ta không nghi là đạo-tặc, thì cũng cho là người gian-ác đã hiện ra bên ngoài. Khi yến-hội hay giao-tiếp với ai, con mắt cũng biết nói, có khi nhanh hơn là miệng lưỡi ; người lấy con mắt quái mà nhìn ai dù không nói cũng biết là người có ý ác. Không ai còn lấy sự ích-lợi mà thổ-lộ với người ấy nữa.

2º Lời nói nên phải giữ-gìn.

(*d*) Hoặc hay nói cho người chán tai, hoặc lặng-lẽ không nói một lời, hoặc kéo hơi gân cổ mà nói, hoặc hay nói những câu thù-tạc, hoặc nói những lời sâu cay, hoặc vừa cười vừa nói, trong một đám mười người sao cũng có vài người như thế. Hay nói vị-tất là người gian, mà khiến cho người ta sợ ; trầm-mặc vị tất là hiểm, mà khiến cho người ta nghi ; nói to vị tất là dữ, mà làm cho người ta chau mày : thù-tạc vị-tất là xiểm, mà làm cho người ta bất-an ; hay nói những lời lạnh-lẽo làm cho người ta hoài-hận là người thâm ; mỗi người một tật đều không phải là thuật ở đời. Như thế, lúc giao-tiếp với ai, muốn cho đ[illegible]inh hợp-cục sao cho được.

(*e*) Có người hay phê-b[illegible]h chuyện người khác, chỉ cao-h[illegible]úc, không nghĩ đến thù-oán v[illegible] Trước có một người thân-sĩ, tr[illegible]úc yến-hội, bình-phẩm [illegible]ng-vi[illegible]một nhà buôn-bán khác, có [illegible]dè[illegible]ê. Bất-ý có người em nhà buôn b[illegible]kia ở đó, lấy câu bình-phẩm an[illegible]nh làm sỉ-nhục, liền tìm cách mà [illegible]-thù.

(*f*) Cũng có người vì hở-hang lời nói mà mất quyền-lợi của mình đi. Một người quản-lý một nhà máy dệt, khoe-khoang trong hội đồng người rằng mình mới chế một thứ hàng hoa, chắc rằng thời-nhân hoan-nghênh lắm. Hay đâu cách một tuần sau đã có người chế trước cái hàng hoa của mình ra bán trong chợ.

Tóm lại là những người ở trong thực-nghiệp phải khéo xem thời-hiến, tùy việc mà lưu-tâm. Việc nên nói thì nói, việc không nên nói thì nín, như thế gọi là biết nói.

(*g*) Thuật điên-mạt một việc gì, hay bàn công-dụng một thứ hàng nào, nói đi nói lại vẫn không rõ-ràng, tổn-phí lắm lời vẫn không minh-bạch. Như thế thực là có tổn-hại trong việc thực-nghiệp, vì giao-tiếp với ai không được đắc-tâm hợp-cục. Cho nên lời nói phải có kết-thúc, có điều-lý, không dối-loạn, không di-lậu, tùy hỏi tùy thưa, không túng không ngượng. Như nhà chánh-trị diễn-thuyết trên nghị-viện, nhà luật-sư cãi lẽ trước tòa án, ấy là cái thuật ở đời của nhà đại-thương. Có người nói : Nhà thực-nghiệp trọng ở việc làm không trọng ở câu nói. Không biết thực-nghiệp nên thua hệ ở « thương đàm ». Thương-đàm là gì ? là khách đến mua hàng, người nhà hàng ra mà nói chuyện.

3º Lễ-mạo phải sửa-sang.

Người này đối với người khác phải có lễ-mạo, điều ấy ai cũng biết không cần phải giảng-minh cho lắm. Có một điều phải biết là thuật ở đời là cách ngoại-giao của nhà thực-nghiệp. Nhà chánh-trị lấy lợi hại làm mục-đích, nhà thực-nghiệp cũng vậy.

Trong nhà hàng, một ngày người ta giao-tiếp không một thứ người nào : có người nhã, có người tục, có người hèn, có người sang ; thấy giá hạ thì chê là hàng xấu, thấy của tốt thì lại

chê là giá cao ; vào hàng này lại hay khen hàng khác, mua hàng hôm nay lại tị giá mua hôm xưa, bới lông tìm vết, bẻ bắt từng tí, những tính-tệ ấy, ai cũng phải giận. Thế mà chẳng những là mình không nên giận, lại còn phải đãi lấy lễ-mạo, vì lễ-mạo không mất vốn mất lãi, mà được ích-lợi vô-cùng. Vậy lễ-mạo là một thuật ngoại-giao, những nhà thực-nghiệp trước phải giảng-cứu.

12. — Bạn-hữu có quan-hệ về việc làm giầu

Cổ-ngữ có câu rằng : *Giầu vì bạn.* Mình với bạn đã là đồng-chí, thì cái tư-tưởng người bạn cũng như cái tư-tưởng mình. Việc làm thành-bại là bởi lực-lượng mình ; ngoài mình thì còn có bạn mình có thể giúp mình cho thành công, cứu mình lúc thất-bại. Điều giỏi của mình có bạn biết, điều dở của mình cũng có bạn biết ; điều hay có bạn giúp được, điều dở cũng có bạn chữa được ; cái tư-tưởng mình thường đi lại trong cái tư-tưởng của người bạn. Vậy bạn là cái thân thứ hai của mình. Người có bạn lại nên mạnh thêm, làm việc gì mà không nổi.

Loài người ta sinh trong quần bạn ; một người cô-lập chắc là không có thể sinh-tồn trong trường tranh-cạnh này được. Những người thô-thiển coi bạn như vô-dụng, không chú-ý về việc kết-giao, thực là một sự nguy-hiểm. Nếu mình đã không có lòng hiếu-hữu, tự-nhiên bằng-bỏi một ngày một xa, lâu-lâu thành ra cái thế cô-lập. Gặp lúc nguy-biến, không có kẻ nâng người đỡ, mới biết ăn-năn thì không kịp nữa.

Xét cổ-huấn nước ta vốn trọng đường hữu-nghị, cho nên đến bây giờ, hội-hè phường-bạn hồ khắp trong xã-hội. Song ăn uống, cờ bạc, tổn-hữu thì nhiều, còn đồn-gtâm hợp-chí, ích-hữu thì ít. Còn những người đồng-nghiệp lại là những người chen cạnh với mình, đã không giúp mình trong việc làm, lại khó tin cậy trong hoãn-cấp. Vậy người nước ta bỏ hết đứng trong cô-lập, chẳng cũng nguy lắm ru !

13. — Tinh-tính có quan-hệ với việc làm giầu

Ai cũng biết có sức khỏe mới làm được việc, song sức khỏe về thân-thể chưa bằng sức khỏe về tinh-thần. Người có thân-thể khang-kiện vị-tất đã có tinh-thần khang-kiện, mà người có tinh-thần khang-kiện tất là thân-thể cũng được khang-kiện. Tinh-thần là chủ, thân-thể là phụ. Những kẻ thanh-niên có chí làm giầu, trước phải chú-ý về tinh-thần khoái-hoạt.

1° Một là dong-mạo cố làm cho vui-vẻ.

Nhân-tình thấy trời quang-tạnh thì mừng, thấy trời u-ám thì buồn. Nét mặt vui-vẻ ấy là ngày quang-tạnh của người ta. Người mà giữ được nét mặt vui-vẻ luôn, tất cả đời vô-tai vô-hại. Cây cỏ có bóng mặt trời thì tươi-tốt ; ở trong hang tối thì vàng úa mà chết. Nét mặt vui-vẻ ấy là cái bóng sáng của người ta. Những người chiêu-đăm cả ngày, như cây mọc sỏ tối, còn mong phát-đạt làm sao được.

Nét mặt vui-vẻ chẳng những có ích cho mình, cũng có ích cho người nữa. Người đa[illegible] âu-sầu về việc gì, thấy người vui[illegible] cũng tiêu dần cái uất cái não mà[illegible] ra nét mặt quang-minh. Người vui[illegible] đã chia ra ích-lợi cho kẻ khá[illegible] mình không tổn-hại gì, như bóng[illegible] soi-sáng cho mọi vật mà không[illegible] gì đến đèn ; như thế việc gì ng[illegible] ta không nên vui-vẻ.

Có người hỏi : Người ta ai cũng muốn vui-vẻ, nếu[illegible] lòng không vui-vẻ thì làm sao được[illegible] — Nói rằng : Đã có phương-pháp[illegible] làm cho vui-vẻ, thử

lược kể như sau này : Người ta không vui-vẻ được có hai nguyên-nhân : 1º là vì vật-lý, 2º là vì tâm-lý. Vì vật-lý như : phong-thổ không tốt, khí-hậu không lành, nhà ở không tiện, đủ làm cho người ở sinh bệnh mà mất cái vui-vẻ đi. Xưa nước Mĩ làm nhà phúc cho người đui ở. Bảo người đui không cần đến bóng sáng bớt cửa sổ đi cho đỡ tốn. Ít lâu, người ở xanh-sao vàng-nhợt, mới biết nguyên-nhân là vì không đủ bóng sáng.

Phàm người ta vô-cố mà mất sự vui-vẻ tất là vì một cái nguyên-nhân nào khác ; phải xét phong-thổ, khí-hậu hay là nhà ở mà tránh đi cho khỏi.

Vì tâm-lý mà làm cho mất cái tinh-thần vui-vẻ lại càng nhiều lắm : Trong tâm-tư có điều uất-não, đều làm cho nét mặt mất vui ; bấy giờ dù có ăn ngon mặc tốt cũng vô-duyên, thuốc bổ thuốc dưỡng cũng không hiệu, chỉ có một điều là bỏ cái uất-não trong lòng đi, cố làm cho ra người vui-vẻ, lâu lâu thành ra thói quen, tự-nhiên trong lòng ngoài mặt đều được vui-vẻ.

Xưa có một vị Thái-tử phải bệnh buồn rầu. Nhà vua thiên-phương bách-kế chữa không khỏi, ngựa thiên-lý, nhà lục-lăng, người đẹp của quí, Thái-tử cũng không vui. Sau có người dùng một thứ dấy viết mấy hàng chữ, và bảo Thái-tử đốt lên mà xem. Thái-tử thấy bốn chữ : *Hòa-khí đãi-nhân*, sáng đỏ hồng hồng, lấy làm vui vẻ lắm, từ bấy giờ thành-tâm mà [illegible] hết mọi điều ở trong hòa-khí. Bệnh buồn cũng hóa ra vui dần.

Lại có một người [illegible], nhân chồng đi lính có điều u[illegible]. Lúc đi ảnh-tướng, thợ ảnh nói [illegible]à có nét mặt buồn thì ảnh không [illegible]ợc đẹp. » — Người đàn-bà nói : [illegible]t mặt vui buồn là tại thiên-tính, [illegible]ra làm sao được ». — Người thợ [illegible] nói : « Lòng vui thì mặt cũng vui [illegible]gười đàn-bà tỉnh-ngộ. Vậy biết nét mặt vui buồn là bởi tâm-lý.

2º Hay cười càng tốt.

Nét mặt cười là nét mặt vui-vẻ, vậy muốn vui-vẻ chỉ nên hay cười. Người đau hay cười cũng khỏi chết, người yếu hay cười cũng sống lâu.

Xưa có người đàn-bà nhân bệnh phải sinh ra âu-sầu. Có thầy lương bảo một phép chữa : « Mỗi ngày phải ba bận cười » ; người đàn-bà thành-tâm tin theo, dù trong lòng không khoái-lạc cũng cố mà cười. Lâu lâu thành ra thói quen, mà bệnh khỏi tự bao giờ không biết. Bấy giờ hóa ra một người hay cười ; chồng thấy vợ cười cũng cười ; con thấy mẹ cười cũng cười ; trong một nhà chỉ nghe tiếng cười, không còn biết cái âu-sầu là gì. Chẳng những một người khỏi bệnh, mà mọi người trong nhà đều được mạnh-khỏe.

Xét tiếng cười từ lá phổi và cách-mô mà ra. Lá phổi và cách-mô là những cơ-quan ít hay vận-động ; ít vận-động thì sinh ra bệnh. Nay nhờ tiếng cười mà lá phổi cùng cách-mô đều được vận-động ; bao nhiêu thán-khí khử [illegible] ngoài, mà toàn-thể đều được mạnh-khỏe.

Người hay bi-ai phiền-muộn, hay sốt ruột, không hay ngủ, cũng như cái then máy hết dầu ; được tiếng cười là đổ dầu vào cho then máy, tự-nhiên khí-huyết chu-lưu, tinh-thần linh-hoạt.

Người ta nói : thuốc hay không hay bằng thầy có tiếng. Vì người đau nghe tiếng thầy đã có lòng vui-vẻ, mà khỏi được năm phần.

Thầy thuốc khéo nói cho người đẹp vui lòng, ấy là thầy có tiếng. Thầy kiện chào người đi kiện, nhà buôn chào người mua hàng cũng dùng cách ấy.

3º Bỏ những thói hay khổ-não.

Một giọt nước không thủng được đá, mà giọt mưa giỏ mãi có khi lở núi. Một cơn phiền không hại gì người, mà

phiền-não mãi phải hại đến tính-mạnh; vì khổ-muộn nó làm cho mất tiêu-hóa, hại gân-óc. Cái hại người ta không trông thấy, là cái hại vô-hình; thực không khác gì bọc mảnh sọ trên đầu, lấy vồ mà đập vào óc. Có nhà học về bệnh óc nói rằng: Trong thế-kỷ vừa rồi, người chết về bệnh óc nhiều hơn là người chết về chinh-chiến. Bởi đó mà xem người ta không nên tập lấy cái phiền-não.

Có hai phép cứu lại: 1º là không làm chuyên một việc, 2º là khéo đổi tâm-cơ.

Người ta thường nói: có chuyên-tâm một việc, thì việc mới thành, là nói người ta không nên nay làm nghề này, mai làm nghề khác. Còn cả ngày cứ chuyên-chủ một việc, tư-tưởng một việc, tất có hại đến gân óc. Người khỏe thì yếu dần, người yếu thì thành ra chứng uất. Cho nên nhà công-nghệ có định ra giờ làm giờ nghỉ. Giờ làm việc thì phải phấn-phát tinh-thần, giờ nghỉ thì cứ thong-dong vô-sự. Như thế mới làm nên công việc được.

Xưa ông Nã-phá-luân làm tướng, sáng ngày chia làm ba việc: 1º là nghĩ việc hành-binh, 2º là nghĩ việc [illegible]-tải, 3º là nghĩ việc dụng người. Nghĩ việc trước rồi mới nghĩ việc sau; mỗi nghĩ một việc, lại đổi một cảnh, thường lấy làm vui, không lấy làm khổ. Ấy là một phép tránh sự khổ-não, tức là cái bí-quyết về sự làm giàu.

Khi người ta nghĩ làm một việc gì, đã thấy mỏi-mệt, nên ra chỗ không-khoáng mà nghỉ một hồi. Nếu công việc nhiều bộn, không có giờ nghỉ, cũng nên thời thường thay đổi tâm-cơ, để thay cho lúc nghỉ.

Thiên-tính mỗi người một khác: có người phóng-khoáng quá. Người phóng-khoáng không hay kiên-tâm, người cố-chấp thì hay lao-tâm, đều là có tệ. Vậy phải tập thay-đổi tư-tưởng cho quen, ấy là phương phép làm cho mất khổ-não.

14. — Công-việc làm giàu kể tự một ngày mà đi.

Hai chữ *làm giàu* ai cũng mộ, phương-phép làm giàu ai cũng quí. Người ở đời như lên núi vàng, bới đất nhặt sỏi, tranh nhau mà tìm lấy vàng. Song cùng là lên núi, đã mấy người mà tìm được vàng; nếu có sách tìm vàng, thì đắt mấy cũng mua cho được. Sách tìm vàng ở đâu? — Ở ngay trước mắt. Lên núi thấy hòn đất, bảo là không quí, biết đâu vàng đỏ chính ở trong hòn đất đen; ở đời thấm-thoắt ngày-giờ không lấy làm tiếc, biết đâu công-nghiệp kể tự một ngày mà đi. Tích nhiều ngày thành ra một đời; nếu không có sự-nghiệp một ngày sao có sự-nghiệp một đời. Công-nghiệp hằng ngày như tiền bỏ ống: ngày ngày tích-lũy, ngày ngày làm giầu.

Công việc làm giàu trong một ngày có ba điều trọng-yếu: 1º là tỉnh-thức, 2º là làm việc, 3º là xét lại.

1º Tỉnh thức. — Người ta ở đời, như ở trong chiến-trường, sáng ngày làm việc như lúc ra trận. Thắng trận ở người tranh-tiên, làm nên ở người dạy sớm. Mỗi ngày, đến lúc thanh-thần không nên mơ-màng ngủ lại; phải dề-tỉnh tinh-[illegible]n, để lúc nghĩ những việc phải làm trong một ngày. Như lúc đã ra trận, phải bố-trí phương-lược. Nh[illegible]g người đại-phú đại-quí khác với n[illegible]i thường là ở chỗ ấy.

Tinh-lực [illegible]ong một ngày phát-nguyên từ l[illegible] ở [illegible] đường mới dạy. Có người [illegible] một cái dạy được ngay, có người [illegible]ải mãi không tỉnh được, ấy là cái [illegible]ng thất [illegible]ại hay làm nên ở đấy. Ng[illegible] vùng một cái dạy ngay, ấy là ngườ[illegible] oạt [illegible]at, mạnh bạo, quả-quyết; ngư[illegible]-oải khó dạy, ấy là người chậm [illegible]ập, yếu-đuối, hồ-đồ.

Người hoạt-bát, mạnh-bạo, quả-quyết, thì làm việc hay chiếm được nước trước, còn người chậm-chạp, yếu-đuối, hồ-đồ, thì làm việc hay lùi phải nước sau. Chiếm được nước trước ấy là thành-công, lùi phải nước sau, ấy là thất-bại.

Những người thanh-niên hay tham-luyến cái chăn ấm gối êm, sợ thành ra một người lười biếng. Sáng sớm, phải dạy ngay, cho tinh-thần thanh-sảng, cho gân-cốt cường-kiện, cho ra người có tư-cách làm việc.

2º Làm việc. — Khi đã trở dạy, là lúc bắt đầu làm việc. Trước hết phải lấy cái khăn vải bông ma-sát thân-thể một hay là hai lượt, cho huyết-nhục chu lưu, tâm-khí ôn-noãn. Rồi ra chỗ bóng sáng mà vận-động một lúc ; bấy giờ thấy thần-khí quang-minh, thân-thể khinh-khoái, thực là một cái giai-thú mà mấy người ngủ trưa không được hưởng bao giờ.

Thần-khí trong mình đã thay đổi rồi, mới rửa mặt súc miệng. Rồi đem công việc phải làm trong một ngày ra mà dự-tính. Ấy là lúc Khổng-minh bố-trận, Trương-Lương vận-trù, cơ-quan thành bại đều ở lúc ấy. Nay đem mấy điều cần phải lưu-ý lược kể như sau này :

(*a*) Thì giờ rất quí, một phút một giây cũng phải tiếc.

(*b*) Tiền-bạc rất quí, một su một hào cũng nên tiếc.

(*c*) Tinh-lực rất quí, một chút nhọc-nhằn cũng nên tiếc.

Trong bấy nhiêu điều lúc dự-toán phải lưu-ý, chớ để [illegible] chút gì hư-phí vô-ích.

Dự-toán đã rồi, mới [illegible] ăn cơm sớm. Như người danh [illegible] ng chuyền cho quân-sĩ bắc [illegible] an đ[illegible] ắp ra trận-địa.

3º Xét lại. — Một ngày làm việc đã xong, cũng nên nghỉ-ngơi cho hề-hả. Cũng có người lúc vô-sự thì đủng-đỉnh qua ngày, lúc có việc thì mải-miết quá sức ; người ta bảo : trăm ngày trễ mới có một ngày cần là thế. Ngày cần ấy không gọi là cần, là ngày làm cho dối trí. Người dối trí không phải là người làm nên, vậy ngày làm việc tối phải nghỉ, lúc vô-sự có hưu-tức, thì lúc làm việc mới có tinh-thần.

Khi đã nghỉ-ngơi rồi, cũng *không* nên đi nằm ngay ; trước hết đem công việc đã làm trong một ngày xét lại một lượt, như người đi đường trông lại cái phong-cảnh mình đã qua. Lại như người đã tiêu tiền phải biên-ký cho tường hơn thiệt.

Những điều phải xét lại hằng ngày : 1º là lúc sáng thức dạy có tỉnh ngay không ? 2º là việc làm có đúng theo như phương-lược hay không ? 3º là việc làm có thuận-lợi hay không ? 4º là thì giờ, tiền bạc và tinh-lực mình có hư-phí hay không ? 5º là có đảm-lược mà làm việc ứng-thời không ? 6º là việc làm trong ngày nay có thấy [illegible] bộ hay không ? 7º là có xét ra được cái tràng và cái sở-đoản của mình hay không ?

Xét lại bấy nhiêu điều rồi, lấy bút mà ký, có điều gì thất-bại phải để chữa lại dần dần. Như thế là sự-nghiệp một ngày hoàn-toàn vô-khuyết. Chứa lại sự-nghiệp hằng ngày thành ra sự-nghiệp một đời. Cổ-ngữ có câu rằng : « *Trứng lạnh không nở ra gà con* », hằng ngày gà mẹ không ấp, biết bao giờ cho trứng nở ?

(*Còn nữa*)

Nguyễn Bá-Học *dịch*.

KHẢO-CỨU VỀ THUỐC NAM

Vì cái phong-trào cạnh-tranh lý-tài xuất-hiện vừa rồi, mà khiến cho cả quốc-dân ta, từ nam chí bắc, đâu đó hưởng-ứng. Ai là người có tâm-huyết, cũng một lòng phát-khởi cái tư-tưởng muốn chấn-hưng nội-hóa. Những hạng người trước kia mang tiếng là « dài lưng tốn vải », bây giờ cũng như là vùng cả dậy, trong óc chứa đầy một cái quan-niệm mới-mẻ, là cái quan-niệm hăm-hở xắm-nắm ra sốc-vác những công-việc trong chốn thương-trường, để hòng đem lại những mối lý-tài của ta trước kia hẳng-hờ lười-biếng mà để lọt vào tay người ngoài mất cả.

Cái nguyên-nhân việc ấy vì đâu, cái quan-cảm hành-vi của đồng-bào ta thế nào, những nhà ngôn-luận đã nhiều lần bàn đến, đây không cần phải nói lại nữa. Những cái kết-quả sau này thế nào, bây giờ ta chưa biết được, chỉ biết rằng còn đương trông mong vào cái lòng nhiệt-thành nhẫn-nại của những nhà đại-tư-bản và đại-kiến-thức đó thôi.

Trong khi cùng anh em trò-chuyện, tôi có ý nghiệm xem, thì ra ai cũng nói rằng các thứ vật-dụng khác, nam-hóa ngày nay tuy chưa được phát-đạt cho lắm, song tùng-tiệm ta cũng có thể đủ dùng, duy còn dùng thuốc thì đều là không sao mà tránh khỏi được.

Mà đáng lo thực ! vì rằng đá còn có khi đổ mồ-hôi nữa, huống-chi người. Ta vốn tính cẩu-thả, lại hay ỷ-lại, bất cứ cái gì, hễ có « người làm cỗ sẵn » đem đến cho mà dùng, thì cứ việc dùng, không chịu tìm-tòi kê-cứu lấy, để phòng khi có mất lòng nhau, hay là có việc gì ngăn-trở, người không đem đến cho ta, thì ta đã sẵn có của ta, ta dùng.

Nhất là về nghề thuốc thì ta lại cần phải chấn-chỉnh lắm lắm nữa, vì ai là không có lúc ốm đau, phải cần đến thuốc, không có lẽ đành chịu đem tính-mệnh nương-cậy người ngoài, mình ốm, người đem thuốc đến chữa cho thì được khỏi, không thì đành chịu ốm-o gầy-mòn mãi hay sao.

Mà thuốc nam có phải là không có đâu, chỉ vì ta có tính « bụt chùa nhà không thiêng, cầu Thích-ca ngoài đường », hiếu-dị cầu-kỳ, tham thanh chuộng lạ khí thái-quá ; nên chi chẳng những một y-khoa mà thôi, cả đến các công-nghệ khác cũng vậy, thảy đều không được tinh - tiến, không được phát-đạt.

Nói đến nam-dược thì ai cũng chịu thú rằng thuốc ta có lắm môn rất hay, ai cũng tấm-tắc ngợi khen những nắm lá, những nắm cành cây, giá chẳng đáng bao nhiêu, mà chữa được lắm chứng-bệnh rất kỳ-quái, rất hiểm-nghèo, hiệu-nghiệm bằng mấy mươi bắc-dược. Tấm-tắc ngợi khen đấy, rồi lại phàn-nàn thán-tích ngay đấy : nào là những môn thuốc thần-hiệu ấy ngày nay mai-một cả mất rồi ; nào là những người biết môn thuốc ấy bí-truyền, nên không ai biết rộng ra được, thành ra có người mắc bệnh hiểm-nghèo mà không biết thầy lang hay ở đâu mà tìm đến.

Vả lại những người biết các môn thuốc thần-hiệu ấy thì phần nhiều lại là những ông lão (có khi bà lão) chất-phác [illegible] quê mùa, học-thức ít, kiến-văn [illegible], không hiểu nghĩa công-ích là gì ; [illegible]ng biết cái công-đức, cái danh-vọng [illegible]a một [illegible]đã thí-nghiệm và truyền-bá [illegible]t việc hữu-ích cho loài người là gì. [illegible]ững người ấy hình như biết được [illegible]gì hay, thì cứ bo-bo giữ lợi một [illegible]h. Thậm-chí có người con cháu kh[illegible] [illegible]cũng không

chịu truyền lại cho ai ; có người chưa kịp truyền cho con, bỗng phải bạo-bệnh mà mất, đến lúc chính con lại mắc phải cái bệnh mà cần phải có môn thuốc gia-truyền ấy mới chữa khỏi, thì không sao được nữa. Ngán thay ! Huống chi đời người ta như giấc mộng, như bông hoa sớm nở tối tàn, được đến đâu hay đến đó, hôm nay thế này, biết ngày mai ra làm sao, miễn là còn ở chung với nhân-loại ngày nào, còn đeo tiếng là nhân-loại ngày nào, thì nên rằng biết được điều gì hay nói ra cho đồng-bào biết, cho người đồng-mộng biết, để một mai mình chợt tỉnh, lưu lại cho người đồng-mộng lợi-dụng lấy cái điều mình đã biết, thì tuy rằng mình đã tỉnh rồi mà trong giấc chiêm-bao vạn-thế kia mình vẫn được lưu-danh mãi-mãi.

Tôi còn nhớ năm xưa bà thân tôi ngón tay cái lên một cái đinh, nhức lắm, kêu suốt ngày suốt đêm, không ăn không ngủ được, chừng đã tám chín ngày rồi, thuốc đâu cũng không khỏi, kế đến nhà có việc, phải về nhà quê. Có một người láng-giềng sang chơi thấy thế, liền đi ra đồng lấy một nắm lá đem về nhà, dã thật nhỏ, rồi đem đưa cho bà thân tôi đắp vào đinh tay. Chao ôi ! thần-hiệu làm sao ! từ lúc buộc miếng lá vào ngón tay, thì bà thân tôi ngủ ngay được một giấc thật giài, đến khi tỉnh dậy, nghe đầu ngón tay mát-mát hình như có nước ướt, cởi ra xem thì té ra vỡ mủ. Hôm sau, ông ta lại cho một miếng lá nữa thì khỏi hẳn. Bà thân tôi trọ[illegible] tạ, và nói xin bảo cho biết cái lá[illegible] thì ông ta nhất định không bảo. Kỳ [illegible] !

Đến bây giờ ông ta [illegible] rồi, mà không có con ; [illegible] khi tôi [illegible] ai phải bệnh ấy kêu khóc, [illegible] đến ông ta, mà tức thay không [illegible] lá ấy tên là gì, hình-tượng thế [illegible] để bảo người ta, trong lòng xiết bao [illegible]-phần ngao-ngán.

Vả, nước ta vốn là một quốc-dân : ai đã đeo cái tiếng là bậc thượng-lưu, ai đã mang cái danh là người kiến-thức, thì bao nhiêu tinh-thần não-lực đều chú-trọng cả vào nghề văn-chương, coi văn-chương làm một cái thần-tiên lạc-thú ; lấy đường khoa-hoạn làm cái nền công-danh độc-nhất vô-nhị của đời người, còn bao nhiêu những công-khác, thảy đều khinh-thị, dửng-dưng, thờ-ơ, hờ-hững, phó mặc cả cho những người thất-ý trong trường khoa-hoạn cùng những hạng trung-lưu hạ-lưu xã-hội.

Mà nhất là các ông lang ta thì lại toàn-thị những người khoa-trường thất-vọng, bấy giờ mới xoay nghề, xem răm ba pho sách thuốc của Trung-hoa, trước còn trong họ-hàng lân-cận, ai phải nhọc mệt thì ông cho đơn. May mà thành cho ăn lộc, mát tay nhiều đám khỏi, dần-dần nổi tiếng, ấy thế là thành ông lang. Mà lạ thay các ông lang ta lại hay có cái tật « hàng thịt nguýt hàng cá », ông nọ bài-bác ông kia. Một người bệnh mà mời năm bảy ông lang thì mỗi ông nói một cách khác nhau, ông nào cũng giữ lẽ mình đoán là phải. Thế mới biết nghề làm thuốc của ta không có gì là chuẩn-đích, tính-mệnh người uống thuốc chỉ bằng ở sự may rủi mà thôi !

Trên tôi đã nói ta quen tính ỷ-lại, vậy trong nghề làm thuốc cũng thế, những môn thuốc nam thần-hiệu thì lác-đác ở các nơi thôn-dã, mỗi nơi có một người biết một bài thuốc hay, thì ai nấy bí-truyền để giữ lợi ; còn như các cụ xem sách Tầu làm thuốc, khi đã thuộc lòng mấy pho sách rồi thì cứ thế mà xoay-sở, sẵn thuốc Tầu đem sang, cứ thế mà đùng, nhờ trời đất hàng, hách-danh, bấy giờ tha-hồ lên mặt nghênh-ngang phóng-túng trong cuộc vui thú thần-tiên, hoặc túi thơ bầu rượu, hoặc giọng hát cung đàn mà thôi, hồ-dễ đã được mấy ai còn để

tâm đến việc kê-cứu mong cho nghề mình được đạt đến cái địa-vị rất mực tinh-tường. Có ai nói đến dùng thuốc nam, thì chắc có nhiều cụ lại ra ý khinh thường, hình như cho các thứ thuốc ấy chỉ để riêng cho mấy bác bán lá ở chợ hay là mấy bác đi bán thuốc dong rao ời-ợi ngoài phố mà thôi ; và hình như coi những thứ thuốc rẻ tiền ấy không khi nào hay bằng qui bằng những vị đắt tiền của Tầu tải sang. Chẳng những các ông lang, chính những người dùng thuốc phần nhiều cũng nghĩ lầm như vậy. Bởi thế cho nên những môn thuốc thần-hiệu của ta cứ mỗi ngày mỗi mai-một dần đi, mà nghề thuốc ta học của người thì không thấy tiến-bộ, bao lâu nay vẫn cứ chi-chi chích-chích như thế mà thôi, chỉ bằng ở mấy pho sách cổ không có chân-truyền, mô-hồ mờ-mịt ; xem như câu chuyện đăng ở báo *Đăng-cổ* khi xưa, vào mục « thời-sự » tỉnh Hải-dương : có một ông Tây bảo người con gái độn bụng giả làm có mang, mời bốn ông lang đến xem mạch, thì đủ biết. Vả trong sách *Cảnh-nhạc* có câu « *mạch chi diệu xứ, bất khả ngôn truyền* 脉之妙處不可言傳 », coi đó thì đủ ghê thay cho nghề làm thuốc của ta « học ở sách Tầu » vậy. Gián-hoặc cũng có cụ chịu lưu-ý cố kê-cứu thí-nghiệm cho nghề mình mỗi ngày mỗi tinh, nhưng mà phần rất ít.

Từ khi Nhà-nước Đại-Pháp sang bảo-hộ, đặt ra y-học, đã đào-luyện được nhiều tay chuyên-môn bổ đi các tỉnh, song cái đó chỉ tiện cho những dân ở các tỉnh-ly, mà những dân ở các tỉnh-ly đó lại là phần rất ít, đối với cả toàn-thể quốc-dân. Vả lại những thứ thuốc tây thường dùng, dân nhà quê ta chưa mấy người đã quen dùng đến, mà dễ thường ở tỉnh-thành cũng còn nhiều người chưa biết dùng. Có lẽ cũng là một cái thói quen, như có người bị nhức đầu hay ngạt mũi, phần nhiều vẫn quen dùng lọ dầu *vạn-ứng* hay bánh *ngọ-thời-trà* hơn là *alcool de menthe* và *antipyrine*, mà có lẽ cũng bởi thuốc Tây bán đắt hơn thuốc Tầu vậy. Hai chăng nữa khi một nhà nghèo kia có người đau, đi mời ông lang ta vẫn dễ, xem mạch mất mấy su xe, xong cho người theo về lấy chén thuốc hai hào rưỡi hay ba hào đã là phong-lưu. Chớ với đến ông lang Tây thì ít là phải ba đồng bạc tiền khám bệnh, còn tiền thuốc đằng khác. Dễ thường cũng tại các lẽ đó mà quốc-dân ta đối với tây-dược vẫn có cái vẻ ghẻ-lạnh không được đậm-đà.

Sau nữa, nước ta ở vào ôn-đới, khí-hậu viêm-nhiệt, nòi giống luy-nhược, phần nhiều người gầy-gò dùng nhiệt-dược không chịu ; mà người Tây thì ở hàn-đới, nòi giống cường-tráng, phần nhiều người phì-nộn dùng hàn-dược không-ưa, cứ xem ngay các vị đồ ăn của hai giống người, thì đủ biết đôi bên khí-huyết hàn nhiệt khác nhau xa. Như người Tây ăn, hằng ngày ngày nào cũng là thịt bò, rượu vang, cà-phê, mà đến cả nước đá cũng là nhiệt-vật, bởi người Tây phì-nộn, hàn-trệ nên hay dùng những đồ nóng cho dễ tiêu-hóa. Còn như người Nam mình ăn uống thế thì rất là khó chịu, tôi thấy nhiều người nói nếu dùng luôn đồ ăn uống như người Tây thì chỉ trong năm bảy ngày đã sinh ra táo-kiết hay là rọt sầy, không sao chịu nổi. Gián-hoặc cũng có người ưa, song tất là người béo đẫy hàn-trệ.

Vì thế mà có lẽ người Nam dùng Tây-dược không được chóng công-hiệu. Vả lại người Tây trong nước đương lúc vận-hội [illegible] người phởn-phở, lại [illegible] biết [illegible] phép vệ-sinh, chăm đường [illegible] thể-dục, cho nên khí-huyết sung [illegible] không như người Nam mình, [illegible] người thì tiên-thiên bất-túc, xanh [illegible] vàng-vọt, người thì hậu-thiên trệ [illegible] hom-hem

gầy-còm, người thì chân-hàn giải-nhiệt, lắm chứng éo-le, không mấy người là được vô-bệnh khỏe-mạnh vạm-vỡ như người Tây.

Vả thuốc tây đã từng qua những tay bào-chế chuyên-môn nghiên-cứu thí-nghiệm rất mực tinh-tế cẩn-thận. Toàn là những môn thuốc rất công-hiệu phần nhiều cho người Tây, mà người mình dùng thì không được thích-hiệp lắm, là vì rằng phong-thổ hàn-nhiệt khác nhau, thì khí-huyết đôi bên cũng khác, cho nên quan bào-chế Mông-Tiết tiên-sinh (Montès) đã nghiệm biết tạng người An-nam khác với người Tây, nên tiên-sinh đã lưu-tâm chế riêng một thứ rượu thích-dụng cho người mình. Cái đó thì đủ biết thuốc tây khó lòng mà tiện-dụng cho khắp cả quốc-dân ta được.

Ấy đó, dùng bắc-dược thì cách học của ta còn mô-hồ mờ-mịt, không có chỉ-chuẩn như đã kể trên kia, mà cái danh-hiệu ông lang thì biết lấy gì làm bằng-cớ ; mà dùng tây-dược thì phần là phong-thổ khác nhau, phần là khí-huyết bất-đồng, phần thì tập-quán chưa lan rộng, phần thì phí-tổn có nhiều hơn, hai đằng đều có cái vẻ không được hòa-nghi thích-hợp cho ta ; vậy nhân cái phong-trào chấn-hưng nam-hóa này, ta xướng lên cái vấn-đề « *kê-cứu nam-dược* », tưởng cũng là hợp thời vậy.

Vả chăng, trên mặt địa-cầu này, bất-cứ dân-tộc nào, dù văn-minh, dù dã-man, đã là một loài động-vật sinh-trưởng ở một địa-phương, thì tất ông Tạo cũng khiến cho thủy-thổ địa-phương ấy sinh ra những thứ cỏ cây hoặc chất khác để cung-ứng cho dân bản-thổ dùng mà chữa bệnh tật. Cứ xét xem như những dân mọi-rợ ở về các vùng Thượng-du nước ta, họ chỉ dùng riêng những sản-vật thảo-mộc của họ kiếm tìm trong rừng núi thì đủ biết.

Vậy thì nước ta cũng là một dân-tộc khôn-ngoan, cũng đã từng có một cuộc lịch-sử văn-minh mấy nghìn năm, tất cũng nên có một khoa y-học để kê-cứu lấy những sản-vật thiên-nhiên của kho vô-cùng vô-tận mà ông Tạo có ý để dành cho người mình lợi-dụng lấy mà điều-trị tật-bệnh. Cái kho vô-cùng vô-tận trước kia đã có cụ Lãn-ông và cụ Tuệ-tĩnh cố công tìm-tòi, nhưng tiếc rằng sau này không ai kế cái chí của các cụ, nên về môn y-học của ta thành ra sao-nhãng nguội-lạnh mất cả, khiến cho những kẻ hậu-sinh thời nay mỗi khi nghĩ đến luống những thán-tích bồi-hồi . . .

Ngày nay, cũng là một dịp hay, cũng vì cái phong-trào thương-giới cạnh-tranh này đã lay-động điểm-tỉnh cho quốc-dân ta hồi-tâm chuyển-ý nghĩ đến những thổ-sản nước nhà. Những nhà ngôn-luận đã thấy cổ-động khởi-xướng ra cái vấn-đề « kê-cứu nam-dược » cùng « chấn-hưng y-học ».

Kê-cứu ! kê-cứu ! chấn-hưng ! chấn-hưng ! nói thì nói vậy, nhưng ai là người đứng lên kê-cứu chấn-hưng bây giờ ? Kê-cứu cách nào ? Chấn-hưng làm sao ?

Lấy sách của cụ Lãn-ông cụ Tuệ-tĩnh mà dịch ra quốc-ngữ, rồi kê-cứu thí-nghiệm được chăng ?

Thưa rằng : sách của các cụ cũng có chú-thích những vị thuốc bắc mà ta cũng có, tàu gọi là gì, ta gọi là gì chua tên nôm ở dưới. Nhưng phần thì chữ nôm khó xem khó đoán cho đúng, phần thì nghề khắc nghề in mờ mịt lèm-bèm khó lòng mà đoán cho rõ vị này tục-danh là lá gì, vị kia tục-danh là cỏ gì, có đoán ra chăng nữa, thì cũng chỉ gọi tên cỏ gì lá gì đó mà thôi, chớ cũng ít người biết hình-tượng của mẩu cái lá ấy cỏ ấy ra làm sao, thì cũng khó lòng mà tìm ra được.

Hay là đi kê-cứu thu-thập, góp nhặt lấy những bài thuốc nam, tản-mạn rải-rắc ở các nơi thôn-ổ, in ra thành sách quốc-ngữ được chăng?

Thưa rằng: Thế cũng được, nhưng sau khi tìm được nhiều môn hay, in thành sách, cũng còn phải thế nào nữa thì mới mong rằng tiến-bộ, mới mong rằng xứng-đáng cái tên « y-khoa ». Mà muốn kê-cứu thu-thập cho được công-hiệu, thế-tất phải có những người học-thức rộng, kiến-văn nhiều, có nghị-lực, có nhẫn-nại, tồn bao nhiêu công-phu tâm-huyết thời-giờ, mới hòng trông thấy kết-quả. Bây giờ gào hét cho to: Kê-cứu! Kê-cứu! Vậy ai là người kê-cứu?

Vả chăng, người ta ai là không phải cần mưu sự sinh-kế của mình, cho sự cần-dùng của mình được sung-túc trước đã, — đây là chỉ nói những hạng người có chút nhiệt-tâm mưu sự công-ích, — còn rỗi thời-giờ mới lo đến các việc khác; vì rằng ta đã đến được cái trình-độ liều hết thân-gia tính-mệnh đi để thí-nghiệm một vật gì của bí-mật của tạo-hóa như những bậc thí-nghiệm danh-gia Âu Mĩ kia đâu!

Mà trong quốc-dân ta bây giờ, người nào đã có học-thức tất ai cũng phải bận công kia việc nọ. Không lẽ một ông quan hay một người làm việc, hay một ông thương-mại kia, từ-chức từ-dịch hay đình sự buôn-bán lại, để đi mà kê-cứu. Khó thay! Còn như những hạng người xưa nay vẫn ăn dưng ngồi rồi, ta thật khó lòng mà trông mong được.

Cho nên nói đến câu « kê-cứu nam-dược » thì tưởng là một vấn-đề rất khó, nếu ta có thể làm thành được, thì cái kết-quả sẽ to-tát tốt-đẹp là nhường nào.

Công-việc khó-khăn như thế, một vài người không sao làm nổi, thì tất phải cần đến đoàn-thể, phải có một hội; trong hội tất phải có cả những ông lang cổ (tức các ông học sách thuốc Tàu) và những ông lang kim (tức là các ông mê-đờ-sanh), mà những hội-viên tất phải tháng tháng đóng tiền, phải y như các hội-viên hội « Tri-tri » hay « Hợp-thiện » vậy. Tiền ấy dùng để chi lương cho những người đi tìm tòi kê-cứu, hay là ai có bày đặt ra được môn gì hay, hay là tìm ra được vị gì lạ, thì có thưởng. Ban trị-sự của hội-đồng thì tất là có những ông lang vừa kim vừa cổ, cùng nhau hội-họp nghị-luận nghiên-cứu, vừa lập ra những khoa thuốc nam, vừa tìm cách dung-hóa bắc-dược và tây-dược mà biệt-lập thành những bài thuốc cho thích-hiệp với những khí-huyết người An-nam mình. Và xin *Nam-phong* chủ-nhân làm ơn mỗi kỳ bớt ra ít giấy để hải-nội chư quân-tử ai biết được bài gì, vị gì hay, thì gửi về đăng báo, nhật-tiêm nguyệt-tích, khi đã thu-thập được nhiều bài nhiều vị rồi, bấy giờ hội-đồng sẽ thí-nghiệm, nếu thực thấy công-hiệu rồi thì sẽ in thành sách. Như thế thì may ra nam-dược mới có cơ chấn-hưng được.

Đó là thiển-ý của tôi riêng nghĩ đại-khái ra như thế. Mong rằng những bậc cao-minh lưu-tâm về nam-dược, sẽ đem ý-kiến mà nghị-luận thêm vào; và ông bà nào có biết được bài gì vị gì hay, xin vì việc ích chung, chịu khó viết ra gửi về *Nam-phong tạp-chí*.

Trên tôi có phàn-nàn rằng: nam-dược nhiều môn thần-hiệu, chỉ vì cái tật hay bí-truyền mà đến nỗi mỗi ngày một mai-một đi. Thoạt nghĩ đến thì ai mà không giận, song xét cho cùng, thì cũng không đến giận, vì rằng mối lợi ai là người không muốn giữ, ai là người lại dại gì mà đem cái tài riêng, cái nghề riêng của mình xưa nay nhờ đó mà thủ-lợi, mà độ-thân, đi bảo cho hết người khác biết, để họ chia mất của, xưa [illegible] Đó cũng

là một cái thường-tình của người ta vậy.

Song xét cho kỹ, cái căn-nguyên của tật bí-truyền sở-dĩ mà thịnh-hành quá ở trong xã-hội An-nam, thì cái lỗi không phải chỉ riêng bên những người có điều hay mà bí-truyền, có lẽ cũng tại bên xã-hội nữa. Vì rằng người có điều hay có tài riêng, xã-hội có biết đến cho đâu, người dẫu có hảo-tâm đem những điều kê-cứu mất bao nhiêu là thì-giờ, tâm-huyết mà phô-bày ra, nói rõ-ràng ra, thì chỉ thấy có người đến hớt lấy và chia mất lợi mà thôi ; chớ nào có ai tưởng-lệ cho, nào có ai ca-tụng cái công cái lòng tốt ấy cho đâu, nào có ai lưu cái danh tiếng, in cái hình-tượng vào sử-sách như các nước văn-minh bên Thái-Tây dùng để biệt-đãi các nhân-tài kia đâu ? Trong xã-hội, trên có Chính-phủ, Chính-phủ đã không trông nom đến, không trọng-dụng đến, không tưởng-lệ đến ; dưới thì dân, dân lại hoặc là bài-bác, hoặc là khinh-thị, hoặc là thấy có tài thì ghen-ghét, tinh đoàn-thể không có, nghĩa tương-tế cũng không, trách nào ai có điều gì hay — không cứ một nghề thuốc, cả các công-nghệ khác cũng vậy — chẳng khư-khư giữ lấy làm một vật gia-truyền tư-bảo để mà thủ-lợi độ-thân.

Chấn-chỉnh y-khoa, đã là một việc khó-khăn to-tát, nếu được kết-quả hay thì tất cũng là một cái hạnh-phúc to cho quốc-dân ta sau này Ước gì trên có Chính-phủ Nam-triều, cùng Chính-phủ Bảo-hộ, dưới có các bậc quyền-thế trong nước, tán-thành cho, lập lên một hội « Nghiên-cứu Nam-dược » ; hễ ai có môn thuốc gì thần-hiệu đem ra cống-hiến quốc-dân, thì sẽ ban thưởng cho, hay là giữ quyền-lợi thế nào, hay khi in ra sách thuốc thì người tìm ra môn thuốc ấy được in hình-tượng vào, cho lưu-danh mãi-mãi. Có như thế thì nam-dược y-khoa ngõ-hầu mới [illegible] được, bằng không, thì dẫu các nhà ngôn-luận có gào thét hết hơi, tốn bao nhiêu giấy mực tư-tưởng đi nữa, cũng là vô-hiệu...

Sau này về phần bắc-dược, ta cũng nên bàn qua-loa đến.

Người mình đã lâu nay quen dùng thuốc bắc, từ nhà quê cho đến tỉnh thành, từ người nghèo cho chí người giàu, hoặc khi đau ốm, phải điều-trị, hoặc khi gầy còm, cần tẩm-bổ. *Bát-chân*, *lục-vị*, *tứ-vật*, *bát-tiên*, vân vân như đã quen luôn ở đầu lưỡi. Việc gì cũng vậy, tập-quán đã lâu, nay nhất-đán bảo bỏ thì cũng khó lắm, vậy ta nên dùng của ta, trước là cho đồng tiền-tài của ta khỏi lọt ra ngoài thái-quá, sau là người mình cũng rộng thêm được cách trồng-trọt sinh-nhai.

Tôi đã nhiều lần được tiếp chuyện các ông lang (các ông lang môn bắc-dược) có ý tò-mò hỏi ; thì mỗi ông cũng nói rằng biết được ít nhiều các vị thuốc bắc mà nước ta cũng có. Tính ra thì phần nhiều những vị thuốc bắc thông-thường ta đều có cả, mà có thiếu thì cũng chỉ thiếu ít-it mà thôi. Tôi có hỏi các ông ấy sao không dùng những vị của ta có, mà cứ nhất-nhất phải đi mua cả của người, thì ít ông nói cũng có dùng lẫn ; còn thì phần nhiều ông nói rằng ta tuy có, song những vị ấy đều bé-nhỏ mảnh-mớt và bạc-lực, chớ không được to lớn mập-mạp hậu-lực như những thứ của Tàu đem sang. Ví-dụ như vị *cam-thảo* 甘草 của Tàu thì to bằng ngón tay cái, mà *cam-thảo* của ta tức là *cây roi ngựa* thì mảnh-mớt, to lắm chỉ bằng ngón tay út là cùng. v. v... Còn thì phần nhiều ông lại cứ yên-trí rằng thuốc của Tàu đem sang hay hơn của ta.

Vậy trước hết, đây tôi hãy xin đoán tại làm sao mà những vị thuốc của ta lại nhất nhất mảnh-mớt eo-lả cả, không bằng của Tàu. Chắc rằng nghề trồng trọt các thứ vị thuốc ở nước Tàu cũng

như nghề trồng-trọt các thực-phẩm như thuốc lá, thuốc lào, khoai tây, ngô đậu v. v... ở nước ta vậy. Những nhà trồng-trọt ở nước Tàu trồng được những vị thuốc xuất-cảng bán cho ta, mỗi năm thu-hoạch lợi-tức rất nhiều, tất-nhiên lưu-tâm vun bón, mong cho những thứ vật-sản của mình được giá cao. Còn những vị thuốc sinh ra ở đất nước ta (đáng lẽ khéo trồng-trọt vun-bón thì cái to, cái lớn, cái hay, cái bổ, vị-tất kém gì thuốc bắc) thì ta khinh, ta yên-trí rằng của ta kém của Tàu, ta lười, ta sẵn có của người đem đến cho ta, ta không chịu tìm tòi trồng-trọt, lâu ngày thành ra quốc-dân quên hẳn đi không biết đất nước mình cũng có những vật-sản ấy, cứ đinh-ninh một niềm rằng « vị thuốc bắc ». Vả lại những vị ta thấy ở đất nước ta, thì phần nhiều là tự nó mọc ra ở các hàng rào, lũy tre, khe đồi, cạnh núi, không ai chăm bón, không ai vun-tưới, thì lấy đâu to-lớn mập-mạp hậu-lực được. Trách nào mà ta chẳng nói rằng thuốc *bắc tốt hơn*, hay hơn thuốc nam.

Có ông lại viện đến nghĩa chữ *địa-đạo* 地道 nói rằng cũng một thứ thuốc mà trồng ở nhiều nơi, thì tất cũng tùy theo thổ-nghi nơi xuất-sản mà tính-chất có khác nhau. Thí-dụ như *quế* của ta sinh ở Thanh-hóa vẫn hay hơn sinh ở nơi khác ; *hoài-sơn* ta sinh ở làng Đình-bảng (tức là củ mài Đình-bảng) vẫn tốt hơn sinh ở nơi khác ; *sâm* Cao-ly tốt hơn *sâm* Nhật-bản v.v.

Lời nói ấy cũng có lẽ, song những vị thuốc bắc thì nhiều, nếu những vị đem trồng ở đất nước ta, vun sới chăm bón, an-tri lại chẳng có nhiều vị mập-mạp hậu-lực, phần công-hiệu có khi lại bằng mấy mươi những thứ của Tàu đem sang ru? Hai chăng nữa, người Việt-Nam sinh-trưởng chịu cái khí-hậu thủy-thổ của đất nước Việt-Nam, an-tri những vị thuốc chịu khí-hậu thủy-thổ của đất nước Việt-Nam mà mọc ra, lại chẳng thích-hợp với khí-huyết của người Việt-Nam hơn là những thứ sinh ở nơi xa đem đến ru?

Ôi ! hay hay là dở, quí hay là tiện, phần bởi thiên-nhiên thì ít, mà phần bởi lòng ta thì nhiều. Ai ơi, nghĩ kỹ mà xem !

Sau này, nếu hội « Nghiên-cứu Nam-dược » mà thành-lập được, xuất tiền thuê người nhà-quê ta trồng những vị thuốc, y như Công-ty thuốc lá Đông-dương (*Société des Tabacs de l'Indochine*), khi được thuốc, hội sẽ bán buôn cho các cửa hàng ta buôn thuốc bắc bây giờ, chỉ độ trong một vài năm, người nhà-quê thấy lợi, thì chẳng cần phải thuê nữa, người ta cũng tự trồng. Nếu được thế chẳng là cũng thêm ra một nghề nữa cho bà con nhà làm ruộng lắm ru ?

Còn như cách trồng-trọt, thì thiết-tưởng hội sẽ cử những người đã am-hiểu cách-thức, chỉ bảo cho người nhà-quê. Và, ví-dụ một vị thuốc, thì nên cho trồng ở nhiều nơi, vừa nơi đất thịt, đất cát, đất mặn, đất chua v. v..., đến lúc thuốc đã đem về, bấy giờ sẽ nghiệm xem vị ấy trồng ở thứ đất nào tốt hơn, thì sau cứ nơi đất ấy mà trồng, như thế thì có lẽ sau này những vị thuốc sinh-sản ở đất Nam mình cũng nhiều, vì chẳng thua gì của Tàu. Xem như *liên-nhục* (tức là hạt-sen,) *bán-hạ*, (tức là củ chóc), *xa-nhân* của ta, người Tàu còn phải buôn đem về nước thì đủ biết vậy.

Sau này, xin nhắc lại để các nhà lưu-tâm về nam-dược, hễ có biết được môn gì, vị gì hay, xin cứ viết cho rõ tinh-tế cẩn-thận (tinh-tế cẩn-thận lắm mới được, vì có can-hệ đến tính-mệnh người dùng), gửi về *Nam-phong tạp-chí* ; trước nữa cho đồng-nhân được biết mà lợi dụng lấy những môn hay, vị lạ, xưa [illegible] có ích cho

một đôi người ; sau nữa cũng là góp một phần công-việc về sự « kê-cứu nam-dược » là một sự tối-hữu-ích với quốc-dân.

Các ngài biết vị thuốc bắc nào mà ta có cũng xin chỉ-giáo cho.

NGUYỄN KHẮC-HANH

TỒN-CỔ-LỤC [1]

VIII

Âm-nhạc

Âm-nhạc chủ hòa, đời thượng-cổ đã đặt ra lục-luật, lục-lã, ngũ-thanh, bát-âm, đến nhà Chu thời đủ cả. Nhà Tần dấy lên đốt mất kinh Nhạc. Vua Cao-tổ nhà Hán không chuộng văn-học, Thúc-Tôn Thông, Thích phu-nhân chỉ đặt ra những tiếng dâm-tà bỉ-lái, để dua-nịnh nhà vua, cổ-nhạc từ bấy giờ không còn biết đâu mà lý-hội được nữa. Song những nhà nghề âm-nhạc hãy còn giữ được chức-nghiệp. Dẫu không biết hết được cái ý chế-tác của cổ-nhân, nhưng mà thanh-âm tiết-tấu hãy còn chửa biến-mất, những kẻ trí-tuệ gián-hoặc cũng có người dò biết được cái mối thừa ; như là tiếng đàn gỗ vông của Bá-Giai ; khúc hát Ngư-dương của Chính-Bình ; khúc Quảng-lăng của Kê-Khang ; sáo Tam-lộng của Hoàn-Y ; đó đều là những âm-nhạc ai nghe cũng lấy làm khoái-chá, về sau học-giả thất-truyền, sai mất cả bản-lĩnh đi ; ống khống-hầu thời tiếng bi-phẫn ; đàn tì-bà thời giọng ai-oán ; lại pha-thêm những tiếng kèn hồ trống rợ thời hăng-hái kích-liệt quá. Đến cuối đời Tấn Ngụy, rợ Chi-khương lấn ở Trung-nguyên, thanh-âm Trung-hoa chỉ còn ở phía Giang-tả ; nhưng lại hoại về đời Tống, Tề thời tán-mạn ; đời Trần, Lương thời dâm-bạc ; nhà Tùy lại dâm-loạn tệ hơn. Đến nhà Đường mới sai Tổ-Hiếu-Tôn định nhã-nhạc, chép ở sách Đường-chí có 60 điệu, 84 thanh, cũng hơi đủ lệ năm chính hai biến ; song âm-nhạc thời lẫn-lộn nửa Hồ nửa Hán không được hoàn-toàn ; truyền về sau lại đặt ra những khúc *Võ mị-nương*, *Tang-điều*, *Tử-vân-hồi*, *Vũ-lâm-lý*, vân vân, không thể kể xiết được. Chính-thanh đến đấy thời không còn gì nữa. Đến đời Ngũ-quí gặp hội binh-qua, họ Gia-luật cướp sạch cả những sách vở của lịch-đại ghi chép về khoa âm-nhạc ; nhà Sài-Chu mới sưu-tập lại, nhưng cũng không được đủ. Vua Thái-tổ [illegible] vua Thái-tôn nhà Tống thời không lưu-ý gì đến âm-nhạc cả, các nhà bàn làm nhạc, thời người bảo theo thước cổ, người bảo theo thước kim, không biết là nên theo đường nào ; sách nhạc-chí nhạc-thư, mỗi sách chép lại một khác ; ông Hồ-Viên Phạm-Trấn mỗi người khảo-cứu bất-đồng ; các bậc tiên-nho như Chu, Trình, Trương, Thiệu, lại không được dùng ra để làm thí-nghiệm, dẫu có sách « Cửu-phong-tân-thư » nói về việc nhạc, nhưng cũng có người bác đi, thành ra bàn về việc nhạc không khác gì nhà họp kiện chỉ cãi lẽ nhau mãi.

Thanh-âm nước Nam ta khác với nước Tàu, thời nhà Lý, Trần, tập-tục hãy còn chất-phác, triều-đình có tấu

(1) [illegible], trang 419-425

quốc-nhạc, cũng chỉ là truyền-tập mỗi thứ tiếng đi mỗi đàng, chớ không hòa dịp với nhau. Khoảng năm Hồng-đức (1470) nhà Lê, trên có vua Thánh-tôn là bậc thông-minh, lại có các quan đại-thần như là ông Thân Nhân-Trung 申仁忠, Đỗ Nhuận 杜潤, Lương Thế-Vinh 梁世榮, là bậc học-vấn bác-hợp, làm quan tại triều, mới kê-cứu âm-nhạc nước Tàu, hiệp vào quốc-âm ta, đặt ra hai bộ : Đồng-văn và Nhã-nhạc, bộ Đồng-văn thời chuyên tập âm-luật; bộ Nhã-nhạc thời chuyên chuộng nhân-thanh; đều thuộc về quan Thái-thường cả. Đến như âm-nhạc chốn dân-gian thời đặt bộ giáo-phường coi giữ, nhã-nhạc với tục-nhạc không có hỗn-tạp với nhau. Song quan không có chuyên-chức, điển-cố không còn giữ được mấy. Đến năm Quang-hưng (1578), vua Lê chỉ là hư-vị ngồi suông, bộ Đồng-văn và bộ Nhã-nhạc, bui khi nào có lễ tế giao hay có lễ triều-hạ gì lớn mới dùng đến, cho nên các con cháu nhà nghề âm-nhạc đều thất-nghiệp cả, tấu-nhạc ở chốn triều-miếu, thời chỉ là om-xòm loạn-bậy, không còn thành ra xoang-điệu gì. Từ đấy lối tục-nhạc ở chốn giáo-phường mới thịnh-hành, tế giao-miếu và lễ triều-hạ, cùng là chốn dân-gian có vào đám tế-thần, cũng dùng nhạc ấy cả, kẻ nhạc-công quen tập những tiếng dâm-thanh, xoang-điệu dần dần biến khác đi hết, so với xoang-điệu chép ở bộ Lễ năm Hồng-đức đều không hợp cả; quan Thái-thường thời thiên-chuyển đi làm chức khác, bọn giáo-phường thời cho kẻ cai đội trông coi, không còn ai sửa lại những chỗ sai lầm được nữa.

Cũng có người thích chơi âm-nhạc, lại phải theo học bọn ca-công, bọn ấy đắc-chí, chỉ bịa-đặt kỳ-quái ra để hãi-nạt người nghe. Ta thường thấy các con nhà tấn-thân [1], thường phải dịu lời hòa sắc, để ton-ngót kẻ ca-công hèn mạt, cầu để học cái giọng hát, bắt-chước cái bộ đi đứng của nó, để khoe với chúng bạn, khiến cho những kẻ ôm đàn gõ phách vẫn hầu rượu xưa nay, dám công-nhiên nhạo báng cả người trên tiệc hát, nếu không có người chỉnh-đốn lại, thời không biết sau này lưu-tệ đến thế nào !

***

Tiếng tự-nhiên trong khoảng trời đất có năm thanh là: *Cung* 宮, *Thương* 商, *Giốc* 角, *Chủy* 徵, *Vũ* 羽, cùng với tiếng biến-cung, biến-chủy nữa là bảy thanh. Âm-hưởng tiếng nói nước ta khác với nước Tàu, song cung đàn ta có những tiếng : *Tình, tĩnh, tỉnh, tinh, tung, tang, tàng* ; giọng kèn có những tiếng : *Tí, um, bo, tịch, tót, tò, te* ; đại-lược cũng đủ cả bảy thanh.

***

Quân-nhạc đời Lê-sơ có bộ kèn trống linh kỳ, thuộc về các cơ-vệ ; lại có quan bả-lịnh cầm trống ngũ-quân. Từ đời trung-hưng về sau, mới đặt riêng ra một nhạc-đội bả-lịnh, riêng về bọn lính Trịnh-phủ giữ, chốn quan-phủ và ngoài dân-gian có việc tang tế, đều dùng đội bả-lịnh cả. Còn bọn nhạc-công Đồng-văn, phi có đắc-chỉ thời không được dùng.

***

Những đồ nhạc-khí chốn giáo-phường có một cái dịp dài làm bằng tre già hình dẹt, dài độ ba bốn tấc, khi các nhạc-công đủ rồi, thời một mụ già gõ dịp để làm tiết-độ cho các tiếng âm-nhạc. Còn như những cái trúc-địch, yêu-cổ, đới-cầm, địch-cổ thời mỗi người quản-giáp (Kép) cầm một cái.

(1) *Tấn-thân* 搢紳 là tấn hốt, thùy thân, nghĩa là gài hốt rủ vạt áo, là người sang trọng nhà quan.

Trúc-địch 竹笛 tục gọi là cái sáo, thường phải hòa với các tiếng âm-nhạc chớ không hay thổi một mình, vì thổi sáo ít người giỏi. *Yêu-cổ* 腰鼓 tục gọi là trống cơm, tang trống như cái thùng nhỏ mà dài, lúc sắp dùng thời phải xoa cơm nếp vào hai mặt trống để cho nó âm tiếng, hai bên ứng hòa với nhau. *Địch-quản* 笛管 tục danh là cái *quyền-nhị* 卷二, đi hòa với các tiếng âm-nhạc hay là thổi một mình nghe cũng hay. *Đới-cầm* 帶琴 tục gọi là đàn đáy, cũng giống như đàn Tàu ba dây, nhưng mà đáy nó vuông dọc dàn dài, trên dọc gắn 16 phiếm, tỉ với đàn ba dây cũng hơi khác. Khi kép ra hát thời lấy dây lưng điều treo đàn ngang lưng để gẩy, cùng với ả-đào xướng họa, tùy theo giọng hát thăng giáng, mau khoan ứng dịp với nhau ; nhưng tiếng đàn thấp kém không có cao hơn tiếng hát được. Ả-đào thời cầm cái phách, tục danh là cái sinh ; lại có cái phách *quán-tiền* 串錢, tục-danh là sinh-tiền, đều đánh để đỡ giọng hát. Lại cái trống *đan-diện-cổ* 單面鼓, là trống một mặt, tang trống nhỏ mà mỏng, sơn son thếp vàng, khi ả-đào mới lên chiếu hát hay lúc uốn-éo múa-mênh, thời đánh trống ấy, tiếng nó kêu lung-bung bập-bùng rất hay.

Đại-lược các thứ âm-nhạc không giống bên Tàu, nhưng cũng có tiếng cao, tiếng hạ, tiếng thanh, tiếng chọc, đủ cả năm cung bảy thanh, không giỏi nghề âm-luật, không thể biết hết được. Xem đó thời biết đời cổ-giả cũng đã nghiên-cứu về đường âm-nhạc lắm vậy.

* * *

Đội bả-lịnh có đủ cả trống, mõ, lại có cái trống *phong-yêu-cổ* 蜂腰鼓 giống như trống cơm mà một mặt hơi to, giữa thắt lưng ong ; tiếng nó kêu nhẹ là *tầm*, tiếng nặng là *bông*, tục gọi là trống *tầm-bông*. Lại có cái *xúy-quản* [illegible] tục gọi là kèn, làm bằng ống sậy, so với cái địch-quản của bọn giáo-phường thời hơi ngắn ; ống dọc ở giữa là một đoạn trúc khoét ra bảy lỗ, thổi thành bảy tiếng ; dưới chấp thêm cái loe bằng đồng, hay ghép bằng tre miệng dưới loe ra, sơn gắn tử-tế, tức là lối kèn thượng-mã dời cổ vậy. Có cái *tiểu-xúy-quản* 小吹管, tục gọi là kèn tiểu, ống dọc chỉ khoét có năm lỗ mà không có loe miệng. Còn cái *trùng-quyền xúy-quản* 重卷吹管 tục-danh là kèn tồ-sâu, chỉ làm bằng ống sậy mà thôi.

Nói tóm lại thời phàm tâu nhạc ở nhà tôn-miếu, thanh-âm phải cho trang-nhã ; những lúc đưa đón dẫn rượu, lên xuống chúc hỗ, phải tùy lễ-ý mà tuyên-dương cho hay. Còn như lúc tế đám ma thời phải cho thê-thảm, âm-nhạc phải tùy mỗi lúc một khác. Bây giờ những người tập nghệ thổi kèn hay làm quỉ-quyệt ra để cho thế-tục khen, như là lúc đám ma thổi kèn thời làm bắt chước những giọng đàn trẻ con khóc-lóc kể-lể, người nghe lấy làm thích-ý lại thưởng cho. Ôi ! âm-nhạc chủ hòa, cốt phải hợp lễ, lúc nên trang-nghiêm, lúc nên thê-thảm, thế nào được nhập-diệu là hay. Còn như tiếng rền-rĩ, giọng nghêu-ngao, khác gì tiếng khóc tiếng mếu, sao không bảo người khóc cho mà nghe, lại phải thổi kèn bắt chước làm gì, thế chẳng sai lầm mất cái ý cổ-nhân tác-nhạc đi ư. Đó là tại không có quan chuyên-trách, chớ trách chi những bọn thợ kèn hèn mạt ấy.

* * *

Đại-lược âm-luật năm Hồng-đức, thời có cung Hoàng-chung, cung Nam, cung Bắc, cung Đại-thực, luật Dương-kiều, Âm-kiều, và những điệu hát Hà-nam, Hà-bắc, Bát-đoạn-cầm. Bọn giáo-phường bây giờ cứ theo thói quen gọi lầm cung Hoàng-chung 黃鐘 là cung Huỳnh ; cung Đại-thực 大食 là Đại-thạch 大石 Dương-kiều 陽嬌 là Kiều-dương

橘楊: Hà-nam 河南 là Xà-nam 蛇南. Còn những lối *đàn lầy*, *hát từng*, *thét nhạc*, đều là mới thêm ra cả. Lúc đọc thơ phú thời chỉ nhặt-nhạnh lạp-nhạp những câu thơ ngũ-ngôn thất-ngôn mà đọc, chớ không có thứ-tự gì cả. Lối hát cổ xưa bọn giáo-phường hãy còn truyền được ít nhiều xoang-điệu cổ, lại hát sen giọng tân-thành vào; từ đời Cảnh-hưng trở về trước, hãy còn truyền được ít nhiều người hát được; sau đến cuối đời Lê chỉ có ả đào già mới hát được, ả đào trẻ thời không thể nào hát được.

* * *

Hát ở trong cung, tục gọi là *hát cửa-quyền*, tiếng hát xinh-xắn uốn-éo dịu-dàng, thanh-nhã hơn giọng hát ngoài chốn giáo-phường. Nhưng âm-luật cũng không khác gì mấy. Có cái trúc-sinh 竹笙 để cầm dịp, tục gọi là *đàn khổ*, hình nó như cái thùng vuông, trên rộng dưới thắt hèm-hẹp lại, giống như cái mộc-trúc đồ nhạc-khí cổ, trên mặt thùng ken liền từng miếng tre già như bậc thang *giường*, lấy hai cái dùi gõ dịp thì tiếng nó kêu lắc-cắc. Lại có thứ đàn cầm 琴 căng dây thép dài giống như đàn sắt 瑟, hai bên thành đàn khảm sà-cừ hay là đồi-mồi. Có thứ đàn chín dây tục gọi là đàn *cửu-huyền* 九絃; có thứ bảy dây tục gọi là đàn *thất-huyền* 七絃; có thứ đàn tranh 箏 15 dây, gẩy bằng móng tay bạc, hay là lấy cái tăm sậy gõ lên trên dây mà đánh, hòa hợp với các thứ tiếng-nhạc kia gọi là *bát-âm*, kỳ thực không phải là tiếng bát-âm đời cổ. Đời cổ-giả chỉ có ông Nguyễn-Sĩ-Cố 阮士固 ở đời nhà Trần gẩy đàn cổ-cầm rất hay.

* * *

Những lối nhạc-ca từ đời Đường, Tống trở xuống chia ra có hai lối là: vãn-ca 輓歌 và ban-hí 扮戲. Vãn-ca là xin theo xe đại-dư mà hát những giọng bi-ai thảm-thiết, cũng như đời cổ hát thơ Phí-lộ [1] để thăm viếng người chết vậy. Ban-hí là những con hát ở giáo-phường, vẽ mặt ra làm trò, diễn những sự-tích các nước và đời Tam-quốc, tức là trò tuồng, bày ra để yến-lạc tân-khách, cũng như là anh Thù-nho chú Ưu-mạnh ngày xưa ra làm trò vậy. Từ đời nhà Nguyên, Minh trở xuống, duy có lối ban-hí (tuồng) là thịnh-hành, kẻ văn-nhân tài-tử thường tùy chuyện mà đặt văn-vẻ thêm ra cho thành vở tuồng, để phát-tiết cái khí bất bình uất-ức, như là bản tuồng Tây-xương, 西廂 Tì-bà 琵琶 Mẫn-đơn-đình 牡丹亭 và các chuyện tiểu-thuyết cổ kim, danh-mục rất nhiều, không kể xiết được

Nước Nam ta từ đời nhà Lý có ông Tống-đạo-sĩ sang ta dạy người dân trong nước múa hát làm trò, ấy trò làm tuồng khởi-điểm ra từ đấy. Sau này bọn giáo-phường mới bầy thêm ra lối hát Bát-đoạn-cẩm 八段錦, tục-âm ta nói lầm là bắt-đoạn.

Triều nhà Trần khi có quốc-tang, lúc sắp rước tử-cung [2] đến sơn-lăng để an-táng, dân-sự phố-phường xúm quanh lại xem, vòng trong vòng ngoài chật-ních cả chốn điện-đình, không thể rước tử-cung đi được. Người dẹp đám mới bắt chước lối vãn-ca đời cổ, đặt ra khúc hát Long-ngâm, hiệp vào âm-luật, sai quân-lính đi hát diễu chung-quanh đường, nhân-dân lại đổ-sô xúm-xít theo đi xem, vì thế mới rước tử-cung xuống thuyền được. Đời sau mới bắt chước làm lối hát vãn, mỗi năm cứ đến rằm tháng bảy, những nhà tang-gia cho gọi phường hát đến hát, để giúp lễ tế ngu, tiếng hát bi-ai, nghe rất cảm-động, tục gọi là *phường chèo bội*. Khoảng năm Cảnh-hưng

(1) Phí-lộ 薤露 Là hạt móc ở trên ngọn cỏ, ví người ta sinh ra ở trên đời cũng như là hạt móc buổi sớm ở trên ngọn cỏ.

(2) Tử-cung 梓宮 Quan-tài gỗ thị

những phường hát bội mới pha thêm lối tuồng, cũng đóng vai trò về mặt ra múa hát diễu cợt, không khác gì cuộc hí-trường. Các nhà tang-gia hay đua nhau mượn phường chèo đóng đường để khoe khoang ; các quan Chánh-phủ ghét là hung-lễ lại tạp-dụng cả cát-lễ bèn sức nghiêm-cấm, đã hơn mười năm. Đến năm Canh-tuất dân-gian lại thấy bầy trò hát bội ấy ; các con nhà lương-gia tử-đệ nhiều người bỏ cả chức-nghiệp đi theo học hát, khăn áo dáng bộ như đàn-bà, thường khi ở nhà cũng nghêu-ngao tập hát chèo, đối khách cũng không thẹn-thò gì cả, tập-tục đến thế, chẳng khá than lắm ru !

Lạm-bình. — Xét những bài cụ Phạm tiên-sinh kê-cứu về việc âm-nhạc trên này, thời biết nước ta mà có đủ các thứ âm-nhạc là từ đời Lê Hồng-đức (1470), nào là đặt ra bộ Đồng-văn, bộ Nhã-nhạc ngoài dân-gian thời có bọn giáo-phường, chia hẳn ra tục-nhạc với nhã-nhạc khác nhau. Còn như các thứ nhạc-khí như đàn đáy, trống cơm, sinh tiền, sáo trúc v. v., đều chế-tạo ra đủ cả. Xem đó thời biết cổ-nhân cũng đã lưu-ý về việc âm-nhạc, chế riêng ra một thứ nam-nhạc, thanh-âm xoang-điệu, theo dịp với tiếng nước nhà, cũng đủ cả ngũ-thanh bát-âm, chẳng kém gì âm-nhạc Tàu vậy. Song từ đời Lê trung-hưng trở về sau, nhạc-quan không có chuyên-chức, con nhà nghề không có chuyên công, thành ra mỗi ngày một sai lầm đi, ở chốn dân-gian chỉ có lối tục-nhạc là thịnh-hành mà thôi.

Đại-ước nước Nam ta bây giờ có mấy lối hát ? Kể những lối hát đã chia ra có cung bậc, phân ra có xoang-điệu, thời có lối hát ả-đào, hát-lý, hát tuồng, hát chèo ; còn như lối hát sầm, hát ru, trống quân, trống quít, thời không kể chi cho xiết được.

1° Lối hát ả-đào khởi ra tự trong Thanh-hóa, mà thịnh-hành ở ngoài Bắc-kỳ ta, âm-điệu thời phần nhiều là tiếng bắc cả, kể ra cũng nhiều lối hát như là : *cung nam, cung bắc, ngâm-vọng, gửi thư, Tì-bà, hát mưỡu, hát nói* vân vân ; song những xoang-điệu cổ thời từ đời Lê Cảnh-hưng (1740) trở về trước hãy còn truyền lại được ít nhiều ; đến về sau này thời những ả đào non không thể nào hát được những lối cổ xưa ấy nữa. Xem như các bài hát thời hoặc là diễn-âm như bài *Tì-bà, phú Xích-bích, thơ Thiên-thai ;* hoặc đặt ra các bài hát nói, đều là các bậc văn-nhân tài-tử làm ra để tả cái chí-khí cái tài-tình, ý-tứ rất là sâu xa, âm-điệu rất là thanh-nhã, khi hát thời điệu nào đi điệu ấy, cốt phải tiếng hát cho vuông tròn bình-chính, lại pha thêm tiếng đàn chen tiếng trống, tiếng phách lẫn tiếng sênh, nghe rất là phong-tao êm-ái, đó thực là một cách chơi hát mà lại có văn-chương, phải hiểu thấu văn-chương, thời mới sành cung-bậc, có sành cung-bậc, thời mới đánh lọt được tiếng chầu, vì thế nên những người chơi mà sành được nghe chầu cũng là ít có. Còn như lả-lơi trên chiếu rượu, chớt-nhả ngón nhân-tình, không phải là cách chơi phong-nhã của người quân-tử vậy.

2° Lối ca lý thịnh-hành trước ở trong Kinh, Quảng, rồi dần dần lan mãi ra ngoài Bắc, lối này phải đặt theo dịp đàn mà hát theo tiếng Kinh, Quảng ; Sài-gòn cũng có một lối hát lý giống như lý kinh. Nhưng xét ra lối hát lý thời phần nhiều là những điệu bi-ai thê-thảm, hay là giọng huê-tình, dễ khiến cho người ta chau mày mà rơi lụy. Than ôi ! Hát khúc Hậu-đình ; Trần-đế mê đến vong-quốc ; ngâm thơ Trịnh, Vệ, dân-phong tệ đến hoang-dâm ; tưởng cũng không phải là chính-thanh vậy.

3o Xét ra nước ta khởi-điểm có lối hát tuồng là từ đời nhà Lý, mà cũng tự trong Kinh, Quảng khởi-xướng lên trước, cho nên giọng hát phải theo giọng Kinh hay là giọng Sài-gòn mới hay, vì giọng trong Nam hùng-mãnh hơn giọng ngoài Bắc, hát giọng bắc thời yếu-ớt mà thấp giọng quá không thể hát được. Trong lối hát này cũng nhiều giọng, nào là : *Hường, tán, nói lối, hát bắc, hát nam, ngâm, thán, bạch, bài, loạn-tẩu-mã*, vân vân. Đại-khái những câu hát bắc thời là những câu thơ, phú, mà giọng hát hùng-hồn ; những câu hát nam là những câu ca lục-bát, mà giọng hát bi-thảm. Còn như cách-bộ, thời bộ Kinh trang-nhã hơn mà hơi chậm ; bộ Sài-gòn lanh-lợi hơn mà hơi nhanh. Nói tóm lại lối hát tuồng là để diễn lại những sự-tích cổ-nhân, phải cho có tinh-thần hoạt-động, trung ra trung, nịnh ra nịnh, hiếu ra hiếu, tình ra tình, như vẽ ra một bức tranh truyền-thần, tưởng-tượng như trông thấy thật, thế mới là tuyệt-diệu. Chớ còn như diễn tích cổ [illegible] sai mất ý cổ, pha lối kim mà không hết thời kim, có khi làm mất cả cái tinh-thần của bản kịch. Vả lại những phường hát xưa nay chỉ thấy diễn những sự-tích cũ ; Phong-thần, Đại-thánh, lắm truyện hoang-đường ; Thủy-quái sơn-tinh, nhiều trò quỉ-quắc ; toàn là những lý-tưởng cũ cả, chửa thấy cải-lương được sự gì. Sao không xem lối hí-kịch Thái-Tây, thời phần nhiều những sự-tích có tư-tưởng mới, lại có ý khuyến-kích châm-biếm đến phong-tục trong xã-hội, xem một tấn kịch có thể làm khuyên làm răn được, lại có thể biết được cả nhân-tình thế-thái ; vì những tấn kịch ấy là những người văn-sĩ đại-tài đã lịch-duyệt trải hết sự đời, mới soạn thành ra được, cho nên ý-tứ rất sâu-xa, điệu bộ rất thần-tình, đủ các trò bi-kịch, tráng-kịch, hoạt-kịch, khiến người ta phải cười, phải khóc, phải sởn óc, phải giật mình, ấy cái thần-tình Thái-Tây tân-kịch như thế đấy, các vai tuồng ta chửa dễ đã diễn theo kịp được. Mong sao có ngày chấn-chỉnh, theo được kịch-bản tây mà diễn ra văn-chương cho thật nghiêm-trang, luyện-tập điệu-bộ cho thật khéo thật hệt, thời mới gọi là cải-lương được

4o Lối hát chèo bội tương-truyền là khởi ra tự đời nhà Trần, nguyên là lối hát vẵn, đến đời Lê Cảnh-hưng mới pha thêm lối tuồng cũng vẽ mặt ra trò, hát toàn giọng Bắc-kỳ cả, đó thực là riêng một lối hát của nước Nam ta. Kể cũng nhiều giọng hát, mà hay nhất là giọng hát gõ. Song phần nhiều là lối hát văn, ít khi có hát võ, lại hay pha thêm nhiều câu pha trò thô-tục, cho nên không được trang-nghiêm thanh-nhã bằng lối hát tuồng.

Nói tóm lại âm-nhạc nước ta tuy bắt chước luật Tàu, mà khác hẳn tiếng Tàu. Song không có đặt quan chuyên-chức, thời về khoa âm-nhạc sao cho phát-minh tấn-tới được, không xem như âm-nhạc tây thời hùng-hồn cổ-vũ nhân-tâm biết chừng nào, mà âm-nhạc ta thời chỉ nghe thấy om-xòm tán-loạn, đàn sáo nào có khúc ca ái-quốc, kèn hồ nào có khúc tử-sĩ hồn, âm-nhạc nước ta chỉ dùng để giúp sự lễ-văn suông, hay là dùng để giúp dịp ca dịp lý ở trong trường diễn-kịch mà thôi, chớ không có chí-khí tinh-thần gì là để cổ-vũ cảm-động được nhân-tâm phong-hóa ; mà các lối xướng-ca như tuồng, chèo, ả-đầu, hát lý, xưa nay chửa có người chấn-chỉnh, thời khó cho cải-lương cho được hoàn-toàn.

ĐÔNG-CHÂU

DƯ-LUẬN VỀ VẤN-ĐỀ « CHẤN-CHỈNH QUAN-TRƯỜNG »(1)

VIII

Độc Thánh-Dụ hữu-cảm

Thái-bình, le 24 Novembre 1919

Quan Thượng Thân Đại-nhân,

Tôi vài tháng nay duyệt-báo *Nam-phong*, kỳ trước được đọc bài « Chấn-chỉnh quan-trường », kỳ này được đọc bài « Bảo-hộ quan-trường » của quan-lớn diễn ra, mà nói ý-kiến của ai thế nào trả lời để biết, tôi vẫn muốn đáp ngay một bài, nhưng tư-tưởng chẳng ngoài câu ngài đã nghị-luận, vậy để chậm-trễ. Nay mới được đọc bài Dụ-chỉ của Hoàng-thượng ta, trong lòng cảm-kích vô-hạn, tôi có nghĩ mấy câu diễn-văn, mà tuân đình-lục bài dụ-chỉ, để niêm-yết cho quan-dân biết mà tỉnh-ngộ (một bài chữ nho, một bài quốc-ngữ).

Vậy xin viết hai bài diễn-văn ấy trình quan-lớn thẩm.

PHẠM VĂN-THỤ

*
* *

Ngày nay là ngày nên mở-mang trí-khôn cho dân, lại nên giữ-gìn quyền-lợi cho dân, chớ không nên mong dân ngu mãi, mà lợi-dụng nghề riêng của mình. Nghề riêng ấy là gì ? Tân-thư tàu gọi là nghề *hà-bao* 荷包, tức cửa miệng ta gọi là nghề « đút túi » vậy. Lạ thay nghề ấy, ai dậy mà sành, giáo-hóa không có, học ai mà tinh, phép ngày càng nghiêm, tệ ngày càng sinh, lương tăng không bớt, luật mới không kinh, trước còn tư-túi, sau đến công-hành, lấy bệnh truyền-nhiễm, quen thói đua tranh. Than ôi ! một gặm cứt sắt, bọ bỏ nồi canh, nói ra thẹn mặt, nghĩ đến giật mình, biết cùng ai chỉnh-đốn quan-trường, chiêu hồn liêm-sỉ, nghe có lệnh tẩy-trừ lạm-tệ, tạo-phúc văn-minh.

Cổ kim lại, không kỳ đời nào, không kỳ nước nào, đọc sách thấy bậc quan-lại thanh-liêm, ai cũng trọng ; nói truyện đến người quan-lại tham-ô ai cũng khinh ; bởi sao mà biết trọng, bởi sao mà biết khinh, cũng bởi hai chữ liêm-sỉ là một cái linh-hồn của loài người, cái linh-hồn liêm-sỉ nếu còn thơm-thóp ở trên đời, thời cái cường-quyền đạo-đức sẽ có lúc vẫy-vùng trong trái đất. Nước ta từ triều vua Tự-đức trở về trước, lương quan-lại tháng chỉ quan tiền hộc gạo mà sao nhiều người giữ được chữ liêm, nay lương quan-lại người ít ra mỗi tháng cũng được mười đồng bạc trở lên, quan-trường thực đã dồn-dịp thay hoán-vị thực đã dập-dìu thay, mà sao hỏi đến chữ liêm thời tẻ nhạt thế ! Bảo rằng khi cầu bổ quan, còn phải bôn-cạnh, cho nên khi mới đáo-nhiệm đã cần ngay tìm cách báo-thường ; thời Nhà-nước chưa từng mở chợ đấu-giá quan, chẳng qua cứ lễ công bằng, tùy tài mà thụ-dụng đấy ; bảo rằng thời-buổi càng văn-minh thời sự tiêu-dùng càng phải sa-phí, sao không nghĩ có tiết-kiệm mới thanh-liêm được, thơm danh so tốt mã, đàng nào hơn ; nếu ai thực thanh-liêm đã được tiếng rồi, quan trên chắc tin-trọng, vụng thù-ứng cũng không bảo là quê ; thân-cố chắc nể-thương, ít tiễn tặng cũng không cười là hủ ; thế thì đủ biết liêm thường gọi là liêm-đức, và thanh thường gọi là thanh-phẩm.

(1) Xem *Nam-phong*, số 28 (trang 294-300), số 29 (trang 456-460).

kiêm cả phúc đức, vẻ-vang trong đám quan-giới biết chừng nào. Vả chăng người ta ở đời, nghĩa lợi đôi đường, phải nên cân-nhắc, thử trông các quan bảo-hộ vì chủ-nghĩa thế-giới, đem giống văn-minh sang trồng ở xứ ta, còn biết tưới bằng máu mà vun bằng thịt, huống chi quan-lại ta đối với quốc-dân, cùng xứ-sở, cùng loài-giống, nghĩa đồng-bào so càng thiết-mật, phải nghĩ đến cơm áo một nhà, toàn là huyết-hãn của trăm họ, đã chẳng đem lòng đau-sót, nỡ nào còn tìm cách hút máu-mủ để béo lấy một mình.

Khốn-nạn thay! hồn liêm-sỉ hết hơi thiêng rồi chăng? quyền đạo-đức kém sức mạnh rồi chăng? Bốn nghìn năm văn-hiến, cốt-cách vẫn còn, lẽ đâu hư-hỏng ngay tự đám thượng-lưu-xã-hội, chỉ vì cờ vàng hay nhọ bụng, vậy cho nên đồng dễ bẻn hơi! Nghĩ cách làm quan cũng nghề đi buôn, chao-chát khéo thì mới có lãi, bảo đảm quan-trường như sòng cờ bạc, vơ-vét mau kẻo sáng mất rồi; *ai khéo lấy khoe là giỏi lắm, ai vụng lấy chê là ngu là dại*; thậm chí bưng mắt lấp tai, ai chửi mặc ai, giơ đầu chịu báng, cố đấm ăn xôi, quí hồ đầy túi, được tiền thời thôi! Đương buổi văn-minh giao-đại, thời-thế bức-lại, công-chiến thương-chiến, mưu triều như lôi, công lợi ghen cạnh, đạo-đức suy-đồi, mới chưa học được, cũ đã quên rồi, người có huyết-tính, nghĩ đến giống-nòi, ai chẳng ứa máu mắt, lụt mồ-hôi! Mỗ nay già yếu, trông cảnh về hưu, ngoài hai mươi năm quanh-quẩn Thái-bình, chưa làm được chút công-nghiệp gì đáng để vào bia kỷ-niệm, còn ở ngày nào gom hết bổn-phận ngày ấy, ngồi nghĩ những lúc còn làm phủ, huyện, nào đâu là tuế-thời kỳ-lạp, nào đâu là tiễn-tặng phùng-nghinh, muốn làm gái nhưng cũng phải chơi, muốn ăn chay nhưng cũng phải tạp; vậy khi ở Kiến-xương đã có câu tự-huống:

Đạo-đức diệc xà-tăng, động dữ tửu bác đồ vi lân, vu cổ-nữ vi duyên, do đàm tĩnh mặc;

Phong-lưu chân đố-kỹ, ngoại hữu kim ngân-hoàn sổ nịp, thanh hồng y sổ phiến, thùy giải trung hư.

道德亦蛇僧。動與酒博徒爲鄰。巫盬女爲緣。猶謙靜默。

風流眞蠹妓。外有金銀丸數篋。青紅衣數片。誰解中虛。

Nghĩa là: đạo-đức cũng là sư hổ-mang, nhởn-nhơ nào cờ-bạc, nào xướng-ca, còn bảo mình rằng chay tịnh; — phong-lưu thực đĩ mọt ruỗng, phất-phơ đâu hoa-hột, đâu quần-áo, nào ngờ trong vẫn xác-xơ.

Đến khi được thăng Án-sát, đương niên-hiệu Duy-tân thứ nhất, cảm-súc hai chữ Duy-tân xuất-hiện, tự mình bối-cải, đối với phủ huyện đã xin tỉnh hết những lễ tuế-thời, ấy là nghĩa ăn ở biết cay, chớ không phải là thói qua cầu cất dịp; khốn về nỗi nhân-tình thế-cố, thái-liêm thường lại thái-tham, đêm thường tâm-niệm, sám-hối một mình, chưa chắc đã trọn được nào, còn dám đâu đối người mà bạch tâm-sự. Mới dấy rất kính phục quan Thượng Thân hô-hào cái chủ-nghĩa cải-lương rất tốt, cũng muốn theo mà cổ-động, nhưng lại e mình còn chửa sạch, dẫu nói cho rát cổ bỏng họng, chả chắc đã phát được chút cảm-tình nào. Vả chăng phong-tục là một việc riêng của mình, hay thời để, giỏi thời đổi, trách-nhiệm ở mình, nếu không biết trách mình, mà còn trông giả thủ ở người, sợ lại một ngày một trễ.

Phúc sao, đội đức Thánh-quân, phát lời Dụ-chỉ, đốt hương đọc báo, cảm-kích vô-cùng, dám xin phát-nguyện trên quan dưới dân, một lòng một dạ, còn nhận cùng là giống nòi Hồng Lạc, thời nên ghi lấy chữ *đầu thượng quán thân*! Nói rút lại dân vi như dòng, quan vi như nguồn, nguồn [illegible] thì dòng

mới sạch ; quan ví như nêu, dân ví như bóng, nêu ngay thời bóng phải ngay. Vậy thời vâng lời Chiếu đó, rửa tấm lòng đen, ấy là trách-nhiệm quan-lại, ta phải kíp sửa mình để làm gương cho dân đó.

Đàn-viên PHẠM VĂN-THỤ
Tổng-đốc lĩnh Tuần-phủ Thái-bình

IX

.... , le 23 Septembre 1919

Kính-bẩm quan-lớn Thân đại-nhân

Tôi được đọc bài « Chấn-chỉnh quan-trường » của quan lớn đăng trong báo *Nam-phong* mấy kỳ vừa rồi, tôi lấy làm rất sướng tai và hưng-khởi lắm.

Tôi tuy chưa đến cái địa-vị được hưởng lễ tết của xã dân, và cũng chưa gánh cái chức-trách phải đi lễ tết các quan trên, nhưng tôi đã từng được mục-kích cái tệ-tục lễ tết ấy, mà mỗi khi tôi mục-kích thời cái lương-tâm của tôi, nó cũng bắt tôi phải nghĩ-ngợi, phải bồi-hồi, tựa-hồ như tôi đã là một người cục-trung vậy.

Tôi thiết-tưởng cái tệ-tục ấy cũng bởi tự cái văn-minh của Tàu mà lan dần đến quan-giới nước ta, vì cái văn-minh ấy hay trọng lễ, lễ mà sinh tệ, là cái lòng bôn-cạnh, cái bụng tham-lam, đến nỗi chỗ quan-trường phải lấy lễ mà cân kẻ hơn người kém, lường kẻ tốt người xấu, mà không kể cái công-lao, cái danh-dự là vật gì, thời lễ cũng tệ thật, còn nên để làm gì nữa !

Quan lớn cũng là một người dương-cục, lại có quyền-thế đời nay, mà quan-lớn nghĩ đến cái sự chấn-chỉnh ấy, há chẳng phải một điều hạnh-phúc cho chỗ quan-trường lắm thay ! Than ôi ! bài « Chấn-chỉnh quan-trường » đời nay, có phải là bài « Biện-gian-luận » hay là bài « Trầm-ninh-sớ » ngày xưa không ? Làm sao mà lời-lẽ hùng-hồn, ý-nghĩa sâu-xa, khiến cho những [illegible] đương-đồ vi như người không bị đánh mà đau vậy !

Thôi, xin quan lớn gắng công là gắng công mà xin với Chánh-phủ chóng chóng bỏ cái tệ-tục ấy đi ; sớm được ngày nào hay ngày ấy, [illegible] cho bọn hậu-tấn, cho bọn xã dân ngày ấy, cái hậu-vận của quan-trường nước ta, quan-hệ vào cái tay tế-độ của quan lớn lắm lắm đó, xin quan-lớn gắng công. Nhưng thiết-tưởng quan-lớn phải xin với Chánh-phủ nghĩ một cách trừng-trị thế nào cho thật nghiêm nhặt, thời thi-hành mới có công-hiệu được.

Đó chính là cái bia công-đức của quan-lớn đó. xin quan-lớn gắng công.

Kính dâng quan-lớn hai chữ phú thọ.

N. T.
Người đọc báo ở Trung-kỳ

X

Hà-Tĩnh, le 25 Septembre 1919

Thư phụng Tổng-đốc Thân đại-nhân các-hạ đầu-chiêu.

Tôi vừa mới tiếp được báo *Nam-phong* kỳ tháng 8 tây, thấy có một bài đại-luận của Cụ-lớn nói về sự chỉnh-đốn quan-trường, tôi vội-vàng đặt báo lên yên, gắn sáp lên cây, đốt trầm lên đỉnh, rồi hai tay lại nâng lấy báo, giở ra một cách rất trân-trọng, mà đọc đi đọc lại hai ba lần, tôi bèn lĩnh-hội ra được cái tôn-ý của Cụ-lớn *thực* là trên vì nhà-nước mà lo cho phủ-dân để túc-quốc, dưới vì dân mà lo bỏ cái tệ trùng-đố kia đi, sau vì trong quan-trường mà cảnh-cáo và hiểu-dụ cho những người tham-ô nên trừ mà ăn-năn đổi lỗi, cho được khỏi phải đào-thải ở trong cái lò tiến-hóa đất Đông-dương hai mươi thế-kỷ nay. Sau hết Cụ-lớn lại rao hỏi cả quốc

ı ai bằng lòng bỏ cái lệ lễ-đốn trong
an-trường hay không và có muốn
ıg tên lên báo thì cũng trả lời để
-lớn biết.

Vậy tôi tuy hồ phận thư-sinh, phục
thảo-giã, song bấy lâu đội ơn
ánh-hóa, gội gió văn-minh, cùng
t lòng với mọi người lê-thứ mà bái-
ic: trên thì đức Thánh-thượng cùng
ánh-phủ, dưới thì các đấng danh-
g trong nước, đồng-tâm hiệp-lực
trù-liệu mọi sự cải-lương tiến-
a cho nước cho dân được thịnh-
ờng. Nay nhân có việc bàn về chỉnh-
n quan-trường mà Cụ-lớn lại rộng
ỏi đến cả ý chung mọi người trong
ước, thì tôi cũng xin có mấy lời gọi
hoan-nghinh cái chính-kiếnhay của
ột đấng danh-công đương-đại, xin
ụ-lớn xét cho như sau này:

Chính-phủ Đông-dương ta từ nay
ở đi phần đối với mẫu-quốc, phần
ối với thuộc-dân, sự-nghiệp ngày càng
-đại, nhu-yếu ngày càng phồn-đa,
ề mà dân cứ một ngày một sa-sút
ầm quá mãi đi, thì lấy đâu mà ứng-
ng cho thành-hiệu được. Vì vậy
nước *sớm lo-liệu đến sự chỉnh-*
[illegible]ng quan-trường, là người chịu
n-nhiệm chăn dân cho nhà-nước
ức là nhà-nước lo-liệu sự hưng-
h cho dân ta.

Phương-chi, quan địa-phương cai-
ở nước ta bây giờ, thì lại càng
-hệ hơn là quan địa-phương cai-
các nước văn-minh, bởi vì cái
-độ tri-thức của quan với của
ở các nước văn-minh thì cũng
ng xâm-xi nhau mấy tí, cho nên
quản-thượng hay chánh-phủ có
bố cho dân cái hiến-pháp gì hay,
nghị-định gì tốt, thì dân tự hiểu
mà hoan-nghinh lấy, tuân-hành
rc-tế, đạt đến mục-đích mới thôi;
quan thì chỉ làm trọn cái việc thi-
là đủ. Đến như dân-trí nước ta
giờ phần nhiều còn mờ-mờ mịt-
mịt. chửa mấy người hiểu ba chữ « tự-trị-thể » là nghĩa làm sao, thấy quan sợ như thần-minh, kêu là phụ-mẫu, một lời quan nói ra, bằng mấy mươi cái chỉ của vua của nước, cũng chỉ vì được cái quyền thân-dân mà thôi, vậy mà muốn cho thực-hành cái chính khai-hóa cho dân được phú-túc lên, để cung-ứng vào cái sự-nghiệp lớn-lao của Nhà-nước, mà không phải nhờ ở tay các quan địa-phương cai-trị, thì sao cho chóng thành công-hiệu được? Mà muốn cho trong quan-trường có tư-cách, có đức-nghĩa đủ sức mà thừa-tuyên cái đức-hóa của Nhà-nước ra cho dân, thì tất trước phải trừ-khử mọi mối tệ-đoan trong quan-trường đi. Nay xem cái mối tệ-đoan sở-dĩ khốc-hại đến nỗi thành ra hai chữ « ăn cướp », làm điếm-nhục cho cả lòng tôn-thân trong nước, đã bị công-luận hai dân Đại-Pháp và Đại-Nam không dung-thứ như thế, thì tưởng cũng không phải là cái căn-tính của nhà quan-trường nước ta từ xưa. Xem từ Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, cho đến Bản-Triều ta, trên thì có bài quan-châm, luật tang-hối, để khuyến-trừng, dưới thì mỗi hạt có một đảng thân-hào làm dư-luận, chính nước tục dân, phòng-phạm cũng đã nhặt thay, mà nhà làm quan cũng đua nhau giữ lấy cái thanh-cần khí-tiết, như cụ Tô Hiến-Thành nhà Lý, cụ Trần Thời-Kiến nhà Trần, cụ Phạm Công-Trứ nhà Lê, cụ Trần Công-Hiến ở Quốc-triều, đó là lược kể mấy bậc hiền-hách hơn, còn biết bao nhiêu truyện tuần-lương, sách liêm-lại, danh thơm ghi để nghìn thu, sử không xiết chép; thì chắc rằng trong quan-trường bấy giờ cũng ít những người tham-nhũng và cũng không thảm-độc như bây giờ. Cho nên trong sách *Việt-sử-kính* cũ[illegible] cụ quận Hoàng về mục quan-lại bấy giờ có nói rằng: « Từ khi Nhà-nước Bảo-hộ mới sang, giặc-giã đang nhiều-nhương, thế phải

dùng binh-lực mà tiễu-định, vì vậy xuất-thân nhiều người hèn-mạt mà cũng được dự vào hàng thân-tân qui-hiển. Nhà-nước vốn biết, mà đã dùng không nỡ bỏ ngay..... Bởi thế quan-giới ngày nay nhiều sự sàm-tạp bất-đáng là thế ». Vậy thời biết rằng chỉ bởi những hạng nhất-thời nhờ gió bẻ măng đấy thôi, thế thì cái sự chỉnh-đốn lại tưởng cũng không lấy gì làm khó.

Mấy năm nay Nhà-nước cũng đã trù-liệu đến sự chỉnh-đốn quan-trường như là; 1° Mở khoa Chính-học để đào-tạo lấy tân-nhân-tài cho chính-giới. 2° Nghị tăng-bổng để dưỡng-liêm, tân dinh-thự cho tôn-qui. 3° Phân chánh pháp hai quyền để có chuyên-nghiệp. Nhưng hiện nay cái số học-trò trong trường chính-học phải đợi lâu năm mới đủ dụng, mà muốn chữa ngay lấy cái bệnh-hoạn cho dân thì thiết-tưởng hãy tạm lợi-dụng cái quan-tràng bây giờ mà chỉnh-đốn lại. Cách chỉnh-đốn cho hoàn-toàn để dân được thực nhờ ơn huệ, chắc Cụ-lớn cũng đã liệu đến cả và định sẽ thương với Chánh-phủ rồi, song tôi ở nơi dân-gian có biết một đôi tình-tệ, cũng xin Cụ-lớn cho rộng phép được kể như sau này. Cách chỉnh-đốn tưởng có hai việc là : cách trừ-tệ và cách đôn-đốc.

Về cách trừ-tệ có những việc này :

A) Tục lễ đốn là một tục làm bắt-buộc và phiền quấy cho người ta, nhiều lễ bất-tiện, Cụ-lớn bàn bỏ, tôi xin thuận theo.

B) Tục lễ trình như những khi này : 1° Kẻ đầu-đơn, kẻ xin phép ở các huyện thường đem lễ đến một đồng bạc. 2° Lý-trưởng khi nộp thuế xong về trình bằng-biên tại huyện, mỗi xã từ 2 đến 3 đồng bạc tùy lớn nhỏ, rồi lại phải nộp tiền [illegible]-đốc cho Chánh-tổng mỗi xã cũng như thế. 3° Kể ra làm tổng-lý, trừ cái số khấn quan để bênh cho được làm, lại còn phải tiền tạ các nha-thuộc, song mới ra làm việc những tiền ấy tuy không có phép và không có lệnh trên, thì dân không dám bỏ.

C) Tục tang-hối là một sự đại-hại cho cả dân và phép luật. Song vốn u-ẩn, nên Nhà-nước tuy nghiêm-cấm mà không trừ hết được, bởi vì nếu quan mà không sẵn có một ông tưởng lương-tâm hùng-dũng thì không tài nào mà chống nổi với cái sức ma tiền bất nghĩa kia cám-dỗ được, e rằng tụ lễ đốn bằng phẩm-vật tuy bỏ rồi sẽ qui cả vào tiền bạc lại càng kín-đáo mà tiện-dụng hơn.

Về cách đôn-đốc có những việc này :

A) Xin Cụ-lớn muôn tâu đức Thánh-thượng ta rộng ban quan-châm cho các quan địa-phương để cải bỏ cái thói xa-xỉ phóng-túng đi, mà tôn-sùng lấy thói thanh-cao đạm-bạc lại, thì cái số nguyệt-bổng mà Nhà-nước đã tăng cho mới dư-dật mà không phải ngoại-cấp nữa.

B) Số tân-nhân-tài ở trường Pháp-Chính thì còn phải đợi lâu năm mới đủ thay vào số quan-trường bây giờ, vậy xin Nhà-nước tạm tuyển [illegible] các quan trợ-tá các nha, và các thầy có tây-học cao-đẳng văn-bằng cho quyền-lĩnh-chức quan-án ở các tòa sơ-cấp, để các quan phủ huyện được rỗi thì giờ mà chuyên làm việc cai-trị, nếu có sợ các viên ấy chưa am việc văn-án thì xin mở một tràng « tốc-thành sơ-cấp án-quan học-đường », học độ 5, 6 tháng sẽ về lĩnh-chức.

C) Xin Nhà-nước thịnh-hành việc tưởng-lệ cho các quan phủ huyện, hễ ông nào chực lưu-tâm vào việc tự-trị cho hạt dân như là : mở-mang đường xá công tư, chỉnh-lý phố chợ, cải-lương hương-chính, lập-học, hưng-thương và khuyến-nông, cấm đồ-hạc, giữ vệ-sinh, vân vân ; mà làm có thực hiệu, thì hội-đồng hàng tỉnh hay là

thanh-tra nhà nước sẽ tư trình cho mà được thăng-thưởng ngay.

D) Xin cho các nhà báo-quán được thịnh-đàm về các quan thú mục hay giở xưa nay.

Thiết nghĩ như thế thì các quan phủ huyện may gặp hội văn-minh, lộc đã đủ dùng, quyền càng thêm trọng, trên vua khuyên xuống, dưới dân trông vào, có tài, có đức, có thì giờ, lại sẵn đất lập công-danh, cũng nên thi-thố để báo ơn vua, trả nghĩa Nhà-nước cùng xã-hội, và rửa sạch cái ác-danh cho kẻ đồng-liêu quấy hôi bôi nhọ; tượng đồng bia đá ở vườn hoa các phủ huyện sau này, dân chúng tôi sẽ hương hoa đỉnh lễ vào các ngài.

Tôi cũng biết việt-phận mà nói, chính thực tội-ngôn, song cũng vì một tấm lòng sốt-sắng mà ra, xin Cụ-lớn thẩm-lượng cho cái lời cuồng-ngôn của tôi có thể đăng lên báo được, chẳng cũng trông ơn Cụ-lớn ru ?

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT (Hải-dương)

XI

Hà-đông, 16 Octobre 1919

Tôi nay ở phố Hà-cầu, tỉnh Hà-đông, tên là Phạm Văn-Chính có lời nói để quan-lớn biết, bởi quan-lớn có lòng thương dân, muốn bỏ cái lệ ăn tiền, là sự công-bằng mà cho ai cũng được nói, tôi lấy làm bằng lòng lắm. Vậy tôi xin nói, vì rằng Nhà nước đặt ra tràng quan, đã hậu lương rồi, mà dân-sự có việc gì cũng cứ đem tiền lễ quan, hóa ra việc gì cũng không được công-bằng, xem như những việc kiện-tụng, bên nào nhiều tiền thì được, bên nào ít tiền thì thua, thậm đến những người không tiền, dẫu phải cũng thua mà lại phải tội thêm. Xem ra nhiều việc như thế, đến như việc án-mạng rất là việc hệ-trọng lắm, mà những đứa giết người cũng lấy tiền được khỏi tội, thế thì dong kẻ gian, oan kẻ ngay, nén bạc đâm toạc tờ giấy, mà những đứa nó cậy có tiền, nó lại càng làm càn lắm, mà những người không tiền càng bị ức-hiếp oan-khổ lắm nữa. Biết bao giờ thiên-hạ được văn-minh, nên bây giờ quan-lớn bỉnh-công, dựng bỏ cái tệ ấy đi thời từ giờ về sau có án gì đệ ra quan-lớn, xin quan-lớn soi xét cho rất công-minh để thiên-hạ khỏi phải oan-uổng, thời chẳng những xác sống được nhờ, mà những âm-hồn khô-cốt cũng được thấm ơn lắm lắm. Thế thời trên đáp được lòng Đức Hoàng-đế, cùng các quan qui-quốc bảo-hộ, thật là việc ích-quốc lợi-dân, chắc rằng trên dưới ai cũng là bằng lòng lắm lắm.

Xin phụ thêm một bài ca như sau này:

Năm Kỷ-mùi mùa thu tháng tám,
Đêm hôm dầm xem quyển *Nam phong*.
Xem qua tôi cũng bằng lòng,
Cảm-ơn quan-lớn có lòng thương dân.
Đường-đường một đứng văn-thần,
Kim tiền bất-ái, ái-dân làm đầu.
Dân-tình lại-tệ xưa sau,
Muốn trừ cái tệ từ lâu đến giờ.
Công liêm dân được nương-nhờ,
Rộng cho ai nói đưa thư đến nhà.
Gửi thư tôi sẽ nói qua,
Tràng quan nghe thấy ắt là biết hay.
Ăn tiền cái hại ghê thay !
Kẻ gian khỏi tội người ngay mắc vào !
Tiền thời chẳng cứ việc nào,
Dù lớn dù bé tiền vào cũng xong.
Đến như những kẻ thị-hùng,
Giết người không tội bởi chưng vì tiền.
Ngán thay chỉ vị đồng tiền,
Mạng người bỏ thối cửa quyền không [thương !
Có người giết kẻ thiện-lương,
Tranh quyền cướp lợi tội đương da-[hình.
Thế mà cũng vị gia-huynh,
Thoát vòng tội-lệ, oan-tình hay không ?

Lạ cho một cái hơi đồng !
Làm cho thiên-hạ đeo long khó trông !
Xem như một tỉnh Hà-đông,
Quan Hoàng Tổng-đốc chí-công cầm [quyền
Thế mà chưa khỏi oan-khiên !
Như việc Chánh-Tiến Lý-Điền vẫn oan,
Tổng Thượng-ốc huyện Từ-Liêm,
Con Phó-tổng Ổi về ghen giết người.
Tỉnh lập án chín năm trời,
Sau nó cậy Mọi làm thầy vô-can.
Oan khổ thay cái đồng tiền !
Nén bạc đâm toạc mảnh tiên thật là.
Các quan mà vị dân ra,
Thời xin trên dưới một tòa công-minh.
Việc gì cũng cứ công-bình,
Để cho thiên-hạ phục-tình thanh-liêm.
Rầy mà bỏ tệ ăn tiền,
Từ sau ai có oan-khiên việc gì.
Xin rằng soi xét kỹ-suy,
Bắt kẻ có tội gian-phi đáng tình.
Thế thời thiên-hạ văn-minh,
Về sau vô-tụng vô-hình là hơn.
Ơn trên mưa-móc từng cơn,
Xương khô cũng thấm, âm-hồn cũng [vinh.
Nay tôi thấy chuyện công-bình,
Chắc rằng trên dưới thuận-tình đều [nghe.

PHẠM VĂN-CHÍNH (Hà-đông)

XII

Thái-nguyên, le 26 Septembre 1919

Bẩm quan Tổng-đốc Thân đại-nhân.

Mới rồi tôi có đọc báo *Trung-Bắc tân-văn* xem, thấy 3 số (755, 756, 757) trích đăng bài « Chấn-chỉnh quan trường », của cụ-lớn đã in trong báo *Nam-phong*, cụ-lớn bàn về cái tệ-tục lễ quan nước ta, xem trong bài nói rất là khích-liệt, trước hết kể những nguyên-nhân cái tệ-tục ấy, rồi lại kể những điển-tích, luật-lệ, và dẫn những chứng-cớ rõ-ràng, để tỏ ra cái tục lễ quan là một cái tục hủ-bại đáng khinh-bỉ lắm, mà chủ-ý là muốn bỏ cái tệ-tục ấy đi. Tôi xem đi xem lại 4, 5 lần, lấy làm hay lắm, bái-phục lắm, bèn để 3 tờ nhật-báo ấy lên trên bàn, thắp ba nén hương rồi lạy bốn lạy, mà nói riêng một mình rằng cứ như cái lời bàn ở trong bài chấn-chỉnh quan-trường này, thời phải lễ quá, đích-đáng quá, dẫu có ông luật-sư nào thực tài cãi, cũng không thể lấy cớ gì lẽ gì mà cãi lại được rằng : cái tục lễ quan của nước ta là cái tục phải, mà không nên bỏ.

Nay ví như cái nhà rội, thời tất phải lợp lại, nếu không lợp lại, lâu ngày tất đổ nát không ở được ; cái áo rách thời tất phải vá lại, nếu không va lại, lâu ngày tất toang rách không mặc được. Thế thời cái tệ-tục cũng tất phải chấn-chỉnh lại, nếu không chấn-chỉnh lại, thời lâu ngày cũng tất bại-hoại mà không bao giờ tiến-bộ được, vì phong-tục là hệ-trọng cho trong nước lắm, phong-tục hay thời nước mới được cường-thịnh, phong-tục giở thời nước phải suy hèn.

Bây giờ Nhà-nước Bảo-hộ đương khai-hóa cho dân nước ta, [illegible] cải-lương đã được nhiều điều tấn tới, vậy còn cái tệ-tục gì cần phải cải-lương ngay nữa không ? Còn cái tệ-tục lễ quan. — Tục lễ quan sao mà cần phải cải-lương ngay ? Cứ xem trong bài « Chấn-chỉnh quan-trường » thời biết.

Tôi nói riêng một mình đến đấy, xong rồi tôi đi nói truyện khắp cả cho mọi người không mua báo đều nghe biết bài « chấn-chỉnh quan-trường » ấy, thời ai nấy đều vỗ tay vui mừng, chắc rằng : nay mai sẽ lại cải-lương được một cái tệ-tục nữa.

Tôi ước-ao rằng : sự chấn-chỉnh quan-trường, mau-mau thành-hiệu, nếu quả được thành-hiệu, thời mấy lời vàng ngọc của cụ-lớn phô bày ra đấy, thật là một cái hình-phạt rất

nghiêm, không cần làm tội, mà răn được những kẻ tham-nhũng ; là một thứ thuốc tễ rất hay, không cần phải uống, mà chữa được những bệnh kinh-niên vậy.

Nhân cụ-lớn bảo người trong nước ai ý-nghĩ thế nào, viết thư để cụ-lớn biết, vậy xin nói cái thiển-ý của tôi bẩm cụ-lớn biết.

Thái-nguyên tỉnh ty thừa-phái
NGUYỄN-CÔN

XIII

Xieng-Khouang, le 5 Octobre 1919

Bẩm quan Tổng-đốc Thân,

Xin đáp lại bài « chấn-chỉnh quan-trường » mà quan-lớn đã đăng ở báo *Nam-phong* và quan-lớn có hỏi tới độc-giả chúng tôi ; vậy thì chúng tôi xin trả lời như sau này :

Tên tôi là Hoàng Cao-Luận secrétaire interprète ở Commissariat du Gouvernement Xieng-Kouang, xin bằng lòng bỏ cái tục-lệ đã kể ở những tờ báo trên này. Dầu mà ai có thiệt riêng cũng xin đừng phiền lòng, vì thời buổi này là thời buổi văn-minh, phải bỏ cái tục-lệ ấy đi thì mới sứng hợp với lòng thầy Bảo-hộ được.

Vả lại hết thảy những người đang lòng-sự với Nhà-nước, từ quan trên giở xuống cho tới người thư-ký như chúng tôi, ai là người tinh nết thanh-liêm, mà được thấy quan-lớn khởi-xướng ra sự cải-lương cái tục-lệ này, thì tất phải lấy làm vui lòng mà hoan-lấy ngay. Còn ..... những người .... (chẳng nói thì quan lớn cũng biết rồi..).

Tôi xin quan-lớn cứ đem tên tôi vào báo cho, thì tôi cám-ơn quan-lớn lắm.

Thôi mấy lời xin ngài hãy nhận lấy tấm lòng thành-kính của tôi.

HOÀNG CAO-LUẬN

XIX

Dalat, le 18 Octobre 1919

Bẩm cụ-lớn Thân đại-nhân,

Chúng tôi có xem bài « Chấn-chỉnh quan-trường » của cụ-lớn ấn-hành vào báo *Nam-phong* số 26 về sự trừ lại-tệ ngàn năm, là sự từ xưa đến nay chúng tôi dám giận mà không dám nói.

May nay chúng tôi được xem báo *Nam-phong* bài cụ-lớn hỏi ý-kiến, thì chúng tôi xin thưa với cụ-lớn rằng : chúng tôi hết sức cầu xin cụ-lớn thương-thuyết với Chánh-phủ kíp-kíp trừ lại-tệ ấy cho chúng dân nhờ, thì tiền-trình của dân Việt-Nam ta được vẻ-vang ra, cũng nhờ cụ-lớn.

Chúng tôi kính chào cụ-lớn và cám-ơn cụ-lớn trước.

Ký tên :

NGUYỄN TÀNG-CHÂU ở phủ Điện-bàn tỉnh Quảng-nam,
BÙI NGỌC-TƯƠNG, ở huyện Tuyên-phước tỉnh Quảng-nam,
NGUYỄN-NGỌC, ở tỉnh Bentré (Sốc-sải) Nam-kỳ.
NGUYỄN-HUẤN, ở tỉnh Bentré (Mỏ-cày) Nam-kỳ

Đều ngụ cư ở Đa-lát.

(*Còn nữa, sẽ lựa đăng dần sau này*)

VĂN NAM-KỲ.

Thotnot, le 15 Septembre 1919

Chủ-bút Phạm đại-nhân kỷ-tiền hạ-cố,

Bài lai-cảo ngày 14 Juillet, tôi có hẹn rằng, nếu ông có lòng hạ-cố mà đăng-lục bài ấy vào báo, thì tôi sẽ tục các lưu-phái của bọn bàng-quan, mà gửi đến quí-đài đăng thêm cho trọn bài. Nay tôi mới tiếp tập báo *Nam-phong* số 26 thấy ông đã có lòng hạ-cố mà huệ-trích đăng vào báo rồi. Vậy kẻ ngu-sinh hết lòng cám ơn ông.

Nay dịch tiếp sáu lưu-phái này, xin ông điểm-diệt rồi đăng vào, thì ngu-sinh-cẩm bội lắm lắm.

Nảy kính

* * *

Tục bài bác kẻ bàng-quan (1)

Kẻ bàng-quan có sáu lưu-phái như dưới đây:

1º — *Một là phái Hỗn-độn* (2). — Phái ấy gọi là loài động-vật không gân óc. Phái ấy nó không biết thế-giới là cái gì, cũng không biết nước nhà là cái gì, không biết việc gì là nên lo, không biết việc gì là nên sợ. Tóm mà luận chắt đi, tức không biết trong nhân-gian cái việc gì là việc nên làm: cứ đói thì ăn, no thì thả, mệt thì ngủ, thức thì giậy, lanh-quanh xó cửa là đất trời con, tranh một đồng tiền thời liều đến tánh-mạng. Nó đã chẳng biết đến sự gì, thì biết đâu là làm cùng chẳng làm, nó đã chẳng biết có nước, thì biết đâu là còn hay mất. Ngây-ngây ngô-ngô, chẳng biết sự gì, như con cá ở trong vạc dầu sôi, mà còn nghĩ lầm là ở chốn xuân-gian nước ấm; như ổ én đóng ở trong cái nhà bị cháy hết phần nửa, mà lại ngờ nhật-ảnh soi nhà. Khi sống thì như đồ máy chế thành, hay vận-động chứ chẳng hay tri-giác, đến khi chết cũng tựa bị khí điện cước-tễ phải đọa-lạc không g. khổ-thống. Ngo-ngoe độ trong vài mươi mùa nóng rét mà thôi, đoàn ấy tuy thật là bàng-quan mà chẳng biết mình là bàng-quan, ta cho nó là bậc thiên-dân trong bọn bàng-quan, trong số bốn vạn vạn người, mà thuộc vào phái ấy, chẳng những là ba vạn vạn năm nghìn người mà thôi.

Vả lại chẳng phải rặt những hạng người không hay chữ, không biết trị-sinh mà hỗn-độn. Vốn cũng có người không hay chữ, không biết trị-sinh mà khỏi giòng hỗn-độn, cũng có kẻ hay chữ hung, trị-sinh giỏi, mà lại ngu-ngốc kỳ. Cả thảy vài mươi muôn quan-lại trong kinh ngoài quận, vài trăm muôn kẻ sĩ-tử ứng khoa hội, khoa hương: cùng cả thảy kẻ thương-nhân trong thiên-hạ thuộc vào trong phái này mười phần đã hết chín.

2º *Hai là phái Vị-ngã* (3). — Phái ấy tục-ngữ chỗ gọi là đứa gặp sét đánh mà vẫn dữ cái hồ-bao thôi. Việc nên làm kia chẳng phải không biết, nhưng nghĩ làm việc này cũng không ích gì cho mình, thì ta cứ đứng ngó mà thôi, mất nước này mà không hại gì đến mình, thì ta cũng đứng ngó mà thôi. Kìa như người Phùng-Đạo 馮道 đương buổi đời *Ngũ-quí* 五季 vạc sôi, mà anh ta cứ sớm Lương chiều Tấn lại tự khoe là hạng nguyên-lão năm triều, và người Trương Chi-Đổng 張之洞 lúc sau khi nhà nước qua-

(1) Xem *Nam-phong* số 26 trang 167.

(2) Hỗn-độn 混沌 = ngây-ngô không biết gì tức là bọn ù-lỳ.

(3) *Vị-ngã* 爲我 = Vì cho một thân mình, chẳng kể đến ai tức là bọn chỉ biết mình.

phân rồi, anh ta cũng chẳng mất một vị đại-thần trong triều-đình nhỏ. Như hai người này là vị-ngã đó.

Bọn kia ở trong thế-giới tựa thực người thường đứng về chủ-vị, chớ không phải về hàng khách-vị, nhưng mà chẳng qua là lấy cái sự-nghiệp công-chúng, mà kế cái lợi hại cho một mình, đến như cái đều lợi hại cho công-chúng, thì kể kia nó cứ trước sau bàng-quang mãi thôi.

Khi trước ta thấy trong tờ báo của Nhật-bản có một đoạn rất hay, tả hết cái tình-hình bọn ấy như thế này :

« Ta (người Nhật-bản) qua chơi đất « Liêu-đông bán-đảo thấy những nhân- « dân ở dọc đàng xứ ấy, mà xét cái tình- « thái tụi nó về cái nguy-cơ nhà-nước « mất còn như chẳng biết gì đến vậy ; « tụi nó dãi quân-đội của ta, nó chẳng « coi là người giặc, mà coi là người « khách mua hàng, trong tâm-mục tụi « nó chẳng biết cái vấn-đề có đất Liêu- « đông bán-đảo cắt cho Nhật-bản hay « không, chỉ biết cái vấn-đề ngân-sắc [1] « của Nhật-bản cùng cái ngân-văn đổi- « chác là đặng mấy phần bổ-thủy [2] « thôi. »

Đoạn báo ấy thật là cái tình-trạng Nguy Ly Vọng Lượng [3] của phái ấy nói hết, cũng như cái đỉnh của vua Võ Vương úc những hình-gian trong đó vậy.

Suy cái tệ vị-ngã, dẫu cắt miếng đất dài nghìn dặm, hay là bồi cái khoản mấy trăm triệu đồng, đặng mà đổi cái môn nha-môn gang thước, mà không buồn đoái tiếc gì! Nhân sao thế ? Bởi vì nghĩ ta nay đã sáu bảy mươi tuổi đời, chỉ cần ở trước mắt dẫy đặng một đôi năm, đừng sự gì lạ thì thôi, đến khi ta một mai rồi, dù có việc trời long đất lở, cũng chẳng cần gì. Nó đã rõ biết cái tích-tập chốn quan-trường là nên đổi, mà không khứng đổi, là vì mảnh áo bát cơm ở đấy, nó cũng rõ biết sự khoa-cử nơi học-trường là nên thay, mà chẳng khứng thay, là vì con cháu xuất-thân do đó vậy. Phái ấy nó dùng ông Lão-Đam 老聃 làm tiên-thánh, dùng ông Dương-Châu 楊朱 làm tiên-sư. Trong một nước chẳng luận là người làm quan, người danh-mục, người học-trò, người buôn-bán, hễ người nào dữ nơi yếu-tâm, cầm đặng quyền-trọng thì là phe ấy cả. Vậy nên phái ấy nó có cái lực-lượng mạnh-mẽ, hay dời-đổi thế-giới được, những người thông-minh tài-trí trong nước đều tầu-tập dưới cờ nó, mà những người thiếu-niên tử-đệ đem nhau mà bắt chước nó, rồi như bệnh cùi bệnh ho, lây đến cho con cháu, cho nên di-độc khắp trong thiên-hạ ; ấy là cái sức lớn trong phái bàng-quan vậy.

3o *Ba là phái Ô-hô.* [4] — Sao gọi là phái ô-hô ? Là bọn kia cứ thở vắn than dài, khóc đau rơi giọt, lấy làm cái sự-nghiệp có một không hai ; mặt nó thường có cái giáng lo việc nước, miệng nó cũng chẳng ít cái tiếng thương đời. Bảo nó lấy việc nên làm, thì nó cũng nói thật nên làm vậy, đều không có thể nào làm được; bảo nó lấy nước đã nguy, mà không có thế nào cứu được, thì làm sao, lại bảo cùng-cật nó nữa thì nó nói rằng tại vận nước mà thôi, tại lòng trời mà thôi. Bốn chữ *nô khả nại hà* 無可奈何 là cái khẩu-quyết của chúng nó, một câu *thúc thủ đãi tễ* 束手待斃 là cái chơn-truyền của chúng nó, như thấy lửa nó phát cháy, mà chẳng lo dục cho tắt, cứ thở dài rằng sao thế lửa cháy hung, như thấy người ta phải chết đuối, mà chẳng lo

(1) *Ngân-sắc* 銀色 = Sắc tiền, mặt đồng bạc.
(2) Bổ-thủy, 補水 = Đổi tiền phải chịu tiền trội.
(3) *Nguy, Ly, Vọng, Lượng*, là bốn tên « quỉ », bốn tên quỉ này nó ác dữ lắm.
(4) *Ô-hô* là bọn người ngồi đâu cũng thở ngắn than dài, sụt-sùi khóc-lóc.

cứu với, cứ tức dận sao thế sóng ầm-ào. Phái ấy nó tự gọi nó chẳng phải là bàng-quan, nhưng người ta bàng-quan thì lấy mắt ngó, còn chúng nó bàng-quan thì lấy miệng bàn. Bọn kia chẳng phải không có lòng quan-hệ đến việc nước, nhưng đem việc nước để mà làm thi-liệu [1], cũng chẳng phải không muốn nói việc đời, nhưng lấy việc đời để mà làm câu nói truyện vậy. Chúng ta đọc bài ký nước Ba-lan bị duyệt-vong, đọc sách sử nước Ai-cập phải thảm-trạng, đâu tuần chẳng vì họ mà cảm-thán, nhưng cũng không ích gì cho nước Ba-lan cùng nước Ai-cập, là bởi ta vốn bàng-quan vậy ; chúng ta thấy nước Phi-lực-tân cùng nước Mỹ một trận huyết-chiến với nhau, đâu tuần chẳng vì họ mà khởi-kinh, nhưng cũng không giúp cho nước Phi-lực-tân đặng một tí gì, cũng bởi ta vốn là bàng-quan vậy. Trên đây gọi phái Ô-hô nào có khác đấy. Phái ấy hình như nó không bổ gì cho thế-giới, mà cũng không hại gì cho thế-giới, tuy vậy nhưng mà nó làm nguội lạnh cái chí-khí của quốc-dân, ngăn-trở lối tấn-bộ hầu đến, tội nó cũng chẳng ít đâu. Trong một nước hiếu-xưng danh-sĩ phần nhiều về phái đó.

4° *Bốn là phái Tiếu-ma* [2] — Phái ấy gọi nó là bàng-quan, thà gọi nó là hậu-quan thì phải hơn, bởi nó đứng sau lưng người mà lấy lãnh-ngôn nhiệt-ngữ để bàn chê mọi người vậy. Bọn kia chẳng những tự làm bàng-quan mà thôi, lại muốn bắt người ta cũng phải làm bàng-quan như nó vậy, nó đã mắng người thủ-cựu, lại bác kẻ duy tân, đã mắng đứa tiểu-nhân, lại chê cả người quân-tử, đối với bọn già thì chê rằng mộ-khí quá sâu, đối với tụi trẻ thì bác rằng gấp đến ham việc ; việc người ta làm thành, thì nó bảo là sự may-mắn, còn việc người ta làm hư đi, thì nó nói nó đã sớm biết, bọn nó thường đứng về cái chỗ không ai chỉ-trích được. Vì sao vậy ? Bởi nó chẳng làm đến việc gì hết ; nên không nhân đâu mà chỉ-trích được. Mình đã không làm việc, mà đứng phía sau kẻ đương làm, thổi lông tìm vết, đặng có bỉ-bác chê cười, ấy là cái thuật rất xảo-quyệt, mà khiến cho kẻ mạnh nhơn đấy là táng-khí, kẻ nhát nhơn đấy mà hôi tâm, có phải chỉ khiến cho người hôi-lâm táng-khí mà thôi đâu, đến như việc chúng làm đã hầu nên, thì bọn kia dùng lời cười chê mà ngăn đi, đến như việc chúng làm đã nên rồi thì bọn kia dùng lời chê-bai làm cho hư bỏ đi ; cho nên gọi bọn ấy là thứ âm-nhơn trên thế-giới vậy. Nghĩ như việc *bài-xích* người ta chưa tuần chẳng khá, nhưng mình có cái chủ-nghĩa gì muốn thân ra mà bài-xích cái chủ-nghĩa người khác đi, cái đó chánh-đáng các nước bên Tây có chỗ chẳng kiêng vậy. Còn như phái tiếu-ma này nó có chủ-nghĩa gì không ? Vì như chiếc cô-châu gặp phải gió giông ngoài biển lớn ; bọn kia mắng gió, mắng sóng, mắng biển, mắng cô-châu, thậm-chí mắng hết những người nội ghe. Bằng hỏi nó cái ghe ấy làm thế nào cho vô bờ được, thì bọn kia dương mắt không sao nói được, nhơn sao thế ? là vì nó nói bàng-quan đặng mà cười nói, chớ mất cái địa-vị bàng-quan rồi, thì không tiếu-ma vào đâu được nữa.

5° *Năm là phái Bạo-khí* [3]. — Phái Ô-hô lấy việc trong thiên-hạ là không việc gì nên làm, còn phái Bạo-khí này lại lấy mình là cái người không làm việc được, phái tiếu-ma thì thường trách người, mà chẳng trách mình, còn phái bạo-khí này thì thường trông

(1) Thi-liệu 詩 料 — Một món để làm thơ văn. Những câu những chữ dùng để làm thơ ca.
(2) Tiếu-ma 笑 罵 = Trông ai làm thế nào để bài bác bọn mỉa-mai đời.
(3) Bạo-khí 暴 棄 — Buông bỏ cái trách-nhậm của mình đi bọn bỏ mình đi

người mà chẳng trông mình, trong cái ý bọn ấy lấy làm một nước bốn trăm triệu người mà trong đó ba trăm chín mươi triệu chín ức chín muôn chín ngàn chín trăm chín mươi chín người, người tài-trí chẳng biết bao nhiêu, kẻ anh-tuấn chẳng biết bao nhiêu, ta đây mới là một người, có phải đủ trọng khinh gì trong đó đâu. Suy cái cực-tệ của phái ấy, ắt đến bốn trăm triệu người ai ai cũng đều trừ bỏ mình ra mà lấy việc nước trông mong ba trăm chín mươi chín triệu chín ức chín muôn chín ngàn chín trăm chín mươi chín người dư kia, thống kể mà đắp đổi tiêu đó, thì thật bốn trăm triệu người, mà rọt hồi thật đến không còn một người nào hết. Nghĩ coi việc trong nước thì quốc-dân ai ai cũng đều phải tự có cái trách-nhậm cả, càng hiền-trí chừng nào, thì trách-nhậm càng lớn chừng ấy, đến như đứa ngu đứa bất-tiếu kia cũng chẳng qua cái trách-nhậm nhỏ hơn mà thôi, chẳng đặng gọi không có vậy, người kia dù có trí-tuệ lớn-lao, năng-lực hăng-hái, thì cũng chỉ hay hết cái trách-nhậm bổn-phận của họ thôi, lẽ đâu có một phần nào mà thay cho mình đặng, ví dụ như mình muốn chẳng ăn, mà bảo đứa hay ăn kia ăn thế cho mình, mình chẳng muốn ngủ, mà bảo đứa hay ngủ kia ngủ dùm cho mình, thì có được chăng ? Vả lại ta dầu ngu dầu bất-tiếu, nhưng đã làm người, vậy thì tất cũng một phần-tử trong nhơn-loại ; đã sinh trong nước, thì tất cũng một cái a-độn (atome) trong quốc-dân, ta buông bỏ một mình ta, còn chỗ nói được, chớ đến nói làm nhơ-nhuốc cái tư-cách của nhơn-loại, tổn-hại cái thể-diện của quốc-dân, thì không nói đặng vậy, cho nên kẻ bạo-khí là đứa tội trong nhân-đạo vậy.

6° *Sáu là phái đãi-thời.* — Phái này có cái thuật bàng-quan, mà chẳng hiểu tiếng bàng-quan, nghĩ như nói chờ thời thì đặng cùng chẳng đặng biết đâu mà chắc. Ta (kẻ bàng-quan) chờ đến cái thời nên làm được rồi sẽ làm, nếu không phải thời nào làm được cả, thì trọn chẳng làm vậy. Các phái bàng-quan tầm-thường thì bàng-quan nhơn-sự, chớ bọn này thì bàng-quan thiên-thời. Vả lại, biết đến chừng nào, vậy sau mới có cái thời nên làm việc, có phải là có định-hình đâu. Người muốn làm việc thì không thời nào là thời chẳng nên làm, còn kẻ không muốn làm việc thì không thời nào là thời nên làm được cả. Nên người đã có chí, bui tạo thời-thế mà thôi, chưa nghe chờ thời-thế vậy. Còn bọn đãi-thời này là nó muốn xem cái phong-trào sở-hướng đặng có theo bên mà lượm lấy dư-lợi, hướng bên nào thì nó theo bên ấy, thật là cái bổn-sắc của bọn hướng-nguyện, mà nghề tối-xảo của lũ bàng-quan vậy.....

TRẦN THANH-PHONG *dịch*
(Thốt-nốt Long-xuyên, Nam-kỳ)

La colonisation n'est au fond que la communauté politique, économique et sociale d'un monde neuf par un pays riche d'expérience, de population et d'argent.

MAURICE LONG
Nouveau Gouverneur général de l'Indochine

Nghề khai thuộc-địa là gì, chẳng qua là một sự cấp vốn về đường chính-trị, kinh tế, xã-hội của một nước đã giầu về kinh-lịch, văn-minh, tiền của, cho một nước hãy còn mới mẻ.

Lời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền mới,

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CŨ

(của bản-quán sao-lục)

HỒNG-ĐỨC QUỐC-ÂM THI-TẬP (1)

(1470-1497)

Tân-nguyệt

I

Đông lên tây xuống khéo như giằng,
Tỏ lòng người thế gọi là trăng.
Ánh núi cung treo chim thắc-thỏm,
Dãi hồ câu thả cá thung-thăng.
Hay lòng niên-thiếu hay bằng chửa,
Biết sự nhân-tình biết vững chăng ?
Méo ắt có khi tròn có thủa,
Bốn mùa một tiết sáng khăng-khăng.

II

Ngọc đúc mười phân những chẳng đầy,
Nửa vầng rằng-rặng mới phương tây.
Bên loan Chức-nữ cài vành lược,
Dấu cũ Khai-nguyên bấm móng tay.
Cá ngỡ câu chìm xin bạn lánh,
Chim nghi cung bắn bảo nhau bay.
Khi nay tuy hãy còn rằng bé,
Có thể vầng ra thiên-hạ hay.

Nguyệt

Khuôn cả trao nên khéo hữu-tình,
Hòa cao hòa sáng lại hòa thanh.
Gương giơ vằng-vặc soi muôn dặm,
Bóng tỏ lầu-lầu suốt mấy canh.
Ông nọ vì đâu xe chỉ đỏ,
Nàng nào chơi đấy trải mây xanh.
Ngẫm xem khí-tượng hình-dung ấy,
Chợt lộ ra thời nhạt chúng-tình.

Họa theo vần mười bài

I

Lộ lên liền thấy khác thường tình,
Có vẻ cao hòa có vẻ thanh.
Lầu ngọc gương giơ soi mọi nước,
Tán vàng se gác ruổi năm canh.
Thước kinh thủa rải rời cành lục,
Kinh sợ khi xuyên nối mặt xanh.
Cung ấy khum khum nên cách ấy,
Đành thay giúp sáng có Thái-tinh.

II

Suốt nhân-gian khắp mọi tình,
Cao vòi-vọi sáng thênh-thênh.
Đúc muôn tượng lại và phần bóng,
Thu chín châu về một khắc canh.
Nhiều thủa dây vàng tô gác đỏ,
Ghe phen nhả ngọc thấp cung xanh.
Càng cao càng sáng trên ngôi ấy,
Càng tỏ huân-danh đứng tướng-tinh.

III

Ở cao song cũng thấu nhân-tình,
Vì có lầu-lầu tinh sáng thanh.
Sáng khắp đầu giêng liền cuối chạ,
Suốt từ một khắc nhẫn năm canh.
Tán vàng sô lại chồi mai bạc,
Bóng ngọc dây vào khóm trúc xanh.
Ướm hỏi những chi trong cõi tục,
Liệu âu còn thiếu mặt Nam-tinh.

IV

Trải bấy nhiêu thu rãi mọi tình,
Ít nhiều tỏ hết giả làm thinh,
Rửa cung sông bạc khi quang vẻ,
Gương tán đường vàng thủa giục canh,
Đầu chén Uyên-Minh nơi nội lục,
Chèo thuyền Phạm-Lãi chốn doành xanh
Những nguyền muôn kiếp cao cung ấy,
Nồng nhạt bên trời mặc khách-tình.

(1) *Xem Nam-Phong*, số 29, trang 425-427.

V

Nào chốn nào là chẳng có tình,
Một vầng giơ sáng bốn mùa thanh.
Giang-sơn thành-thị soi muôn dặm,
Thảo-mộc côn-trùng rõ mấy canh.
Rối bóng cô-thần đầu độn bạc,
Tỏ lòng khi-phụ tuổi qua xanh.
Dù hòa lãng-đãng làm cao nữa,
Chẳng đoái nhau cùng một tĩnh-tinh.

VI

Nồng nhạt đà từng trải mọi tình,
Mười phân chưa sút mọt phân thanh.
Kiền-khôn ròm khắp cơ vần-chuyển,
Dâu bể soi nhiều sự biến-canh.
Ánh tóc thành-thần thu đã bạc,
Tỏ lòng liệt-nữ tuổi còn xanh.
Rất cao dù muốn cho cao nữa,
Lãng-đãng sao chưa đoái lão-tinh.

VII

Gió gió mây mây những bạc tình,
Vui trăng luyện một tuyết trăng thanh.
Soi trên dưới vàn-vàn chốn,
Suốt xưa nay mấy-mấy canh.
Người nhớ vua nhìn sa đũa ngọc,
Kẻ trông chồng ngắm ruồi mây xanh.
Muốn thu nghìn kiếp lòng đền ấy,
Tả hữu cho nhiều phụ-bật tinh.

VIII

Ngẫm-nghĩ càng lâu càng hữu-tình,
Càng cao càng sáng lại càng thanh.
Soi thế-giới vàn bờ-cõi,
Rải lâu-đài mấy khắc-canh.
Vàng điểm thơ ai câu trướng vóc,
Ngọc pha rượu khách chén dòng xanh.
Mấy người đạm được hình-dung ấy,
Giúp sáng chăng thời một cảnh-tinh.

IX

Mây mây móc móc những vô-tình,
Vắng-vặc trăng càng tiết sạch thanh.
Lộ thủa thủy-triều dâng thỉ-thỉ,
Tỏ khi điêu-đầu gõ canh-canh.
Bạc in con ruộng mành tơi cũ,
Vàng lộn ông câu lá nón xanh.
Dại-dột việc gì say bắt bóng,
Khá cười khá tiếc gã Canh-tinh.

X

Kỹ-kỹ nàng nao khéo hữu-tình,
Mặt lần-lần phác thỏ thanh-thanh.
Tròn tròn méo méo in đòi thủa,
Xuống xuống lên lên suốt mấy canh.
Tháng tháng liếc qua lần đỏ-đỏ,
Đêm đêm lên tới trướng xanh-xanh.
Yêu-yêu giấu-giấu đàn ai gẩy,
Tình tình tình tình tình tình tình.

(Còn nữa)

BẠCH-VÂN THI-TẬP (1)

白雲詩集

(Thơ Cụ Trạng-Trình)

Của Trình Quốc-công Nguyễn Bỉnh-Khiêm tiên-sinh (1530-1540)

XXV

Mảng chê người ngắn cậy ta dài,
Dù kém dù hơn ai mặc ai.
Mùi nọ có bùi không có ngọt,
Thức kia chầy thắm lại chầy phai.
Dù hay phận mới nên yên phận,
Dẫu có tài hơn chớ cậy tài.
Quân-tử ngẫm hay nơi xuất xử,
Ắt là khôn hết cả hòa hai.

XXVI

Nhưng nhưng mọi sự gác bên ngoài
Dù được dù thua ai mặc ai.
Mùi thế-gian nhiều mặn nhạt,
Đường danh-lợi có chông gai.

(1) Xem *Nam-Phong*, số 14 (95-96), 15 (156), 29 (427-428). — Bản-quán cứ theo bản nôm cũ mà sao ra, hoặc còn có chỗ ngợ, xin các ngài có biết thì sửa lại cho.

Mấy người phú-qui hay yên phận,
Hễ kẻ anh-hùng những cậy tài.
Dù thấy hậu-sinh thời dễ sợ,
Sừng kia chẳng mọc mọc hơn tai.

XXVII

Thị phi chẳng quản mặc chê khen,
Ngu dại trần-trần tính đã quen.
Cảnh cũ điền-viên tìm chốn cũ,
Khách nhàn sơn-dã dưỡng thân nhàn.
Nhà thông đường trúc lòng hằng mến,
Cửa mận tường đào bước ngại chen.
Thế-sự tuần-hoàn hay đắp-đổi,
Từng xem thua được một đôi phen.

XXVIII

Vụng khéo nào ai chẳng có nghề,
Khó khăn phải lụy đến thê-nhi.
Được thời thân-thích chen chân đến,
Thất thế hương-lư ngảnh mặt đi.
Thớt có tanh tao ruồi đỗ đến,
Gang không mật mỡ kiến bò chi.
Đời nay những trọng người nhiều của,
Bằng đến tay không ai kẻ vì.

XXIX

Thế-gian biến-cải vũng nên đồi,
Mặn nhạt chua cay lẫn ngọt bùi.
Còn bạc còn tiền còn đệ-tử,
Hết cơm hết rượu hết ông tôi.
Xưa nay đều trọng người chân-thật,
Ai nấy nào ưa kẻ dãi-bôi.
Ở thế mới hay người bạc ác.
Giàu thời tìm đến khó tìm lui.

XXX

Ở thế đừng tranh đứng trượng-phu,
Làm chi cho có sự đôi-co.
Đây cậy đây khôn đây chẳng nhịn,
Đấy rằng đấy phải đấy không thua.
Ác nọ hãy còn đua đến bạng,(1)
Lươn kia hầu dễ kém chi cò.
Chữ rằng : *nhẫn dĩ hòa vi quí*,
Vô-sự thời hơn kẻo phải lo.

XXXI

Ắt chăng từng phụ lộc chiều quan,
Lại được về nhàn dưỡng tuổi tàn.
Nước tuyết hâm chè dưới bếp,
Bút hoa chấm sách trên an.
Nương song ngày tiếc mùi hương lọt,
Nối chén đêm âu bóng quế tan.
Đến chốn nào vui chốn ấy,
Dầu ta tự-tại có ai than.

XXXII

Từng xem sách cũ một đôi câu,
Mến đạo thề chăng phụ nghiệp nhe.
Song bắc kia ai câu bỡn nguyệt,
Lầu nam nọ khách chén vầy thu.
Khó khăn mới biết người quân-tử,
Nghèo hiểm thời hay tiết trượng-phu.
Mọi sự chăng còn mắc mãi,
Mới hay liệu vụng phải lo.

XXXIII

Cỏ hoa xuân đến cũng êm-đềm,
Thu muộn ai hay cúc có thơm.
Thèm mỡ phụ canh cua lọc,
Lạnh đà quen đắp ổ rơm.
Của ta còn để hai kho sách,
Ơn chúa chẳng quên một bữa cơm.
Có thủa lên lầu ngồi đợi nguyệt,
Một mình uống lại một mình nom.

XXXIV

Dữ lành miệng thế mặc chê khe
Tuổi đã già thời mọi sự hèn.
Lộc nặng khá quên ân chúa nặn
Máy nên những lệ thủa công nê
Đồng-triều quan cũ hay lòng ít,
Bạn sĩ quê xưa họp mặt quen.
Vinh nhục một cơ hằng đắp-đổi
Ắt là từng thấy một đôi phen.

(Còn nữa

(1) *Ác* 鴞 là con quạ, *Bạng* 蚌 là con chai.

HÁT NÓI (*hát ả-đào*)

Cảnh xuân

Xuân sang hoa cỏ đua tươi,
Khoe màu quốc-sắc, nức mùi thiên-hương.

Tiết xuân tới hơi dương đầm-ấm, khí phát-sinh rầy thấm trên cành, thử tập bay bướm mới uốn mình, muốn học nói oanh còn lạ tiếng. *Liễu hoàn cựu-lục oanh do lĩnh* 柳還舊綠鶯猶靜 (1), *đào thí tân-hồng điệp vị tri* 桃試新紅蝶未知 (2); hỏi đông-phong mày liễu xanh rì, dượm tàn-tuyết đầu non trắng xóa; buổi hòa-hú khí trời êm-ả, hội đạp-thanh xa mã dập-dìu; nghìn vàng một khắc xuân-tiêu!

Cảnh hè

Hè sang tán lửa càng cao,
Khúc ca giải-nẫn lựa vào năm dây.

Vận ống (3) tiết vừa sang hạ, bình-đình về hiệu-lệnh Trúc-dung, quanh ngọn tường lửa lựu phun hồng, ran mặt nước tàn sen nẩy lục. *Trì-đường tịnh trưởng tôn ông trúc* 池塘並長孫翁竹 (4), *ly lạc tề khai tỉ muội hoa* 籬落齊開姊妹花 (5), buổi thừa-lương mấy khúc cầm-ca, trời đất cũng sinh-sinh trưởng-trưởng, hé mành ngọn nam-phong thoang-thoảng, người Hi-Hoàng âu cũng dường nay; thú mầu dễ mấy ai thay!

Cảnh thu

Trời thu bảng-lảng xế chiều,
Chim về ngàn ổ, buồm treo sương vàng.

Sang thu-tiết hơi Kim hiu-hắt, mầm sen già lữa chửa phai hương. Sương pha chồi cúc cánh hoa vàng, sơn nhuộm rừng thông cành lá đỏ. *Lãnh vũ như ti sầu chức dạ* 冷雨如絲愁織夜 (6), *Tình thiên tác chỉ nhạn thư không* 晴天作紙雁書空 (7), đâu đâu một trận hảo-phong, trên cung Quảng xa đưa hương-quế, trời biếc-biếc nước xanh-xanh một vẻ, khen hóa-công khéo vẽ nên đồ; một năm dễ mấy mùa thu!

Cảnh đông

Trời đông hơi giá như đồng,
Búi xe ngọn thổi, tơ trùng phiếm loan.

Sang đông-tiết hơi may lạnh-lẽo, hội bế-tàng chuyển máy âm-dương, trên loi-thoi cánh nhạn che sương, dưới thấp-thoáng bóng ngư câu tuyết. *Lăng vân bích lập tùng thiên xích* 凌雲壁立松千尺 (8), *nại tuyết hoàng lưu cúc số khoa* 耐雪黃留菊數科 (9). Ngoài ải-quan tuyết đọng sương pha, kẻ hào-kiệt chốn khê-kiều đắc-thú; điểm-điểm tròng chừng đỉnh Sấu (10), phút tin xuân đã xế đầu cành; mới hay âm cực dương sanh!

---

(1) Cây liễu mới lại xanh như cũ, chim oanh còn yên lặng.
(2) Hoa đào mới nẩy đỏ, mà bươm-bướm chửa biết.
(3) Là vận sáu ống luật xoay vần.
(4) Chốn bờ ao cây trúc mọc lên như là ông với cháu.
(5) Bên hàng rào hoa đều nở ra như là chị với em.
(6) Mưa nhỏ như sợi tơ dệt ban đêm rất là sầu.
(7) Da trời sáng quắc như tờ giấy, đàn nhạn bay thành hàng chữ ở trên không.
(8) Cây thông cao nghìn trượng, gần chạm từng mây.
(9) Hoa cúc còn lưu lại mấy thứ quen chịu được khí lạnh.
(10) Họ Sấu 叟 trồng mai trên đỉnh núi.

Thợ trời ghen ghét

Thợ trời khéo nhẽ đa-đoan,
Cái danh đã ghét, cái nhàn lại ghen.

Danh giả tạo-vật sở kỵ, ghét ghen chi ghét mãi ghét hoài, lúc tuổi xanh chi khỏi cậy tài, sức bay nhảy tưởng ra ngoài đào-chú. Dẫu tràng-hám trấn-dao mấy độ, cũng trơ-trơ trích-trích không nao. Càng phong-trần danh ấy càng cao, dám nghĩ chèn chơi hay ác thật. Đã mang tiếng ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông. Lúc trẻ-trung nghĩ cũng đành lòng, cho đè-nén rầy-rò cũng phải. Chớ như đã đến tuần lão-đại, cuộc đời muôn việc đã vâng nhường, chút tỉnh-tinh chẳng dám coi thường, mùi hoạn-huống nếp phong-lưu đều gác sạch ; đem thân-thể gửi miền toàn-thạch, trốn đường danh mua lấy cuộc nhàn, cớ sao còn giữ mãi thói ghen, bắt bẻ tiều-lao hành-khốn mãi. *Khả quái lão-thiên đa tố thái* 可怪老天多妬態 (1), trẻ chẳng thương mà già cũng chẳng tha ; tôi mình muốn hỏi cho ra,

(Còn nữa)

THƠ CỦA ÔNG TÚ XƯƠNG

(Trần Kế-Xương)

Than thân chưa đạt

Ta chửa trang xong cái nợ ta,
Lễ đâu chịu nợ mãi du mà.
Đường con bu nó một năm một,
Luống tuổi nhà thày ba lẻ ba.
Mở mặt quyết cho vua chúa biết,
Mua danh kẻo nữa mẹ cha già.
Khoa này ta học khoa sau đỗ,
Chẳng những Lương-đường có thủ-khoa.

Vấn-thân vô-oán

Sao mãi mười năm vẫn thế dù,
Rằng khôn rằng dại lại rằng ngu.
Những là thương cả cho đời bạc,
Nào có căm đâu đến kẻ thù.
No ấm chưa qua vòng mẹ-đĩ,
Đỗ dành may khỏi tiếng cha-cu.
Phen này có dễ trời xoay lại,
Thằng bé con con đã tán cù.

Tự-thán

Trời không chớp bể chẳng mưa nguồn,
Đêm nảo đêm rao tớ cũng buồn,
Bối-rối tinh-duyên cơn gió thoảng,
Nhạt-nhèo quang-cảnh bóng trăng xuông
Khăn-khăn áo-áo thêm rầy truyện,
Bút-bút nghiên-nghiên khéo dở tuồng
Ngủ quách sự đời thày kệ thức,
Chùa đâu sang-sảng đã hồi chuông.

Mưa tháng bảy

Sang tuần tháng bảy tiết mưa ngâu
Nắng mãi thời mưa hẳn phải lâu.
Vẹt nọ cầm canh thay trống mõ,
Rồng kia phun nước xuống hoa mầu
Ỳ-èo trẻ học nghe không thấy,
Êm-ái nhà ai ngủ hẳn lâu.
Ông lão nhà quê tang-tảng dậy,
Bảo con đem đó chớ đem gầu.

Ra cửa được tiền

Đầu năm ra cửa được đồng tiền,
Nào có cầu đâu được tự-nhiên.
Ý hẳn nhà nho sang vận đỏ,
Hay là ông Tạo thử người tiên.
Cũng toan trả nợ mua nhà lại,
Hay để làm lương giúp chúa hiền
Của-cải nhà vua đâu sẵn thế,
Chữ đề Tự-đức vẫn còn nguyên

(1) Nghĩa là : quái lạ trời già vẫn hay có thói ghen.

Gửi cho cô dầu

Nếu có khôn ngoan đã vợ nhờ,
Dại mà nhờ vợ vợ làm ngơ.
Sáng nem bữa tối đòi ăn chả,
Nay kiệu ngày mai lại giở cờ.
Ngồi đấy chả hơn gì chú cuội,
Nối ra thì thẹn với ông tơ.
Nhắn-nhe chốn ấy tìm nơi khác,
Ta chẳng ra chi chớ đợi chờ.

Không-phòng

Em giận rằng em chửa có chồng,
Ngày năm bảy mối tối nằm không.
Thiếu gì chốn nọ sắp giầu vỏ,
Mà lại nơi kia tết cốm hồng.
Hầu-tố khách đà ba bảy chú,
Mét-sì tây cũng bốn năm ông.
Ép dầu ép mỡ duyên ai ép,
Có mắn thì ra đã bế bồng.

Tái-giá

Cái quả phù-trang khéo chuyển-vần,
Khi thì quan-lớn lúc thì dân.
Nhà em thách cưới chừng hai lượt,
Làng tớ thu cheo mới một lần.
Thiên-hạ đừng nên thương tiếc dễ,
Cô hầu có lúc vẻ vang thân.
Nay mai ông ấy lên ông cụ,
Ai dám trêu ông vạn thế thần.

Gái hóa lấy chồng quan

Gái hóa đem mình tựa cửa quan,
Nghĩ rằng quan lớn thế thì sang.
Yêu con toan lấy giây tơ buộc,
Kén dễ vì tham cái lọng tàn.
Nào có ra gì phường khố lụa,
Thôi thì cũng tủi kiếp hồng-nhan.
Ông này ắt hẳn hay nghề sáo (1),
Giây vũ giây văn vụng ngón đàn.

Nam-định Vũ Xuân-Trác *sao-lục*

THI-VĂN MỚI

Nhân-đình quốc-âm thi-văn-tập (2)

Thay lời phiện nói

Giá em càng quí lại càng cao,
Hương lửa ba sinh lọn ước ao.
Yên-các ngả nghiêng cơn đắc-chí,
Vân-đình say tỉnh giấc chiêm-bao.
Vắng nhau một bữa nên buồn-bã,
Lắm kẻ thâu đêm vẫn khát-khao.
Trong đám y-quan năm mấy độ,
Yêu ai ai tiếc ghét ai chào.

Tự-thán

Tuổi chửa bao nhiêu cũng gọi là . . .
Cũng người tai mặt cũng con nhà . . .
Phong-vân gặp hội may ra cũng . . .
Văn-tự trêu ngươi nghĩ chẳng thà . . .
Có cóc đồng tiền toan những sự . . .
Thử chim các ả thế nhưng mà . . .
Kia ai sang-trọng là ai chẳng . . .
Ta chẳng như ai có nhẽ ta . . .

Phú-đắc : bác Cử-Hanh chỉ minh-nông không chơi nghề chữ

Rầy nghe quan bác chỉ minh-nông,
Nghề chữ không chơi thế cũng xong.
Ngán nỗi *p q* cùng *9* (nớp) *10* (đít),
Sao bằng chắc hạt với to bông.
Thóc không tiêu đến hơn chưa bán,
Gạo rõi ăn rồi kém phải đong.
Thấy nói hôm nay trời đại-hạn,
Sắn quần tát nước có hay không ?

Bắc-ninh đê vỡ (*năm Tân-hợi*)

Sông Nhị bên kia vỡ tứ-tung,
Vỡ đi vỡ lại nước mênh-mông.
Mạ mười quan quí mua không được,
Lúa mấy lần thuê cấy chẳng xong.
Chợ búa trông chừng ngao-ngán cả,
Thuế sưu biết có giảm trừ không ?
Vùng ta khỏi vỡ là may lắm,
Kém đói nhưng mà có gạo đong.

(1) Ông quan ấy méo mồm hẳn ?
(2) Xem *Nam-Phong*, số 29, trong 434-435.

Xem hộ-đê

Con đường chạy dọc nước tràn ngang,
Gió bão ầm-ầm trống mõ vang.
Tổng lý hết lòng lo việc nước,
Dân-phu ản phận giữ đê làng.
Nửa đêm giấy sức càng thêm khẩn,
Hào bạc cây tre cứ nhận phăng.
Khỏi lở là may nhờ đất nước,
Phen này phủ huyện lắm anh thăng.

Lãng-ngâm

Trong đám nho-lâm cũng gọi là,
Gió trăng nằm khểnh một ông già.
Ngâm tràn quí-tị ba câu láo,
Say dí kiền-khôn một chén khà.
Sự-nghiệp giờ trưa yên giấc ngủ,
Công-danh buổi sáng ngắm cành hoa.
Nợ trần chưa hết trời chưa gọi,
Này hội văn-minh hẳn có ta.

Văn tế cha *(nhà làm nghề thuốc)*

Than rằng : Núi Thái tần-vần lớp đá, thoảng mảnh mây bay ; màn thông lấp-lố bóng đèn, vụt cơn gió thổi. Ơn sinh-thành non bể không cùng ; lòng bi-thống tóc tơ khôn rãi.

Nhớ cha xưa : Tính dất thông-minh ; tư trời hảo-mại. Ăn nói phải lời ; chơi-bời đủ lối. Nho-nhỏ một bầu tiên-dược, xách nghiêng nhật nguyệt đôi vầng ; xỉnh-xinh mấy bức họa-đồ, treo lệch sơn-hà chín cõi. Phiếm Chung-tử giọng loan đầm-ấm, nước nước non non ; giường Kiều-tùng tuổi hạc ngả nghiêng, ngày ngày tối tối. Ngoài vòng cương-tỏa, phong-lưu sống cũng nên đời ; trong đám y-quan, thọ-khảo mừng vừa đến tuổi. Tỉ tuyết độ mầu gương trắng sóa, nâng-niu ản Mạnh ngang mày ; liễu hòe xum mấy khóm xanh om, sậc-sỡ áo Lai dưới gối. Cửa nhà ra vẻ, như gấm thêm hoa ; cháu chắt đầy đàn, như tre ấm bụi. Tranh thương-cẩu bỗng nháy mắt cồ kim ; cửa bạch-câu phút gang tay thế đại. Miền thọ-thế quang-âm vừa sáu chục, hơn một ngày chẳng ở, kém một ngày chẳng đi ; chước hồi-xuân hiếu kính đủ trăm chiều, muốn bắc cầu mà nọi, không bắc cầu mà lội. Ngần là bạch Tụ-long, cống Ấn-độ, bữa dám hề sai ; ngần là quế Thanh-hóa, sâm Cao-ly, ngày mong chóng khỏi. Hậu-phác ấy là phương độc-hoạt, mà tiên-hương vân-hạc bỗng khơi chừng ; thong-dong dành nhẹ bước toàn-qui, mà khổ-hải phong-trần thêm ngán nỗi. Dưới vườn hạnh một ngày một vắng, mà thuyền to sóng cả, kế sinh-nhai trăm cấp dễ đường xoay ; bên nhà huyên một tuổi một già, mà vợ dại con thơ, gánh phủ dưỡng đôi vai còn nặng chói. Việc nhà đương lắm nỗi chông-chênh ; miệng thế lại nhiều câu ánh-ỏi. Dám như ai vung tay quá trán, ho heu mua chuộc lấy lời khen ; dám như ai ruột để ngoài da, công việc giở-dang về tiếng nói. Ý cũng tính còn thời ăn hết thời nhịn, báo hiếu không cùng ; song lại nghe giầu làm kẹp hẹp làm đơn, tùy tình mới phải. Rầy nhân kinh tiến sơ-ngu ; thành dâng chín suối. Bứt-dứt nhẽ ! nhà không tiếng cả, có gì đâu tờ giấy nén hương ; ngậm ngùi thay ! lễ bạc tâm thành, gọi là thế lưng rau đĩa muối. Hỡi thương ôi ! Nước chảy hoa trôi ; sao dời vật đổi. Chín chữ củ-lao là thế, trời ngất mấy lần, bể sâu mấy trượng, dễ đem gan óc đền bồi ; trăm năm thân thế nhường này, người yêu thì ít, kẻ ghét thì nhiều, kể sao xiết ruột tằm bối-rối ! Thương thay ! Xin hưởng !

(Còn nữa)

Tú-tài LÊ ĐÌNH-HUYẾN

Thu-gia lữ-hoài.

Lác-dác mưa sa gợi-ngón sầu,
Một mình thơ-thẩn suốt đêm thâu.
Canh gà eo-óc ghê hồn khách,
Trận gió mơ-màng ngán nỗi thu.

Khêu ngọn đèn khuya nằm chẳng nhắp,
Nghe đàn dế mách giạ càng đau.
Lòng quê đất khách thêm buồn nhỉ,
Chợt nhớ Tương-như lúc quá cầu.

Trung thu bộ nguyệt,

Chênh-chênh bóng nguyệt ngọn ngô-đồng,
Bộ-nguyệt đêm thu luống não-nùng.
Mấy dặm đường hòe hài khách nhẹ,
Một vầng trăng bạc vẻ thu trong.
Người yêu trăng tỏ gương tròn-trặn,
Trăng mến người theo bóng chập-trùng.
Hỏi quế chị Hằng cành lớn chửa?
Muốn trèo vin hái phải thang không?

Trùng-cửu đăng-cao.

Rủ nhau đủng-đỉnh bước lên đèo,
Một hội thù-giu bóng sế chiều.
Đón khách đầu non chim ríu-rít,
Say hoa sườn núi khách trèo-leo.
Hôm nay năm ngoái sao vui vẻ,
Cảnh cũ người đâu dễ vắng teo?
Vách đá thơ ai đề đó nhỉ,
Sẵn đây ta nối mấy vần theo.

Mưa lụt tháng chín.

Ghê-gớm làm chi thế hỡi Trời,
Mưa dầm đóng cửa vẫn chưa thôi.
Cá mừng gặp nước giương vây lội,
Người sợ lầm chân bỏ gối ngồi.
Thấp-thoáng mặt đồng cây lúa lướt,
Lênh-đênh đường cái lá buồm xuôi.
Thu năm trước thế năm nay thế,
Luống ngẩn-ngơ thay cái sự đời.

Sơ-đông.

Tính đốt niên-hoa tới tiết-đông.
Gió may hiu-hắt giá như đồng.
Cúc vàng chân rậu vừa phai nhị,
Mai trắng đầu non đã điểm bông.
Mầu tuyết long-lanh pha núi Sở,
Hơi sương lạnh-lẽo thổi ngàn thông.
Xưa kia cưỡi ngựa tầm-mai đấy,
Cao-hứng nghe quên cả lạnh-lùng.

Thúy-sơn hoài-cổ.

Non nước từ bao hử nước non,
Liễu-thành riêng một thú con con.
Lâu-đài thủa trước ai vừa sửa,
Thành-quách vua xưa dấu vẫn còn.
Bốn mặt gió reo cây chực múa,
Quanh năm nước chảy đá không mòn.
Ông Trương ngày trước rầy đâu vắng,
Mà để đài câu hóa phủ son.

Vị-hoàng hoài-cổ.

Vật đổi sao dời trải mấy đông,
Vị-hoàng sâu thế thế mà nông.
Bến đò nhớ trước tên còn đó,
Kệ đá sao giờ bực để không.
Nhà cửa đâu giờ nên được phố,
Ngô khoai nào biết hóa ra đồng.
Thuyền rồng thủa trước vua nào ngự,
Thấy cảnh bâng-khuâng luống trạnh lòng.

Vũ Tích-Cống

CÂU ĐỐI

Rán nhà hàng gạo

Mạnh vì gạo, bạo vì tiền, thương-giới hẳn là ra vẻ.
Bán có phường, buôn có bạn, lợi-quyền há để nhường ai.

Rán nhà thợ may

Rộng kép hẹp đơn, tùy kẻ chuộng.
Đông the hè đụp, mặc người ưa.

Rán nhà thợ mã

Thay quyền con tạo, sinh muôn vật.
Đem khéo trăm công, họp một nhà.

Rán nhà thợ nhuộm

Sẵn nghệ trong tay, muốn ngả mùi nào cũng được
Giữ màu chiều khách, hễ trông sắc nước thời làm.

Rán nhà hàng cau

Xấu dồi thiếu bù, buôn của thực hạt.
Bán hàng chiều khách, xấp nước giữ mầu.

Mừng thượng-thọ

Một hội thần tiên vui cõi thọ,
Đầy vườn lan quế ngát mùi hương.

Con dể mừng bố vợ thượng-thọ, (còn ông vợ)

Sao thọ sáng nhà bằng, kiều tử xanh tươi hai cỗi thọ.
Ngày xuân dâng chén ngọc, quế lan thơm nức một nhà xuân.

Cháu gái mừng cô hóa, vừa lên thọ, vừa làm ma sống

Tuổi tám mươi cõi thọ vui vầy, tinh cảnh ấy ngậm ngùi người chín suối.
Rượu và chén ngày xuân mở tiệc, cô cháu cùng bàn bạc truyện trăm năm.

Cháu mừng bác thượng-thọ

Bác nhờ trời cõi thọ thêm vui, quế-tử mấy chồi lan mấy khóm.
Cháu mừng bác ngày xuân mở tiệc, đào-tiên trăm quả rượu trăm hồ.

Mừng cưới vợ

Kìa câu tục-ngữ sang vì vợ,
Này lối văn-minh trọng nhất đàn.

Mừng nhà tứ-đại-đồng-đường cưới con trai

Anh đã có cháu, em mới rước dâu, hai bên bố mẹ đều còn, sướng!
Gái thời có chồng, trai đà nên vợ, bốn đời cụ chắt cùng ở, vui!

Vũ Tích-Cống

ĐỀ TRUYỆN CÁC BẬC HIỀN-NHÂN DANH-SĨ NƯỚC PHÁP

VII

Ông Boa-lô

Ông Boa-lô (Nicolas Boileau Despréaux) là một nhà thi-nhân và một nhà bình-phẩm, sinh năm 1636 ở thành Paris. Ông tài lối thơ trào-phúng. Năm 1660 đến năm 1669 ông thảo ra tập thơ « Trào-phúng » (*Satires*, năm 1669 đến năm 1677 ông thảo ra tập thơ « Hàn-độc » (*Epîtres*) và bốn khúc thơ đề là « Cái yên sách hát » (*Lutrin*), năm 1674 thời xong tập thơ « Thi-nghệ » (*Art poétique*). Từ năm 1687 đến năm 1701 ông chuyên-tâm soạn quyển « Cổ-kim tranh-luận » (*Querelle des anciens et des modernes*).(1)

Ông là con một ông Lục-sự tòa án, trước đã học ra làm Luật-sư, sau liền bỏ nghề ấy mà theo vào nghề văn-chương. Trong đời vua Lô-dịch thập-tứ (Louis XIV) ít người ngang vai ông về sự mở tri cho đời. Ông ghét những bọn văn-nhân cướp-đật danh-giá của người ta vào làm của mình, cho nên ông mới thống-mạ những kẻ đội lốt ấy. Ông lại làm cho người đời phải biết yêu chuộng những bậc tài-năng tri-tuệ, như ông Môn-lê (Molière),

(1) Ông cùng làm quan Sử-thần (*Historiographe*) với ông La-sinh (Racine) ở triều vua Lộ-dịch thập-tứ (Louis XIV).

ông La-sinh (Racine), ông Bốc-suy-ê (Bossuet) v. v.

Ông chăm về việc bình-phẩm những sự hay dở của văn-chương, ông đem cái bút công-bình ra mà chỉ-trích phán-đoán khiến cho người ta tỉnh-ngộ mà làm văn thơ, hễ muốn cho được hay thời phải suy nghĩ cho thâm. Ông hợp-đồng với bọn ông Môn-lê (Molière) để mà làm cho đời chừa bớt thói tự-kiêu tự-đắc. Năm 1584 thời vào Hàn-lâm-viện (Académie française). Thơ từ của ông bây giờ nhiều câu thành ra ngạn-ngữ, người sau theo ông mà đặt-để mọi bài. Năm 1711 thời ông mất.

Đen bạc xưa nay lạ thói đời,
Hỏi ai rằng có giận chăng ai ?
Phải đem giấy mực mà mai-mỉa,
Mai-mỉa sao cho được đến lời.

Mai-mỉa sao cho được đến lời,
Boa-lô tài ấy đã nên tài.
Những thơ trào-phúng trong thời ấy,
Giờ vẫn còn luôn ở miệng người.

Giờ vẫn còn luôn ở miệng người,
Người bao nhiêu sự đáng nên cười. (1)
Văn-nhân có kẻ lòe thiên-hạ,
Đội lốt người hay để bịt đời.

Đội lốt người hay để bịt đời,
Văn-chương cả-mắm cũng lên tài.
Ngứa gan cất bút lên bình-phẩm,
Nửa dễu phường ngông nửa dậy người.

VIII

Ông Cổ-nại-lý

Ông Cổ-nại-lý (Pierre Corneille) là một người mà đời sau suy-tôn làm « tị-tổ nghề bi-kịch nước Pháp » (*le père de la tragédie française*). Ông sinh năm 1606 (6 Juin) ở tỉnh Lô-an (Rouen), là con một ông Chưởng-lý tòa án, đỗ Trạng-sư năm 1624, ra làm việc ở tòa án Lô-an (Rouen) đi cãi có một lần rồi bỏ theo nghề văn-tự. Chỉ ham bi-kịch cho nên bắt đầu đến Paris đã đưa diễn một bản hi-khúc (*comédie*) tên là *Mélite* được nhiều người tán-thưởng lắm.

Ông Tể-tướng Lịch-sơ-liêu (Cardinal Richelieu) thấy tài ông thời khen-ngợi, nhân Tể-tướng đương soạn kịch, song chẳng ai ưa, giận mà nói : « Người nước Pháp chưa biết nếm mùi văn-chương » ; bèn đón ông vào cùng bọn ông Liệt-toan (L'Estoile), ông Cô-lê-lê (Colletet), ông Ba-lô-bi (Boisrobert), và ông Lốc-chu (Rotrou) để sửa tuồng cho Tể-tướng. Song ông không thể chịu tùy-tòng Tể-tướng được, bèn ra ngoài đặt nhiều bản tuồng hay lắm.

Bản hi-khúc *Mélite* ra năm 1629, đến năm 1635 thời ông bắt đầu soạn bản bi-khúc *Médée*. Rồi năm 1636 thời ông soạn bản *Le cid* là một bản kiệt-tác của ông vậy. Năm 1647 ông vào Hàn-lâm-viện (Adcadémie française). Từ năm 1652 đến năm 1659 ông di-dưỡng ở Lô-an (Rouen) đến năm 1659 ông soạn bản *Œdipe* lại đem ra diễn, sau khi bản *Suréna* ra đời chẳng có tri-âm nữa, ông thôi nghề soạn kịch mà chung-lão. Năm 1684 ông qui-ẩn vậy.

Song, ông mà được trứ-danh cũng là xưa nay chưa ai đặt tuồng lao-khổ như ông, cách dễu cợt thời đầy những duyên-nhị, khi giận ra giận, lúc vui thật vui, vai hiền-quân thời thương dân mến nước, vai minh-quan thời công tư trọn vẹn, bởi vậy ai cũng phải ưa.

Cái chứng rõ ràng tuồng của ông hay thời xem như truyện ông vương Công-đê

(1) Trong tập thơ « Trào-phúng » (*Satires*) của ông Boa-lô (Boileau) có câu rằng :
De Paris au Pérou, du Japon jusqu'à Rome,
Le plus sot animal, à mon avis, c'est l'homme.

(Condé) xem tuồng Si-na (*Cinna*) (1) đến chỗ vua La-mã tha tội cho một đứa phản-thần có câu « đã thi-ân chẳng gặp ân lại gặp oán », những giọng não-nùng khiến vương trản lụy. Than ôi ! thế mà đến khi ông lâm-chung trong nhà không có lấy một đồng xu nhỏ, nghèo kiết đến như vậy ! Nhưng thôi ! đã là một bực văn-nhân phải biết rằng tuy không phá lũy đánh thành, sung nam phạt bắc, mà công-cán với tổ-quốc cũng rất to, làm ra được một cuốn sách hay cho nước, thật cũng không khác gì mở rộng được đất cho nước. Cái tài của ông tướng cầm quân lại không lưu-truyền được mãi dấu-tích đến muôn đời còn phải đợi nhà văn-nhân ghi-chép. Như thế thời qui thay ! người văn-nhân ! lo gì nghèo, hãy nghèo như ông Cổ-nại-lý (Corneille) này.

I

Ô ! cái văn-chương cũng lạ đời,
Tinh chi theo đuổi khách anh-tài ?
Muốn xoay nghề khác không xoay nổi,
Buộc phải cùng người quấn-quít hoài !

2

Ra vòng pháp-luật đến văn-chương,
Hết giọng vui rồi đến giọng thương.
Truyện thế bao phen sàn khấu diễn,
Khiến cho rơi lụy khách phi-thường.

3

Chim nổi bao phen đến cõi già,
Một đời từng mấy độ vinh-hoa.
Trách anh « vuông lỗ » vô-tình nhỉ (2) ?
Đối với làng văn bạc thế mà . . .

4

Dẫu kiết còn hơn vạn đứa giàu,
Tiếng thơm lưu để lại nghìn thâu,
Tổ nghề bi-kịch trong nhà Pháp,
Văn-tự lân ra khắp ngũ-châu.

IX

Ông La-Bưu-ê

Ông La-Bưu-ê (Jean de La Bruyère), sinh năm 1645 ở Ba-lê (Paris), là một bực danh-sĩ ở đời vua Lộ-dịch thập-tứ (Louis XIV), lại là một nhà luân-lý ở thập-thất thế-kỷ (XVIIe Siècle) nữa. Con một ông quan tài-chính ở tòa thị-xảnh (Hôtel de ville) Ba-lê. Năm 20 tuổi làm trạng-sư ở nghị-sảnh. Năm 1671 thầu việc ngân-khố ở Caen ; làm được mười hai năm lại để cho người khác. Thiên-hạ ít người biết đến ông, vì ông ẩn-dật mà tu-luyện học-hành không có chen chân vào chốn danh-trường lợi-tầu. Năm 1684, ông Bốc-suy-ê (Bossuet) đề-cử ông vào làm phụ-đạo (*précepteur*) nhà ông vương Công-đê (Condé) để dạy cháu vương là ông quận bọc sử-ký. Cái giáo-dục của ông đào-luyện cho ông quận rất là nên công-hiệu. đến ông Thánh-Sĩ-mông (Saint Simon) phải khen ông quận rằng hầu biết cái gì cũng biết đến nơi đến chốn, cả mỹ-thuật và cơ-khí cũng có ý ham biết cho cùng. Vương coi ông làm một người thân-hữu. Năm 1688 ông có soạn quyển « Hiện thế-kỷ chi nhân-tình thế-cố » (*Les caractères ou les mœurs de ce siècle*). Hai lần ông vào Hàn-lâm-viện : lần trước địch với ông Phong-tư-niên (Fontenelle), lần thứ hai đối với ông Ba-vi-long (Etienne Pavillon), mãi đến lần thứ ba là năm 1693 ông mới được toại-chí. Thiên-hạ

(1) Ông còn nhiều bản tuồng hay như *Horace, Polyeucte, Rodogune, Agésilas, Sophonisbe, Attila, Héraclius*, vân vân. Hài-khúc còn bản « Đại-ngôn-nhân » (*Le menteur*) cũng rất hay.

(2) Anh « Vuông lỗ » là dịch ba chữ *Khổng-phương-huynh* 孔方兄 nói đồng tiền, nay chung cả là tiền bạc.

ghét ông vì ông in quyển sách « nhân-tình thế-cố » (*Les caractères*) ra nhiều người căm lắm. Năm 1696 ông bị bệnh mất ngày mồng mười tháng năm. Văn-chương ông dù có khí tả quá lời về nhân-tình thế-thái khiến có người chê-bai, nhưng thật là một áng văn rất hay, khiến cho người xem mở rộng được con mắt tinh đời ra vậy.

Trời đã cho ta lấy chữ « tài »,
Phải đem ra để giúp cho đời.
Giúp đời mong-mỏi đời nên khá,
Há dám cầu danh, dám hám lời?

Hám lời! lời có được là bao!
Quân-tử hơn đời khí-tiết cao,
Ăn ở cốt sao tròn phẩm-cách,
Làm gương cho xã-hội trông vào.

Trông vào mà học lấy cho hay,
Chừa thói ngông càn tính dại ngây,
Sống ở trên đời cho nhũn-nhặn,
Phải sao phải đó mới vừa đây.

Vừa đây đây có sợ ai cười,
Đời giở làm chi thế hỡi đời?
Người muốn đời hay đời nỡ ghét,
Ghét người cũng có tại ghen tài.

Ghen tài sao được được! mà ghen!
Tài của trời cho sẵn tự-nhiên.
Ai bảo đời không như thế nhỉ?
Ghét ghen! đời rõ khéo vô-duyên!

Vô-duyên, ừ, chính thật người đời,
Chỉ biết ghen tài với ghét người,
Ta nghĩ như đời ta chán lắm,
Luống thương cho phận dận cho tài!

THỊNH-CHÂU

VĂN XUÔI

Lòng cảm-hoài của một người học-trò Nam-việt

Một buổi kia giạo chơi phố Hàng-Gai : hai bên cửa hàng nhan-nhản, giữa đường xe ngựa dầm-dầm. Một mình đi thơ-thẩn trên hè, nhìn cảnh-tượng mà xui lòng cảnh-xúc.

Kìa cửa kia buôn bán gì mà rực-rỡ, ra vào những tài-tử giai-nhân? À! hàng bán sách tây! trông vui làm sao! hàng nào cũng như thế thì cảnh thành-phố lại chẳng thêm một phần sầm-uất trong thương-cục lắm sao!... Kìa lại hàng gì kia mà người ít ra vào, hàng trông sơ-sác! Hay! cũng hàng sách! Sách-vở gì mà chồng thấp chồng cao! Văn-chương gì mà im lời lặng tiếng! Chẳng đỏ, chẳng xanh, chẳng vàng, chẳng tím, trông ra chỉ hâm-hẩm một mầu, hình như bầy ra để yểm-nhiễm lấy trần-ai, mà đợi nát rầu trong tay tạo-hóa! Ôi! Trông thấy đống sách cũ rầu-rầu mà trong lòng cám-cảnh thương thay!

Thương vì sao? Thương vì nỗi cổ-nhân đã qua mà còn chút tàn-hồn thoi-thóp lại, khiến cho kẻ hậu-sinh mỗi khi nhớ đến mà đau lòng! Kìa! đống sách nát kia, há chẳng phải là di-tích cái nền văn-hóa cũ của tổ-quốc ta ru? Đống sách nát kia, há chẳng phải là cái cơm nuôi hồn của bao nhiêu công-thần khanh-tướng, tráng-sĩ thuyền-quyên trong bao nhiêu thế-kỷ ru?

Ấy nhờ những sách vở, văn-chương ấy mà tổ-tiên đã giựng nên sơn-hà xã-hội này cho chúng ta vùng-vẫy; nhờ văn-chương ấy mà đã gây nên cái giây thân-ái giàng-buộc đời xưa với đời nay, đời nay với đời sau, liên-lạc đời đời mãi mãi; nhờ văn-chương ấy mà đặt ra luân-thường đạo-lý làm cơ-sở cho giống-nòi; nhờ văn-chương ấy mà ta biết yêu nhau, thương nhau, chẳng lúc nào quên mình là mầm chồi Hồng Lạc, con cháu Rồng Tiên!

Kỳ thay! sách-vở nọ rách nát một bề, văn-chương kia ngủ say một chỗ,

thế mà càng trông đến càng trọng, càng nghĩ đến lại càng thương ! Trọng là trọng cái cương-thường nghĩa-lý cũ, mà thương là tiếc rẻng tổ-tiên đã quá chuộng bề cương-thường nghĩa-lý ấy, đến nhẵng-bỏ hẳn đường cách-vật trí-tri.

Đã hay rằng luân-thường là cái gốc văn-minh, song phải biết cách-trí lại là một phần tô-điểm vào cuộc văn-minh, làm cho tiếng văn-minh lừng-lẫy, hình văn-minh rạng-tỏ ra !

Bấy lâu nay châu Âu đã đem đuốc văn-minh mà rạng rỡ khắp bầu trời, nước Pháp đã đem hạt văn-minh mà gieo khắp đất Nam ta, từ nay có lẽ ta được hưởng cái văn-minh rực-rỡ hơn trước.

Song ngoảnh lại nhìn đời trước, ta cũng chớ nên trách cổ-nhân. Tuy cổ-nhân có nhẵng-bỏ bề hình-thức của văn-minh, mà cổ-nhân đã trồng nên cây « đức », để làm nền làm gốc cho trong nước, khiến cho con cháu sau này cứ theo đó mà tiến lên.

Bọn thiếu-niên ta nay con nhà Nam-Việt, có nước Đại-Pháp làm thày, dạy ta cho theo kịp bằng người, lại giắt cánh cầm tay, đưa đường tỏ nẻo những muốn cho ta khỏi bước thiệt-thòi mà ngang-giọc bằng ai ! Ấy ! là may cho ta, ấy là hạnh-phúc cho ta. Vậy ta phải chăm-chỉ gắng công, cho khỏi phụ ơn giáo đạo. Nhưng ta càng chuộng cái văn-minh đời nay, mà lại càng phải nhớ cái văn-hóa cũ, chớ nên phụ-bạc với tiền-nhân. Uống nước nhớ nguồn là nghĩa thế. Ta được như bây giờ phải trước kia ta ở đâu mà ra.

Ai ôi ! trông nay nghĩ sau, ta nên nhìn trước ! Nghe tiếng thấy hình, ta nên chuộng hồn ! Ngày nay hàng giọc đổi hàng ngang, bút lông đổi bút sắt, ta theo tân-học, người ta mới ra, đời ta mới ra, ấy chẳng phải là câu tổ-tiên vẫn ước-ao « *nhật tân ! nhật nhật tân ! hựu nhật tân* ! » hay sao !

Được mới ta hay có thói cười cũ, đứng đời nay ngoảnh lại xưa mà ta cười ! cười văn-chương hủ-lậu, cười người dợ-mọi, cười đời dã-man...

Hay đâu ! cuộc tang-thương biến-đổi, việc đời lúc này lúc khác như cuộc cờ.

Ấy cổ đã là kim, mà kim rồi thành cổ. Kim xưa là cổ nay, thì tất kim nay sẽ là cổ sau ! Tuần-hoàn sao ! Hán-văn cổ đã suy, mà ta cảm cái suy-tàn ! Pháp-văn kia đương thịnh, mà ta mong đường thịnh-vượng !

Ôi ! cổ, kim, kim, cổ, thì quốc-văn ta sao rồi chẳng có lúc thành kim, mà khi quốc-văn đã thành kim thì cũng có thịnh có tiến !

Vậy ta trông đời trước ta là cổ, người trước ta là cổ mà ta bỡn mồm chê người hủ-lậu, thì kẻ đi sau ta sẽ cho đời ta là cổ, coi ta là người cổ, khỏi dâu lại chẳng tắc lưỡi bỉ ta là giống phù-hoa.

Ôi ! văn tàn sách nát ! người mất dấu còn ! cảnh-ngộ tâm-hoài, những thương cùng nhớ ! Thôi ! chi đương nghĩ, chân bước đi, thơ-thẩn một mình, đầu đội trời Nam, chân giẫy đất Tổ. Quanh-quẩn quẩn-quanh, tấm-bảo thêm bối-rối, liền so nét mặt với tấm lòng. Đem gương nhật-nguyệt soi thì trông mặt đã vui nhiều.....! Nhắc cân tạo-hóa mà lường thì nghe lòng đâu nặng đấy.....!

Ngậm-ngùi sinh mấy tình riêng.

TRẦN VĂN-THI
Học-sinh trường Cao-đẳng

Văn-chương

Văn-chương ! Văn-chương ! cứ như ý ta thời người thật là cái nguyên-khí của quốc-gia vậy. Thật thế, vì người có cái tài vạn-năng, có cái sức vô-địch, cuộc tiến-hóa ở trong thế-gian này thời người làm khu-dữu, người đáng qui thay ! mà đáng trọng thay !

Ôi ! văn-chương đã là một vật qui-trọng như thế, thời người làm văn tất phải sao cho từ-nghiêm nghĩa-chính, lúc nào cũng phải giữ một cái tôn-chỉ rất cao-thượng không hề bao quên. Nghĩa là cầm lấy quản bút trước phải nghĩ đến những điều ích-lợi cho quốc-gia, tạo-phúc cho xã-hội, quan-hệ đến nhân-tâm thế-đạo, sao cho được hết cái năng-sự của nhà văn, thế thời mới đáng gọi là một người văn-sĩ cho đời được cậy nhờ.

Ví bằng chỉ khoa-kỳ đấu-mĩ, hỗn-hào suyên-tạc thời chẳng những không có ích chi cho thiên-hạ mà lại làm trở-ngại cái cuộc tiến-hóa của thiên-thu hậu-thế về sau. Như thế thời thật là tội-nhân trong áng văn-chương ; ai thèm kể đến.

Này, xem mà xem : từ khi cái văn-chương « tôn-quân ức-thần » ra đời, bèn khiến những bực nhân-quân tha-hồ muốn làm ngang làm ngược thế nào mặc sức, người bày tôi không dám bàn-bạc nói-năng chi, cho nên chính-trị hung-tàn triều nào cũng đầy ra khôn kể xiết ! Từ khi cái văn-chương « tại-vị mưu-chính » ra đời, bèn gây nên cái khổ-nhục cho những người bình-dân đối với bọn bạo-quân ô-lại đành phải phủ-thủ thiếp-nhĩ như là thân ngựa thân trâu, vua quan ra điều gì bất-công bất-minh ức-hiếp áp-chế đến thế nào cũng phải nhắm mắt mà phục-tòng mệnh-lệnh không thể cựa mình há miệng được ! Từ khi cái văn-chương « tài-tử giai-nhân, ái-tình tri-kỷ » ra đời, sui thành những thói trong dâu trên Bộc, chọc vách trèo tường mà không lấy thế làm cản làm nhuốc, khiến cho phong-hóa bại-thương ! Thế mà từ khi cái văn-chương « tự-do bình-đẳng » ra đời thời khiến cho nhân-loại náo-nức, thế-giới sôn-sao, bao nhiêu những cái giòng vua bạo chúa tàn chỉ quen hà-hiếp dân-sự xưa nay, đều đổ nát hết cả, mà vạn-gia được hạnh-phúc, muôn việc được cải-lương người đời trở nên càng ngày càng sung-sướng. Than ôi, một lời nói hay thời ích-lợi cho đời như thế, mà một lời nói bậy thời làm lầm đến mãi muôn nghìn đời sau như kia, há chẳng ngậm-ngùi lắm ư ? Mà há chẳng nên cẩn-trọng lời nói lắm ư ?

Phàm trăm việc nẩy-nở ra đều ở như lý-tưởng, mà phu-diễn lý-tưởng thời nhờ ở văn-tự, lý-tưởng và văn-tự hay hay là giở có quan-hệ đến xã-hội, quốc-gia nhiều lắm vậy.

Bởi vậy cổ-nhân có câu nói rằng : « văn-chương là việc thốn-tâm thiên-cổ » ; hiền-sĩ ngày xưa làm văn bao giờ cũng phải giữ bốn điều làm trụ-cốt : 1° Minh-đạo, 2° Kỷ-sự 3° Sát-ẩn, 4° Dương-thiện. Ấy bốn điều đó thiết-tưởng bây giờ ta cùng nhau chú-ý mà làm văn cũng được. Này, minh-đạo nghĩa là tỏ cái đạo hay ra để chữa thuốc cho những tật đời. Bởi vì mặt trời mặt trăng lặn cả đi thời cái ánh sáng của lửa mới rực-rỡ được, cái nguyên-khí trong người mà khuy-tổn thời cái tà-khí ở ngoài mới sâm-lấn vào mà làm cho ốm-o được, đương cái buổi đời dị-đoan phong-khởi, dân-sự nhố-nhăng, nhân-tâm bàng-hoàng chẳng biết theo vào đâu cho đích, ví ta không tìm cái đạo hay lý phải đem mà xương-minh ra để ắt những cái dở cái càn đi hòng dẫn người ta vào nẻo chính thời tránh sao cho khỏi vạ nguy-vong. Bởi thế mà điều đó ta phải cần thứ nhất. — Đến kỷ-sự tức là biên chép những việc công việc tư ở đương-thời, để

họp những điều phải điều trái lại mà cùng bàn và lưu để cho đời sau nhờ có những cái phiến-văn trích-tự ấy mà cứu xét việc đời nay; không thế thời truyện đâu bỏ đó, kẻ hay không người tưởng-lệ, kẻ giở không người chê-bai, mà nghìn đời về sau muốn biết truyện tổ-tiên cũng mông-mênh không biết tìm đâu, thời có ta ra đây làm người văn-sĩ phỏng có khác gì kẻ ngu-si vô-nhất-tự? Đối với đời nào có ích gì?— Sao mà phải sát-ần? Nghĩa là cái ẩn-tình trong xã-hội rất nhiều, cái biểu-diện của xã-hội phô ra phần nhiều chưa thực, ta không thể nhìn qua mà dã tự-thị rằng hiểu được hết mọi sự của các mặt người trong xã-hội, nhất là về đường tâm-lý nó bí-hiểm vô-cùng, bởi vậy phải cần xét cho ra để mà tả-mạc phu-diễn cho đời nay được biết đời sau được tường những cái cội rễ mọi sự lầm dại của đời vậy. Còn như dương-thiện thời thật là một điều dản-dị, chẳng qua tìm lấy những điều hay của người ta mà tán-dương để cho hưng-khởi lòng người xu vào đường tốt. Ôi! bốn điều đó trách-nhiệm bọn ta tưởng phải thi-hành vậy.

Ai ơi, những khi dung đùi đắc-ý, vuốt râu tự-bào, cất bút dẫn giấy, trước án dưới đèn, tưởng nên tự-vấn rằng :

— Nào, ta định làm văn gì? bàn chi? Nói chi? Có ích-lợi cho nhà ta, nước ta không? Có ích-lợi cho ta, cho đồng-bào ta không?

Nhiên-hậu hẵng nên cầm bút viết, mới không phụ tiếng văn-chương.

MÀN-CHÂU

THỜI-ĐÀM

Quan Toàn-quyền Sarraut không trở lại Đông-dương nữa, quan Toàn-quyền Long sang thay. — Kỳ trước báo tin quan Toàn-quyền SARRAUT lại được tái-cử nghị-viên trong hạt ngài, bản-chí có vui-mừng mà ước-ao rằng chắc thế nào ngài cũng lại trở về Đông-dương để làm cho hoàn-thành những công-nghiệp lớn-lao của ngài. Không ngờ đầu tháng này có điện bên Đại-Pháp sang báo rằng ngài đã từ-chức Toàn-quyền và sẽ lưu lại ở qui-quốc để chuyên về việc chánh-trị bên ấy. Được tin ấy quốc-dân ta ai cũng ngao-ngán, tiếc một bậc quan hiền có lòng quyến-cố dân, trong mấy năm trời đã làm một vị phúc-tinh cho cõi đất Đông-dương này. Có người nói dân trong hạt ngài đã bầu-cử ngài lên lần này không muốn để cho ngài đi xa và có ý giữ ở nhà để trông-nom quyền-lợi cho dân. Có người nói rằng đảng ngài là đảng « cấp-tiến xã-hội » (*radical-socialiste*), hồi bầu-cử năm nay mất thế-lực đi nhiều, ngài cần phải ở lại qui-quốc để vận-động trong nghị-viện mà tổ-chức cho đảng được vững-bề nhiên-hậu mới đi xa được. Có người nói qui-quốc bây giờ đương buổi nhu-tài, một người có tài-năng, có giá-trị như quan SARRAUT tất Chánh-phủ muốn giữ lại để giúp việc bên ấy còn cần-cấp hơn. Lại có người nói rằng cái chí quan SARRAUT to-lớn lắm, ngài định đề-xướng ra một cái chánh-sách mới về các thuộc-địa, thứ nhất là đặt hiến-pháp tự-trị cho Đông-dương ta, hiện nay việc đó chưa kết-quả, ngài còn cố yêu-cầu cho được, nhiên-hậu mới trở về đây. Trong mấy lẽ đó không biết lẽ nào là lẽ chánh, nhưng có một điều có thể chắc được, là dẫu ở bên Đại-Pháp quan SARRAUT cũng vẫn một lòng chăm-nom cho Đông-dương ta, trong điện gởi sang mới rồi để từ-biệt dân ngài đã hứa như vậy.

Về phần quốc-dân ta thời nghĩ đến những công-nghiệp ngài đã gây-dựng, nhiều việc hiện nay kết-quả đã hiển-nhiên rồi, như trường Đại-học Đông-dương, như việc đào sông tưới ruộng ở Thanh-hóa, lại nhớ đến những lời tuyên-bố quảng-đại, những bài diễn-thuyết ân-cần của ngài, tưởng muôn năm cũng không bao giờ quên ơn ngài được. Tư

khi Đại-Pháp sang bảo-hộ dân ta đến giờ, đã biết bao nhiêu quan Toàn-quyền kế-tiếp nhau ở đất này, ngài nào cũng là người tài-năng danh-giá cả, thế mà xét ra chưa có ngài nào được cả bản-dân An-nam yêu-mến cảm-phục bằng quan SARRAUT. Sao vậy ? Là sự-nghiệp các ngài tuy có to lớn mà chưa ngài nào từng nói ra những lời cảm-động thấm-thía đến lòng dân như quan SARRAUT vậy. Dân Tây ở đây có nhiều người trách ngài hay nói nhiều và không ưng cái chánh-sách vị người bản-xứ của ngài. Thiết-tưởng trách như thế là không phải. Cai-trị một dân hai-mươi triệu người, tính-tình, phong-tục, chế-độ, luân-thường khác hẳn mình, thế mà không năng tuyên-bố cái chánh-sách cho họ biết, thời làm thế nào mà thu-phục được lòng dân, làm thế nào cho dân hiểu cái tinh-ý của mình và một lòng tin-cậy mình ? Vả cứ coi như dân An-nam vì nghe những lời diễn-thuyết, lời tuyên-bố của quan SARRAUT mà thêm cái lòng cảm-phục nước Đại-Pháp, thời đủ biết rằng những lời tuyên-bố, lời diễn-thuyết ấy, không những là không hại gì mà lại có lợi cho quí Chánh-phủ nhiều lắm vậy. Còn như trách rằng quan SARRAUT có ý thiên-vị người bản-xứ hơn là người Tây, thời lời trách ấy lại không đáng lắm. Bọn ta đã biết cái lòng quảng-đại của người quí-quốc, cũng chắc rằng lời ấy không phải là lời thành-thực, và chẳng qua là cái ý-kiến thiên-lệch của một vài người cố-ý phản-đối quan SARRAUT mà thôi ; vì nếu quả có người nghĩ như vậy, quả có người cho quan SARRAUT vị dân An-nam là không nên không phải, thì chẳng là trái với cái lý-tưởng nhân-đạo, cái chủ-nghĩa khai-hóa của Nhà-nước Đại-Pháp lắm ru ? Ôi ! lợi-quyền người Pháp với người Nam có lẽ đâu phản-trái nhau đến nỗi lợi cho bên này tất hại cho bên kia, như nhiều người tưởng lầm như vậy ? Lợi-quyền ấy phải làm thế nào điều-hòa được với nhau thời mới là cái chánh-sách lương-hảo vậy. Quan SARRAUT chủ khai-hóa cho dân chắc cũng là vì cái mục-đích điều-hòa ấy, vì ngài muốn mở-mang dạy-dỗ cho dân ta được ngang bằng cái trình-độ người quí-quốc để cho có đủ tư-cách mà hưởng sự lợi-ích chung. Thiết-tưởng người Đại-Pháp thật có cảm-tình với dân An-nam ai cũng cùng một bụng như ngài vậy.

Trong quốc-dân ta, nhiều người được tin quan SARRAUT không trở lại Đông-dương nữa, có ý lo sợ rằng không biết cái chánh-sách khai-hóa của ngài sau này có giữ được trọn-vẹn không, hay là quan Toàn-quyền khác sang lại đổi chánh-sách khác, không được lợi cho dân ta. Thiết-tưởng rằng lo thế cũng là lo xa quá, vì cái chánh-sách của quan SARRAUT rất là hợp với chủ-nghĩa của Đại-Pháp xưa nay, quí Chánh-phủ bên kia cũng đã ưng-nhận cái đại-cương rồi, không có lẽ nhất-đán vì đổi quan Toàn-quuyền mà thay đổi được cái chánh-sách ấy. Kịp đến ngày 10 Décembre có công-điện sang báo rằng Quí-Chánh-phủ đã cử quan nghị-viên LONG sang làm Toàn-quyền Đông-dương, và quan LONG là người đồng-đẳng với quan SARRAUT, thời ai nấy đều vững lòng chắc rằng hai ngài cũng cùng một ý-kiến như nhau, và cái chánh-sách khai-hóa sẽ mỗi ngày một kiên-cố thêm lên vậy. Quan LONG tuy xưa nay chưa cai-trị thuộc-địa bao giờ, nhưng đã từng nhiều lần nghiên-cứu về việc thuộc-địa, và hồi tháng ba năm 1918 đã làm tọa-chủ Hội-nghị về Thuộc-địa họp tại thành Lyon sau kỳ hội-chợ thành ấy.

Sau này xin kể lược qua về lý-lịch quan Toàn-quyền LONG.

Quan MAURICE LONG làm quốc-hội nghị-viên (*député*) cho hạt Die, thuộc quận Drôme, về phía Nam nước Pháp. Ngài sinh ngày 15 Mars 1866 ở hạt Crest, quận Drôme, năm nay vừa 53 tuổi. Thoạt-tiên ngài làm nghị-viên hàng quận (*conseiller général*), đến năm 1910 mới được hạt Die bầu ra thay mặt dân ở Quốc-Hội. Ngài thuộc về đảng « xã-hội cấp-tiến » (*radical socialiste*), và là một tay danh-giá trong đảng. Ngài mấy lần làm ủy-viên cho các hội-đồng xét sổ dự-toán (*rapporteur de budgets*), và thường-thường có ra bàn-bạc ở nơi nghị-trường. Ngài có chân hội-đồng về việc ngoại-giao và thuộc-địa (*commission des affaires étrangères et coloniales*), và làm ủy-viên cho hội-đồng xét về tờ hiệp-ước Pháp-Đức (*convention franco-allemande*) ngày 4 Novembre 1911. Hồi khai-chiến, tuy tuổi đã cao, ngài cũng xin đi tòng-quân như quan SARRAUT vậy, nhưng bị ngã ngựa gẫy xương cánh tay. Sau về nghị-viện, ngài có dịp làm một tờ báo-cáo rất tường-tất về cái vấn-đề lúa mì. Bấy giờ đương là hồi tàu ngầm Đức hoành-hành dữ lắm, việc vận-tải lương-thực rất là khó-khăn. Ông nghị-viên VIOLETTE vừa từ-chức tổng-trưởng bộ « Cung-cấp lương-thực » (*Ministère du Ravitaillement*), quan Tổng-lý Nội-các PAINLEVÉ cử ngài ra thay chân, sung bộ ấy từ ngày 7 Mars 1917 đến ngày 17 Novembre 1917. Đến khi tòa nội-các PAINLEVÉ đổ thời ngài lại về nghị-viện. Hồi nghị-hòa, ngài làm ủy-viên cho hội-đồng xét

về các việc thuộc-địa, nhất là về việc Sơn-đông (Chantoung).

Quan Toan-quyền LONG bản-nghiệp là làm trạng-sư ở tòa Thẩm-án (*Cour d'Appel*) Paris. Ngài còn ở bên Đại-Pháp vài ba tháng nữa, chừng đến Mars 1920 mới sang đây.

Hội Chợ Hanoi. — Trước hết ta nên biết rằng Hội Chợ năm nay tiến-bộ hơn năm ngoái nhiều. Trong năm đầu, cả thảy được 163 gian, mà năm nay thêm lên được 101 gian, là 264. Trong số ấy thì 10 gian của Trung-kỳ, 10 gian của Nam-kỳ, 6 gian của Ai-lao, 3 gian của Vân-nam, còn thì của Bắc-kỳ ta cả. Năm ngoái diện-tích Hội-chợ được 1264 thước vuông, và số người bày hàng được 85, mà năm nay thì diện-tích lên 4400 thước vuông và số người bày hàng ước chừng 450 người. Trong số ấy là chưa kể những người ở các tỉnh.

Nếu năm nay không vì sự vận-tải khó-khăn mà nước Pháp cũng đem hàng hóa đến bán, thì cái số ấy còn tăng lên nhiều nữa. Như ấy, đủ biết rằng Hội Chợ năm nay hơn năm ngoái, và các nhà nông công thương trong nước đã hiểu rõ cuộc Hội chợ giúp cho việc thương-mại những thế nào.

Vậy ta hãy xem qua mấy dãy hàng của Bắc-kỳ trước đã, rồi lần xem đến các dãy hàng của Trung Nam-kỳ, Cao-mên, Ai-lao và Vân nam.

BẮC-KỲ. — Mới ở cửa trường Hội-chợ bước vào, bên tay trái thì thấy ngay gian bày các thứ rượu của công-ty cất rượu Đông-dương ở Hà-nội, chai lớn chai con đủ các thứ; rồi đến nhà bày các đồ gốm của công ty Vôi đá ở Lang-tho (gần Huế) có thứ vôi quí nhất là vôi-đá chịu nước (*chaux hydraulique*) dùng làm các đường xuyên-sơn, cầu, cống, vân vân. Các nhà ga trong Trung-kỳ từ Tourane đến Huế đều làm bằng thứ vôi này cả; kế đến nhà bán các vòng-hoa sắt của hiệu *La Perle*, dùng trong việc phúng đám ma; hiệu Perroud tức là cái nhà xanh ở phố hàng Trống bán đủ các thứ đồng hồ và các thứ đồ kim-hoàn rất khéo mà giá bán lại phải chăng; gian bày các thứ vải của nhà máy-sợi ở Nam-định; gian bày các thứ quạt và các bức tranh vẽ mùi của hiệu Phạm-văn-Tế, có lắm thứ làm rất khéo, chẳng kém chi đồ Nhật-bản; bên cạnh là nhà bày đồ hàng của hiệu Quảng-hưng-long, chuyên bán xà-phòng của hiệu tự chế ra cùng các thứ đồ sắt như đồ làm vườn, làm ruộng, đồ làm nhà cửa như các thứ khóa, bản-lề, vân vân. Các hiệu của người Nam-Việt ta ở Hà-thành thì duy có hiệu này là hưng-khởi nhất và to hơn nhất. Nhân dịp này, tưởng nên khen cái trí sáng-kiến của các nhà sáng-lập ra công-ty này lắm.

Bên cạnh hiệu Quảng-hưng-long thì tiếp giáp ngay ba gian nhà to bày các thứ thuốc lá mà người Nam-Việt ta ai cũng biết, ai cũng hút cả rồi, là các thứ thuốc của *Đông-dương yên-thảo công-ti* ở đường Yên-phụ. Trong bày một cái máy lớn để cuốn thuốc lá từng băng dài đến 1500 thước rồi cắt ra từng điếu một, mỗi ngày có thể cuốn được 2 triệu 60 vạn điếu. Ai đã mục-kích những cách chế-tạo của công-ty này, cũng phải ngợi khen; kể ra thì mấy trang báo này mới hết, bởi vậy phải đến xem tận nơi thì mới biết cái thần-tình của máy làm thuốc lá được.

Qua sang dãy bên hữu thì thấy ngay gian bày các thứ hàng tơ lụa Tây Nam của hiệu ông Vũ Văn-An đã đỗ bằng hóa-học chuyên-môn tại nước Pháp. Ông An lại tinh cách nhuộm, nên từ khi ở Pháp về thì chuyên về nghề nhuộm các hàng Tây Nam đủ các mùi trông rất ngoạn mục, bởi vậy trong cửa hàng ông bày tại Hội-chợ, lúc nào các bà các cô cũng chen chân mà vào xem. Bên cạnh là hiệu Chéong-Hing bán những đồ kim-hoàn; hàng bán các thứ sơn của hiệu Barry; nhà báo *Eveil Économique* là một kinh-tế báo ở Đông-dương in tại Hanoi; hiệu Đông-kinh ấn-quán của ông Lê-văn-Phúc là một nhà in Nam-Việt to nhất Hà-nội; hiệu bán các thứ lông quàng cổ, các đồ vặt của Madame Birot; gian hàng của công-ti Bạch-thái-Bưởi bày ba cái tàu con con của công-ti tả hình chiếc *Phi-long*, *Phi-hổ* và chiếc *Bình-chuẩn* của công-ti mới hạ thủy mấy tháng trước; gian bày các thứ quặng vàng Kouei-ngoa (Bắc-kạn) của M. Leroy; gian bày các đồ sơn của MM. Sauvage và Cottu. Hết dãy ấy là gian bày đồ sơn của công-ti Berthet và Charrière.

Ta hãy tạm bỏ qua mấy dãy mới cất năm nay, là mấy hiên bày đồ đấu xảo Mỹ-nghệ, bày hàng Vân-nam; hàng Cao-mên và dãy Trung kỳ mà đi ngay vào cái phố con dài nhất, là hai dãy toàn những hàng của người Nam Việt ta ở Bắc-kỳ.

Hai dãy này nhiều nhất là hàng đóng hòm gỗ, hòm da, va-lít; nghề này mỗi ngày mỗi nhiều và tấn-bộ chóng lắm. Nào hiệu Tân-lợi tức là Vũ-văn-Ninh, hiệu Sơn-long, hiệu Đông-tân, hiệu Đức-lợi, hiệu Thành-xuân-Long, hiệu Thăng-long, hiệu Tường-long lại chuyên làm đồ bằng mây đan nữa.

Các hàng đồng cũng nhiều, là hiệu Đỗ-Văn-Tài tức Ngọc, hiệu Phùng-Văn-Giế, hiệu Vĩnh-Phát-Long, hiệu Nguyễn-Văn-Thu, hiệu Đức-Lợi. Rồi đến đồ chạm và đồ khảm của hiệu Nguyễn-Đức-Tự, hiệu Hòa-Ký, hiệu Đỗ-Văn-Tư ở Đáp-cầu, hiệu Nguyễn-Đình-Tàu và Nguyễn-Văn-Quí, hiệu Tân-long, hiệu Vĩnh-hòa, hiệu Thịnh-đức ở Nam-định.

Các hàng thêu là hiệu Trần-Đình-Ái, ở phố hàng Trống, thêu lắm bức rất tinh-xảo, rồi đến hiệu Nam-chung, hiệu Nguyễn-Văn-Quang, hiệu Đào-Văn-Mai.

Các hàng khác cũng ở hai dãy ấy là gian bán các thứ giống hạt hoa, hạt rau ; gian bày các thứ đèn điện của hiệu Larrivé ; gian bày các đồ dệt, các thứ chăn của hiệu Passignat ; gian bày các thứ than ở Đông-triều ; hàng chiếu của công-ti La-phụ-Thế ở Phát-diệm, hàng đen của hiệu Nguyễn-Hồng ; hiệu Phúc-thành ở phố Phúc-kiến số 45 bán toàn các vị thuốc Nam; hiệu Nam-hưng-Long bán các thứ dầu ăn xà-lách ở phố hàng Quạt ; hiệu bán các thứ dầu thắp của Ích-phong ở phố hàng Dầu ; hiệu Anh-long-Hương bán các thứ thuốc lào ở Thụy-anh tỉnh Thái-bình ; hiệu Lương-v. Huệ tức Joseph bán đồ cổ, hiệu Ninh-ký bán giầy và yên ngựa, hiệu Trần-Văn-Duy bán ghế mây ; hiệu Nguyễn-Văn-Tiến làm kèn tây và trống tây rất giỏi ; hiệu Mỹ-sơn ở phố hàng Bông bán các thứ thuốc lá ; mấy gian làm đồ mây đồ tre đan của Nông-công-bảo-tàng-viện và dệt các thứ sợi dứa ; hiệu Phan-hòa-Thành bán hàng tơ lụa ; hiệu Trương-thanh Đức bán đồ sứ; hiệu Đức-mậu bán các thứ giầy dép.

Các hàng nước mắm ở hai dãy này thì có hiệu Quảng-cát bán nước mắm Vạn-vân ; hiệu Phúc-hưng-lợi ở ngõ Nội-vũ bán nước mắm tiến rất ngon, có ăn thử mới biết. Ai mới vào gian bán nước mắm trên này thì nhìn ngay thấy một cái điếu-sứ Khổng-lồ ở ngoài cửa, lại có bán thêm các thứ giầy cườm mà các cô lấy làm ưng-ý lắm.

Sau nữa ta nên kể hiệu Ngọc-thành ở hàng Bạc số 161 bán những đồ kim-hoàn đã đẹp lại khéo mà xem ra có ý cẩn-thận kỹ-lưỡng lắm. Hiệu này chuyên làm những đồ nữ-trang, và những vật-dụng thiết-thời. Xưa nay buôn-bán thực thà, nên khách quen đông lắm ; thế mới biết buôn-bán phải lấy thực-thà làm đầu, mà nghề kim-hoàn, lại cần phải thực-thà lắm nữa. Năm nay hiệu này mới dự cuộc Hội-chợ là một, mà mỗi ngày bán được tới hai ba trăm bạc. Ta mừng cho hiệu Ngọc-thành và mong rằng sang năm nhiều nhà cũng bắt chước cái gương tốt ấy.

Hiệu Chân-thuỵ ở phố Mới số 4 bán chiếu và dệt các thứ vải rất khéo, lại chuyên làm các thứ vải màn, các thứ vải dùng trong việc buộc thuốc ở các nhà-thương Trung Bắc-kỳ.

Một nhà nữa cũng nên kể, là hiệu làm đồ nung của ông Nguyễn-Văn-Giêm như là các thứ đồ chơi, các thứ gạch ngói, các thứ đá hoa để lát nhà, làm khéo hơn các hiệu Khách ở đây nhiều. Ai thấy vậy cũng khen ông Giêm đã biết giữ lại một mối lợi to khỏi đi đâu mất. Người Nam-Việt ta chuyên-trị về nghề này có lẽ mới có ông Giêm là một. Muốn biết các tài khéo của hiệu này phải đến tận nơi mà xem thì mới rõ được.

Sau hết còn một gian nữa mà người đi xem không thể bỏ nhãng được, là gian bày các thứ chiếu của ông Trần-Văn-Trứ, chủ hiệu Nam-phong ở Thái-bình (làng Luật-trung), xưởng chiếu của ông lập ra đã mười mấy năm nay, chuyên dệt chiếu trắng và chiếu ngũ-sắc, chiếu cói thường và chiếu cói xe, đủ các hạng. Hàng đã tốt mà mầu phẩm nhuộm pha lại khéo nữa. Bởi vậy chiếu của hiệu Nam-phong mấy lần đem Đấu-xảo mỹ-nghệ, cũng được giải nhất. Chiếu ở xưởng này dệt ra bán cho các hiệu tây và gửi xuất-cảng mỗi năm kể hàng mấy vạn đồng. Ai thấy một kỹ-nghệ của người Nam-Việt mình to tát như thế mà không lấy làm vui lòng hả dạ ?

Khu các kỹ-nghệ nhỏ. — Khu này là khu ta đáng lưu-ý hơn nhất, vì trong ấy thu-tập biết bao nhiêu thứ hàng lặt-vặt làm tại Bắc-kỳ mà có thể là một mối hàng xuất-cảng to lắm, thật là sự kết-quả của công chỉ bảo của ông Crévost là chủ nhà Nông-công-bảo-làng-viện.

Mới bước chân vào ở bên tay trái thì thấy một cái tủ bày các thứ bánh đóng hộp, các thứ mứt đóng chai của hiệu Nam-chân ở phố hàng Cân số 46 chế ra nhiều thức rất khéo rất sạch, đã ngon mà lại rẻ tiền thì việc gì phải cầu-kỳ dùng đến những thứ bánh khét, bánh tai voi hay là các thứ bánh Nhật mới là sang. Hiệu này mới mở được ít lâu mà đắt hàng quá, các thứ làm trong nhà luôn tay mà không kịp bán, vì

rằng các thứ bánh hộp ấy mua làm quà hoặc là tết nhất thì tiện và nhã lắm.

Rồi đến các thứ chiếu-xe để giải trong phòng khách, các thứ ghế mây sơn đen, tục gọi là ghế *Tô-nê* (Thônet) của M. Phạm Ngà. Nghề làm ghế mây này bây giờ thịnh lắm, nhất là ở Vĩnh-yên và Bắc-ninh (Phủ-từ-sơn), nhiều nhà khéo làm được cả ghế dựa, ghế dựa có tay (fauteuil), ghế tràng-kỷ (canapé), coi chẳng kém chi những ghế của bên Tây gửi sang. Nhất là từ khi chiến-tranh đến giờ, bên Tây không gửi sang nữa thì các nơi làm ghế ấy có nhà thu được nhiều lời lắm, chỉ tiếc rằng giá bạc bây giờ vì cao quá mà xuất-cảng không được lời mấy. Nào là những đồ chơi của trẻ con bằng sắt tây, như là các con giống, các thứ xe, lắm cái rất khéo. Những đồ ấy phần nhiều là của hiệu Lê-văn-Phúc. Ta tưởng nếu làm nhiều mà bán buôn cho ngoại-quốc thì làm gì mà chẳng cạnh tranh với những đồ chơi mảnh rẻ của người Nhật được. Nào là những đồ lặt vặt bằng sà-cừ như là cái lược cái khung gương, vân vân của MM. Đào-ngọc-Tuân và Đào-ngọc-Thanh ; những đồ đan bằng mây như cái rổ cái hộp, cái đĩa của M. Nguyễn-văn-Chúc ; những thứ đệm chùi chân dệt bằng sợi dừa của M. Nguyễn-văn-Tân ; các thứ bàn chải của M. Đỗ-văn-Hiệt ; các thứ dây gai của M. Nguyễn-ngọc-Thược và mấy thứ hàng đồng nữa của M. Bùi-bá-Sử là những thìa khóa, bản-lề của hiệu đó làm ra, trông rất tinh-xảo.

Bây giờ ta rẽ sang mấy dãy nhà hình chữ môn mới cất năm nay mà coi thì thấy ngay nhà bày các thứ lâm-sản của sở Kiểm-lâm, rồi đến gian hàng đồ gỗ của M. Vernet, lắm kiểu rất khéo, nhưng khéo nữa là đồ gụ, đồ trắc đóng tại hiệu M. Lưu-bá-Vi, rồi đến gian bày đồ lặt vặt của hiệu Nhật Kikuchi, gian bày hàng của công-ty làm đường và rượu *Rhum* ở Cần-thơ ; gian bày các thứ thuốc lá hiệu Poilu ở Đáp-cầu lắm hạng rất ngon ; hiệu Tong-yune-tai bán đồ kim-hoàn ; hiệu M. Lamothe bán những đồ yên ngựa ; các thứ rượu của hiệu Camille Roulet ; các thứ xe cao-su nhà, làm rất tinh xảo của Công-ti vận-tải (Société des Transports) ; những hòn than mỏ lớn của Công-ti khai than ở Hongay ; những đồ thêu của M. Đỗ-đức-Ký ở Bắc-ninh, M. Phạm-văn-Khoan ở Hanoi là hai hiệu có danh tiếng nhất ; gian bày các thứ dầu của công-ti Đông-long ; mấy gian bày các thứ mũ của hiệu Hai-chinh phố Cầu-gỗ làm bằng rút dại, đủ các kiểu. Hiện nay mỗi ngày một phát-đạt, vì các thứ mũ ở trong xưởng làm ra thì rất bền và rất nhã, bởi vậy buôn đi các tỉnh mỗi tháng không biết bao nhiêu mà kể. Rồi đến gian bày những đồ đồng của M. Phùng-văn-Kim ; gian bày các thứ da thuộc của nhà Thuộc da trên Thụy-khuê, đủ các hạng.

Sau đến những gian bày các thứ quả khô, quả đóng chai của M. Rousselet ở Đáp-Cầu. Đó cũng là một nghề mới, người mình nên học lắm. Kế đến gian hàng pháo của ông Hương-Ký và ông Nguyễn-Triệu là hai nhà chuyên cần về cách làm pháo đã mấy tháng nay. Nào là pháo tràng gói thành cuộn hoặc thành bánh, nào là pháo thang-thiên và các thuốc đốt màu xanh đỏ mà thường gọi là *feu de Bengale*. Ta tưởng chẳng cần phải khen cái nghề mới của hiệu ấy nữa, vì trong *buổi khánh-thành* Hội-chợ, ông Hương-*ký có đem mấy* tràng pháo ra đốt mừng *thì ai* cũng phải ngợi khen về cái tiếng kêu và các màu giấy đẹp.

Tiếc rằng xưởng ông chưa có thể khoáng-trương ngay, chưa đặt xong mấy cái máy lớn để mà làm cho kịp bán. Cạnh hiệu pháo Hương-ký là hiệu Nam-Thành, bán rặt những đồ trong nước chế ra : rồi đến hàng thêu và *đăng-ten* của Mme Maria ; hiệu giầy Nguyễn-*chính*-Thuận ; gian bày đồ thêu của M. Đỗ-bá-*Đức* ở phố hàng Trống số 18, đã nhiều lần được giải thưởng trong cuộc Đấu-xảo mỹ-nghệ. Các bức thêu coi lắm bức rất tinh-xảo, mà giá bán lại được một tính hiếm có trong nghề buôn là cái tính thật-thà. Bởi vậy các khách hàng Tây, Nam đông lắm. Cho hay cái tính thật thà là một tính rất quí trong nghề thương-mại. Nghe đâu ông Đỗ-bá-Đức lại sắp mở một tiệm buôn nữa ở trong Saigon, như vậy thì mừng lắm.

Rồi đến hiệu Ích-phong bán các thứ chè hột chè mạn ướp hoa đóng hộp trong mấy tháng nay bán đi các tỉnh và trong Nam nhiều lắm ; kế đến gian bày các thứ xe, xe ngựa của hiệu Verneuil và Graverea... Một dãy nữa thì bày các thứ xương cá (phosphate) của *Bắc-kỳ nghiên cốt công* (Société des phosphates) chế ra để bón ru... Thứ xương này ích lợi cho nghề làm r...

thế nào, tưởng không phải nói nữa. Cứ xem những hạt thóc gặt ở ruộng bón bằng *phốt-phát* và bày ngay tại đó thì đủ biết. Những nhà canh-nông dùng đến chất ấy thì đã từng nghiệm cái công-hiệu của nó rồi. Bên cạnh là hai gian bày các đồ khảm của ông Vũ Văn-Chiêu và Nguyễn Đình-Hai, các đồ chạm của ông Nguyễn Hữu-Phúc làm rất khéo ; hàng giầy và da thuộc của hiệu Vương Văn-Trọng tức Chính-Hiên ; đồ chạm của ông Đồng-văn-Diêm.

Còn một khu nữa mà ta phải lưu-ý đến nhất, là khu nhà máy của Cơ-khí công-ti (Société de constructions mécaniques) ở Hải-phòng, bày đủ các thứ hàng dùng trong nghề nông-phố, như là xẻng cuốc, cùng là những máy xay thóc, vân vân. Các thứ máy này giá từ 60 đến 80 đồng, mới bày trong mấy hôm mà đã có người đến nhận hết cả. Còn một cái máy nữa ai cũng phải chú-ý nhất, là máy đốt than để tát nước vào ruộng trong một giờ đồng-hồ lấy không biết bao nhiêu là nước. Nếu nhà làm ruộng ta, làng nào cũng có cái máy ấy mà dùng thì còn nói gì nữa?

Tỉnh Hà-đông. — Chỉ một khu tỉnh Hà-đông này, hàng hóa cũng đủ so-sánh với cả những khu khác được. Trước hết ta hãy nên kể những thứ vải dệt, vải màn, vải che cửa kính, vải kẻ, lắm thứ trông rất nhã, cùng những thứ vải mỏng dùng trong các nhà thương để buộc thuốc, của ông Lưu-Vân làm ra. Cái xưởng dệt của ông tức là hiệu Khánh-Vân ở làng Ngọc-hà gần nhà thuốc súng, dựng lên đã mấy năm nay, thật là phát-đạt lắm ; chỉ tiếc rằng độ này hàng xuất-cảng không được mấy, là vì cái giá bạc Đông-dương cao quá. Rồi đến những hàng đen làm rất tinh-tế và bán cho người Pháp chạy lắm. Nào là những bức tượng chạm, những đồ khảm, như là khay, điếu và cả một bộ ghế phòng khách, mà nét vẽ, mầu xà-cừ, ai cũng phải khen. Nào là đồ thiếc làm giả bạc như là hộp, khay, đồ chè, các thứ lọ, vân vân ; đồ sừng, đồ xương, đồ đồi-mồi, đồ mây đan, đồ da, đồ thêu, gấm dệt, trá ướp hoa, sữa hộp cùng biết bao nhiêu những đồ lặt-vặt khác nữa. Sữa này chính là thứ sữa của hội Long-Phụ chế ra. Thứ sữa này thật tươi và có nhiều chất béo, mới rồi quan chánh Y-viện có mua để dùng trong các nhà thương.

Ai mới nhìn đến khu này, thấy công-nghệ chóng tiến-bộ thế, thì cũng nghĩ ngay tất có một nhà mĩ-học nào làm chủ-trương đây. Tưởng không cần phải nói, thì các bạn đọc báo cũng biết rằng nhà mĩ-học đó là quan Thiếu Hoàng xưa nay vẫn có lòng khuyến-khích việc công thương trong hàng tỉnh, bởi vậy có nhiều người gọi ngài là một người bạn của nhà công-thương, thì thật đúng lắm.

Nhưng xét đến những đồ thiết-dụng của ta, mà trải mấy nghìn năm nay không ai làm được là những đồ sứ nung tại làng Thanh-trì, mà có bày bán ở Hanoi phố Thợ nhuộm số 88.

Đương lúc quốc-dân ta ham chuộng những đồ nội-hóa mà lại có sẵn một lò nung đồ sứ ganh với hàng Tàu, hàng Nhật, thì ai chẳng phải lấy làm thỏa lòng hả dạ. Ta nói có sẵn vì xưởng này không phải mới dựng lên từ ngày có cái phong-trào biết trọng nội-hóa đâu, mà lập ra đã được ba năm nay, do tay một nhà chuyên-môn là ông Nguyễn-Văn-Tấn có bằng tốt-nghiệp tại trường Công-nghệ và một nhà có tư-bản là ông Nguyễn-Bá-Chính nguyên thầy thuốc của ngạch Y-tế Đông-dương.

Tính số nhập-cảng về những đồ sứ mà người nước ta tiêu-thụ mỗi năm có đến hơn năm triệu quan. Năm triệu ! thật là một món tiền lớn trôi chảy đi đâu mất mà không kéo lại được !

Cái lò nung đồ sứ ở làng Thanh-trì mà ta nói trên kia thì hiện nay đã làm được đủ các thứ cho ta dùng như bát, đĩa, ấm, chén, chén mạng-cầu, bát chiết-yêu, bát có nắp, bát mẫu, điếu, lọ chè, lọ lộc-bình, ống phóng, chậu cây, vân vân, cùng những đồ điện, đồ bảo-chế, đồ vệ-sinh, đồ làm bếp tráng men. Những đồ sứ ấy mới làm có mấy năm nay mà đã nhiều thứ đẹp chẳng kém chi đồ Tàu, lại bền hơn đồ Tàu.

Vậy ta chỉ trông mong rằng lò sứ Thanh-trì làm được nhiều mà bán cho người trong nước dùng để từ nay khỏi phải mua của ai bán đắt, mà lại khiến kỹ-nghệ ta hèn-hạ không làm nổi được mấy cái bát kiểu. Mời các bà các cô đi thăm Hội-chợ hãy thử qua cửa hàng bát đĩa của khu Hà-đông thì sẽ rõ mấy lời nói trên đó không phải là quá-đáng vậy. Từ nay trở đi trong tiệc cỗ bàn nào ta cũng mong rằng chỉ thấy toàn những bát đĩa của lò Thanh-trì mà thôi. Ta có tiêu-thụ nhiều đồ nội-hóa thì kỹ-nghệ mình mới chóng tấn-tới được, mà đã tấn-tới thì giá càng ngày lại càng hạ đi, vì làm có nhiều thì mới mau mới khéo được.

Khu Bắc-Ninh. — Khu Bắc-ninh thật lắm hàng rất quí, mới nhìn thoảng qua cũng đủ hiểu ngay là một tỉnh kỹ-nghệ tinh-xảo. Nào là đồ đồng như mâm, chậu, nồi, đèn, đồ tam-khí, nhất là của thợ Đại-bái làm thì khéo lắm. Ở gian ấy có bầy một cái trống đồng làm đã hơn ngoại tiăm năm, đánh tiếng kêu vang lạ. Nào là đồ sành như bình-hương, lư-hương, nồi, bát đĩa, điếu hút thuốc lào, ấm, bình-vôi, có nhiều thứ đã cũ không biết tự đời nào. Ta nói đến đồ sành thì không nên quên những đồ của làng Bát-tràng là nơi có danh tiếng trong nước ta đã mấy đời nay. Nào là những đồ gỗ khảm, như tủ, khay, điếu, các pho tượng, nào là những bức thêu là đồ có danh tiếng nhất Bắc-kỳ xưa nay, chẳng kém chi đồ thêu ở Hanoi. Các đồ dệt thì có các thứ sồi, lụa, khăn tay của làng Nội-duệ và làng Cầm-giang. Còn hai nghề nữa làm danh tiếng cho hạt Từ-sơn là nghề sơn của làng Đình-bảng và nghề làm ghế mây kiểu *Thonet* của làng Trang-liệt. Ai xem mấy cái bảng sơn bày tại Hội-chợ cũng phải tấm-tắc khen cái mầu sơn khéo hơn trước nhiều. Còn những ghế mây của làng Trang-liệt thì ta đã có dịp nói ở trong khu các kỹ-nghệ tại Bắc-kỳ rồi.

Có nhiều ông nói nghe năm nay có mấy chục chiếc xe hơi bày tại Hội-chợ, mà làm sao mấy cái nhà xe vẫn thấy để không. Đó là tại việc vận-tải khó-khăn mà các thứ xe ở bên Pháp chở sang không kịp, cho nên năm nay ta không được xem những xe mới. Có mấy ông tiếc rằng công-ti xe hơi Phạm-Văn-Phi ở Vinh không có gì bày tại Hội-chợ cả. Công-ti này tuy là to thực, song không phải là một công-ti chế-tạo ra các thứ máy khác, chỉ chuyên về việc làm máy, làm xe và chữa xe để vận-tải mà thôi.

Đầu năm tây này trở đi thì công-ti ấy lại thêm chuyến nữa, nghĩa là ngày nào cũng có xe đi xe về từ Vinh tới Đông-hà, cũng là một sự tiến-bộ của nghề vận-tải nước ta vậy.

Ai ngờ công-ti này lúc mới dựng lên chỉ có một vài cái ô-tô tầm-thường chạy một vài tỉnh ngoài Bắc, mà ngày nay nhờ về cách siêng-năng của hai ông hội-viên là ông Phạm-Văn-Phi và ông Tống-Khắc-Hán, một ông thì giỏi về nghề cơ-khí, một ông thì thạo về cách xếp-đặt, cách giao-thiệp, mà thành ra một công-ti vận-tải lớn nhất ở nước ta, thật đáng nên khen lắm. Vậy ta có thể mừng rằng công-cuộc vận-tải ở trên mặt thủy thì đã chắc vào công-ti Bạch-Thái-Bưởi, mà công-cuộc vận-tải ở trên đường bộ thì cũng chắc vào công-ti Phạm-Văn-Phi.

Trung-kỳ. — Xưa nay vẫn lắm người bảo rằng xứ Trung kỳ là nơi kỹ-nghệ còn chất-phác, sản-vật và hàng-hóa chẳng qua chỉ có mấy vỏ nước mắm mà thôi. Ông nào bà nào xưa nay vẫn yên-trí như thế, xin hãy ghé qua vào khu Trung-kỳ mà coi thì sẽ biết cái điều lầm chung phần nhiều người là thế nào.

Ai mới đưa qua con mắt cũng đủ rõ là sản-vật của Trung-kỳ năm nay bày tại Hội-chợ thật lắm thứ. Trước hết ta hãy nên kể những đồ tơ lụa như là các thứ the lụa của Đông-thái, Tùng-ảnh ở Hà-tĩnh ; các thứ nhiễu trơn của Mĩ-đô, tỉnh Thanh-hóa ; các thứ sa trắng, nhiễu hoa, xuyến trơn, xuyến hoa, của hiệu Liên-thành ở Faifo ; các thứ sa hoa vải kẻ, the kẻ ô dùng làm màn cửa, các thứ lụa trắng của Quảng-ngãi và Thừa-thên ; những thứ the hoa đen, những thứ lĩnh trắng và lụa mùi của tỉnh Qui-nhơn ; những thứ lĩnh và lụa kẻ gọi là bắt-tơ ở Phú-yên và các thứ vải ở Quảng-trị ; các thứ tơ của Đồng-hới, vân vân. Đồ sành thì ta nên kể những vò lọ của tỉnh Thanh-hóa và Bình-định là nơi có danh tiếng nhất Trung-kỳ trong nghề làm đất nung. Các thứ chiếu thì cũng Thanh-hóa và Thừa-thiên là hơn cả. Võng và những đồ thừng chão thì có tỉnh Thanh-hóa là nhiều, nhất là tỉnh Hà-tĩnh lắm thứ làm rất kỹ-càng tinh-xảo. Đồ đồng như vạc, nồi, lại cũng Thanh-hóa là nhiều hơn cả.

Nước mắm thì nhiều nhất của Thanh-hóa, bán chạy lắm, rồi đến Đồng-hới, Hà-tĩnh, Phan-thiết. Mấy thứ này bán chạy nhất. Khu này lại còn nhiều thứ kỹ-nghệ lặt vặt nữa như là guốc dừa ở Thừa-thiên, gối xếp, gối mây ở Thanh-hóa, tượng sứ ở Bình-định, quạt lá của Thanh-hóa. Rồi đến những hộp bằng tre của Nghệ-an, các hộp bằng gỗ chạm của Đồng-hới, các thứ dao, kéo, dao cạo của Thừa-thiên, vân vân.

Còn mấy thứ nữa nên kể, là chàm của Song-cầu mỗi năm lấy được 35 tấn, đường trắng, đường phèn và mật mía của tỉnh Quảng-ngãi, tuy cách làm hãy còn tầm-thường mà mỗi thứ hơn bù kém một năm cũng được tới 60 tấn.

Lâm-sản như là trầm, sa-nhân, trám trắng, củ nâu, vân vân, thì nhiều không biết đâu mà kể.

Nói tóm lại thì các hàng hóa bày tại Hội-Chợ năm nay tinh-xảo hơn hàng hóa năm ngoái nhiều. Kỹ-nghệ Trung-kỳ tiến-bộ thật trông thấy cũng là nhờ về lòng nhiệt-thành của quan Khâm-sứ Tissot đối với cuộc kinh-tế trong nước ta vậy. Chắc rằng sang năm xứ Trung-kỳ lại dự một phần to hơn nữa ở trong cuộc Hội-Chợ này.

NAM-KỲ. — Cũng như xứ Trung-kỳ, hàng hóa của xứ Nam-kỳ bày tại Hội-chợ so với năm ngoái thì năm nay hơn nhiều. Quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày xưa đã trọng nhậm ở Nam-kỳ, hôm đến khánh-thành Hội-chợ, ngài thấy kỹ-nghệ chóng tấn bộ như thế cũng phải lấy làm ngạc-nhiên. Các sản-vật nên kể trước nhất là các thứ cao su trồng tại địa hạt Nam-kỳ đã làm được nhiều thứ bánh xe hơi, xe đạp, xe tay, các thứ đế giầy, vân vân, chắc là sau này có thể tranh được với những thứ ở ngoài chở vào. Kỹ-nghệ mới này, ai được trông thấy cũng phải lấy làm lạ. Bao nhiêu những đồ kể trên đó đều là chế hóa tại các xưởng Saigòn cả. Ở buồng bày cao-su mà sang bên cạnh thì thấy ngay những đồ tư-trang bằng bạc do học-trò trường Thực-nghiệp Thủ-dầu-một làm ra, như là những đồ chơi, chóp nón, cán ô, pho tượng con, những chuông, các con giống, như con trâu, con hổ, con voi của tỉnh Biên-hòa. Rồi đến những đồ sành như chậu cảnh, đôn hình voi ở Cây-mai. Đồ tơ lụa thì nên kể những lụa Châu-đốc, đũi Bến-tre, Long-xuyên mà người Bắc ta ưa lắm.

Lại còn nhiều đồ tư-trang làm bằng hạt huyền, đồi-mồi ở Hà-tiên, rất là tinh-xảo.

Về đồ thực-phẩm thì nhiều nhất là các thứ nước mắm, ai cũng tranh nhau mà mua, nào là nước mắm Phú-quốc, Bến-tre, Cap Saint Jacques, Long-xuyên, rồi đến đường của Gia-định, Biên-hòa, và Tân-ninh; dầu lạc, dầu dừa, mật, thuốc lá, vân vân. Mới coi những sản-vật bày trong khu này thì biết ngay rằng Nam-kỳ là xứ giàu về đường nông-phố hơn là về đường công-nghệ.

CAO-MÊN. — Mới bước chân vào khu đất này, con mắt người đi xem đã hoa cả lên, vì được ngắm ngay lắm cảnh ngoạn-mục. Nào là các đồ tơ lụa gấm thêu hoa đủ các sắc xanh, đỏ, trắng, biếc; những mũ dải nhọn chót vót của con hát nhà vua; nào là những bàn gỗ cẩm-lai, những bức tranh khảm theo lối Cao-mên, phần nhiều là ở trường Thực-nghiệp Pnom-Penh mà ra: ở trên tường thì treo những con đồi-mồi to, những sừng trâu dài lạ thường, những ngà voi trắng nuốt mà ở đây ta chưa từng trông thấy bao giờ.

Những chỗ người đi xem, ai cũng phải chú-ý vào, là mấy cái máy kéo sợi, mỗi ngày làm được tới 250 grammes. Bông ở đây mới là nhiều: ở giữa phòng dựng nên một cái tháp bông trắng mỗi năm được tới gần 8 nghìn tấn, phần nhiều đem vào xưởng Khsach Kandai cả để nhặt hạt rồi chở sang Nhật-bản. Khắp trong nhà đâu cũng trải thứ đệm dệt bằng sợi cây lộc-bình, ta thường gọi là xen Nhật-bản. Ai ngờ cây lộc-bình là một thứ bèo vẫn khinh thường mà nay đắc-dụng là thế.

Còn biết bao nhiêu thứ gỗ quí nữa, cũng tương-tự như các thứ của ta, mà thứ ở Lumbor thì có thể dùng làm cánh máy bay được.

Ở trong khu này còn biết bao nhiêu là mẫu hàng nữa, như đường, bạch-đậu-khấu, thóc, gạo, bắp, đậu lạc, hồ-tiêu, dầu cá, dầu bông, xà-phòng, mỡ lợn thuốc lá, vân vân. Những một thứ thuốc lá này mỗi năm cũng hái được tới ba mươi vạn cân.

Nói rút lại thì Cao-mên là một xứ thổ-địa rất phì-nhiêu mà nay kỹ-nghệ lại tấn-bộ nữa, thật vẻ-vang cho các nhà chủ-trương về việc xếp đặt lắm.

AI-LAO. — Nước Ai-lao vốn là một xứ rừng rậm, cho nên các lâm-sản bày tại khu này thật là nhiều nhất. Nào là các thứ gỗ ở Trấn-ninh, ở Cam-mon, Mai-nuom và Mai-đốc, vân vân, các thứ mây, tre ở Vạn-tượng, giấy ở Mai-po, nhựa-thông, cánh-kiến, củ-nâu, thuốc lá, gai, sợi dừa, bông nguyên chất, thầu-dầu, cùng là những vị thuốc.

Các thứ mỏ thì nào là quặng thiếc ở Thakét, quặng sắt ở Trấn-ninh, diêm-sinh ở Luang-Prabang. Đồ tơ lụa thì không mấy, chỉ có vài thứ nhuộm và dệt theo kiểu Lào, cũng lắm thứ đẹp.

Khu Ai-lao này không phải là một khu bày những đồ mỹ-nghệ như các nơi khác, có lẽ các bà các cô chỉ đi qua mà không chịu nhận cho tinh tường, nhưng ở trước con mắt nhà chuyên-môn về đường thảo-mộc, đường khoáng-sản thì khu này cũng là một khu nên lưu-ý đến lắm.

(Trích *Trung-Bắc tân-văn*)

Lò đúc đồ sứ ở Thanh-trì. — Ở Bắc-kỳ mỗi ngày lại phát-minh ra được một nghề mới, tiến-bộ rất mau. Như nghề đúc đồ sứ xưa kia ở làng Bát-tràng, tỉnh Bắc-ninh, đã phát-đạt lắm, xem như những bát, lọ, bình-bương, nậm rượu tự đời Cảnh-hưng, Cảnh-trị còn lại thì đủ biết. Nhưng tự bấy đến nay người mình quen dùng đồ Tàu, nghề đúc đồ sứ ở An-nam mỗi ngày một suy-đồi đi, rồi đến thất-truyền: những đồ Bát-tràng gần đây coi không ra gì cả. Được bốn năm năm nay, ông NGUYỄN VĂN-TẤN giáo-học trường Bách-nghệ Hà-nội mới nghĩ ra muốn khôi-phục lại nghề ấy và mở-mang thêm ra. Ông bèn đặt ở làng Thanh-trì, tỉnh Hà-đông, cách Hà-nội hơn bốn cây-lô-mét, một cái lò nung đồ sứ, rồi chiêu-tập những thợ ở các làng Bát-tràng, Phù-lãng, Thổ-hà về làm thí-nghiệm trong mấy năm, tốn rất nhiều tiền-của công-phu, tới nay mới thành. Sau ông chung-phần với ông NGUYỄN BÁ-CHÍNH nguyên làm thày thuốc về ngạch y-tế Đông-dương, lập ra một hội buôn đặt tên là *Hợp-lợi* để kinh-lý cái kỹ-nghệ mới ấy. Bây giờ thời lò đúc và hội buôn đã phát-đạt lắm, những đồ chế ra không kém gì đồ Tàu đồ Nhật, có nhiều thứ để cùng với đồ ngoại-quốc lẫn không nhận ra. Nào là chén, bát, đĩa, ấm, lọ, điếu, chậu hoa, hình người để bày chơi, v. v., dáng dễ coi, chất rắn chắc hơn đồ sứ Nhật, và men phủ bóng, nét vẽ nhã, chẳng kém gì đồ Tàu thường. Mấy món đó người ta nên dùng mà thay đồ Tàu đồ Nhật được cả. Nhưng hiện nay Hội chưa làm được nhiều các đồ ấy, và chỉ chuyên-chế các đồ dùng về điện-khí, bán cho những nhà máy điện ở Đông-dương thay cho đồ Nhật đồ Mĩ được lợi to lắm. Các đồ ấy nung thật kỹ, đã có nhà chuyên-môn thí-nghiệm, điện mạnh đến đâu cũng chịu được, nên các nhà máy ưa dùng lắm. Những đồ ấy bán chạy kể hàng nghìn hàng vạn, Hội nhờ đó mà từ khi chiến-tranh được phát-đạt to vậy.

Làm đồ sứ khó nhất là tìm cho được cái thứ đất « cao-lĩnh » (*kaolin*) tốt. Trước kia vẫn tưởng thứ đất ấy chỉ ở Tàu mới có nhiều, bên ta không có. Nay xét ra thời ở vùng Kinh-môn, Đông-triều (Hải-dương) và Hòa-bình nhiều lắm, lại có cả những thứ đá « phen-bát » (*feldspath*), đá « quắc » (*quartz*) để làm men tốt lắm. Thứ đất « cao-lĩnh » thời phải đào xuống bốn năm thước sâu mới thấy, đến khi đem về phải tán ra, lọc lại, nhào cho thành bột, mất nhiều công-phu lắm mới nặn được. Bản-chí định một kỳ sau sẽ khảo-sát tường về cái kỹ-nghệ mới ấy; đây gọi là giới-thiệu qua mấy lời cho quốc-dân biết mà thôi.

Một cái kỹ-nghệ mới: Nghề làm pháo. — Mỗi năm người mình tiêu dùng vào pháo không biết mấy triệu bạc. Đình-đám, hội hè, hễ có cỗ là có pháo. Hay đốt pháo mà không làm ra được pháo, cho nên thành « pháo nổ lên trời, tiền xuống sông Ngô ». Nay người mình lại làm ra được pháo cho người mình dùng thời mỗi năm giữ lại cho nước được một món tiền to không phải chi-lậu vậy. Ông HƯƠNG-KÝ ở phố Hàng-Da (*Citadelle*) Hà-nội, nguyên học trò trường Bách-nghệ trước, mới rồi nhân sự đề-chế mà mở ra một sưởng làm pháo, đặt tên là « Pháo ta », dùng toàn-thị là vật liệu ở nước ta mà làm cả. Như giấy cuốn pháo cùng giấy bọc pháo cũng đều là giấy Cót, giấy Buởi, giấy Quảng cả. Diêm thuốc pháo) cũng do người ta lấy ở núi ta đem về nấu làm. Làm đủ pháo con thành tràng, thành bánh, pháo cối, pháo thăng-thiên, cây bông, ống nhòi, không thiếu thức gì. Khá khen thay cho ông HƯƠNG-KÝ, khuyên ông cứ cố lên, làm cho nước ta thêm được một nghề mới nữa, để giữ tiền lại không mất ra ngoài như xưa thật là hay lắm. Ông cứ gắng đi, thế nào người mình chẳng dùng pháo của người mình chế ra. Chẳng hơn là gánh vàng đi đổ nơi nào ư?

Trường Thể-dục Hà-nội. — Trường Thể-dục của ông NGUYỄN QUÍ-TOẢN sáng-lập ra ở Hà-nội, đường Giốc-Hàng-Gà (*route de Huế*) đã mở ngày 21 Décembre vừa rồi, cứ thứ năm chủ nhật thời dạy cho học trò lớn nhỏ tập thể-thao. Ông giáo dạy là ông THỊNH-VĂN-HỢI, là một nhà hóa-học-chuyên-môn đã qua học bên Đại-Pháp và có theo tập ở trường thể-dục thành Reims, là nơi dạy thể-thao có tiếng trong thế-giới. — Bản-chí chúc cho trường Thể-dục được phát-đạt, mừng ông TOẢN ông HỢI đã có công gây-dựng, và dám khuyên các bậc giàu sang trong quan-giới thương-giới nên xuất tư-bản giúp cho trường được chỉnh-đốn và phát-đạt thêm ra.

Xin lục-đăng điều-lệ nhà trường như sau này:

« KHOẢN THỨ 1. — Lập ra ở Hà-nội một trường Thể-dục để dạy những thiếu-niên An-nam luyện-tập thể-thao cho thân-thể khỏe-mạnh cùng rèn-tập nhân-tính hùng-dũng.

« KHOẢN THỨ 2. — Muốn tới mục-đích ấy, thì trường dạy:

1° tập thể-thao theo phương-pháp của ông G. HÉBERT gọi là phương-pháp HÉBERT;

2° Chơi các cuộc chơi thể-thao cho người ta được tài-khéo, khỏe-mạnh, kiên-chí, như là

đá-bóng, đánh quần (tennis), đấu-võ (boxe) đánh-vật v.v.

Ngoại những bài học-tập đó, cũng còn diễn-giảng về toàn-thể học và vệ-sinh-học.

« Khoản thứ 3. — Trường Thể-dục có hai hạng tập thể-thao :

Hạng « lớn » là những người ít ra cũng đã lên 18 tuổi : hạng « nhỏ » là những người kém 18 tuổi.

« Khoản thứ 4. — Trường Thể-dục có một ông Kiểm-đốc, là người sành việc thể-thao coi-sóc. Viên Kiểm-đốc ấy do Hội-đồng trị-sự hội Tri-tri cử ra làm 3 năm.

« Khoản thứ 5. — Viên Kiểm-đốc có một tòa trị-sự trông nom giúp việc trong trường ; tòa Trị-sự ấy có những viên này : một viên thủ-ngân, ba viên kiểm-sát.

« Khoản thứ 6. — Viên Kiểm-đốc thì chiếu như khoản thứ IV mà cử.

« Khoản thứ 7. — Viên giáo-sư thể-thao thì viên Kiểm-đốc chọn trong những người đã tập qua phương-pháp Hébert hay là các phương-pháp thể-thao khác.

Mỗi tháng trường cấp cho viên giáo-sư mười đồng bạc.

« Khoản thứ 8. — Còn những viên-chức khác trong tòa Trị-sự thì ông Đốc trường tự cử lấy trong những người có chân sáng-lập trường hay là những người ham thích công việc của trường Thể-dục.

« Khoản thứ 9. — Những viên-chức tòa Trị-sự giúp công không trường Thể-dục, không có lương-bổng.

« Khoản thứ 10. — Tòa Trị-sự có đủ quyền-phép vận-động và chi-tiêu các việc có ích-lợi cho trường Thể-dục.

« Khoản thứ 11. — Tòa Trị-sự thì viên kiểm-đốc trường làm tọa-chủ. Khi viên ấy mắc việc thì một viên-chức nhiều tuổi nhất trong tòa Trị-sự thay quyền.

« Khoản thứ 12. — Tòa Trị-sự cứ mỗi tháng họp một lần. Khi có công-việc gì cần thì ông tọa-chủ có thể họp tòa Trị-sự. Nếu ba viên-chức tòa Trị-sự viết giấy xin họp tòa Trị-sự thì viên tọa-chủ phải họp Hội-đồng.

« Khoản thứ 13. — Nếu một nửa viên-chức tòa Trị-sự có mặt lúc Hội-đồng. Thì tòa Trị-sự có thể bàn-tính các việc. Khi các viên-chức không đồng ý về điều gì thì ông tọa-chủ có quyền quyết-xử.

« Khoản thứ 14. — Trường Thể-dục có những tiền này :

1° Tiền của những người tập thể-thao đã nói ở trên khoản thứ ba nộp vào ;

2° Tiền tư-cấp, và tiền của Chánh-phủ cấp.

« Khoản thứ 15. — Tiền tập thể-thao mỗi tháng định là : hạng « lớn » 0 $ 50 ; hạng « nhỏ » 0 $ 20. Hạng « lớn » khi mới xin vào tập phải nộp 2 $, còn hạng « nhỏ » thì nộp 0 $ 50.

« Khoản thứ 16. — Người nào có công khó-nhọc giúp-đỡ lập thành trường thời được chức sáng-lập viên người nào cấp cho trường hai mươi đồng bạc thì được chức tán-trợ-viên.

« Khoản thứ 17. — Viên thủ-ngân không được giữ trong quĩ hơn năm mươi đồng bạc Còn bao nhiêu tiền phải đặt lãi ở nhà ngân-hàng nào.

« Khoản thứ 18. — Ít ra mỗi năm một lần tòa Trị-sự trường nên tùy số tiền của trường mà xếp-đặt một cuộc « chơi thể-thao ».

« Khoản thứ 19. — Những người muốn xin vào trường phải gửi đơn xin cho viên kiểm-đốc trường Thể-dục, trong đơn phải nói bằng lòng theo « qui-tắc » trường. Xong rồi tòa Trị-sự xét rồi cho vào trường. Những người về hạng « nhỏ » (nghĩa là chưa đến 18 tuổi) muốn xin vào trường phải có giấy phép của bố mẹ thì trường mới cho vào.

« Khoản thứ 20. — Người nào không muốn tập ở trường nữa thì phải gửi giấy cho viên đốc trường Thể-dục mà cáo-thoái.

« Khoản thứ 21. — Người nào hoặc ở trong trường hoặc ở ngoài trường bất-kỳ làm việc gì không phải, thì mình phải chịu trách-nhiệm.

« Khoản thứ 22. — Người nào hoặc lấy nhời nói hoặc bất-tuân kỷ-luật mà làm rối-loạn trường thì sau khi tòa Trị-sự xét rồi, phải sóa tên ngay.

« Khoản thứ 23. — Cấm không được bàn-luận về việc chánh-trị cùng việc tôn-giáo, cũng cấm không được nói-năng, bàn-nghị việc gì có thể làm mất trật-tự hay là tịnh hòa-hảo ở trong trường Thể-dục.

« Khoản thứ 24. — Muốn cải lại những điều-lệ này thì tòa Trị-sự phải xin quan Thống-sứ Bắc-kỳ duyệt-y thì mới được thi-hành.

Những điều-lệ này sẽ trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ duyệt-y, khi duyệt-y rồi sẽ thi-hành được ngay.

« KHOẢN THỨ 25. — Khi có nhiều viên-chức tòa Trị-sự xin thì tòa Trị-sự phải bàn với Hội-đồng Trị-sự hội Tri-tri có thuận, thì mới giải-tán được trường Thể-dục. Mà có tờ trình quan trên biết.

Khi trường giải-tán, thì tiền bạc cùng đồ khí-dụng của trường sẽ cho một hội nào cũng giống trường hay là cho một hội thiện nào.

Điều-lệ này làm ở Hà-nội ngày 1 tháng tám tây năm 1916.

NGUYỄN QUI-TOẢN

Công-ti thuốc lá Đông-dương. — Bản-chí vẫn hết sức cổ-động những nghề-nghiệp có ích-lợi cho người bản-quốc, bất-kỳ là công-cuộc của người Tây hay người An-nam chủ-trương. Nay có Công-ti Thuốc-lá Đông-dương, trồng thuốc toàn ở bên An-nam cả, không có vật-liệu gì là đem ở ngoài vào, xét ra cũng là một nghề có ích cho dân ta, vì không những trong xưởng của Công-ti ấy ở Đường cửa Bắc Hà-nội rặt thợ An-nam chế thuốc, mà ở miền Kim-xuyên Vạn-khê lại có đồn-điền trồng thuốc, dân nhà quê cũng được nhờ nhiều lắm. Vậy Công-ti ấy có gửi cho bản-chí một bài ca về sự-nghiệp của công-ti, bản chí cũng vui-lòng đăng như sau này :

Đường khai-hóa ơn nhờ Nhà-nước,
Giắt dân ta lên bước văn-minh.
Cuộc đời đương lúc cạnh-tranh,
Phải đem thương-chiến mà ganh lợi-quyền.
Cần phải biết đồng tiền đừng phí,
Sản-vật ta, ta qui ta dùng.
Nay xem thuốc lá phương Đông,
Xứ ta cấy hái ta giồng đã lâu.
Khói đã ngọt mà mầu lại đẹp,
Chế-tạo ra theo phép vệ-sinh.
Thực là hương vị khinh-thanh,
Không lo hại phổi, không kinh nhức đầu.
Xo mấy thuốc hoàn cầu nhập-cảng.
Vừa ngon hơn vừa bán hạ hơn.
Gần xa đã nức tiếng khen,
Kể nơi tiêu-thụ khắp miền xứ Đông.
Nhân Hội-chợ đón lòng qui-khách,
Hạng thuốc ngon tìm cách chế ra.
Thuốc vấn sẵn, thuốc si-gà,
Nào là thuốc hộp, nào là thuốc phong.
Các thứ thuốc đều cùng ngon cả,
Mà giá hàng lại bán hạ đi.
Mua nhiều xin đến Đại-ti (Đê Yên-phụ)
Hội xin đón rước một khi vui mừng.
Các qui-khách nhược bằng mua lẻ,
Qua Đồng-xuân xin ghé vào ti.
« Đông-dương yên-thảo » chữ đề,
Nhận xem dấu hiệu chớ hề nhầm sai.
Tiện đây có mấy nhời cáo-bạch,
Đem kinh-trình qui-khách xem qua.
Thuốc này trồng ở xứ nhà,
Ta buôn, ta bán, người ta nên dùng.
Thế mới gọi lợi chung trong nước,
Mà lợi quyền giữ được cùng nhau.
Ngàn năm nước thịnh dân giầu,
Bể đông sẽ bắc nên cầu văn-minh.
Con gà đã gáy tan canh ! ! !

Cải-lương hương-tục. — Dân làng Hạ-thái thuộc huyện Thanh-trì có xin phép quan Sứ và quan Tỉnh để chỉnh-đốn lại phong-tục của dân. Hồi 3 giờ chiều hôm chủ-nhật 12 Octobre mới rồi, quan Thiếu Hà-đông và quan Huyện có về tại đình để hiểu-dụ. Hôm ấy các thân-hào trong làng cùng ra nghênh-tiếp một cách rất trọng-thể. Chung-quanh hàng tổng kéo đến xem đông lắm. Ông NGUYỄN KHẮC-HANH là đại-hiểu làng ấy đọc mấy lời như sau này:

Bẩm quan Tổng-đốc,
Thưa các ngài,

Những tục-lệ của cổ-nhân khi xưa đặt ra không phải toàn là hủ-lậu, thật là những điều hay có ngụ nhiều nghĩa-lý sâu xa văn-vẻ đã lập nên cho nước ta một nền quốc-túy cao-thượng vậy. Như : đặt ra lễ bái để cho ta nhớ ơn người trước ; đặt ra hương-ẩm để cho ta biết nghĩa hợp-quần ; đặt ra ngôi thứ để cho ta biết trọng tôn ti ; đặt ra phe giáp để cho hiểu lẽ đoàn-thể v. v. . .

Ấy, cái ý của cổ-nhân đặt ra tục-lệ có nhiều gương hay lẽ phải như thế, sau này phong-hội biến-cải, con cháu lần-lần quên hẳn cái lòng hay cái ý tốt của tiền-nhân ; cải-cách dần dần, mỹ-tục thành ra tệ-tục ; tiêm-nhiễm lần ngày, thuần-phong đổi hóa đổi-phong. Lễ nghĩa không thấy đâu-thành ra nơi chè-chén om-xòm ; hợp-quần không thấy đâu-thành ra chỗ say-sưa kiện-cáo ; thậm-chí đến nỗi tôn ti mà điên-đảo, đoàn-thể hóa hằn-thù. Tệ nữa lại là sinh ra một cái nợ, gọi là khẩu-trái. Khốn thay ! cái khẩu-trái ! nguy thay ! cái

khẩu-trái! Bỏ đóng bỏ góp vì khẩu-trái ; bán vườn bán ruộng cũng vì khẩu-trái ; ăn uống mấy ngày, suốt đời mang nợ. Huống chi đời bây giờ đồng tiền kiếm càng ngày càng khó ; giá vật-thực càng ngày càng cao. Tiền để dùng vào việc công-ích còn chưa có, nữa còn đâu để phung-phí về việc rượu chè. Kia, biết bao nhiêu là việc công-ích, như là : lập học-đường cho trẻ con tiện đường học-tập ; sẻ ngòi lạch cho dân-xã tiện việc canh-nông ; nào sửa-sang đường-xá ; nào tu-bổ môn-lư ; nào làm máy lọc nước cho sự ăn uống được hợp cách vệ-sinh ; nào đón thầy dậy nghề cho đường sinh-nhai được thêm rỗng-rãi v. v. . thì không ai chịu nghĩ đến mà cũng không lấy tiền đâu mà trù-liệu được. Vì rằng bao nhiêu tiền-tài của dân thấy đều vì việc sôi thịt mà lãng-phí mất cả, thành ra ai nấy chỉ khu-khu suốt đời vất-vả, vất-vả mà không được ích-lợi gì, rút cục lại, chỉ trả nợ miệng nhau là hết. Bởi vậy mà dân-tình cát-cứ, đóng góp nặng-nề, nếu không mau mau tỉnh-ngộ mà cải-lương thì chẳng khỏi được cái cơ đổi-bại,

Bây giờ phong-hội mở-mang, nhờ ơn Nhà-nước Bảo-hộ, làn sóng văn-minh tràn sang đất Việt, dân chúng tôi được nhờ ơn các quan Công-sứ cùng quan Thượng đây đã nhiều lần chỉ-giáo những điều lợi hại và cổ-vũ cho dân tỉnh-ngộ ra, thì đã thấy nhiều làng ở tỉnh Hà-đông ta cải-lương được thấy công-hiệu, khoán-lệ nhẹ-nhàng, tiền công dư-dụ, những công-đinh được khỏi đóng góp nặng-nề, an-cư lạc-nghiệp. Dân chúng tôi thấy thế, không lẽ cứ điềm-nhiên ở mãi trong nơi u-ám. Đèn trời chói-rọi, làm cho chợt tỉnh giấc ngủ nghìn năm!

Hôm nay được đội ơn quan Thượng có lòng thương dân, về đây hiểu-dụ, đỡ đầu cho dân chúng tôi bước thứ nhất lên con đường sáng-sủa, thật là một ngày rất vẻ-vang, đáng kỷ-niệm long-trọng nhất của dân chúng tôi đó.

Vậy trước quan Thượng cùng các quan đây, dân chúng tôi xin đoan rằng sẽ hết lòng làm cho công-cuộc cải-lương này mỗi ngày mỗi thêm hoàn-hảo. Sau này công-việc chỉnh-đốn còn nhiều, chúng tôi lại rất trông mong vào ơn tì hộ của quan Huyện Thanh-trì chúng tôi đây là một bậc có cái chức-trách thân-dân nặng-nề hơn, và cái nghĩa-vụ đối với việc cải-lương hương-chính cũng quan-thiết hơn, mà ngài vẫn còn nhiệt-tâm mong-mỏi cho dân được mau hưng-thịnh.

Vậy tôi xin thay mặt đồng-dân mà cảm-tạ thâm-ân quan Thượng, và chúc cho cuộc cải-lương hương-tục của dân làng Hạ-thái này được mỗi ngày mỗi tiến-bộ. »

Khi ông Hanh đọc song, thời quan Thượng có hiểu-dụ những sự ích-lợi về việc cải-lương, và đem quyển sổ tục-lệ mới ấy ra tuyên-giảng từng điều một. Những người đứng nghe ai nấy cũng được nức lòng, vui-vẻ lắm. Mãi đến 6 giờ tối quan Thượng mới về tỉnh.

Bản-chí có mấy lời mừng cho dân Hạ-thái đã biết cải-lương phong-tục, kỳ trước bản-chí đã khen làng Bộ-la, kỳ này lại được khen làng Hạ-thái, mong rằng các làng khác trong Bắc-kỳ này sẽ noi gương tốt ấy mà cải-lương đi, thời nước Tổ Hồng-Lạc ta may lắm.

Đại-biểu Nam-kỳ ra Hội-chợ. — Nhân Hội-chợ Hà-nội, Nam-kỳ có cử mấy ông thân-hào cùng nhà buôn-bán trong Lục-tỉnh ra xem chợ và xét về việc buôn-bán kỹ-nghệ ở Bắc-kỳ. Có các ông như sau này :

Quan phủ Trần Nguyên-Lượng, chủ quận Cay-lay (Mytho), phó Chủ hội Nông-nghiệp tương-tế Mytho ; ông Nguyễn-Khắc-Cần làm nghị-viên ở phòng Canh-nông Nam-kỳ, ông Trần-Quang-Xuân làm nghị-viên tỉnh, ông Nguyễn-Tử Thức chủ bút *Nam-trung nhật-báo*, ông Nguyễn Thành-Liêm là chủ nhà xay gạo An-hòa, ông Nguyễn-Hữu-Sanh ông Huỳnh-Văn-Nhung, ông Nguyễn-Ngọc-Chức, ông Phạm-Ngọc-Bình, ông Võ-Hiếu-Đễ, ông Ngô-Văn-Huệ là sáu nhà đại-thương trong Lục tỉnh và ông Tăng-Văn-Pha là người ngoài Bắc vào mở hiệu khắc dấu đồng trong Sài-gòn đã lâu năm.

Tới Hải-phòng ông Bạch-Thái-Bưởi và Nguyễn Hữu-Thu có thay mặt các nhà buôn-bán Bắc-kỳ đón tiếp các ông đại-biểu dẫn đi xem trong thành-phố và đưa ra ngoạn-cảnh ở vịnh Hạ-long (*baie d'along*). Lên Hà-nội thời ông Bùi-Huy-Tín, nghị-viên thành-phố và đại-biểu Bắc-kỳ ở Hội Thương-mại có thay mặt các nhà buôn Hà-nội đặt một bữa tiệc hơn sáu mươi người để hoan-nghênh các ông đại-biểu Nam-kỳ. Quan Thiếu Hoàng-Trọng-Phu tổng đốc Hà-đông, cũng mời các quan về Hà-đông xem các kỹ-nghệ tỉnh ấy.

Lại ông Bạch-Thái-Bưởi để riêng một chiếc tàu để dẫn các ông đi xem ba tỉnh Hưng-yên, Nam-định, Thái-bình. Nghe nói các ông đi dạo chơi Bắc-kỳ, rồi sẽ trở về đường bộ, qua kinh-đô Huế nhân dịp đi du-lịch được khắp cả nước Nam.

Bản-chí có lời mừng các ngài đại-biểu Nam-kỳ, và ước-ao rằng năm nào các đồng-bào ta

trong Lục-tỉnh cũng ra chơi Bắc cho đông, không những là trực-tiếp được với các nhà buôn nhà nghề ngoài này thật là có ích cho đường thực-nghiệp, mà lại giúp cho cái tình liên-lạc kẻ Nam người Bắc ngày một thân thêm lên. Chúng ta chắc rằng các ngài ra chơi Bắc-kỳ năm nay khi về trong ấy sẽ lưu được cái cảm-tình tốt đối với các đồng-bào ngoài Bắc, và cổ-động cho Nam-Bắc được thông-đồng hơn.

Phụng dịch thơ ngự-chế. — Bản chí trong số 28 (phần chữ nho) có đăng bài thơ ngự-chế về việc mất mùa đói kém năm nay. Nhân tiếp được cái thư của ông Tú-Tài Đặng-Xuân-Phương và một bài phụng-dịch bài thơ ngự-chế, đăng như sau này.

Tôi Tú-tài Đặng-Xuân-Phương, ở làng Ô-mễ, tổng Ô-mễ, huyện Vũ-tiên, tỉnh Thái-bình nhân đọc báo *Nam-phong* số 28, thấy tòa Nội-các cung-lục bài thơ ngày mồng 1 tháng 8, Vua ta thấy mưa lụt mất lúa lo dân đói. Tôi đọc đi đọc lại, trộm nghĩ nước Nam ta bây giờ quyền-bính ở trong tay nước Đại-Pháp bảo-hộ, vậy nên dịp đói năm nay dân ta không được nhờ ơn Vua chẩn-cứu. Nhưng xem trong ý bài thơ, trộm thấy lòng Vua thương dân như con đỏ, yêu nước hết lòng thành. Vậy tôi xin phụng-dịch bài thơ ấy ra quốc-âm sau này: tuy biết rằng lời-lẽ thô-bỉ, nhưng xin nhờ ngài đăng báo để tỏ lòng tôn vua yêu nước, trong muôn phần cũng có một vài phần.

Phụng-dịch bài thơ ngự-chế.

Lúa tốt dân no nước mới an,
Cớ sao nắng quá lại mưa chan.
Mắt trông ruộng ngập muôn nhà đói,
Miệng chán nhời quen sáu việc bàn.
Lần-tuất mong gì ơn các nước,
Phụ-tài còn ngóng sức trăm quan.
Cứu dân phỏng được nhiều tay giỏi,
Lụt đến mười năm cũng chả can.

ĐẶNG XUÂN-PHƯƠNG

VIỆC Á-ĐÔNG

Việc Vân-nam Tứ-xuyên. — Việc nước Tàu gần đây phân-vân lắm, chưa ra giường-mối thế nào. Nam Bắc vẫn chưa hòa với nhau, và trong mấy tỉnh phương Nam thời tỉnh Vân-nam và tỉnh Tứ-xuyên cũng không được hòa thuận. Quân Vân-nam vẫn đóng ở đất Tứ-xuyên, có ý xâm-lấn sang địa-phận tỉnh ấy, quan Tứ-xuyên đòi lại thành Yongtchouan (Vĩnh-xuyên), đốc-quân Vân-nam là Tangki-yao (Đường kế-nghiêu) nhất-định không chịu trả; hai bên cứ ganh nhau mãi thời đến quyết-liệt mất. Các tướng Vân-nam ở Tứ-xuyên sợ hai tỉnh đến đánh nhau, bèn lập ra một hội mục-đích là để giữ cho bền-chặt cái tình thân-ái trong ba tỉnh Nam-phương: Tứ-xuyên, Vân-nam và Qui-châu, nhưng xét ra cũng còn chưa có kết-quả gì cả.

Nước Tàu đã phá đế-chính mà đặt dân-chính, nhưng dân có biết gì đến việc chính-trị đâu, bây giờ bao quyền-bính về bọn đốc-quân cả, đốc-quân nọ kình-địch với đốc-quân kia, tranh quyền cướp thế, bên nào nhiều quân thế lớn thời bắt nạt bên ít quân thế nhỏ, thành ra trong nước hầu như không có thể-thống gì cả; chưa biết bao giờ nước Tàu mới gây-dựng nên cái chính-thể chỉnh-đốn như các nước Âu-châu. Dân đã không biết gì đến việc chính-trị, mà những người đại-biểu cho dân lại không có cái bụng công-tâm hết thảy chỉ biết việc tư-lợi mà thôi. Như tháng trước ở Tchong-tou Thành-đô là thủ-phủ tỉnh Tứ-xuyên, các viên hội-đồng hàng tỉnh mật họp nhau lại, nghĩ là bàn gì ích-lợi cho dân, chẳng hóa ra mưu bàn với nhau định tự tăng lương cho mình (nguyên 120 đồng, định tăng lên 170 đồng một tháng). Học-sinh trong tỉnh được tin, hô-hào nhau lại vây nhà hội-nghị, bắt các nghị-viên, phải đoan rằng không hám bàn tăng-lương nữa mới cho ra. Nước Tàu là một nước kỳ-khôi thay!

Các nước Âu Mĩ có giao-tiếp với nước Tàu đều muốn cho nước ấy Nam-Bắc được hòa nhau, nên nước Anh nước Mĩ đã hạ-lệnh cấm các nhà buôn của mình không được bán súng đạn cho người Tàu nữa. nước Pháp mới rồi cũng có lệnh cấm người Pháp và người thuộc-địa Pháp không được bán đồ binh-khí đạn-dược cho người Tàu.

Việc nước Tàu với nước Nhật ở Phúc-châu. — Ở thành Phúc-châu (Foutchéou), tỉnh Phúc-kiến, nhân người Tàu đề-chế đồ hàng Nhật, lãnh-sự Nhật có phát súng cho các Nhật-thương ngụ-cư thành ấy để ra sung-đột với người Tàu, nhất là bọn

học-sinh Tàu, mới rồi hai bên đánh nhau người Tàu bị thương và chết mất năm sáu người. Việc đó lỗi tại người Nhật mà bây giờ thành một việc giao-thiệp rất khó cho hai chánh-phủ Nhật và Tàu. Ngoại-giao-bộ Tàu gửi tờ kháng-cự cho chánh-phủ Nhật, yêu-sách bốn điều : 1° Đổi viên lãnh-sự Nhật ở Phúc-châu; 2° Trừng-phạt những kẻ phạm thương vào người Tàu ; 3° Trả tiền bồi-thường ; 4° Xin từ-tạ chánh-phủ Tàu. Chưa biết Nhật trả lời thế nào.

Xét ra việc đề-chế Nhật-hóa hại cho người Nhật lắm, nên người Nhật rất là căm-tức người Tàu.

Trường học Pháp ở Nhật-bản. - Người Nhật-bản bây giờ cũng ham học chữ Pháp lắm. Nhờ có mấy nhà Pháp-kiều ở Nhật lập ra mấy nhà trường riêng để dạy học, các trường ấy hiện nay đương phát đạt lắm. Trường thịnh-vượng nhất là trường « Tảo-tinh học-hiện » (*Ecole de l'Etoile du Matin*), năm nay được cả thảy hơn 1100 học-trò vừa lớn vừa nhỏ, đều học chữ Pháp cả. Trường ấy năm 1889 Chánh-phủ Nhật đã nhận cho bằng trình-độ các trường trung-học của Nhà-nước, Giám-đốc trường là ông HEINRICH, là một người Pháp ở Nhật đã lâu năm rất có công về việc truyền-bá Pháp-học ở nước ấy. Ngoài trường « Tảo-tinh học-hiện » còn nhiều trường Pháp khác nữa, cũng do một tay ông HEINRICH sáng-lập và quản lý, trường « Hải-tinh học-hiện » (*L'Etoile de la mer*) ở Nagasaki là một trường trung-học lập năm 1891, hiện nay có ngót 600 học-trò; trường « Diệu-tinh học-hiện » (*L'Etoile brillante*) ở Osaka, là một trường dạy về thương-nghiệp, hiện nay có hơn 800 học-trò.

Trước khi chiến-tranh, người Nhật ưa học thứ nhất là chữ Đức và chữ Anh. Từ khi chiến-tranh mới biết văn-chương và học-thuật của nước Pháp là hay, từ nay về sau chắc số người theo học sẽ mỗi ngày một nhiều lên vậy.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC »

Tên các hội-viên xin vào Hội trong tháng Décembre. – Trong tháng Décembre có hai ông xin vào chân thường-hội viên :

Ông Nguyễn Trọng-Thuật, nghề làm ruộng, trụ tại thôn Vạn-niên, xã Mạn-nhuế, tổng Trác-châu, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương.

Trần Cảnh-Tiêu, thừa-phái huyện Yên-mô, tỉnh Ninh-bình, trong hai tháng không có ai dị-nghị thời được nhận vào Hội.

Hội-viên mới. Các ông xin vào chân hội-viên đăng tên trong báo số 28 (trang 347) nay đã hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị được nhận vào Hội bắt đầu từ 1er Janvier 1920.

Có hai ông chủ-trì : Bùi-Bành và Nguyễn Văn-Thọ. – và bốn ông thường-hội-viên, Lê Đình-Hoè, Lê Văn-Thiệp, Nguyễn Như-Trúc tức Đoan, và Nguyễn Văn-Lập.

* * *

Hội đã xin lại quan Thống-sứ Bắc-kỳ cái đất Thư-viện phố Hàng-trống, nhưng phủ Thống-sứ chưa thấy trả lời lại, vậy trước định cuối năm này, họp đại-hội-đồng để bàn về việc làm nhà, nay hẵng để hoãn về sau.

NHÀN-THOẠI

I. — *Danh-dự ở đâu thời sự chê-bai tụ cả vào đó, cho nên gái hồng-nhan nhiều người ghen-ghét, trai tài đức lắm kẻ dèm chê.*

II. — *Người quân-tử thường gác ngoài tai những tiếng thị-phi mà không lấy những lời bình-luận tầm-thường của chúng-nhân làm quan-hoài, cứ một niềm nhiệt-thành với cái chủ-nghĩa của mình.*

II. — *Thế-giới là một dám chông gai, người đời là một bọn chơi chèo, cùng nhau hì-hục trong dám chông gai, biết rằng bàn mình mà không sao ra ngoài được.*

TỪ KHÚC

Vua Lê Thái-Tổ

(*Thượng tây-lâu* 上西樓)

Núi Lam-sơn phất ngọn cờ
Vua Lê ra,
Đuổi quân Minh về đất Bắc,
Phục nước nhà.

Một lưỡi gươm thần giấy mở.
Siết sông-pha,
Bình-định uy-danh còn đó,
Với sơn-hà.

Tranh-hôn

(*Võ-lăng-xuân* 武陵春)

Sử chép Sơn-tinh cùng Thủy-tế,
Điều hỏi con vua Hùng,
Mị-Châu giong-mạo đẹp phi-thường.
Đương kén mặt đông-sàng.

Đôi ngả trên non cùng dưới nước,
Núi được để xuống sông,
Hằn nhau mãi mãi cũng bi-thương.
Truyện ấy mới hoang-đường!

Thời-thế với anh-hùng

(*Thanh-thương-oán* 滄商怨)

Sài-lang mấy vạn quân Mông-cổ.
Cũng kéo sang Nam-thổ.
Quân Trần đánh cho,
Chạy như ong vỡ tổ.

Cũng bởi lòng dân nghĩa-khí,
Anh-hùng nhân mới tạo thời-thế.
Hưng-đạo-đại-vương,
Uy-danh lừng bốn bể.

Ái-Hoa